NĂM THỨ BẢY • #76 • AUGUST 1995

English Section PAGE 45

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 • TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

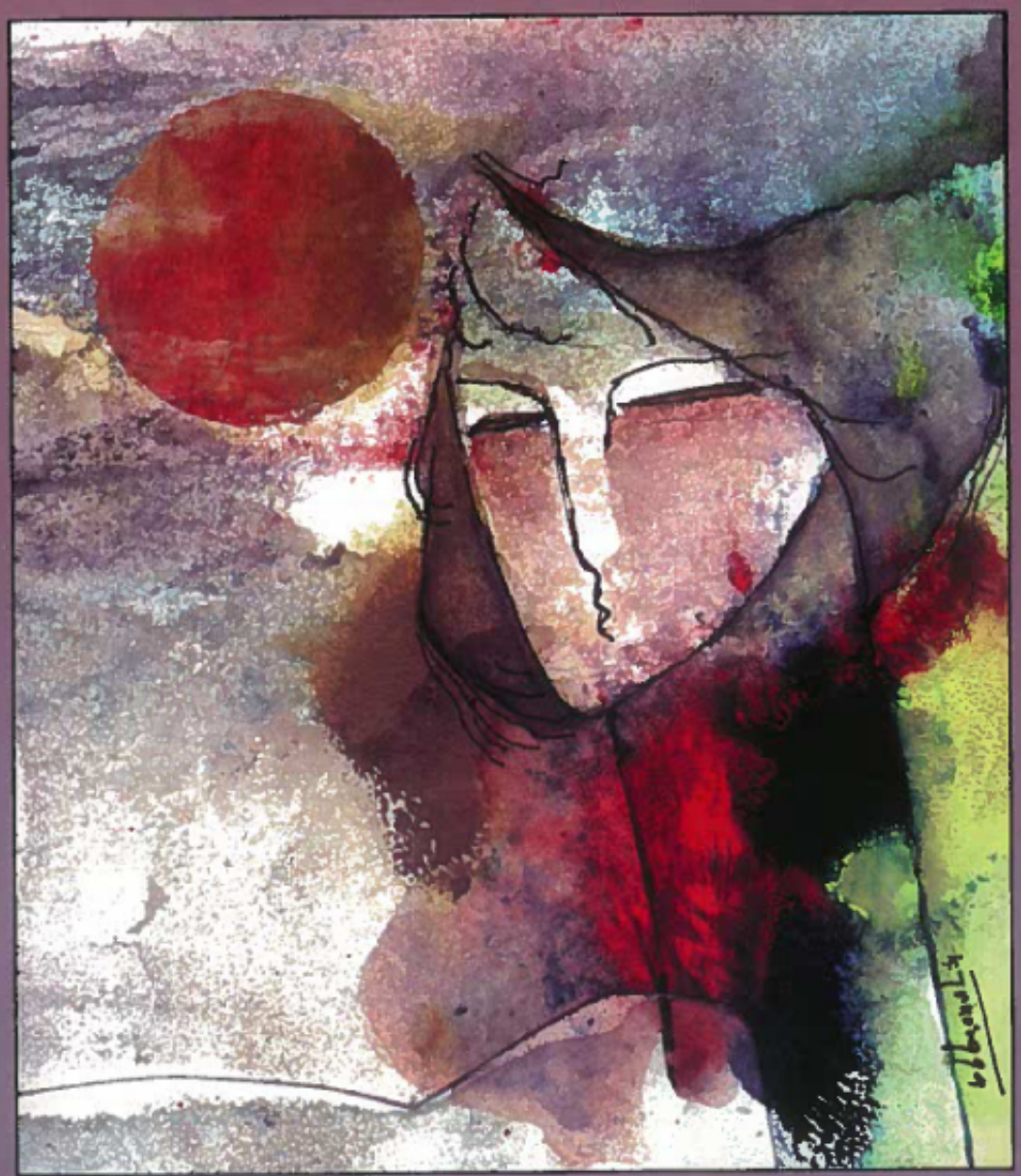

SỰ PHONG PHÚ TÌNH CẢM CỦA NGÔN NGỮ VIỆT NAM
PHẠM NGỌC KHÔI • CHUYỆN NGẮN NĂM MƯƠI NĂM **CỔ NGƯ** • CÀ KÊ... DÊ NGỖNG... **THANG MA**

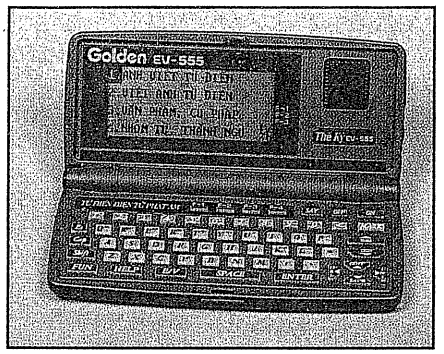

Bộ mới nhất - Hoàn hảo nhất

Từ Điển Phát Âm Điện Tử

THẾ KỶ EV-555

Sẽ giúp bạn mở tung cánh cửa bước vào thế giới mới. Học tiếng Anh dễ dàng, giải quyết mọi khó khăn trong đời sống và giao dịch với người ngoại quốc.

Trên 40 đặc tính và công dụng tuyệt hảo: Tạm ghi ra đây:

1. *Phát âm giọng Mỹ của Viện Kỹ Thuật Ngữ Học Đại Học Berkeley (USA).*
2. *Anh - Việt, Việt - Anh 85,000 từ (lớn nhất hiện nay), có đối chiếu.*
3. *Đàm thoại thông dụng: Hàng ngàn câu về đời sống, du lịch, thương mại.*
4. *Văn phạm và cú pháp có giải thích và dẫn chứng.*
5. *Đầy đủ nhóm từ, thành ngữ để tra cứu cấp tốc.*
6. *Có Vạn Dụng Tự Điển để dùng riêng trong việc ăn, mặc, ở, đi đứng.*
7. *Làm tự điển riêng với chữ mới hay chữ chuyên môn.*
8. *Chữ đồng nghĩa và phản nghĩa hiện ngay trên môn ảnh.*
9. *Có đủ sổ ghi điện thoại, sổ hẹn, sổ ghi nhớ, có chuông báo, lớn 128K.*
10. *Có các trò chơi nhanh trí để tập luyện trí nhớ và phản ứng.*
11. *Đồng hồ quốc tế Toàn Năng cho giờ địa phương và giờ quốc tế.*
12. *Bộ phận máy tính rất lớn, làm tới 12 hàng số.*
13. *Lịch Vạn Niên có âm dương đối chiếu hiện ngay lên màn ảnh.*
14. *Luyện thi Nhập Tịch Mỹ: Tài liệu song ngữ đầy đủ nhất.*
15. *Cần giữ hồ sơ bí mật có thể đặt mã số riêng.*
16. *Phần phát âm có thể mở lớn nhỏ và nhanh chậm.*
17. *Tự động tắt nếu bị bỏ quên.*
18. *Có màn ảnh và lời chào mừng của chủ nhân khi mở máy.*
19. *Tính hối xuất quốc tế nhanh chóng.*
20. *Dùng pin hay điện nhà đều được (với Adapter).*

Giữ nguyên hệ thống phát âm của Viện Kỹ Thuật Ngữ Học Berkeley USA.

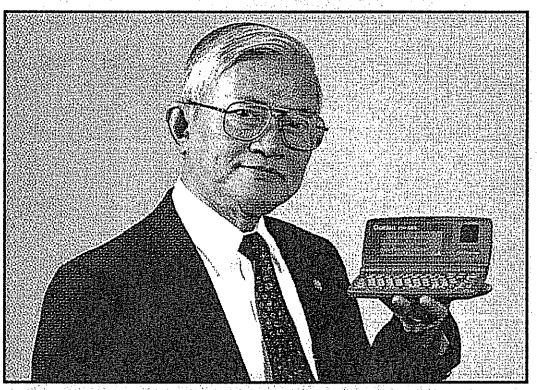

GS. Lê Chính Long: "Tôi muốn giới thiệu tới bạn máy từ điển này."

- **Sức máy mạnh, chuyển chữ nhanh, không phải chờ đợi**
- **Bộ nhớ lớn, lưu trữ hàng ngàn chữ mới và tài liệu riêng**
- **Vạn Dụng Từ Điển có trên 35 lãnh vực sinh hoạt**
- **Luyện Thi Nhập Tịch có phát âm hai phần hỏi đáp**
- **Trục máy tân kỳ, màn ảnh đứng vững nhiều góc**
- **Máy gọn, nhẹ, tiện dụng nhất hiện nay.**

GIÁ CHÍNH THỨC: $329 GIÁ ĐẶT MUA: $279

Tổng đại lý tại Hoa Kỳ & Canada:

GOLDEN MATE INC.

2646 DURFEE AVE., EL MONTE, CA 91732

Các đại lý và khách hàng xin liên lạc cô Mỹ Chi:
1-800-248-3948 hoặc (818) 279-9898
(818) 307-1188 * Fax: (818) 279-9899

Chi nhánh các nơi

MONTEREY PARK:	443-C Garvey Ave.	**(818) 307-1188**
ROWLAND HTS:	18414 Colima Rod.	**(818) 965-2538**
MONTEREY PARK:	127 N. Garfield Ave.	**(818) 571-6598**
CHINATOWN (LA):	727 N. Broadway # 128	**(213) 625-8609**
LITTLE SAIGON:	9200 Bolsa Ave. #226	**(714) 897-9808**

Một chương trình Paris By Night mới lạ.
Một sân khấu huy hoàng, cảnh trí tuyệt vời, ánh sáng tân kỳ.
Những tiết mục trình diễn đầy sáng tạo, hấp dẫn, lôi cuốn...

PARIS BY NIGHT 31

Điều khiển chương trình:
NGUYỄN NGỌC NGẠN - NGUYỄN CAO KỲ DUYÊN

với sự góp mặt đặc biệt lần đầu tiên trong chương trình Paris By Night
Nữ Ca Sĩ NGỌC LAN

Giá 25$ 1 bộ 2 cuốn
luôn cước phí (TẠI USA & CANADA)

xin liên lạc: **THÚY NGA**

Mỹ & Canada:
9295 BolsaAve - Westminster, CA 92683 - USA
P.O. Box 2174 - Westminster, CA 92683 - USA
Tel. (714) 893-2860 - Fax (714) 891-9673

Âu Châu:
44 Ave D'Ivry - 75013 Paris - France - Tel. 45 83 34 30

Úc:
323 Chapel Rd. - Bankstown - N.S.W 2200
AUSTRALIA - Tel. (02) 796-7227

Ái Vân - Ngọc Lan - Ý Lan
Hương Lan - Dalena - Thanh Hà
Diễm Liên - Bảo Hân - Jenny
Loan - Phi Phi - Ái Thanh - Mỹ
Linh - Phương Loan - Duy
Quang - Don Hồ - Nguyễn
Hưng - Thế Sơn - Henry Chúc
ban The Kings - Chí Tài...

HÃY MUA BĂNG CHÍNH GỐC
Để có hình ảnh và âm thanh tuyệt hảo

THE KY 21

OFFICE: 11022 ACACIA PARKWAY #A, GARDEN GROVE CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510. Fax: (714) 638-1944

ADVERTISING RATES

I. COVER (full color):

- Back cover:.....$640.00
- Inside (front/back):.....$520.00

II. INSIDE GLOSS PAPER (full color):

- 1 page.....$460.00

† (Less than 1 page size: not available).

III. INSIDE (black and white):

- 1 page:.....$200.00
- 1/2 page:.....$110.00
- 1/4 page:.....$60.00
- 1/8 page:.....$40.00

† Add-on color (red/blue) any size:.....$40.00

DISCOUNTS:

- 05% for 4 runnings.
- 10% for 8 runnings.
- 20% for 12 runnings.
- 25% for paying in advance.

PHIẾU ĐẶT MUA BÁO

Thế Kỷ 21

□ Xin gửi ngay cho tôi tạp chí THẾ KỶ 21, kể từ số.....
Tôi kèm theo đây số tiền $US40.00 (trong nước Mỹ, *bulk rate; hoặc $52.00 first class*); US$58.00 (Canada); $76.00 (Âu châu); $86.00 (Úc/Á châu) một năm (12 số báo), trong đó đã tính cả cước phí. Xin trả bằng ngân phiếu / lệnh phiếu Mỹ kim.

Họ tên:.....
Địa chỉ:.....
.....

THẾ KỶ 21: 11022 Acacia Pkwy #A, Garden Grove CA 92640 USA •(714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

NGÂN KHƠI

Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi & Dự Án 20

PROJECT 20 1975-1995

Trân Trọng Giới Thiệu

Đêm NGÀN KHƠI

1 9 9 5

Một chương trình hòa nhạc đặc sắc để đánh dấu 20 năm người Việt lìa xa quê hương:

- **Những ca khúc Việt Nam và Hoa Kỳ được trình bày đơn ca, tứ ca, ngũ ca và hợp xướng với sự góp mặt của 100 ca viên Việt Mỹ**
- **Dân ca Việt Nam • Hòn Vọng Phu 1, 2, 3**
- **Tổ khúc "1975" của Lê Văn Khoa (Trên Biển Cả và Bài Ca Hy Vọng)**

Nhạc trưởng **Lê Văn Khoa, Trần Chúc, Raymond Woods** *điều khiển*

- **Dàn nhạc hoà tấu gồm 50 nhạc sĩ Việt Mỹ • Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi**
- **Ban Thiếu Nhi Ngàn Khơi • Ban Hợp Xướng Wesminster Chorale**
- **Quỳnh Giao, Thái Hiền, Thiên Thanh, Bích Liên, Vũ Anh, Nguyễn Thành Vân**

Thứ Bảy, 8pm, ngày 9 tháng 9, 1995

LA MIRADA THEATRE

14900 La Mirada Blvd., La Mirada, CA 90638

(xin vui lòng đến trước 7:30pm để sắp xếp chỗ ngồi)

Giá vé ân nhân $50. Giá vé đồng hạng $25.

Vé có bán trước ở Bích Thu Văn (897-4519), Tú Quỳnh (531-4284), Tự Lực (531-5290), Văn Khoa (892-0801)

(Ngân phiếu xin đề tên : Ngan Khoi Chorus, và gửi về: 14265 Brookhust St., Garden Grove, CA92643. ĐT: 714-531-2773)

FAMILY DENTISTRY
HỒ LAN ANH, D.D.S.

2611 W. ORANGETHORPE, FULLERTON, CA 92633
(ORANGETHORPE PLAZA, góc Magnolia-Orangethorpe, trong khu Phở 93)

* *NGUYÊN NHA SĨ BỆNH VIỆN NGUYỄN VĂN HỌC GIA ĐỊNH, SAIGON*
* *NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM HÀNH NGHỀ TẠI VIỆT NAM, SAN DIEGO, ORANGE COUNTY*
* *PHÒNG MẠCH MỚI, RỘNG RÃI, TRANG BỊ TỐI TÂN*
* *DỤNG CỤ KHỬ TRÙNG THEO TIÊU CHUẨN OSHA*

CHUYÊN TRỊ

- *NHA KHOA TỔNG QUÁT CHO NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ EM*
- *TIỂU GIẢI PHẪU NHA KHOA*
- *NHA KHOA THẨM MỸ*
  (PORCELAIN VENEER, BONDING, BLEACHING)
- *RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
- *BỆNH NƯỚU RĂNG*

NHẬN: MEDICAL - BẢO HIỂM - TIỀN MẶT

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Bảy: 9:30 am - 6 pm
Chủ Nhật: Theo hẹn

Tel: 714-871-9070

ĐẶC BIỆT: CÓ XE ĐƯA RƯỚC CHO QUÝ VỊ KHÔNG CÓ PHƯƠNG TIỆN DI CHUYỂN

Xin mời bạn
gia nhập, bảo trợ, tham dự sinh hoạt

HỘI VĂN HỌC
NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ
(**VAALA**)

Liên lạc: (hỏi ông Vũ Duy Tự)
(714) 537-8352

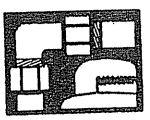

PAUL'S PLUMBING & HEATING
State Lic. 606153

Paul, Phuoc

- New, Remodel, Repair
- Electronic Leak Detection
- Electronic Pipes Location
- All Plumbing Needs

• INDUSTRIAL • COMMERCIAL • RESIDENTIAL
Phone (714) 893-3997 MASS. FAX: (714) 893-7517
Beeper (714) 806-8997

SÁCH MỚI

Nhà phát hành **THẾ KỶ** hân hạnh giới thiệu các sách mới sau đây. Quý vị độc giả của báo *Thế Kỷ 21* có thể đặt mua các sách này nơi nhà phát hành **THẾ KỶ**, được bớt 10%.

1. **Ngụ Ngôn La Fontaine**, tập I: $10.00
2. **Ngụ ngôn La Fontaine**, tập II: $10.00
3. **Hồi Ký Một Đời Người**, của *Phạm Ngọc Lũy*, tập I: $25.00
4. **Hồi Ký Một Đời Người**, của *Phạm Ngọc Lũy*, tập II: $25.00
5. **Tự Điển Giải Nghĩa Điện Toán**, của *Lê Thiệu Lương* và *Đỗ Thông Minh*: $20.00
6. **Phiên Dịch Sách Báo Anh Việt**, của *Nguyễn Văn Tạo*: $30.00
7. **Để Thương Để Nhớ**, của *Nguyễn Sĩ Tín*: $12.00
8. **Super mini Dictionary** (lớn): 3500yen.
9. **Super mini Dictionary** (nhỏ): 2911yen.
10. **Tự Điển Tin Học Tổng Hợp**, của *Đỗ Thông Minh*: $30.00
11. **Những Mối Ưu Tư Của Người Việt Đôi Bờ**, của *Bửu Sao*: $15.00.
12. **Na Uy và Tôi**, của *Nguyễn Thị Vinh*: $15.00

THẾ KỶ
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510 • FAX (714) 638-1944

Infinity Vision
OPTOMETRIC CENTER

Trung Tâm Nhãn Khoa
14322 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
Tel: (714) 839-9996

Nữ bác sĩ Nguyễn Phương Thảo, O.D.

¤ Nhãn khoa tổng quát
- Khám mắt
- Đo độ làm kính, contact lens
- Văn phòng trang bị máy móc điện tử tối tân
- Dùng phương pháp tập luyện (Vision Therapy) giúp cho người lớn và trẻ em tránh khỏi mỏi mắt và kém mắt

¤ Contact Lens
- Đủ mọi loại: trong hay màu
- Daily và Flexiblewear
- Soft
- Disposable
- Gas Permeable
- Toric

¤ Kính
- Nhiều loại gọng thời trang nổi tiếng, designer của Pháp, Đức, Ý, Nhật...
- Có tròng kính mỏng và nhẹ cho người độ cao, kính lão không lằn
- Kính mát kiểu mới nhất

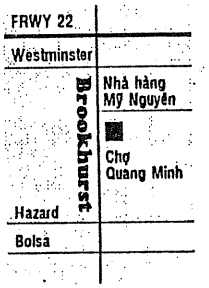

Trong khu Chợ Quang Minh

■ *Xin gọi điện thoại để lấy hẹn*
■ *Nhận Medical và Bảo Hiểm*

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643
(Giữa Westminster và Hazard, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải)

(714) 531- 2773

¤ ***Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.***
¤ ***Suốt 10 năm qua, văn phòng luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.***

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

NHA KHOA TỔNG QUÁT
- ***TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG***
- ***LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI***
- ***NHA KHOA THẨM MỸ***
- ***NHA KHOA NHI ĐỒNG***

GIỜ LÀM VIỆC: THỨ HAI - THỨ BẢY: 10AM - 7PM □ CHỦ NHẬT NGHỈ

CHÚ Ý: Văn Phòng Nha Sĩ Ngọc Sương vẫn ở địa chỉ cũ, từ hơn 10 năm nay, bên cạnh nhà hàng Tứ Hải

MỖI HAI THÁNG TÌM ĐỌC

HỢP LƯU

TẬP SAN VĂN HỌC NGHỆ THUẬT BIÊN KHẢO
P.O.Box 277 GARDEN GORVE, CA 92642. USA
Tél: **(714)537-2468**

● Hình thức trang nhã. Bìa màu với tranh của nhiều họa sĩ Việt Nam tài danh.
● Nội dung phong phú, khách quan. Với đóng góp của những nhà văn nhà thơ tên tuổi trong, ngoài nước.

Phiếu Mua Báo Dài Hạn

(Một năm 6 số. Mỗi số dày 252 trang)

Tôi tên: _____
Địa chỉ: _____
_____
_____

Nhận mua một năm HỢP LƯU, từ số ___ đến số ____. Xin gửi kèm ngân phiếu số, đề HỢP LƯU.

Nội địa Hoa Kỳ và Canada:
40MK/năm (Hạng tư, đường bộ, thủy).
50MK/năm (Hạng nhất hoặc máy bay).
Úc và Á châu:
50MK/năm (Đường thủy). 80MK/năm (Hàng không).
Âu châu:
50MK/năm (Đường thủy), 70MK/năm (Hàng không).
Giá bán mỗi số tại các hiệu sách: 7MK.

Tin Sách

CÂU CHUYỆN CỦA LÁ PHONG

Tập truyện *Trần Mộng Tú*
Bìa *Khánh Trường*
Tựa *Nguyễn Xuân Hoàng*
Bạt *Nguyễn Mộng Giác*

200 trang
Giá $10.00

THẾ KỶ xuất bản và phát hành
11022 ACACIA PARKWAY #A
GARDEN GROVE CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510. FAX (714) 638-1944

Tranh bìa: Khánh Trường.
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp.
Minh họa: Ngọc Dũng, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường, Thái Tuấn, Bé Ký và Nguyễn Hữu Nhật.
Hí họa: Vẹt và Fus.
Ảnh: Lê Tam Ca, Nguyễn Đình Hà và Đinh Quang Anh Thái.

MỤC LỤC

Số 76 • Tháng Tám 1995

KINH TẾ CHÍNH TRỊ

15. Ý KIẾN CHUNG QUANH VỤ BANG GIAO VIỆT-MỸ
Nguyễn Hữu Chung, Đỗ Ngọc Yến, Tôn Thất Thiện, Vũ Quý Kỳ, Vương Văn Bắc
22. Bức thư ngỏ *(Nguyễn Hộ)*
70. Tiếng Vọng: Góp ý về một số phản ứng trên TK 21 *(Trần Chung Ngọc)*

LỊCH SỬ - TÀI LIỆU

25. Hỏi chuyện Nguyễn Minh Cần *(tiếp theo) (Đỗ Quyên thực hiện)*
54. Những viễn ảnh mới từ hồ sơ quốc tế CS... *(tt) (Sophie Quinn Judge, Trần Ngọc dịch)*
57. Nói chuyện với ông Nguyễn Thụy Ứng *(tt) (Mai Thái Lĩnh thực hiện)*

KHOA HỌC - NGHỆ THUẬT

29. Chùa Phật Tích và mấy di tích... *(Huỳnh Hữu Ủy)*
66. Lên lưới và E-Mail *(Trần Mộng Tú)*
67. Khai hoa nở nhụy một ngôi sao *(Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh)*
36. Vĩnh biệt Văn Cao *(Tạ Tỵ)*
93. 30 năm có lại một lần... *(Lê Tam Ca)*

NGÔN NGỮ

33. Sự phong phú tình cảm của ngôn ngữ VN *(Phạm Ngọc Khôi)*
43. Vài nét đặc thù về các ngôn ngữ "giả cầy" *(Đàm Trung Pháp)*
60. *Cà kê* chữ nghĩa, *dê ngỗng* chuyện liên quan *(Thang Ma)*

VĂN HỌC

74. Chuyện ngắn 50 năm *(Cổ Ngư)*
76. Một đám cháy nhỏ nơi trần thế *(Nguyễn Tuyển)*
81. Bối cảnh sinh hoạt văn học cộng sản *(tt) (Lê Đại Lãng)*
85. Bút ký: Camp Pendleton, 20 năm sau *(Phạm Xuân Đài)*
87. Thủ cấp hồi hương *(Tân Anh)*
90. Tùy bút: Himeji *(Đỗ Quyên, [Úc])*

THƠ

59. Năm Năm Bỏ Nước *(Đỗ Quyên, [Đức])*. 62. Định Mệnh *(Viên Phong)*. 78. Chiều Một Mình Lên Chùa Làng *(Hoàng Chiều Nhân)*. 83. Đêm Ra Biển Với Anh *(Trần Mộng Tú)*. 88. Hương *(Hoàng Chính)*. 91. Người Rừng *(Mai Trung Tĩnh)*. Đường Lạ Năm Căn *(Hoàng Xuân Sơn)*

MỤC THƯỜNG LỆ

8. Thư Tòa Soạn
11. Bạn Đọc Viết
13. Tòa Soạn Và Bạn Đọc
14. Hộp Thư Trị Sự
38. Sổ Tay Ký Giả
95. Vòng Chân Trời Văn Học Nghệ Thuật
101. Sách Báo Trong Tháng
106. Bolsanet

ENGLISH

45. Reflection on a Chinese poem... *(Pham Ngoc Khoi)*
47. Western influence on modern Vietnamese literature *(continued) (Nguyen Ngoc Tuan)*
51. A Vietnamese American looks at McNamara's book *(Pham Phan Long)*■

Nói chày

(Kính gửi Tòa soạn báo VĂN NGHỆ, 17 Trần Quốc Toản, Hà Nội, Việt Nam)

Trước kia tôi đọc báo Văn Nghệ rất đều, nhưng mấy năm gần đây không đọc nữa. Vừa rồi có anh bạn đưa cho bài báo cũ, thấy cũng hay hay, nên tôi viết mấy hàng này:

Văn Nghệ số 50 ra ngày 11-12-1993 bài của ông Văn Tâm tựa đề là:

SÁCH GIÁO KHOA MÔN VĂN ĐÃ "CHÚ GIẢI" RA SAO? Trong bài có hai đoạn:

- Chú *máu chảy trôi chày* là: "máu giặc thua trận đổ ra thành suối làm trôi cả chày (chày giã gạo, chày đập vải)" - Người chú giải không hiểu *chày* ở đây là chày miền rừng núi, dùng sức nước suối thay sức người tạo tác dụng đòn bẩy để nhấc đầu chày. Như vậy, nói rằng ở suối Lãnh Câu "máu chảy trôi chày" thì chỉ là lối nói ngoa dụ hàm nghĩa: máu giặc đổ nhiều khiến nước dâng cao trôi cả chày đặt bên bờ suối; chứ không thể đến mức "đổ ra thành suối" - Vả chăng *nguyên tác* cũng không có hình ảnh *chày: Lãnh Câu chi huyết trư lưu* Bùi Kỷ dịch: "Suối máu Lãnh Câu, nước sông rền rĩ"; Trúc Khê: "Lãnh Câu máu chảy đầy sông"; Đào Duy Anh: "Lãnh Câu máu chảy thắm dòng") *(2).*

(Trang 4, cột 1)

- (2) Không rõ tác giả *Văn Chương Nguyễn Trãi* (Nxb ĐH và THCN, 1984) nghĩ thế nào mà lại đưa vào chữ "chày" không có trong nguyên tác *Bình Ngô Đại Cáo* để mất công chú thích rằng *"Chày"*: đây chỉ các chuôi gươm, giáo, điển rút từ *Kinh Thư*..." (tr. 198).

(Trang 5, cột 1)

Học giả Văn Tâm nói *"chữ 'chày' không có trong nguyên tác Bình Ngô đại cáo."* Nguyên tác Bình Ngô đại cáo Nguyễn Trãi viết bằng chữ Hán thì làm sao mà có chữ *"chày"* là tiếng Việt. Ông chép lầm **chử** 杵 (là cái chày) ra **trư** (chữ Hán không có chữ *trư* nào nghĩa là cái chày cả). Ông vừa nói *không có chày* lại vừa quả quyết: *"Người chú giải không hiểu chày ở đây là chày miền rừng núi"*(!).

Huyết chử lưu là Nguyễn Trãi lấy chữ trong Kinh Thư: *Huyết lưu phiêu chử* (máu chảy trôi chày, tức là đánh nhau, người chết vô số). Điển này trong Từ Hải cũng có giải rõ ràng nhưng tôi xin miễn chép ra đây vì dài lắm. Vả lại câu này đã có những người giỏi chữ nghĩa chép và giải đúng rồi:

a) **Chữ Hán**: Trong Văn Đàn Bảo Giám của Trần Trung Viên (quyển II, tr. 189) cũng như trong quyển Nguyễn Trãi (Nxb KHXH 1980 - Cụ Nguyễn Văn Bách viết chữ Hán rất đẹp) đều đã chép rõ ràng: *Lãnh câu chi huyết chử lưu.*

b) **Phiên dịch**: Trong quyển Thơ Văn Nguyễn Trãi (Nxb Văn Học 1980, tr. 39) đã dịch rất đúng: *Suối Lãnh Câu máu chảy trôi chày* [Vũ Khiêu dịch lại (trên cơ sở tiếp thu các bản dịch cũ của Bùi Kỷ, Đào Duy Anh, Bùi Văn Nguyên)].

Kẻ này mạo muội nói chày *chơi*
Học giả Văn Tâm giảng thật tài!
Xin hỏi: Không chày? Chày miền núi?
Có đọc Bình Ngô của Ức Trai?

Sách ở trong nước có những quyển làm quá cẩu thả, nếu có một đội ngũ *dọn vườn* thật hùng hậu và *có trang bị tốt* thì hay lắm. Nhưng khen chê đâu phải dễ. Viết được bài hay để giới thiệu quyển sách làm rất nghiêm túc như Xuân Tửu viết về quyển Nguyễn Trường Tộ của Trương Bá Cần (Văn Nghệ 16-11-1988) là rất ít.

Nguyễn Hữu Thành *(Paris)*

Drunk và Drunken

Tôi đã theo dõi những bài viết về *Chữ và Nghĩa* trên *Thế Kỷ 21* trong nhiều số vừa qua. Tôi học hỏi được nhiều điều tốt và bổ ích từ tất cả các tác giả. Và cũng chia sẻ quan điểm với nhiều người đã góp ý, tôi nghĩ là trong sự trao đổi, chúng ta nên có sự tôn trọng và hòa nhã với nhau, chấp nhận và bao dung nhau, mặc dầu chúng ta vẫn luôn luôn cố gắng để đạt đến điều thật và đúng.

Tôi tán thành thái độ trong bài viết của ông Bùi Vĩnh Phúc trên *Thế Kỷ 21* số 75 vừa qua. Ông có sự trân trọng đối với người ông trao đổi và với cả người đọc nữa. Tôi mong rằng chúng ta tiếp tục giữ được cái lễ của Đông phương và học hỏi thêm tinh thần dân chủ của Tây phương trong thái độ trao đổi của mình, mặc dù mỗi người vẫn có thể có một cung cách riêng khi trao đổi.

Tôi cũng xin có một câu hỏi với nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc ở đây, mong được ông giúp cho.

Trong bài của ông, khi bàn về động từ *to drink* trong Anh ngữ, ông có viết là động từ này có hai *past participle* (quá khứ phân từ), đều có thể được dùng như tĩnh từ, một là *drunk* và hai là *drunken*. Riêng quá khứ phân từ hai này, *drunken*, thường chỉ được dùng trong thi ca mà thôi.

Mặc dù học tiếng Anh cũng khá lâu, tôi chưa được biết về điều này. Giở một vài quyển từ điển tiếng Anh có sẵn trong nhà, chỉ thấy các nhà soạn từ điển cho biết là *to drink* có *past tense* là *drank* và *past participle* là *drunk*, không thấy ghi *drunken* là quá khứ phân từ thứ nhì. Họ chỉ ghi *drunken* là *adjective* thuần túy mà thôi.

Mong ông Bùi Vĩnh Phúc trình bày thêm chút ít về vấn đề này cho tôi đỡ thắc mắc. Chẳng hạn, có sách nào hay tài liệu, từ điển nào xác định vấn đề *drunken* là một quá khứ phân từ, được dùng như một tĩnh từ, không? Tôi không có nhiều tài liệu và lại không chuyên về ngôn ngữ nên chưa được biết.

Xin cám ơn nhà phê bình Bùi Vĩnh Phúc trước.

Phạm Bách *(Orange)*

Chúng tôi nghĩ thắc mắc của ông cũng là thắc mắc của nhiều bạn đọc khác không phải là những người chuyên về ngôn ngữ. Tòa soạn đã liên lạc với ông Bùi Vĩnh Phúc, ông hứa sẽ có một bài giải thích vấn đề này trên một số báo sau.

Thế Kỷ 21 rất đáng đọc

...Hy vọng là trong tương lai sẽ giới thiệu thêm được cho *TK 21* một số độc giả mới nữa. *Thế Kỷ 21* rất đáng đọc, phần lớn bài vở chứng tỏ người viết có hiểu biết về đề tài liên hệ. Ông Vương Hữu Bột mỗi lần viết là cung cấp cho người đọc những điều đáng học hỏi, một số người khác cũng thế. Nên cố gắng cải thiện các bài về khoa học tự nhiên. Chúc tiến mãi.

Nguyễn Kết *(Sabro, Denmark)*

Xin ghi nhận những nhận xét của ông về TK 21. *Tờ báo chỉ có thể cải thiện ngày một tốt hơn khi có những nhận xét thẳng thắn của độc giả từ khắp nơi. Thành thật cám ơn ông về các ý kiến đóng góp cũng như về các độc giả mới mà ông vừa giới thiệu.*

Giáp vòng một tháng, thương thầm

1/ Tôi xin được góp ý (theo yêu cầu của "Thư Tòa Soạn" số báo 74), về việc quý báo nêu ra một kỳ hay hai kỳ mỗi tháng. Theo cá nhân tôi, quý báo chỉ nên ra mỗi tháng một kỳ thôi, vì thành thật mà nói, *TK 21* là tờ nguyệt san có nội dung súc tích, không thể đọc phớt qua, mà phải có thời giờ suy ngẫm. Xem cẩn thận cũng đã giáp vòng một tháng rồi. Đọc nhiều mà không tiếp thu thì là điều không nên.

2/ Tôi rất thích "Bàn về chữ 'Thầm'" của Nguyễn Thị Băng Linh qua sự phân tích sâu sắc và tế nhị của người viết, chứng tỏ một cuộc sống nội tâm dồi dào phong phú. Tôi có một thắc mắc nhỏ - rất nhỏ - về một cụm từ trong bài viết: trang 67, dòng 1 và 2: "Chỉ có *thầm lặng* là tính từ, còn *thầm thương* là trạng từ, và *thầm thì* là động từ."

Tôi thấy quả *thầm lặng* là tính từ, *thầm thì* là động từ, nhưng *thầm thương* có phải là trạng từ không? Trong cụm từ "thầm thương", hình như chỉ có "thầm" là trạng từ, bổ nghĩa cho động từ "thương".

Tôi thắc mắc chỉ vì kiến thức về văn phạm của tôi còn rất hạn chế.

Võ Doãn Nhẫn *(Santee, CA)*

Chưa muốn vào siêu xa lộ

Thế kỷ 21 trông có vẻ đứng đắn đạo mạo thế mà cũng... bon chen gớm! Lại *lên lưới* nữa! Không biết qua... thế kỷ 21 thì sao, chứ bây giờ tôi thấy chạy vào cái siêu xa lộ thông tin đó nặng tính cách thời thượng hơn là đáp ứng một nhu cầu thực sự. Đúng ra đa số độc giả chúng tôi chưa có nhu cầu đó, coi việc đọc sách báo gần như đồng nghĩa với *relax*, nghỉ ngơi, cho nó thư giản bớt nỗi căng thẳng của đời sống, chứ không phải lao vào tốc độ của một loại "xa lộ" khác.

Tuy nhiên tôi cũng nghĩ là quý vị làm báo hẳn thấy xa, nhìn ra cái "xu thế của thời đại" nó phải như thế. Ừ, *gặp thời thế thế thời phải thế!* Nhưng tôi xin giữ cách đọc báo cố hữu của tôi, quý vị nhớ dùm cứ gởi báo đều đều hàng tháng cho tôi là được!

Phan Khắc Phương *(Winter Haven, Florida)*

Vâng, dĩ nhiên tòa soạn phải nhớ gửi báo đều đều hàng tháng cho tất cả bạn đọc thân mến. Việc "lên lưới" chỉ mới là một tiếp cận *với một kỹ thuật thông tin mới, có vẻ đúng như ông nói, đang là "xu thế của thời đại." Còn vai trò và tính chất của báo chí cổ điển thì chắc là khó có cái gì có thể thay thế được. Xin ông an tâm tiếp tục* nghỉ ngơi *với thế giới chữ nghĩa của chúng ta, đồng thời cũng xin mời các bạn đang mê mải rong ruổi trên siêu xa lộ cùng* TK 21 *tiếp tục cuộc rong chơi mới mẻ của mình.*

Thương Tiếc

Bài báo "Một nơi xứng đáng cho người nằm xuống" đăng trên báo *Thế Kỷ 21* số 73 đã gây nhiều xúc động đến anh em cựu quân nhân, nhất là các chiến hữu của Liên Đoàn 81 Biệt Cách Dù.

Tượng Thương Tiếc là biểu tượng cho sự nhớ thương những người đã nằm xuống. Thiết tha nhất là đối với những người đã từng lăn lộn ở chiến trường, đã từng đưa xác bạn mình đến nghĩa trang Biên Hòa, sau khi chôn cất xong đều dừng chân lại trước tượng Thương Tiếc như muốn gởi hồn mình theo bước chân người nằm xuống đang đi vào thế giới bên kia!

Sau khi đọc bài báo, một số anh em cựu quân nhân các nơi đã góp tiền gởi về cho tôi để góp phần dựng lại bức tượng Thương Tiếc ở hải ngoại. Tôi từ chối nhận tiền này vì tôi chỉ góp một tiếng nói chứ tôi không thực hiện việc này được. Hiện số tiền này tôi tạm gởi vào quỹ của Biệt Cách Dù và xin báo cho quý báo biết.

Phan Văn Huấn *(Garden Grove, CA)*

Xin cám ơn ông đã chu đáo cho Thế Kỷ 21 *biết việc này. Cũng như ông khi viết bài "Một nơi xứng đáng...", khi đăng bài báo đó lên,* TK 21 *chỉ muốn gửi đến độc giả nỗi* thương tiếc *những người đã nằm xuống để bảo vệ miền Nam trước đây, chứ không có ý định kêu gọi việc dựng lại bức tượng ở hải ngoại.*

Nhưng nếu ý muốn của một số các anh em cựu quân nhân cũng là ý muốn của đông đảo đồng bào Việt Nam ở đây thì biết đâu bài báo của ông sẽ là viên đá đầu tiên cho việc xây dựng bức tượng đó, trong tương lai!■

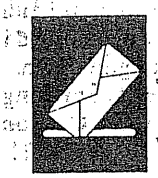

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Tháng qua Tòa soạn đã nhận được bài vở của các tác giả sau đây: Võ Văn Đình, Vũ Thành, Phạm Kim Khôi, Võ Doãn Nhẫn, Vũ Hạ, Phan Nguyệt Viên, Phương Nghĩa, Trần Minh Thảo, Phan Văn Huấn, Nguyễn Cúc, Kim Anh, Đông Nghi, Nguyễn Quốc Trụ, Đỗ Quyên (Úc), Phan Nhật Nam, Hiếu Đệ, NQH, Kỷ Nguyên, Kim Bồng, Nguyễn Tự, Nguyễn Tiến Cảnh, Trần Chung Ngọc, Duy Lam, Bằng Vũ, Nhóm Duyên Văn, Lê Thị Bạch Nga, Phạm Ngọc Khôi, Trần Mộng Tú, Nguyễn Hoài Vân, Thế Uyên, Cung Tiến, Nguyễn Hữu Chung, Lưu Nguyễn, Hồ Phổ Lại, Phạm Hữu Thành.

Xin chân thành cám ơn quý vị.

Phần Nhắn Tin:

Nguyễn Thị Thanh *(Montreal, Canada):* Chúng tôi rất hân hạnh được bà hứa sẽ gửi cho những bài khảo về đồ gốm Việt Nam. Nếu đăng được các bài đó chắc chắn sẽ góp phần làm phát hiện nhiều nét độc đáo của văn hóa Việt Nam. Chúng tôi vẫn có ý chờ, tuy nhiên xin bà cứ gửi khi nào thuận tiện. Kính.

Nguyễn Hoài Vân *(Vitré, Pháp):* Đã nhận được các bài của anh. Vì số bài còn đọng lại rất nhiều nên phải chờ. Vậy xin báo để anh tùy tiện. Chúc anh vẫn viết nhiều.

Đỗ Quyên *(Đức Quốc):* Từ nay không còn độc quyền cái tên ĐQ nữa nhé. Mỗi khi thấy tên đó xuất hiện thì phải xem tên nước kèm theo (hoặc Đức, hoặc Úc), kẻo lộn.

Đã nhận được thư cuối tháng Sáu của anh. Chúng tôi sẽ có thư riêng để vấn an ông NMC, cám ơn anh đã cho địa chỉ. Bài về Tây Tạng của anh bạn rất tiếc không đăng. Rất hoan hô một chuyến viễn du. Chúc vui, và... một đôi chân vượt đường xa không mỏi.

Nguyễn Bích *(Paris, Pháp):* Một trong hai đoạn góp ý của ông được đăng trong số này. Đài phát thanh VNCR (Viet Nam Cali Radio) với làn sóng 106.3 FM là một đài địa phương, chỉ nghe được ở miền Nam California, chứ ở Pháp thì... xa quá. Hy vọng một ngày nào đó thuê được làn sóng vệ tinh thì chương trình của VNCR sẽ đến được với bằng hữu xa gần khắp thế giới (có lẽ vào thế kỷ 21 chăng?). Kính.

Đông Nghi *(Montreal, Canada):* Những trao đổi về đề tài ấy chúng tôi nghĩ là đã đủ, và cũng bao quát được vấn đề mà nhiều người đang quan tâm. Vì thế chúng tôi xin ngưng đề tài trao đổi ấy. Chắc ông cũng đồng ý là đang có rất nhiều cái mới thôi thúc chúng ta mỗi ngày. Xin gửi đến ông lời chào thông cảm và chúc ông vui luôn.

Phan Văn Huấn *(Garden Grove, CA):* Chúng tôi rất cảm động thấy bài báo ngắn ngủi ấy đã gây xúc động cho các anh em cựu quân nhân đến thế. Riêng truyện ngắn "Th.T." rất tiếc không đăng được. Chúc quý anh sớm thực hiện tập truyện về BCD như đã dự định. Thân.

Hồ Phổ Lại *(Québec, Canada):* Cuối cùng thì "chiếc lá" cũng đã bay về đến nơi nó phải tới. Chúng tôi nhận được không những một mà hai bản, lại thêm cả đĩa nữa. Xin cám ơn sự chu đáo của chị. Nhưng lại chợt nhớ, và xem lại thì đúng như vậy, nó đã được đăng trên TSH! Vậy là lần này "không có duyên" với nhau. Chờ sáng tác mới của chị. Thân chúc chị viết đều và mọi sự vui.

Phạm Hữu Thành *(Montbard, Pháp):* Chúng tôi đã nhận được ba bài về y khoa của ông, rất tiếc không đăng được vì tính cách quá chuyên môn của chúng. Nếu *TK 21* là một tập san y học thì các bài đó đúng là ao ước của chúng tôi. Độc giả của *TK 21* vẫn được tiếp cận với thế giới khoa học với một dạng trình bày khác, giản dị, dễ hiểu (nếu thêm hấp dẫn thì càng tốt!) và không quá chuyên môn. Dù sao xin cảm tạ hảo ý của ông muốn giới thiệu một số vấn đề y khoa bằng tiếng Việt cho bạn đọc Việt Nam. Kính.

Kim Anh *(Ontario, Canada):* Truyện VCN của NTKH không đăng được. Chờ những sáng tác khác. Khi nào lại có dịp qua Cali? Chúc vui luôn.

Hộp thư trị sự

PHAN MỸ SƯƠNG

Độc giả gia hạn và độc giả mới:

Lê Minh Châu (Rosemead CA), Bùi Cửu Viên (Gaithersburg MD), Bruggemeyer Memorial Library (Monterey Park CA), Mark K Fu (Honolulu HI), Rev Joseph Trọng Nguyễn (Tagayta PHILIPPINES), Trần Văn Tiền (Gardena CA), Nguyễn Thị Dung (Montreal, PQ CANADA), Nguyễn Thế Huy (Montreal, PQ CANADA), Đặng Đông Mỹ (Quebec CANADA), Đào Đức Hoàng (Montreal, PQ CANADA), Lý Huỳnh Bá (Gelsenkirchen GERMANY), Quách Ngọc Triều (Arlington VA), Nguyễn Hồng Điểm (Granada Hills CA), Chu Mạnh Hùng (West Chester PA), Vũ Như Hoàng (Hayward CA), Lư Hồng Phượng (London ENGLAND), Trịnh Tấn (Pasadena CA), Trần Ngọc Châu (Woodland Hills CA), Suzie Vương (Santa Ana CA), Mạc Ly Tao (Santa Ana CA), Đạo Đ Nguyễn (San Jose CA), Mây Trần (Garden Grove

CA), Nguyễn Hoàng Khương (DENMARK), Vân Thanh Trần (DENMARK), Nguyễn Văn Chức (Balga AUSTRALIA), Ly Thu Thuong (Wembley Downs AUSTRALIA), Nguyễn Đình Vinh (Annandale VA), Lê Minh Đường (Quebec CANADA), Culver Library (Culver City CA), Lê Dũng Dân (Los Angeles CA), Nguyễn Như Lưu (Rosslyn Park AUSTRALIA), Vũ Ký (Beaverton OR), Phạm Đỗ Chí (Washington D.C), Healey Library (Boston MA), Nguyễn Đình Cường (Cerritos CA), Lữ Thị Tường Uyên (Zuiderkruis NETHERLANDS), Mẫn Phạm (Garden Grove CA), Đỗ Văn Nhân (Nashua NH), Phấn Nguyễn Barker (Kailua Kona HI), Nguyễn Trân (Sun Valley CA), Los Angeles Pub Lib (Los Angeles CA), Lê Văn Xe (Tokyo JAPAN), Ngô Đình Cơ (Irvine CA), Cung Phạm (Plymouth FL), Nguyễn Ninh (N. Charleston SC), Đinh Công Trứ (Tuart Hill AUSTRALIA), Nguyễn Cúc (Houston TX), Ngô Thế Bảo (Pennsauken NJ).

Phạm Lê Hương *(Modesto CA):* Đã điều chỉnh số báo gia hạn của cô đến số 103. Chúc cô vui luôn.

Trịnh Văn Hiếu *(Orange CA):* Ban phát hành đã gởi báo đến độc giả mới LMĐ. Cám ơn ông đã giới thiệu TK 21 đến quý bạn hữu xa gần. Kính.

Vũ Như Hoàng *(Hayward CA):* Rất cảm động trước những ưu ái ông dành cho toà soạn. Cám ơn nhiều về lời chúc tốt lành của ông gởi đến TK 21. Thân kính.

Nguyễn Trân *(Sun Valley CA):* Báo của ông hết hạn từ số 65. Đã nhận được chi phiếu gia hạn và cũng đã gởi thêm báo số Tháng Sáu, 1995 (#74). Chúc vui.

Trần Định *(Orlando FL):* Đã chuyển lời mời "thăm ... độc giả cho biết sự tình!" đến quý anh trong toà soạn. Ban biên tập sẽ làm một chuyến "hành hương" vào mùa thu này, mong rằng mọi sự tình sẽ được tỏ rõ tường tận. Thân mến.

Ngô Thế Bảo *(Pennsauken NJ):* Số báo gia hạn của ông đã được điều chỉnh đến số 84. Kính.

Nguyễn Nguyên Phương *(Demver CO):* Đã gởi đến ông TK 21 số 71, 72, 73 và 74. Cám ơn lời chúc tốt đẹp của ông. Kính.■

PHÂN ƯU

Được tin

Cụ MARIA-GIOAN-BAOTIXITA
ĐỖ SINH TỨ

Đã từ trần vào lúc 5 giờ 25 sáng, ngày Thứ Sáu
23 tháng 6 năm 1995 (nhằm ngày 26 tháng 5 năm Ất Hợi)
tại Langen, CHLB Đức
Hưởng thọ 82 tuổi

Xin thành kính phân ưu cùng cụ bà và quí tang quyến.
Nguyện cho linh hồn Cụ Maria-Gioan-Baotixita
được hưởng phúc lành trên nước Chúa.

Gia đình HOÀNG NGỌC UẨN

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng. Cty Người Việt sáng lập (1989). Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92640 USA
Tel: (714) 638-9510
Fax: (714) 638-1944
E-mail:
75504.3510@compuserve.com
hoặc:
theky21@ix.netcom.com

Nhóm chủ trương: Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ, Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt, Tống Hoằng, Trần Đại Lộc,

Chủ nhiệm:
Lê Đình Điểu
Chủ bút:
Vương Hữu Bột
Phụ tá Chủ bút:
Phạm Phú Minh

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên *Thế Kỷ 21* không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của *Thế Kỷ 21* phải có sự đồng ý của tòa soạn, và phải đề rõ xuất xứ. Tiền nhuận bút tùy thỏa thuận giữa tòa báo và người viết

Trị sự:
Văn phòng trưởng:
Vũ Duy Tự
Quảng cáo & phát hành:
Phan Mỹ Sương

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-8429
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Mme Le Tat Luyen*
45 83 19 12
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(514) 445-0529
Western Australia: *Bình Anson*
(61-9) 448-0637

ISSN 1056-4640

BÌNH THƯỜNG HÓA CUỘC SỐNG CỦA DÂN VIỆT NAM

Ngày tổng thống Clinton tuyên bố bình thường hóa bang giao với Việt Nam, một nhóm sinh viên Việt đang du học ở vùng Boston họp nhau lại ăn mừng. Họ gồm những người gốc từ Hà Nội cũng như từ Sài gòn, tuổi giữa 25 và 35, tuổi không tham dự vào cuộc chiến Việt Nam trước 1975. Một cô học ở Mỹ đã hơn một năm nói: "Chúng cháu ai cũng mừng cả, có bang giao chính thức với Mỹ thì nước nhà mới tiến bộ thực sự được." Cô không thể giải thích tại sao nhưng cảm thấy như vậy.

Nỗi vui mừng và niềm hy vọng trên chắc cũng là tâm trạng của hầu hết người Việt từ Nam ra Bắc. Nhưng người Việt Nam ở hải ngoại không phải ai cũng chia sẻ tâm tư đó.

Người Việt Nam tại hải ngoại, đặc biệt ở Hoa Kỳ, đa số đã chống lại việc bang giao bình thường giữa chính phủ Mỹ và chính phủ Hà Nội vì việc công nhận chính phủ Hà Nội của Hoa Kỳ sẽ giúp chính phủ đó thêm uy tín về ngoại giao, có thể giúp họ củng cố chế độ độc tài đảng trị. Chế độ đó vẫn cố giữ tính cách toàn trị, vẫn chủ trương vô sản chuyên chính. Họ không cho dân chúng hưởng những quyền tự do căn bản như tự do báo chí, tự do lập hội, v.v... Những người có ý kiến đối lập đều bị bắt bớ, giam cầm, và quản thúc như Hòa thượng Huyền Quang, Đoàn Viết Hoạt, Đoàn Thanh Liêm, Nguyễn Đan Quế, v.v... và cả những cựu đảng viên cộng sản như Hoàng Minh Chính, Nguyễn Hộ, Nguyễn Trung Thành, Đỗ Trung Hiếu.

Chống lại việc bang giao Hà Nội-Washington không có nghĩa là muốn ngăn cản những liên hệ bình thường và hữu ích giữa hai dân tộc Hoa Kỳ và Việt Nam.

Phân biệt những liên hệ giữa nhân dân hai nước và sự bang giao giữa hai chính phủ là điều cần thiết, nhất là sau khi chính phủ Mỹ đã chính thức thừa nhận nhà cầm quyền ở Hà Nội. Dù chính phủ Mỹ đã công nhận Hà Nội, người Việt ở hải ngoại vẫn tiếp tục không công nhận chính quyền đó như một chính phủ xứng đáng đại diện cho dân tộc Việt Nam, cho đến khi nào có bầu cử tự do, trong đó nhiều đảng phái không cộng sản với các chương trình khác nhau đều được tham dự. Cuộc bầu cử phải thật

sự tự do, nghĩa là trước khi tổ chức bầu cử phải trả tự do cho những tù nhân chính trị, tù nhân của lương tâm, phải bảo đảm báo chí tư nhân, các đảng phái, các hiệp hội được tự do sinh hoạt và người Việt Nam ở khắp thế giới được tham dự nếu chọn trở về sống trên đất nước.

Khi đảng Cộng Sản Việt Nam còn chưa trả lại chủ quyền cho nhân dân bằng bầu cử tự do thì họ vẫn chỉ là những người tiếm vị, không xứng đáng nắm quyền cai trị nhân dân Việt Nam.

Tuy không công nhận chính quyền Cộng sản ở Hà Nội nhưng người Việt ở nước ngoài vẫn phải tiếp tục gia tăng những liên hệ với đồng bào trong nước, cũng như giúp tăng cường các liên lạc giữa nhân dân Việt Nam và các dân tộc khác trên thế giới. Mục đích của những liên hệ đó là giúp cải thiện đời sống kinh tế dân ta và hỗ trợ, thúc đẩy cuộc tranh đấu xây dựng dân chủ của đồng bào. Việc bang giao giữa Hoa Kỳ và Hà Nội có thể là một cơ hội để chúng ta phát triển các liên hệ hữu hiệu hơn trong khi vẫn nhắm vào những nỗ lực phát triển kinh tế và tranh thủ chính trị đó.

Các mục tiêu phát triển kinh tế và tranh đấu cho dân chủ cũng chỉ cốt đưa dân tộc ta trở về đời sống bình thường như các dân tộc văn minh tiến bộ khác. Kinh tế thị trường và thể chế dân chủ tôn trọng quyền của công dân và quyền tự do của con người chính là đời sống bình thường của nhân loại thế kỷ 20 này. Đời sống bình thường là cuộc sống trong đó người dân đủ ăn đủ mặc, không phải lo sợ thường xuyên, không bị ép suốt ngày đêm học tập các đường lối đảng, hô các khẩu hiệu, khi đời sống và tâm tình cho đến tư tưởng riêng tư được tôn trọng không cần khai báo với ai. Đời sống bình thường cũng chỉ có khi con người thường tin tưởng lẫn nhau và biểu lộ tình thương yêu với nhau một cách hồn nhiên mà không cần biết thành phần giai cấp, lập trường đảng phái, và không cần mưu tính trục lợi lẫn nhau.

Chế độ cộng sản là một cơn bệnh của nhân loại, đã kìm hãm một nửa nhân loại không cho được sống cuộc đời bình thường như vậy. Cơn bệnh đó đã qua, đã được chữa trị ở nhiều nơi trên thế giới trừ Việt Nam và một vài nước lạc hậu khác. Vì thế người Việt khắp nơi chỉ tranh đấu để dân tộc ta được sống bình thường. Nếu chính quyền Hà Nội đã mong mỏi được bình thường hóa bang giao với Mỹ thì họ cũng phải cố bình thường hóa mối liên hệ của họ với nhân dân Việt Nam, cho dân ta được sống bình thường.

Sau khi chính phủ Mỹ bình thường hóa việc giao dịch với chính quyền Hà nội, chính nhân dân Mỹ, các xí nghiệp, công đoàn, hiệp hội, trường học, báo chí và tư nhân Mỹ phải tiếp tục quá trình giúp dân Việt Nam bình thường hóa cuộc sống của họ. Nhân dân Việt Nam, sau khi làm nạn nhân của các cuộc tranh chấp quốc tế từ 1945, sau khi bị sống dưới chế độ độc tài lạc hậu và bất lực suốt 50 năm, nay có quyền được trở lại gia nhập vào cuộc đời bình thường của nhân loại.

*

Trước đây khi đặt vấn đề bang giao, người Mỹ và người Việt tranh đấu cho dân chủ thường nêu ra các điều kiện khác nhau.

Những điều kiện mà người Mỹ đặt ra như tìm di hài của tù binh và binh sĩ Mỹ tử trận, tìm dấu vết người mất tích, (POW và MIA) đều là các món nợ để lại từ quá khứ cuộc chiến tranh.

Những điều kiện mà người Việt tranh thủ tự do dân chủ cho nước Việt đặt ra như đòi CSVN tôn trọng tự do tôn giáo, trả tự do cho tù nhân chính trị, tôn trọng quyền làm người, là những đòi hỏi nhằm xây dựng tương lai dân tộc Việt. Nếu những đòi hỏi này có liên hệ với cuộc chiến trước đây thì đó là vì Việt Nam Cộng Hòa thời đó đã phải chiến đấu cốt cho người dân miền nam Việt Nam được sống yên ổn, có điều kiện xây dựng một nền kinh tế thị trường và xây dựng một chế độ tự do dân chủ. Quân lực Việt Nam Cộng Hòa thua trận năm 1975 khiến cho việc theo đuổi những mục tiêu trên bị trì hoãn gần 20 năm. Nhưng các mục tiêu phát triển kinh tế và xây dựng dân chủ vẫn là điều mà cả dân tộc Việt Nam hiện nay tiếp tục theo đuổi.

Việc ông Clinton bình thường hóa bang giao có thể dẫn tới một hệ quả là từ nay trong các cuộc thương thảo, những điều kiện của người Mỹ liên quan đến thời chiến sẽ xuống hàng thứ yếu, nhờ thế những điều kiện mà người Việt dân chủ đòi hỏi từ nay sẽ được coi là quan trọng hơn. Một phần ba bài diễn văn của Clinton đã nói đến các vấn đề nhân quyền, quyền tự do tôn giáo, quyền của người lao động ở Việt Nam. Ông còn giải hòa với quá khứ của chính ông khi ca ngợi các binh sĩ Mỹ đã chiến đấu ở Việt Nam trước đây. Ông nói họ chiến đấu để cho Việt Nam được độc lập và tự do, ngày nay Việt Nam đã độc lập nhưng còn chưa tự do, và ông hy vọng việc bình thường hóa bang giao sẽ giúp cho tự do được lan rộng.

Trong những ngày tháng sắp tới chính phủ Mỹ sẽ tiếp tục đòi hỏi chính quyền Cộng sản

Việt Nam giúp tìm người Mỹ mất tích. Nhưng chính quyền Mỹ cũng sẽ nêu lên các điều kiện về nhân quyền và dân chủ một cách rõ ràng và mạnh mẽ hơn khi bàn đến các vấn đề mậu dịch, quy chế tối huệ quốc, v.v... Trong cuộc thảo luận sắp tới, nghị trình sẽ không phải chỉ gồm các vấn đề của người Mỹ, mà nghị trình sẽ có cả những đòi hỏi thiết tha của dân tộc Việt Nam. Chúng ta có bổn phận đặt nghị trình đó lên bàn thảo luận. Khi cuộc đối thoại không nhấn mạnh đến những người Mỹ mất tích nữa thì những lý tưởng và mục tiêu tranh đấu từng "bị mất tích" sau cuộc chiến sẽ được đề ra và làm sống lại. Lý tưởng đó là quyền tự do của dân Việt.

Ông Clinton cũng nói quyết định của ông sẽ hàn gắn vết thương giữa người Mỹ với nhau. Một người từng phản đối chiến tranh Việt Nam, ông được nhiều cựu chiến binh, cựu tù binh Mỹ ở Việt Nam ủng hộ trong việc mở bang giao này. Họ đã bỏ qua những bất đồng quá khứ.

Nhưng hành động của ông cũng hàn gắn cả những vết thương của người Việt ở trong cũng như ngoài nước. Khi người Việt hải ngoại yêu cầu đặt các điều kiện về dân chủ và nhân quyền làm điều kiện bang giao, họ bị đồng bào trong nước hiểu lầm. Vì trì hoãn bang giao cũng là tiếp tục cô lập hóa nhân dân trong nước với cường quốc duy nhất trên thế giới, ngăn trở việc phát triển kinh tế mà đồng bào trong nước mong đẩy cho tiến nhanh thêm.

Người Việt trong nước cũng mang những vết thương về cuộc chiến tranh vô ích làm tổn hại hàng triệu sinh mạng, khi CSVN đưa dân tộc đứng vào khối Liên xô, Trung cộng trong cuộc tranh chấp quốc tế chống Mỹ. Người Việt Nam cũng muốn quên quá khứ đau thương cũ để có thể hướng về tương lai. Họ muốn phát triển kinh tế, nhưng họ cũng muốn xây dựng dân chủ tự do. Khi Mỹ chưa bang giao, giống như tình trạng chiến tranh chưa chấm dứt, thì việc tranh đấu cho tự do của dân ta cũng bị chậm lại.

Bây giờ quyết định bang giao là chuyện đã qua, nghị trình về các vấn đề tự do, dân chủ, nhân quyền sẽ trở thành những đề tài, những mối quan tâm chung của người Việt Nam, dù ở trong hay ngoài nước. Khi người Mỹ bớt nói về POW và MIA thì người Việt Nam ở trong cũng như ngoài nước sẽ cùng nói lớn về các mục tiêu chung của họ, là phát triển kinh tế và xây dựng dân chủ cho đất nước. Và nếu chính phủ Mỹ đòi hỏi các điều kiện về nhân quyền, về quyền sinh hoạt tôn giáo, về quyền của người lao động, thì họ lại trở về vai trò đồng minh, không phải của miền Nam Việt Nam như trước đây mà của cả dân tộc Việt Nam.

Việc bình thường hóa bang giao sẽ giúp hai khối người Việt ở trong và ngoài nước gần nhau hơn vì cùng chia sẻ mục tiêu xây dựng kinh tế, đòi tự do và xây dựng dân chủ. Đó là biến cố quan trọng nhất mà việc bình thường hóa bang giao có thể tạo ra nếu chúng ta biết dùng cơ hội này để xây dựng lại tình dân tộc. ■

Nhóm Chủ Biên THẾ KỶ 21

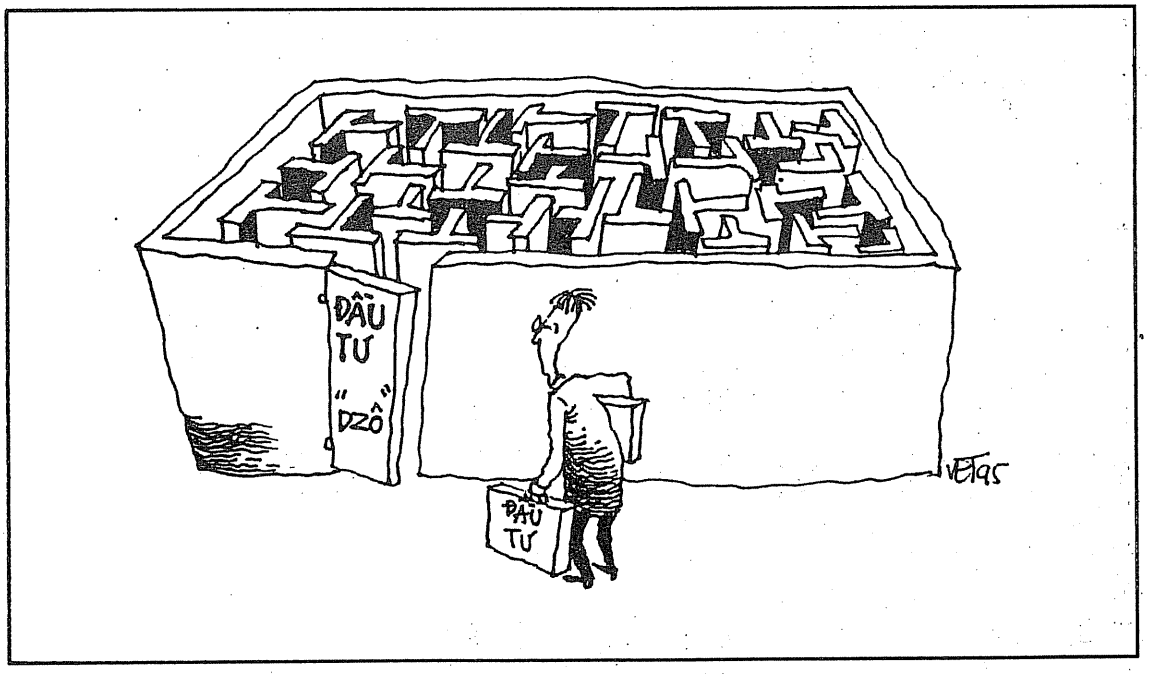

Ý KIẾN CHUNG QUANH VỤ BANG GIAO VIỆT-MỸ

CON DAO HAI LƯỠI

NGUYỄN HỮU CHUNG

Hôm nay, tôi xin phép lạm bàn về mối bang giao Việt Mỹ. Tôi nói lạm bàn vì tôi không sống trong xứ Mỹ, nhưng tôi phải lưu tâm đến vấn đề này, cũng như nhiều người Việt trên khắp thế giới đang lưu tâm đến, vì nó có liên hệ đến nước VN.

Điều mà tôi có thể đoan chắc cùng các bạn là lý do để Washington thiết lập bang giao với Hà Nội sẽ không phải là lý do chính thức mà họ nêu ra: vấn đề quân nhân Mỹ mất tích. Đây chỉ là một chiêu bài. Nhưng lý do đích thực là cái gì thì đó không phải là điều mà tôi muốn bàn cùng các bạn hôm nay. Bởi vì, theo ý tôi, đó là điều mà tất cả chúng ta không có một chút ảnh hưởng (dù rất nhỏ) nào để thúc đẩy hay chống đối việc bang giao.

Tôi muốn bàn cùng các bạn hậu quả của việc thiết lập bang giao giữa hai xứ. Tôi thấy rằng chúng ta có thể phân chia việc nầy thành hai phần: một phần là bang giao giữa Washington và Hà Nội, phần kia là bang giao giữa nước Mỹ và nước VN (hay dân tộc Mỹ và dân tộc VN).

1. Bang giao giữa Washington và Hà Nội

Trên quan điểm của một người chống chánh quyền Hà Nội và trên quan điểm của một người yêu nước VN, tôi không thích thấy có cuộc bang giao nầy. Bởi vì hậu quả nhất thời của nó là nó củng cố chính quyền cộng sản độc tài, một chính quyền mà tôi thấy cần phải thay đổi vì sự tồi tệ của nó trong việc quản lý xã hội VN.

Một hậu quả khác, trầm trọng hơn, là nó sẽ biến VN thành tiền đồn chống Trung Cộng của Đông Nam Á, khiến dân tộc VN sẽ lại phải làm những kẻ tiền phong, những anh hùng khốn khổ, như họ đã làm từ nửa thế kỷ qua.

Tôi lo điều nầy bởi vì ở VN không có tự do và dân chủ để người dân có đầy đủ thông tin, có quyền bàn đến những vấn đề của quốc gia mình, có quyền phê phán những quyết định của chính quyền và thay đổi một chính quyền đang làm sai.

Bởi vì vận mạng của dân tộc VN (70 triệu người) đã và sẽ được quyết định trong bí mật bởi một số đảng viên cộng sản, những người mà kinh nghiệm 20 năm qua đã cho thấy là họ bất tài, không thấy xa và tham nhũng cao độ. Họ sẽ hành động vì quyền lợi cá nhân, bất cần quyền lợi dân tộc.

Các nước Đông Nam Á, qua trung gian của ông Lý Quang Diệu, và nước Mỹ, đang củng cố chế độ Hà Nội để sử dụng nó vào mục tiêu chiến lược của họ. Trong bang giao quốc tế, quyền lợi kinh tế và quyền lợi chiến lược của những nước bảo hộ sẽ được bảo đảm, bởi những nhà lãnh đạo độc tài và ngu dốt của một nước chậm tiến, hơn là bởi những nhà lãnh đạo sáng suốt và được dân ủng hộ.

Nhìn sang Châu Phi, các bạn sẽ thấy một lãnh tụ ngu dốt và thối nát như Mobutu của xứ Congo đã củng cố được địa vị dù bị sự chống đối của đa số dân chúng và bởi ngay cả chánh phủ của ông ta, vì ông ta được Do Thái và nước Bỉ bảo hộ, vì hai nước nầy có nhiều quyền lợi kinh tế ở Congo.

2. Bang giao giữa dân tộc Mỹ và dân tộc Việt Nam

Cũng trên quan điểm của một người chống chính quyền Hà Nội và trên quan điểm của một người VN còn yêu nước VN, tôi thích thấy việc bang giao xảy ra càng sớm càng tốt. Bởi vì hậu quả của nó là việc mở mang nước VN, nâng cao mức sống của người dân, nâng cao sự hiểu biết của dân VN về thế giới, về tự do, dân chủ. Tôi hy vọng rằng những người Việt dù lập trường chánh trị là thế nào cũng không chống việc nầy.

Điều phức tạp của chuyện nầy là nó "tuy hai mà một, tuy một mà hai." Khi bạn gửi một số đôla về giúp gia đình hay bạn bè thì một phần của số tiền nầy sẽ lọt vào tay nhà nước CS hoặc các cán bộ CS. Khi bạn về dạy học, khi bạn tặng một máy computer cho một trường học, khi bạn gửi thuốc men tặng đồng bào..., những điều nầy đều ít hay nhiều làm lợi cho chánh quyền CS. Nhưng đồng thời, những điều nầy cũng giúp cho bà con anh em chúng ta sống khá hơn, hiểu biết khá hơn về thế giới bên ngoài và dần dần coi thường đám người ngu dốt và nói láo đang cai trị. Bạn thử hỏi một người nào vừa qua Mỹ theo diện HO xem ông ta có chống việc người Việt hải ngoại giửi tiền về giúp thân nhân bên nhà hay không?

Về phía các ông lãnh tụ CS, họ cũng có nhiều ưu tư. Họ cũng thấy rằng việc đi với các nước tư bản, nhất là Mỹ, là cầm một con dao hai lưỡi. Khi điều đó giúp họ phát triển kinh tế để củng cố quyền lực của họ thì nó cũng tạo ra những thay đổi xã hội, thay đổi tâm lý quần chúng mà hậu quả là sự bất ổn của vị lãnh đạo của họ.

Chính vì vậy mà sau một thời gian nghiên cứu,

họ đã tung ra kế hoạch chống "diễn tiến hòa bình." Năm 1990, khi ông Võ Văn Kiệt chính thức mở cửa để đón tư bản ngoại quốc, mọi người đều thấy rằng CSVN phải đổi mới chánh trị song song (hay đi sau một bước) với việc đổi mới kinh tế. Nhưng điều ngược lại đã xảy ra. Càng đổi mới kinh tế, họ càng siết chặt chánh trị, loại bỏ tất cả những người không phải đảng viên CS trong kỳ bầu cử Quốc Hội cuối cùng, kiểm soát chặt chẽ hơn việc xuất bản sách báo, tặng những bản án nặng hơn cho những người dân chủ trong Nam như các ông Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt, đàn áp thẳng tay Phật Giáo v.v...

Vấn đề đặt ra cho chúng ta là tại sao chúng ta lại không thể làm như người CS? Tại sao chúng ta cứ nghĩ rằng Mỹ phải tranh đấu cho tự do dân chủ của dân VN, Mỹ sẽ không bao giờ nên đi với CS Hà Nội khi tập đoàn nầy chưa chấp nhận dân chủ v.v..., để rồi khi Washington bang giao với Hà Nội là chúng ta "chết đứng," hết chống Cộng, chống độc tài? Tôi nghĩ rằng chúng ta phải tự tin và sáng suốt, khi đã phải cầm con dao hai lưỡi thì phải xài con dao hai lưỡi. Chỉ có thế thôi.

Tóm lại:

— Chúng chẳng có ảnh hưởng gì đến quyết định Washington thiết lập bang giao ở Hà Nội;

— Tự do dân chủ của dân VN chẳng phải là một yếu tố quyết định của Washington;

— Tuy không có ảnh hưởng gì đối với Washington, nhưng các bạn có thể có ảnh hưởng lớn trong cuộc bang giao giữa dân tộc Mỹ và dân tộc VN.

Các bạn có thể hành động tích cực không những trong việc giúp đỡ đồng bào về phương diện kinh tế mà cả về thông tin, về chánh trị.

Các bạn có khả năng đưa Hà Nội vào thế kẹt là nếu họ muốn ngăn chận việc phát triển thông tin, phát triển chánh trị, ngăn chận "diễn tiến hòa bình" thì họ cũng bắt buộc phải ngăn chận việc phát triển kinh tế, điều đang cứu sống họ. Tôi nói điều đó đang cứu sống họ vì tôi thấy lý tưởng của đảng CS Trung Hoa, VN, Cuba bây giờ là đôla chứ không phải là triết thuyết Mác-Lê.

Trong trận nầy, chúng ta nên dùng chiến lược du kích mà CS đã dùng. Chúng ta không mở những mặt trận lớn, đánh bằng những đơn vị lớn. Những cá nhân này hay những nhóm nhỏ có thể hành động riêng rẽ. Vũ khí quan trọng nhất là ý thức. Ý thức và tỉnh thức để xuống âm phủ nhưng không ăn cháo lú. Cũng như mọi cuộc chiến tranh du kích khác, cơ quan đầu não không nằm trong vùng giao tranh. Ở ngoại quốc, những người Việt có hiểu biết chánh trị (không cần phải là chánh trị gia) có thể cùng nhau làm một cơ sở tư tưởng để hướng dẫn cuộc đấu tranh, hoặc riêng rẽ cộng tác với các cơ quan ngôn luận của người Việt để làm công cuộc hướng dẫn này.

Những tổ chức nặng phần trình diễn với các chánh trị gia chuyên nghiệp sẽ không thể đóng góp hữu hiệu trong giai đoạn nầy vì tính chất quyền lợi của chúng sẽ làm mọi người ngao ngán và mất tin tưởng. Không có một tập hợp to lớn và chặt chẽ, nhưng phải có một mục tiêu duy nhất và rõ rệt cho mọi người: tự do, dân chủ cho dân tộc Việt Nam.

Tôi mong được nghe ý kiến của những bậc cao minh về vấn đề nầy để may ra chúng ta có một điểm đồng thuận hầu không phải chịu một cú "shock" khi nghe tin Washington lập bang giao với Hà Nội. Các bạn vừa chịu một cú "shock" của vụ MacNamara, nếu các bạn không bình tâm nghiên cứu sự việc một cách khách quan, các bạn sẽ phải chịu nhiều cú "shock" khác nữa.■

Montreal, Canada

Ông Nguyễn Hữu Chung, cựu dân biểu VNCH,hiện cư ngụ tại Montréal, Canada. Bài này đã được đọc trên đài Việt Nam Cộng Hòa (California).

THẾ ĐỊA LÝ CHÍNH TRỊ VÙNG Á ĐÔNG

ĐỖ NGỌC YẾN

Chính sách của nước Mỹ về Việt Nam luôn luôn tùy thuộc quyền lợi của Mỹ trong thế địa lý chính trị ở vùng Đông Á. Trên trường ngoại giao chắc quốc gia nào cũng hành sử như vậy, dù bên ngoài họ sẽ nêu lên các lý do cao xa khác. Khi các chính phủ Mỹ quyết định can thiệp vào Việt Nam hoặc không muốn có mặt ở Việt Nam họ có thể nói đến các chuyện lớn lao như việc bảo vệ thế giới tự do, đến vấn đề nhân quyền, hay nhỏ hơn như việc điều tra về tù binh hay tìm kiếm di hài những quân nhân Mỹ mất tích. Nhưng bên trong, chỉ có quyền lợi của nước Mỹ, ở trong vùng Á Đông, đặc biệt là khi đối phó với vai trò Trung quốc ở miền này, là yếu tố quyết định chính yếu.

Năm 1945 mối quan tâm của nước Mỹ là đánh bại Nhật Bản, cho nên cơ quan phản gián OSS đã giúp cho nhóm cộng sản Việt Nam của Hồ chí Minh khí giới và dụng cụ truyền tin với vai trò cung cấp tin tức về quân đội Nhật đang chiếm đóng Đông Dương, và cứu các phi công Mỹ đã phải nhẩy dù thoát hiểm ở đó. Hồ Chí Minh đã làm việc trực tiếp dưới sự điều động của một ổ phản

gián của quân đội Mỹ. Sau khi Nhật Bản đầu hàng, nhiều nhân viên OSS muốn chính phủ Mỹ giúp Hồ Chí Minh khi ông ta xin công nhận chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, có lúc tuyệt vọng ông tỏ ý muốn đặt Việt Nam dưới sự bảo hộ của nước Mỹ, như Phi luật Tân. Nhưng bộ ngoại giao Mỹ đã thấy không thể tiếp tục sử dụng ông, vì mối liên hệ của ông với cả Stalin lẫn Mao Trạch Đông là điều quá rõ ràng trong thế giới gián điệp. Mối lo về địa lý chính trị của người Mỹ khi đó là Liên xô có thể dùng Trung Quốc và Việt Nam làm bàn đạp chiếm Á Châu, như Lenin đã từng nói "con đường tới Paris đi qua Bắc Kinh".

Sau thế chiến thứ hai, các chính phủ Mỹ đều lo lắng về sự bành trướng của Liên Xô xuyên qua các đảng cộng sản địa phương. Đối với họ Âu châu mới là điểm nóng. Mối lo của họ là các chính phủ Pháp, Đức, Ý v.v. sẽ trở thành cộng sản qua các cuộc bầu cử. Họ ủng hộ chính phủ Pháp để ngăn chặn ảnh hưởng ngay tại nước Pháp. Người Mỹ lúc đầu chống lại chính sách tái chiếm thuộc địa của Pháp, Anh hay Hòa Lan, cũng như họ đã cho Phi Luật Tân độc lập. Nhưng khi phải lựa chọn ở Việt Nam, họ đã chọn giúp Pháp đánh Việt Minh, vì sợ Trung cộng có một bàn đạp nhòm ngó Đông Nam Á nếu Hồ chí Minh thắng thế. Chi phí chiến tranh của Pháp ở Đông Dương là do Mỹ tài trợ. Ngày nay nhiều người Mỹ có thể phê bình chính sách đó là sai lầm vì không nhìn thấy những xung đột về quyền lợi dân tộc, giữa Nga Xô và Trung Quốc, giữa Trung Quốc và Việt Nam. Nhưng các quyết định lịch sử bao giờ cũng dựa trên những tin tức mà người quyết định đang có chứ không phải sẽ có thể có. Lịch sử vốn chứa đựng đầy những lầm lẫn vì người ta chỉ có các tin tức, dữ kiện giới hạn.

Năm 1954 người Mỹ vẫn giữ mối quan tâm như trên, sau cuộc chiến tranh Triều Tiên. Lúc đó đối với người Mỹ khối cộng sản quốc tế vẫn còn tính thuần nhất, Liên xô và Trung cộng muốn cộng sản hóa toàn thế giới, mà vùng Á đông là nơi thực hiện chương trình của Cộng sản Quốc tế dễ hơn cả. Tin tức mà họ có lúc đó là các lời tuyên bố của Mao Trạch Đông muốn phát triển phong trào cộng sản toàn thế giới bằng xung đột thường trực, là bản cương lĩnh của đảng Lao Động Việt Nam ghi tư tưởng Mao Trạch Đông làm chỉ đạo, là 500 ngàn quân Trung quốc kéo về bờ biển đối diện Đài Loan, và các cuộc pháo kích Kim Môn Mã Tổ sau đó. Sau khi chiến tranh Triều Tiên phát nổ thì một mặt Mỹ đổi chính sách tuyên bố bảo vệ chính phủ Tưởng Giới Thạch đến cùng, và Liên Xô cũng tuyên bố nếu Mỹ tấn công Trung Quốc tức là tấn công Nga. Chính phủ Mỹ đã giúp ông Ngô Đình Diệm vì cần lập một phòng tuyến ngăn chống "cơn sóng đỏ" có thể lan tràn từ Trung Cộng và Liên Xô qua Bắc Việt xuống miền Đông Nam Á. Anh quốc đã thành công trong việc đó ở Mã Lai, Mỹ đã thành công ở Phi Luật Tân, mà các đảng cộng sản Mã Lai và Phi Luật Tân đều do cán bộ gốc Trung Hoa chỉ huy. Cái gọi là "hiểm họa Cộng Sản" lúc đó cả thế giới Tây phương lo ngại, chuyện đó có thật. Tháng 9 năm 1953 triết gia Bertrand Russell viết trên tạp chí *New York Times Magazine* là: "Một cuộc thế chiến mới thì kinh khủng thật, nhưng theo tôi, thà như vậy còn hơn để quốc cộng sản chiếm toàn thế giới."

Cuộc chiến 1959-1975 nằm trong chính sách ngăn chặn trên. Nước Mỹ đã đạt được mục tiêu địa lý chính trị của họ. Phong trào Cộng sản quốc tế đã bị cầm chân ở Nam Việt Nam từ 1954 đến 1975, các nước Á Đông có 20 năm trì hoãn đó để có thời giờ phát triển kinh tế và chính trị, sau đó thì tự họ đã đứng vững.

Năm 1972 người Mỹ có tin tức là khối cộng sản thế giới không thuần nhất như họ tưởng. Đồng thời Mao Trạch Đông nhận ra các chương trình phát triển toàn mơ mộng do thi hứng bốc đồng của ông đã thất bại. Mỹ mở đường liên lạc trực tiếp với Trung Quốc và lợi dụng thế đối nghịch giữa Trung Quốc với Liên Xô. Từ đó vai trò của bán đảo Đông Dương trong địa lý chính trị Á châu đã thay đổi. Người Mỹ đã ký hiệp định Paris để rút khỏi Việt Nam.

Khi Bắc Việt tấn công chiếm miền Nam năm 1975 thì chính phủ Mỹ có thể coi đó chỉ là một biến cố địa phương, không ảnh hưởng đến quyền

lợi lâu dài của Mỹ trong cả vùng Đông Á. Các quân domino khác không đổ. Một nước Việt Nam thống nhất lại tạo thêm xung đột biên giới Việt-Campuchia và Việt-Hoa, đối với Mỹ là đạt đúng các mục tiêu địa lý chính trị của họ mà không tốn đồng nào. Việc chính phủ Mỹ tiếp tục phong tỏa kinh tế và không giao thiệp chính thức với Việt Nam nhằm thỏa mãn các nhu cầu chính trị quốc nội, thỏa mãn đòi hỏi của các nhóm cựu chiến binh, thân nhân người mất tích, v.v.. Nhưng đó cũng là hậu quả của các hành động của chính phủ Cộng sản ở Việt Nam. Một mặt chính phủ Hà Nội khi bàn sơ bộ với Mỹ về bang giao thì thay vì nói đến viện trợ đã nhất định đòi Mỹ bồi thường chiến tranh. Ông Phạm Văn Đồng đi ra ngoại quốc còn nói các nước ở thế giới thứ ba không thể coi là độc lập nếu chưa thành xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra hải quân Nga tới thay Mỹ đóng ở Cam Ranh. Rồi tới việc quân đội Việt Nam chiếm đóng Campuchia. Những sự việc đó giải thích chính sách của người Mỹ, theo quyền lợi của họ.

Từ đầu thập niên 1990, sau khi khối cộng sản thế giới sụp đổ ở Âu châu, Mỹ đóng cửa các căn cứ không quân, hải quân ở Phi Luật Tân. Quân đội Mỹ đã rút khỏi vùng Á đông, và cho tới nay họ vẫn muốn tiếp tục rút thêm để cắt bớt chi phí quốc phòng. Nhật Bản là một nước muốn giữ chân quân đội Mỹ ở lại vùng này, cũng như Tân Gia Ba, Nam Hàn. Các nước đó đã đạt được sự thịnh vượng kinh tế, nhưng cần được bảo đảm là không bị đe dọa về quân sự. Mối đe dọa quân sự lớn từ Trung Quốc tới, nhất là trên con đường hàng hải nối vùng sản xuất dầu ở Trung Đông, Indonesia, với nơi tiêu thụ dầu là Nhật Bản. Con đường đó đi qua hải phận Việt Nam, với Trường sa là nơi có thể phát sinh ra một cuộc tranh chấp toàn vùng vì hứa hẹn tài nguyên dầu khí. Trong mười, hai mươi năm nữa, Trung Quốc sẽ phát triển công nghệ và nhu cầu năng lượng của họ sẽ tăng gấp bội, khai thác và cung cấp dầu khí cũng là một mối quan tâm chiến lược của họ. Với ngân sách quốc phòng Trung Quốc mỗi ngày một lớn, thế quân bình ở vùng Đông Nam Á sẽ mất, nghiêng về phía Trung cộng trong vòng 20 năm tới. Nếu Trung cộng có thêm lực lượng sản xuất và tiếp thị của Hồng Kông và cộng tác kỹ thuật với Đài Loan thì cả vùng Á đông sẽ bị sức ép.

Một lần nữa, người Mỹ lại chính thức trở lại Việt Nam để tái lập một thế quân bình địa lý chính trị, phù hợp với quyền lợi của các nước Á Đông nhưng chính vì nước Mỹ. Sức mạnh của Hoa Kỳ dựa trên nền mậu dịch tự do toàn cầu. Họ tin rằng việc buôn bán tự do có lợi cho tất cả các nước liên hệ, tất nhiên là có lợi cho họ. Pax Americana đựa trên đạo quân kinh tế và mậu dịch tự do. Bất cứ một vụ xung đột nào làm mậu dịch bế tắc đều bất lợi cho Mỹ. Bảo đảm hòa bình và buôn bán tự do cho vùng Á Đông nằm trong quyền lợi Hoa Kỳ trong thế kỷ sắp tới, khi người ta phát triển khu mậu dịch Á châu - Thái Bình Dương.

Người Việt chúng ta cần hiểu rõ chỉ có nhu cầu và quyền lợi địa lý chính trị là động cơ cho sự có mặt hay vắng mặt của người Mỹ ở Việt Nam từ 1945 tới nay. Các quốc gia vốn không có bạn và thù vĩnh viễn, mà chỉ từng giai đoạn. Trên quyền lợi kinh tế của người Việt thì chúng ta cần hòa hiếu với cả Mỹ lẫn Nhật, và các nước tiên tiến khác để nâng cao mức sống của đồng bào. Trên mặt ngoại giao thì cần phải giữ thế cân bằng giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ, dựa vào khối Đông Nam Á. Những lối nói đầy tình tự kiểu "tình hữu nghị đời đời thắm thiết, v.v." không còn thích hợp nữa. Đó là một căn bệnh ấu trĩ cần bỏ đi. Nếu không Việt Nam sẽ có thể trở thành một quân cờ thụ động hay một quân cờ bị thí, lại đóng vai "anh hùng rơm" trong những cuộc xung đột quốc tế mới.■

Ông Đỗ Ngọc Yến, sáng lập nhật báo *Người Việt* (1978, California) và hiện là chủ nhiệm báo này. Ông cũng là thành viên ban Chủ biên tạp chí *Thế Kỷ 21*.

CUỘC TRANH ĐẤU DO NGƯỜI VIỆT VÀ Ở TRONG NƯỚC

TÔN THẤT THIỆN

Câu hỏi: *Theo ông, việc lập bang giao chính thức Việt Mỹ có ảnh hưởng thế nào tới nội tình Việt Nam, đặc biệt là các vận động nhằm mang lại tự do dân chủ cho dân Việt Nam?*

Trả lời: Về vấn đề này, có bốn khía cạnh chúng ta nên để ý.

Một là chính phủ Hoa Kỳ lập bang giao với Hà Nội hay không, lúc nào, và mật thiết tới mức nào, là *vì quyền lợi của người Mỹ, hoàn toàn không phải vì thương yêu hay lo lắng cho người Việt nam.* Vậy người Việt Nam có hoan hô hay đả đảo gì cũng chẳng lay động gì họ hết.

Ông Clinton lập quan hệ ngoại giao với Hà Nội vì hai lý do chính: lý do thứ nhứt là áp lực của những giới áp phe Mỹ muốn được chính phủ Hoa Kỳ bảo đảm đầu tư của họ ở Việt nam để họ làm ăn buôn bán có lỗ lã cũng không sao, có "tax-payer" đền bù cho họ! Theo luật lệ hiện hành của Hoa Kỳ, những bảo đảm đó chỉ áp dụng ở những quốc gia có quan hệ ngoại giao chính thức với Hoa

Kỳ. Lý do thứ hai là quân sự: Hoa Kỳ muốn Việt nam đóng vai trò "tiền đồn" chống bành trướng của Trung Cộng. Thượng nghị sĩ John McCain, một trong những người dẫn đầu phong trào chủ trương bình thường hóa, đã dùng luận điểm này làm luận điểm "mạnh" để thuyết phục chính phủ Clinton. Ta cũng có thể đoán được đây là luận điểm do chính nhóm lãnh đạo ĐCSVN nhồi vào đầu ông thượng nghị sĩ này, và nhiều người Mỹ khác, nhân dịp những người này viếng thăm Hà Nội. Nếu họ cho Mỹ được những bảo đảm chắc chắn là họ sốt sắn chấp nhận biến Việt nam thành "tiền đồn" của Hoa Kỳ chống Trung Cộng và hữu hiệu trong nhiệm vụ này, thì Hoa Kỳ sẽ yểm trợ họ, và làm ngơ, nếu không nói là tiếp tay cho họ, để duy trì "ổn định" và trật tự, và ĐCSVN sẽ tha hồ đàn áp những người đòi tự do dân chủ. Sự kiện ông Clinton hấp tấp trong quyết định thiết lập bang giao và hoàn toàn bất chấp sự kêu ca của gia đình những người MIA và không đề cập gì đến vấn đề vi phạm nhân quyền ở Việt nam cho phép ta nghĩ rằng chính phủ ông ta tin rằng chính quyền cộng sản Việt Nam hiện tại thành thực và Hoa Kỳ có thể "dùng" họ được.

Chúng ta không nên mơ tưởng rằng người Mỹ vào Việt Nam vì họ muốn giúp vào công cuộc tranh đấu cho dân chủ tự do của dân Việt Nam. Họ đã nói đi nói lại rất nhiều lần, rất lớn, và rất rõ là chính sách của Hoa Kỳ hiện nay là: **Trade before human rights.**

Cho nên, vấn đề tranh đấu cho tự do dân chủ và dân quyền nhân quyền ở Việt Nam là một cuộc tranh đấu **của người Việt Nam và dân Việt Nam, và nó sẽ quyết định ở trên lãnh thổ Việt Nam, giữa người Việt Nam, nhờ những người Việt Nam tranh đấu kiên trì, sáng suốt, thực tế và hữu hiệu, không phải nhờ White House hay bộ Ngoại Giao và trên lãnh thổ Mỹ.**

Điểm thứ hai nên để ý là sự thiết lập bang giao chính thức giữa Mỹ-Việt sẽ có một ảnh hưởng gián tiếp, tuy chỉ ngẫu nhiên và trong dài hạn - tiếng Mỹ là "long term fall-out effect - đến sự nới rộng tự do dân chủ ở Việt Nam. Đó là vì các giới áp phe Mỹ sau khi vào Việt Nam thấy làm ăn không được vì chính quyền và cán bộ cộng sản không chịu buông nhả "chủ nghĩa Mác Lê" và chủ nghĩa xã hội "trong sáng" tất phải xoay xở cách này hay cách khác để có những cải tổ không những kinh tế, mà cả chính trị, trong chiều hướng thu hẹp những sự gò bó của chủ nghĩa xã hội, nghĩa là nới rộng dân chủ, để họ làm ăn được dễ dãi hơn. Nhưng, xin nhắc lại, họ làm gì thì cũng vì quyền lợi của nước Mỹ, và cho người Mỹ, chớ không phải cho người Việt Nam, và vì họ thương người Việt Nam, hay ưu tư lớn về dân chủ và nhân quyền.

Điểm thứ ba ta cần chú ý là sự hiện diện và ra vào của nhiều người Mỹ sẽ đương nhiên khuyến khích những người hoạt động cho tự do dân chủ ở Việt Nam, kể cả những người trong ĐCSVN đã thức tỉnh và muốn có những cải tổ theo chiều hướng dân chủ. Sự hiện diện của người Mỹ sẽ cho họ cơ hội thâu lượm tin tức và biết rõ tình hình ngoài xứ hơn; đồng thời họ sẽ đưa được tin tức xác thực ra ngoài, và sự kiện này sẽ giúp những người Việt ở ngoài tranh đấu một cách thiết thực và hữu hiệu hơn.

Điểm thứ tư và là điểm quan trọng nhứt, là sự thiết lập bang giao chính thức giữa Hoa Kỳ và Việt Nam hiện nay có thể là nguy cơ lớn cho dân Việt Nam vì, về bản chất, nó là một việc thỏa thuận riêng (private deal) giữa Hoa Kỳ và nhóm lãnh đạo hiện tại của ĐCSVN, chớ không phải giữa Hoa Kỳ và dân tộc Việt Nam. Nguy cơ trong việc này là: sau khi đã vì nhu cầu chiếm đoạt và củng cố quyền lực riêng của họ, lãnh đạo ĐCSVN đã triệt để đem nướng dân hủy xứ làm "tiền đồn" xã hội chủ nghĩa, nghĩa là cho Trung Cộng, nay lại cũng vì nhu cầu duy trì củng cố quyền lực của đảng họ sẽ triệt để "làm tốt nghĩa vụ quốc tế" mới, là biến Việt Nam thành "tiền đồn" của Hoa Kỳ chống Trung Cộng. Đối với dân Việt Nam, vẫn là trò trâu bò húc nhau, ruồi muỗi chết. Trâu bò là Trung Quốc và Hoa Kỳ. Ruồi muỗi là dân Việt Nam. Hậu quả sẽ vẫn là xoay về phía nào dân Việt Nam cũng bị ăn đòn, chiến tranh liên miên, xứ sở tan tành, rồi suy sụp, hỗn loạn, và tương lai dân tộc ta vẫn mù mịt đen tối.

Ottawa, 16 tháng 7 năm 1995

Giáo sư Tôn Thất Thiện, cựu Bộ trưởng Thông tin Việt Nam Cộng Hòa, cựu giáo sư Kinh tế đại học Québec (Trois Rivières), Canada. Hiện cư ngụ tại Canada.

DÂN CHỦ VÀ NHÂN QUYỀN TRƯỚC ĐÃ

VŨ QUÝ KỲ

Hỏi: Ông nghĩ sao về việc Tổng thống Clinton quyết định tái lập bang giao với Hà Nội?

Đáp: Trong thời gian gần đây, ta đã thấy có nhiều dấu hiệu báo trước về ý định của ông Clinton, nên việc tái lập bang giao không làm cho người ta ngạc nhiên.

Truyên nguyên tắc, tôi luôn luôn phản đối việc nối lại bang giao với Hà Nội bao lâu mà chính quyền này còn tiếp tục vi phạm trầm trọng những quyền căn bản của con người, và còn tiếp tục là một chế độ cực kỳ phản dân chủ

Mặt khác, trên thực tế ta cũng biết rằng người

Hoa Kỳ hành động theo đường lối nào có lợi cho họ nhất, và quyền lợi của họ nhiều khi đi ngược lại điều chúng ta mong muốn.

Hỏi: Theo ông nghĩ, Hoa Kỳ nhắm quyền lợi gì khi tái lập bang giao với Hà Nội?

Đáp: Hoa Kỳ có quyền lợi kinh tế cũng như quyền lợi chính trị địa lý (geopolitic). Về kinh tế, lợi ích lớn nhất đối với Hoa kỳ có lẽ là tiềm năng cung cấp dầu hỏa của Việt Nam. Về phương diện địa lý, có thể Hoa Kỳ tìm được người bạn mới sẵn sàng làm tay sai trong trận tuyến đương đầu với nước Tàu.

Hỏi: Vậy tình hình mới có thay đổi thái độ của Hội Chuyên Gia Việt Nam hay không?

Đáp: Từ trước tới nay đã có nhiều nước Tây phương bang giao với Hà Nội. Ngày nay nếu thêm một bước nữa là Hoa Kỳ, thì nếu đếm trên đầu ngón tay, điều đó không tạo ra thay đổi gì đáng kể.

Về phía Hà Nội, tuy họ rất mong mỏi được Hoa Kỳ tái lập bang giao, nhưng chính họ cũng lo lắng học tập trong nội bộ để chuẩn bị đối phó với những hậu quả tiêu cực của hoàn cảnh mới sau khi có bang giao.

Mặt khác, Hội Chuyên Gia Việt Nam cũng chưa thấy có lý do gì đặc biệt để thay đổi thái độ, bao lâu mà những vấn đề căn bản về dân chủ và dân quyền chưa thay đổi một cách dứt khoát.

Hỏi: Tại sao Hà Nội vừa mong được tái lập bang giao, lại vừa lo lắng khi được bang giao với Hoa Kỳ?

Đáp: Theo tôi nghĩ việc nối lại bang giao với Hoa Kỳ một phần nào khiến Hà Nội phải cởi mở hơn một chút để hy vọng đạt được những lợi ích về buôn bán. Nhưng càng cởi mở hơn thì lại càng bị đe dọa bởi cái mà Hà Nội gọi là "diễn biến hòa bình."

Hà Nội cũng biết rằng việc bang giao với Hoa Kỳ là một con dao hai lưỡi, nếu không khéo chơi dao thì có ngày đứt tay. Nhưng có lẽ Hà Nội nghĩ rằng thà bị Mỹ cắt đứt tay còn đỡ đau hơn là bị Tàu cắt đứt tay, vì Mỹ sẽ có thuốc chữa. Mặt khác, từ xưa Hà Nội đã nhiều lần cho các chính trị gia Hoa Kỳ vào xiếc, nên có thể họ hy vọng vẫn tiếp tục đi con đường cũ để thủ lợi mà may ra có thể tồn tại.■

Ông Vũ Quý Kỳ, giáo sư khoa học, hiện là chủ tịch Hội Chuyên gia Việt Nam, cư ngụ tại tiểu bang Georgia.

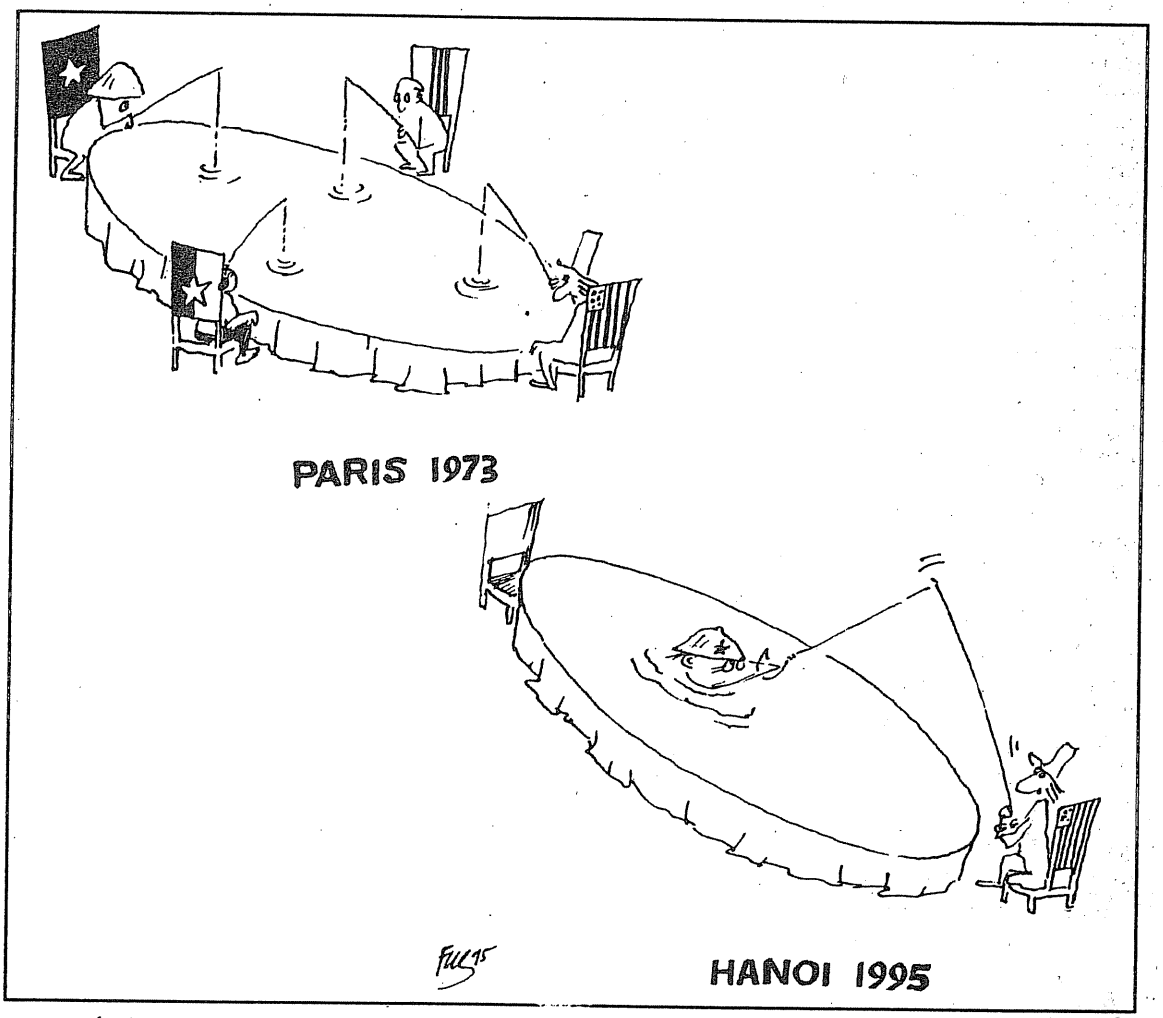

KHÔNG THỂ TRÔNG CHỜ NGƯỜI NGOÀI

VƯƠNG VĂN BẮC

Vấn: Ngày 11 tháng Bảy vừa qua, Tổng thống Mỹ Clinton cho hay Hoa Thịnh Đốn và Hà Nội sắp thiết lập quan hệ ngoại giao bình thường. Ông nghĩ gì về sự kiện này?

Đáp: Trước hết, đây không phải là một biến cố bất ngờ, đi theo sau quyết định bãi bỏ lệnh cấm vận hồi tháng Hai năm ngoái và quyết định thiết lập văn phòng liên lạc ở hai thủ đô, hồi tháng Hai năm nay. Đây là một bước mới, hầu như tất yếu, trong một diễn trình đã được chính quyền Mỹ dự liệu từ lâu.

Sau nữa, quyết định bình thường hóa quan hệ ngoại giao là một quyết định chính trị của chánh phủ Hoa Kỳ, dựa trên những quan tâm chiến lược, kinh tế, chính trị của riêng Hoa Kỳ, trong đó lợi ích của nhân dân Việt Nam và tương lai của nước Việt Nam không dự phần.

Bởi thế tôi nghĩ rằng quyết định này sẽ được phê bình bởi các chính khách Mỹ, đặc biệt là các nghị sĩ dân biểu của hai viện Quốc Hội Hoa Kỳ, qua các lời tuyên bố của họ cũng như khi họ biểu quyết về ngân sách thiết lập và điều hành cơ sở ngoại giao của Hoa Kỳ ở Việt Nam. Quyết định ấy chắc cũng sẽ được các hội đoàn và công dân Mỹ (trong đó dĩ nhiên có các công dân Mỹ gốc Việt) phê bình qua các diễn đàn, các cơ quan ngôn luận của họ, cũng như qua cuộc bầu cử tổng thống vào năm tới.

Tôi vừa không phải là chính trị gia Mỹ, vừa không phải là công dân Mỹ, nên không có thẩm quyền và vị thế đặc biệt để phê bình quyết định mới đây của Tổng thống Clinton.

Vấn: Dù không phải là người Mỹ, nhưng là một người quan sát có đôi chút kinh nghiệm về những vấn đề ngoại giao, ông cũng có thể cho biết ý kiến về những vấn đề ngoại giao này?

Đáp: Tôi nghĩ rằng đã có nhiều nguyên nhân phức tạp thúc đẩy Tổng thống Clinton ban hành quyết định này.

Trước hết là tương lai chính trị của chính Tổng thống Clinton. Ai cũng biết rằng vấn đề chiến tranh Việt Nam có thể có những ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc vận động tái cử tổng thống của đương sự. Nếu nhờ quyết định bình thường hóa quan hệ ngoại giao mà vấn đề chiến tranh Việt Nam trở thành quá khứ thì đây sẽ là một lợi điểm lớn cho ứng cử viên Clinton.

Sau đó là sức ép của những giới kinh doanh Hoa Kỳ muốn xuất cảng và đầu tư vào một thị trường mà họ cho là nhiều hứa hẹn vì có hơn bẩy chục triệu người tiêu thụ, nhiều tài nguyên thiên nhiên và một khối lượng nhân công đông đảo, thông minh và cần cù. Họ nghĩ rằng trong công cuộc kinh doanh này, họ cần có sự bảo trợ chính trị và pháp lý toàn vẹn của những cơ sở đại diện ngoại giao bình thường.

Ngoài ra còn có những giới chức quân sự và chính trị Mỹ nghĩ rằng vì quyền lợi chiến lược của Mỹ ở vùng Á Châu và Thái Bình Dương, trong ván cờ phức tạp của họ với hai nước lớn, vừa là bạn vừa là địch, Nhật Bản và Trung Quốc, Mỹ cần có thể sử dụng được lá bài Việt Nam.

Trên đây chỉ là những chờ đợi, những hi vọng. Những kỳ vọng ấy có thành sự thật hay hóa thành ảo vọng, chỉ có thời gian, một thời gian khá lâu sau sự bình thường hóa quan hệ ngoại giao, mới có thể đem lại câu trả lời.

Vấn: Sau hết, yêu cầu ông cho biết ý kiến, không phải trên cương vị một người Mỹ, không phải trên cương vị một người quan sát chính trị, nhưng trên cương vị một người Việt Nam?

Đáp: Vì khuôn khổ giới hạn của cuộc phỏng vấn, tôi xin nêu ra ba nhận xét nhỏ:

— Thứ nhất, quyết định bình thường hóa quan hệ ngoại giao không phải là một quyết định tán thành chế độ chính trị và xã hội của quốc gia hữu quan. Bởi thế quyết định mới đây của Tổng thống Clinton không thể được xem như một chứng chỉ dân chủ tự do mà Mỹ gửi đến chính quyền Hà Nội.

— Thứ hai, những người Việt nào đã hi vọng rằng Hoa Kỳ sẽ dùng những quyết định như bỏ lệnh cấm vận, thiết lập quan hệ bình thường... như lợi khí để đòi Hà Nội tiến lên một chế độ đa nguyên, đa đảng, tôn trọng nhân quyền, tôn trọng khác biệt... hẳn đã thất vọng vì Hoa Thịnh Đốn, đã chỉ lấy những quyết định ấy theo yêu cầu của những quyền lợi của Mỹ mà thôi. Đây là một bài học, không biết bài học thứ mấy mươi trong vòng một thế kỷ qua, cho thấy người dân Việt không thể trông chờ ở người ngoài, ở nước ngoài, thay mình tranh đấu giành lấy độc lập, tự do, nhân phẩm và thịnh vượng.

— Thứ ba và sau hết: Có thực sự cần phải trải qua một cuộc chiến tranh tàn khốc, chết chóc hàng triệu người và tan nát sông núi ruộng đồng, để ngày nay được thiết lập quan hệ ngoại giao bình thường với Hoa Thịnh Đốn và có chân trong tổ chức ASEAN hay không? ■

Luật sư Vương Văn Bắc, cựu Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Cộng Hòa, hiện làm việc trong ngành luật bảo hiểm tại Paris. Bài này đã được đọc trên đài VNCR (California).

BỨC THƯ NGỎ

NGUYỄN HỘ

Nguyễn Hộ

Lời Tòa Soạn: Đây là một tài liệu mà độc giả Thế Kỷ 21 *cần đọc. Trong thư này một đảng viên Cộng sản hơn 50 năm nay đã từ bỏ đảng nói thẳng đảng Cộng Sản Việt Nam phải sám hối, và hòa giải với "những người anh em Việt Nam từng là đối tượng đàn áp, là nạn nhân của đảng Cộng Sản Việt Nam". Việc sám hối đó, ông hy vọng "sẽ làm tan biến bao nỗi u buồn, đau khổ uất hận... trong nhân dân từng là nạn nhân của Đảng Cộng Sản Việt Nam". Ông còn nói hành động đó sẽ tiết kiệm xương máu, phải chăng ông lo sợ những uất hận trên sẽ có ngày gây ra đổ máu?*

Một điều nhiều người sẽ không đồng ý với ông là khi ông nói "dân tộc Việt Nam có trách nhiệm tạo lối thoát cho đảng Cộng Sản Việt Nam". Dân tộc ta chưa bao giờ được đảng Cộng Sản Việt Nam cho tự do chọn lựa và tự do quyết định thì tại sao phải có trách nhiệm? Phải chăng ông Nguyễn Hộ muốn nói sau khi có bầu cử tự do thì nhân dân Việt Nam phải tỏ lòng bao dung nhân ái với các đảng viên Cộng sản?

Những đề nghị của ông Nguyễn Hộ sẽ được thảo luận trong cộng đồng Việt Nam những ngày sắp tới. Chúng tôi ghi nhận thái độ can đảm và thành khẩn của ông Nguyễn Hộ. Có bao nhiêu người như ông trong đảng Cộng Sản Việt Nam?

*

Kính gởi những người Cộng Sản Việt Nam chân chính, đồng kính gởi đồng bào cả nước và đồng Việt Nam ở nước ngoài.

Tuyên bố về một giải pháp hòa giải hòa hợp

Phần I

Trong mấy ngàn năm lịch sử tồn tại của mình, dân tộc Việt Nam đã từng chiến đấu hàng ngàn năm chống quân xâm lược và sự đô hộ của phong kiến phương Bắc và đã từng chiến đấu hàng thế kỷ sau cùng chống quân xâm lược và sự đô hộ của đế quốc thực dân; đặc biệt các cuộc chiến đấu ấy đã đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1930 khi đảng này ra đời về sau. Cụ thể các cuộc chiến đấu ấy như:

— Khởi nghĩa chống Pháp và thành lập Xô Viết Nghệ Tĩnh (năm 1930).

— Khởi nghĩa Nam Kỳ chống Pháp (năm 1940).

— Khởi nghĩa Đô Lương, Bắc Sơn và Khởi nghĩa tháng Tám 1945 (gọi là Cách mạng tháng Tám), giành chánh quyền từ tay bọn phát xít Nhựt Bản.

— Kháng chiến chống Pháp (chín năm, 1945-1954).

— Kháng chiến chống Mỹ (20 năm, 1955-1975).

— Kháng chiến chống bọn bành trướng phương Bắc từ đầu năm 1979 và sau một tháng thì chấm dứt nhưng đánh ở biên giới rất lâu dài.

Chiến đấu võ trang chống bọn diệt chủng Pôn Pốt, Iêng Sary và "làm nghĩa vụ quốc tế" ở Campuchia (12 năm, 1979-1991).

Tất nhiên dân tộc Việt Nam chúng ta phải gánh chịu những hy sinh lớn lao trong quá trình chiến đấu lâu dài nói trên vì độc lập tự do của tổ quốc.

Chỉ riêng cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước kéo dài suốt 20 năm đã gây thương vong cho 8 triệu người Việt Nam:

— 1.1 triệu liệt sĩ.

— 300,000 quân nhân mất tích.

— 600,000 thương binh.

— 2 triệu dân thường bị chết.

— 2 triệu người bị nhiễm chất độc hóa học.

(theo báo chí Trung Quốc dựa vào thống kê của nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam đã loan báo gần đây).

Nếu tính tất cả các cuộc chiến tranh và các cuộc khởi nghĩa như đã nêu trên thì tổng số thương vong ở nước ta ước tính có thể lên tới 11-12 triệu người. Đó là cái giá quá đắt và quá nặng nề đối với dân tộc Việt Nam ta. Sở dĩ có hậu quả ấy là vì cuộc chiến tranh cứu nước của nhân dân ta vừa mang tính chất đấu tranh giai cấp (giữa Cộng sản và

Quốc gia, giữa vô sản và tư bản, giữa Chủ nghĩa Xã hội và Chủ nghĩa Tư bản) và đấu tranh ý thức hệ (giữa duy vật và duy tâm, giữa vô thần và hữu thần, giữa Cộng sản và các Tôn giáo: Cao Đài, Hòa Hảo, Công giáo, Thiên Chúa giáo, Tin Lành, Phật giáo...)

Với tính chất giai cấp ấy, cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc đã biến thành cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, nội chiến chém giết lẫn nhau giữa những người anh em ruột thịt có chung một dòng máu Lạc Hồng. Tính chất đấu tranh giai cấp ác liệt của cuộc chiến tranh cứu nước của dân tộc ta được thể hiện ở tổng số thương vong vừa kể trên; đồng thời được thể hiện ở các sự kiện chấn động chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta: 2 triệu người miền Bắc ồ ạt di cư vào miền Nam từ năm 1954-1955 và 2 triệu người trong cả nước ồ ạt di tản đi khắp thế giới từ năm 1975 trở đi.

Do đó, tuy chiến tranh đã chấm dứt từ lâu, nhưng hận thù trong các từng lớp nhân dân đối với chế độ hiện nay ở Việt Nam vẫn còn sâu sắc, đậm nét và chưa hề được giải quyết để xóa sạch nó đi, thậm chí các cuộc đàn áp, bắt bớ, giam cầm, tù đày đối với những người theo đạo (Phật giáo, Công giáo...) trí thức, nhà văn, nhà báo, nhà thơ, luật sư, bác sĩ... cán bộ đảng viên trung thực, những người kháng chiến cũ, ... vẫn tiếp diễn không ngừng, chỉ vì những người kể trên dám có ý kiến khác với Đảng Cộng sản Việt Nam.

Việt Nam đang tiến lên, nhưng trên mình còn nhiều ung nhọt, nhức nhối thường xuyên. Điều đó không thể không hạn chế bước phát triển của đất nước.

Ở vào thời đại trên thế giới, chiến tranh lạnh đã chấm dứt, hòa giải và hòa hợp giữa các kẻ thù với nhau đã xuất hiện và tiến triển mạnh mẽ; do đó, nhiệm vụ tất yếu phải sớm hòa giải và hòa hợp trong cộng đồng dân tộc Việt Nam càng trở nên cấp bách hơn bao giờ hết. Đó là nội dung cách mạng, chính trị rất quyết định trong giai đoạn phát triển mới của Việt Nam từ nay đến đầu thế kỷ 21. Nếu chỉ với giải pháp thuần túy kinh tế thì không thể giải quyết được gì đáng kể cho giai đoạn nói trên.

Theo xu thế chung của thế giới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thực hiện một cách nhanh chống sự hòa giải và hợp tác chặt chẽ chưa từng có trong lịch sử với những "kẻ thù không đội trời chung" của dân tộc như: đế quốc Mỹ, Pháp, Nhựt, Nam Triều Tiên, ASEAN, Trung Quốc, lẽ nào lại không thể hòa giải hòa hợp với những người anh em Việt Nam từng là đối tượng đàn áp... nạn nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam sao? Phải chăng đồng đôla là điều kiện để hòa giải có nghĩa là nơi nào có đôla thì có hòa giải với nơi đó; ngược lại, nơi nào không có đôla thì không có hòa giải sao? Nếu đó quả là sự thật thì rất đáng buồn và tủi nhục cho dân tộc Việt Nam bất hạnh! Nhưng tôi mong điều đó không hề là sự thật bao giờ.

Vậy, câu hỏi đặt ra: Nếu có hòa giải thì Đảng Cộng sản Việt Nam hòa giải với ai và trên cơ sở gì?

— Hòa giải với những ai từng là đối tượng vu khống, chụp mũ, đàn áp, khủng bố, giam cầm, tù đày, tước đoạt, giết hại của Đảng Cộng sản Việt Nam; và hòa giải trên cơ sở dân chủ, bình đẳng có nghĩa là Đảng Cộng sản Việt Nam phải tự bắt buộc mình thực hiện nền chính trị đa nguyên - dân chủ đa đảng, từ bỏ chuyên chế độc tài, độc đảng, tức Đảng Cộng sản Việt Nam và những người cần phải hòa giải cùng đứng chung, vai ngang vai với nhau, chớ không thể như lâu nay, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn đứng trên họ, đè đầu cỡi cổ họ.

Ở giữa thời điểm nghiêm trọng này Đảng Cộng sản Việt Nam muốn tiến hay lùi đều không dễ dàng chút nào. Đây là thách thức nặng nề của lịch sử đối với Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chính tình hình khách quan ấy đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam phải "lột xác" hoàn toàn (thay đổi cả nội dung và hình thức) để có điều kiện đưa cách mạng tiếp tục tiến lên trong giai đoạn mới.

Điểm chắc chắn làm cho chúng ta tin tưởng là những người Cộng sản chân chính với tinh thần trách nhiệm trước nhân dân và lòng dũng cảm của mình sẽ vượt qua biết bao cản ngại lớn do lực lượng bảo thủ, ngoan cố tạo ra để xông lên, giành thắng lợi rực rỡ cho sự nghiệp hòa giải, hòa hợp dân tộc, xây dựng một nền chính trị đa nguyên - dân chủ đa đảng, xây dựng một nhà nước pháp quyền của dân, vì dân, do dân và xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh, dân chủ tự do, ấm no hạnh phúc, văn minh, hiện đại.

Giai đoạn phát triển mới của đất nước từ chuyên chế độc tài chuyển sang chế độ dân chủ đa nguyên, hòa giải hòa hợp dân tộc là giai đoạn rất phức tạp và đầy cam go. Tuy nhiên, chúng ta phải thực hiện nó bằng những điều kiện và biện pháp hòa bình (đối thoại, hội thảo, thương lượng...), cố tránh mọi hành động bạo lực, vũ lực

Khi chép văn của một tác giả khác thì gọi là "đạo văn", còn khi chép của rất nhiều người thì gọi là "khảo cứu".

Một bác sĩ bất ngờ phải mổ bệnh nhân, viết vội trên tập giấy ở văn phòng cho người bạn, nói: "có việc gấp, trưa nay không đi ăn chung được." Người bạn nhận được thông điệp, đọc không ra. Nghĩ rằng chỉ có các dược sĩ quen đọc nét chữ của các bác sĩ, ông ta ghé qua tiệm thuốc hỏi. Dược sĩ nhìn qua tờ giấy, quay vào lấy ra một lọ thuốc đưa cho ông ta, dặn: "Uống ngày ba lần, mỗi lần một viên sau bữa ăn."

nhằm tiết kiệm triệt để xương máu của nhân dân ta đã từng chịu đựng nhiều đau thương đầy máu và nước mắt qua mấy mươi năm chiến tranh vì độc lập, tự do của tổ quốc.

Dân chủ, bình đẳng, đối thoại là những yếu tố quyết định đối với hòa giải, hòa hợp dân tộc. Tuy nhiên một yếu tố khác cũng không kém phần quyết định: đó là sự sám hối của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Sám hối nghiêm túc, chân thành, súc tích có sức thuyết phục sẽ làm tan biến nhanh chóng bao nỗi u buồn, đau khổ, uất hận, tiềm tàng từ lâu trong các từng lớp nhân dân từng là nạn nhân của Đảng Cộng sản Việt Nam. Chính bản thân sám hối nghiêm túc đó mới dẫn đến kết quả tiết kiệm thật sự xương máu của nhân dân ta và thúc đẩy công cuộc hòa giải, hòa hợp dân tộc đến thắng lợi huy hoàng.

Sám hối nghiêm túc đó cũng có nghĩa quan trọng đối với việc giữ vững vai trò, vị trí của người Cộng sản trong điều kiện hoàn toàn mới của đất nước và sẽ không có chuyện Đảng Cộng sản Việt Nam "bị gạt ra" và "bị trả thù", bởi vì biết bao tấm gương trung trinh, bất khuất, vì dân vì nước mà hy sinh của những người Cộng sản còn in sâu trong tâm trí của nhân dân ta ngày nay.

Đảng Cộng sản Việt Nam phải có trách nhiệm tạo lối thoát cho dân tộc, đồng thời, dân tộc cũng có trách nhiệm tạo lối thoát danh dự (bao dung nhân ái) cho Đảng Cộng sản Việt Nam. Đã đến lúc phải có nhiều phía, nhiều tiếng nói thì mới có thể giải quyết được tất cả mọi vấn đề của đất nước đặt ra.

Giữ vững độc lập, đẩy mạnh cải cách, mở cửa và hợp tác, hòa nhập vào cộng đồng thế giới, đó là hướng đi chiến lược của chúng ta. Bằng đôi chân vững vàng của dân tộc mình, chúng ta mới có thể tránh được tình trạng lệ thuộc ngoại bang. Do đó, điểm quan trọng và cấp bách là chúng ta phải biết huy động sức mạnh tổng hợp của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài gồm 2 triệu người được đánh giá có trọng lượng tương đương với một nước giàu mạnh trên thế giới. (Có tổng thu nhập hàng năm cao gấp bội TSTN của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, 16 tỷ đôla với hơn 70 triệu dân), với đội ngũ trí thức quý báu (trên 300,000 người) đang cư trú và làm việc trên khắp thế giới đặc biệt ở các nước phương Tây. Do lặn lội và cọ sát với môi trường văn minh, tiên tiến của thế giới tư bản chủ nghĩa trong mấy mươi năm qua, anh chị em trí thức nói trên có đầy đủ tầm vóc (quốc tế) trên các lĩnh vực để góp phần quyết định trong sự nghiệp xây dựng dân chủ, phát triển đất nước, thúc đẩy Việt Nam cất cánh. Với lực lượng hùng hậu của đội ngũ trí thức Việt Nam trong và ngoài nước, tại sao Việt Nam lại không thể thành "Rồng" trong một tương lai không xa?

Tôi vẫn lạc quan và tin tưởng đồng bào các từng lớp ở trong và ngoài nước sẽ có thái độ bình tĩnh, vì lợi ích tối cao của Tổ quốc Việt Nam thân yêu, sẽ góp phần tích cực thực hiện hòa giải, hòa hợp và đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở dân chủ, bình đẳng, bao dung, nhân ái, sẵn sàng khép lại quá khứ đau buồn và tội lỗi, nhìn thẳng về tương lai mà dốc toàn lực cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, biến Việt Nam thành một nước giàu mạnh, dân chủ tự do, ấm no hạnh phúc, văn minh, hiện đại.

Phần II

Để thực hiện hòa giải, hòa hợp dân tộc cần tiến hành những công tác lớn trước mắt:

1. Thành lập Ban vận động hòa giải hòa hợp dân tộc
   a) Tiếp xúc giữa các đối tượng có liên quan
   b) Mở hội thảo, hội nghị hòa giải, hòa hợp dân tộc
   c) Mở Đại hội hòa giải, hòa hợp dân tộc.
2) Thực hiện các quyền tự do dân chủ của công dân:
   a) Tự do ngôn luận
   b) Tự do báo chí
   c) Tự do hội họp, hội thảo, mết tinh
   d) Tự do tổ chức, tự do lập hội...
3. Thành lập Ủy ban Hòa giải Hòa hợp dân tộc có nhiệm vụ lãnh đạo quốc gia thông qua bộ máy Nhà nước hiện hành (bước quá độ).
4. Xây dựng dự thảo Cương lĩnh hòa giải, hòa hợp dân tộc.
5. Tổ chức bầu cử tự do trong cả nước (bầu Quốc hội mới) có sự giám sát của Liên Hiệp Quốc.
6. Xây dựng dự thảo Hiến pháp mới hòa giải, hòa hợp dân tộc.

Tóm lại, giờ phút hòa giải hòa hợp dân tộc Việt Nam ta đã điểm. Dân chủ, bình đẳng, sám hối, bao dung, nhân ái là những yếu tố quyết định hòa giải hòa hợp dân tộc. Thành công trong hòa bình, ổn định và danh dự tràn đầy phấn khởi.

Ngược với sám hối là sự tố giác. Tố giác của quần chúng, nhân dân khi đã thành sự thật (như ở Liên Sô, Đông Âu cũ), thì không khác gì núi lửa hận thù bộc phát, vô cùng khủng khiếp, bởi vì không có bất cứ thứ gì có thể chịu đựng nổi sự tàn phá, hủy diệt của núi lửa. Do đó, sám hối là sự chọn lựa khôn ngoan nhứt mà chỉ có dũng khí cách mạng kiên cường và tấm lòng thương dân, thương nước vô hạn của những người Cộng sản chân chính, trung thực mới có thể thúc đẩy thực hiện sám hối thắng lợi mà thôi.

Thực tế, đã có sám hối đầy khí phách của Nguyễn Trung Thành người Cộng sản suốt mấy mươi năm bị chìm đắm trong mê muội, tối tăm của tư tưởng mù quáng, sùng bái cấp trên, dấn thân vào một quá trình hành động tạo ra tội ác, ngày nay, đã thức tỉnh, mạnh dạn trở về cội nguồn nhân dân, đất nước, trở về lương tri của những người Cộng sản chân chính, trung thực. Thật đáng kính trọng. Đây chắc chắn là tín hiệu cho sự xuất hiện trong một ngày không xa hàng trăm, hàng ngàn Nguyễn Trung Thành khắp đất nước cho sự sám hối và hòa giải, hòa hợp dân tộc.■

Thành phố Hồ Chí Minh
ngày 11 tháng Sáu 1995

NHỚ LẠI VÀ SUY NGHĨ

Hỏi chuyện NGUYỄN MINH CẦN

. một cán bộ cao cấp ly khai đảng Cộng Sản Việt Nam từ năm 1964 như là một nạn nhân của "Vụ Án Xét Lại."
. một người Việt Nam tham gia HAI CUỘC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM: tháng Tám 1945 ở Việt Nam và tháng Tám 1991 ở Nga.

ĐỖ QUYÊN thực hiện

(tiếp theo và hết)

ĐQ: *Vậy với Chủ nghĩa Cộng sản anh đã có những thái độ ra sao?*

NMC: Tôi sẽ giải thích dần dần... Trước hết, đối với chủ nghĩa Stalin mọi người đến nay đã rõ. Nhưng thực ra khi Stalin chết tôi cũng đã buồn thực sự. Sau này qua các cuộc cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức... vấn đề Stalin càng rõ hơn. *Nên từ 1956 tôi dứt khoát từ biệt Chủ nghĩa Stalin, chủ nghĩa Mao.* Và hồi đó tôi còn nghĩ: À, Lênin cũng là tốt đây. Chắc là do Stalin làm sai thôi? Càng đọc tôi càng cố hiểu Lênin như thế nào. Tôi cũng có dịp trò chuyện với các anh em của các ĐCS ở Đông Âu như Hung, Bun, Tiệp Khắc... Họ có nhiều thông tin hơn chúng tôi. Thực ra hiện tượng Stalin không phải là tự dưng bật ra được mà có nguyên nhân sâu xa của nó. Nguồn gốc không phải là ai khác, đó là Lênin! Đây là cả một vấn đề lớn mà tôi đã phải hiểu dần dần. Với chủ nghĩa xã hội cũng thế, trước đây tôi cho rằng chủ nghĩa xã hội không sai mà là do cách làm của Stalin, còn nếu như làm theo cách của Lênin thì chắc là sẽ khác. Lại đọc, lại nghiên cứu... Đến khi có cao trào Đông Âu, đặc biệt là vụ "Mùa Xuân Praha", thì những người cộng sản có một hy vọng lớn về việc giữ lại chủ nghĩa xã hội nhưng phải nhân bản hóa nó, "làm cho chủ nghĩa xã hội có bộ mặt con người" như người ta dạo đó hay nói. Tôi cũng hy vọng... Đùng một cái Liên Xô đưa quân vào Tiệp Khắc năm 1968! Anh biết không: ngay lập tức có chín người Nga biểu tình phản đối ở Quảng trường Đỏ. Bị bắt ngay lập tức! Rồi tống giam. Vào thời đó mà đã có những người dấn thân như vậy, dù chỉ có chín người. Thật đáng khâm phục. (Nói thêm: Về sau những người Nga đó được mời sang thăm Tiệp Khắc, tổng thống Havel đã cảm ơn và gắn huân chương cho họ). Tôi nhấn mạnh rằng: *việc Liên Xô đánh vào Praha năm 1968 là cú cuối cùng làm tôi hết tin vào chủ nghĩa xã hội, vào đảng cộng sản.*

Khi "Perestroika" đến, tôi đã nhập vào được các hoạt động dân chủ của người Nga. Không đứng trong một tổ chức nào, nhưng bất kỳ sinh hoạt dân chủ nào của họ tôi và nhà tôi đều có mặt. Từ hội họp, biểu tình... đến tranh đấu, chúng tôi không bỏ buổi nào. Thậm chí, trong vụ đảo chính tháng Tám, 1991 tôi và nhà tôi, già cả như thế này, cũng đi vận động lương thực tiếp tế cho những người bảo vệ Tòa Nhà Trắng. Rồi chúng tôi cũng đứng ngay ở đó hai ngày đêm để cùng mọi người bảo vệ thành quả của cách mạng dân chủ (cười sảng khoái).

ĐQ: *Anh "hăng" đến thế cơ ạ?*

NMC: Vâng! Cho nên hôm qua tôi có nói đùa với các anh ở đây, nhưng đùa là thật, rằng: *Tôi là người Việt Nam tham gia hai cuộc Cách mạng tháng Tám. Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam tôi tham gia vì lòng yêu nước và vô tình đưa đảng cộng sản lên nắm chính quyền. Còn Cách mạng tháng Tám 1991 ở Nga tôi tham gia có ý thức về một cuộc cách mạng dân chủ và để đảng cộng sản không còn nắm chính quyền nữa.* "Thật là lạ!" - tôi hay tự nhủ - "Chắc hiếm có người Việt nào được may mắn tham dự hai cuộc Cách mạng tháng Tám" (lại cười sảng khoái). Và tôi hay nói vui với nhà tôi: "Thôi, thế này thì cũng là thỏa dạ!" Nói ra vậy chắc các ông ở nhà sẽ ghét tôi lắm... Ở cuộc đấu tranh sau tôi có ý thức rõ rệt, mà không phải chỉ có tôi, tất cả những người Nga xung quanh đều có ý thức làm sao để đảng cộng sản không còn nắm chính quyền, để chấm dứt một chế độ cực quyền.

ĐQ: *Vậy có nghĩa đến nay thái độ của anh đối với đảng cộng sản đã là dứt khoát?*

NMC: Dứt khoát! Tôi đã nói rồi: Bắt đầu từ 1968 trở về sau tôi thấy dứt khoát là không được, không thể đi theo con đường đó. Vì thế năm 1989 tôi mới tham gia vào phong trào dân chủ của Liên Xô. Họ mời chúng tôi tham dự như là thành viên chính thức, nhưng chúng tôi không muốn...

ĐQ: *Anh có thể cho biết lý do được không?*

NMC: À, là vì tôi không còn muốn tự gò bó vào trong tổ chức nào cả. Ở mỗi một tổ chức rồi thì cũng có sự lệ thuộc mặc dù bây giờ ở Nga các tổ chức sinh hoạt rất tự do.

ĐQ: *Hay là anh đã chán chính trị rồi?*

NMC: Không phải thế! Nhưng mà...

ĐQ: *Trước kia anh là một nhà cách mạng, một người làm chính trị. Sau khi nhận thức ra sai lầm của chính đảng mà anh từng tham gia, nếu còn ý chí chính trị thì hoặc anh cùng mọi người lập ra khuynh hướng chính trị mới, hoặc anh hòa nhập vào khuynh hướng nào đó đang có mà anh cho là đúng...*

NMC: Tôi ấy mà... Tôi không phải là người bi quan, nếu không tôi đã chẳng tham gia vào các chuyện vừa rồi ở Nga. Nhưng dẫu thế tôi không muốn tự gò bó mình vào một tổ chức nào. Ví dụ, khi "Phong trào lựa chọn nước Nga" trở thành chính đảng, họ mời tôi đến dự hội nghị thành lập đảng. Tôi và nhà tôi đến, nhưng tới phần bầu cử thì chúng tôi xin lỗi không ngồi dự tiếp.

ĐQ: *Có phải do tổ chức đó tranh đấu vì nước Nga, chứ nếu như đó là tổ chức của người Việt, vì nước Việt Nam thì...*

NMC: Không phải vậy! Vì tôi không còn coi mình là người nước ngoài ở Nga nữa. Tôi tham gia giám sát ở các khu bầu cử trong những buổi bầu cử tổng thống. Thậm chí trong cuộc chiến đấu chống bọn phiến loạn hồi tháng Mười, 1993 tôi và nhà tôi cũng ngồi suốt đêm bảo vệ tòa nhà Xô Viết Matxcơva lúc đó là Bộ tham mưu các lực lượng dân chủ. Tóm lại là tôi chỉ làm các công việc cụ thể còn những gì liên quan đến tổ chức thì tôi không muốn tham gia.

ĐQ: *Nhưng anh có nghĩ rằng nếu như anh tham gia sâu hơn nữa thì điều đó có tác dụng rất lớn đối với những người Việt? Có thể nói là có tác dụng rất lớn... Vì người tra tự hỏi: Trong bối cảnh có lợi cho dân chủ như lúc này mà một người kinh nghiệm dày dặn về chế độ CS như anh lại đứng vòng ngoài thì sẽ sao đây?*

NMC: Không hẳn thế! Tôi vẫn tham gia phong trào, chỉ có điều là không muốn bị gò bó về tổ chức. Vâng, tôi sẽ nói rõ hơn nữa vấn đề này... Dù đấu tranh cho nền dân chủ nước Nga nhưng tôi là người Việt, tôi luôn tha thiết với đất nước Việt Nam. Nói thật thế đấy! Nhưng làm cái gì đây cho hợp hoàn cảnh lúc này của tôi (suy ngẫm, thở dài). Từ khi mà ở Liên Xô có "Perestroica"...

ĐQ: *Anh được tự do, không còn bị hạn chế về mặt chính trị nữa...*

NMC: Phải! Từ khi ấy tôi tha hồ, thoải mái tiếp xúc với mọi người. Các cán bộ, văn nghệ sĩ đến Matxcơva cũng đã dám đến thăm tôi, có người đến nhà tôi, có người hẹn ở đâu đấy. Nhất là các anh chị em từ Việt Nam sang đã cho tôi nhiều thông tin tốt. Chúng tôi trao đổi, trò chuyện; nhiều người hỏi ý kiến tôi... Nhưng mà nói thật với các anh, tôi không có một tổ chức chính trị nào, hay không có ý định làm ra một tổ chức chính trị nào. Rõ ràng là như vậy, vì tôi muốn như vậy. Đến lúc có Đài phát thanh Tự Do của bà Irina Zisman. Thực ra lúc đầu tôi không hiểu Đài này như thế nào. Trong cuốn hồi ký tập I bà Zisman đã đúng về quan hệ giữa tôi và bà, đại ý có câu: "Chúng tôi quan hệ không phải là thân thiết lắm đâu!" Có một thời gian dài tôi ngờ ngợ bà Zisman lắm, nên lúc bà Zisman đặt vấn đề xem tôi có thể tham gia giúp Đài được chăng, tôi nói là còn suy nghĩ và một tuần sau sẽ trả lời chứ không phải là tôi nhận lời ngay. Và tôi đã tham gia, với tên là Trần Minh. Rồi tôi cũng tham gia Hội nghị Nhân quyền cho Việt Nam tổ chức tại Matxcơva... Nhưng lâu nay tôi đã không tham gia công việc của Đài nữa rồi! Nói chung thì *bây giờ tôi không hoạt động chính trị, không tham gia chính trị và cũng không có mong muốn làm chính trị, càng không có mong muốn đấu tranh cho quyền lực chính trị.*

ĐQ: *Đó là lúc này. Còn đến lúc tình hình ở trong nước tới độ chín muồi nào đó để anh có các đóng góp, thì liệu anh sẽ thay đổi suy nghĩ?*

NMC: À! Đóng góp thì từ ngay bây giờ tôi đã có và luôn sẵn sàng đóng góp cho công việc vì dân vì nước. Nhưng xin hiểu cho tôi: Tôi không tham gia tổ chức chính trị, không muốn đứng ra thành lập tổ chức chính trị và càng không muốn tham gia tổ chức chính quyền nữa. Nhưng như hôm nọ tôi trả lời thư cho các anh: Tôi đang muốn sống yên nhưng lại không yên được! Ví như việc các anh ở đây đã có liên hệ, mời đi lại, trao đổi...

Nhân đây tôi cũng nói luôn một điều nữa, nó không phải là mặt tiêu cực của cuộc sống đâu. *Từ một người Mácxít-Lêninít bây giờ tôi trở thành Phật Tử.* Cả vợ tôi nữa. Vì sao? Là những trí thức, hai vợ chồng tôi đến với Phật giáo không phải vì, nói nôm na là, "mê tín dị đoan", mà là do nhận thấy ở đó nhiều sự sâu sắc, nhiều chất con người và nhiều tính hiện đại. Có lần một cậu sinh viên hỏi tôi: "Bác ơi, chúng cháu là người của kỷ nguyên khoa học, người cuối thế kỷ 20 sắp bước vào thế kỷ 21. Phật giáo có thích hợp với khoa học không?". Tôi đáp: "Cháu ạ! Thế kỷ mới có kính hiển vi mà ở kinh Phật đã nói rằng trong một bát nước có 8 vạn 4 ngàn sinh vật vi tế, thế kỷ 17 mới có kính thiên văn và người ta treo cổ những ai nói về thế giới khác, còn kinh Phật đã nói về tam thiên đại thiên thế giới, tức là Phật học đã có quan niệm vũ trụ đúng đắn". Tôi còn bảo cậu ta đọc đi sẽ thấy chính Anhxtanh đã đánh giá Phật học rất cao... Càng đi sâu tôi càng mê tính triết lý của Phật giáo. Phật không bao giờ tách biệt giữa cái Trắng và cái Đen, giữa Âm và Dương. Phật nhấn mạnh sự hòa hợp giữa vật chất và tinh thần, trong vật chất có tinh thần và ngược lại. Đấy , tôi quan niệm Phật giáo là vậy! Nên tôi thích, tôi đi sâu. Nhưng tôi quan niệm Phật giáo với tinh thần không tiêu cực... Phật giáo vì cuộc sống của con người...

ĐQ: *Vậy ra chỗ dựa tinh thần và tư tưởng bây giờ của anh là Phật giáo?*

NMC: Không, tôi không muốn nói vậy! Nhưng mà tôi đang đi sâu nghiên cứu nội tâm của mình. Để kết thúc câu chuyện về cuộc sống tinh thần của tôi ở Nga cần kể thêm một điểm nữa. Tôi thấy cộng đồng Việt ở Nga thật vất vả. Nghĩ mà thương người Việt mình vô cùng! Họ sống ở Nga phần lớn là bất hợp pháp, chỉ biết lao đầu vào kiếm tiền mà không biết làm gì hơn. Và họ bị đàn áp, bị trấn lột,

bị bắt giết... Sứ quán Hà Nội chẳng làm gì để giúp đỡ họ. Tôi cứ suy nghĩ để có thể làm được một cái gì cho người Việt mà trước hết - tôi nhấn mạnh là "trước hết" - là lo về phần tâm linh của người Việt ở Nga. Tội và nhà tôi đã bàn bạc... Vào tháng Sáu, 1993 chúng tôi lập ra "Hội Phật giáo Thảo Đường". Chúng tôi làm việc này với hai bàn tay trắng. Lúc đó, lần đầu tiên ở nước Nga có lễ Phật đản do chúng tôi cùng các Phật tử Nga tổ chức. Chúng tôi quyên góp tiền bằng cách vận động, rải các tờ truyền đơn tại các khu ký túc xá của người Việt. Nhiều người Việt đã đến dự lễ Phật đản. Tại buổi đó nhà tôi đeo trên mình tấm bảng có hàng chữ: "Anh em Việt Nam, ai muốn tham gia sinh hoạt Phật giáo của người Việt tại Nga thì xin ghi tên!" Chúng tôi không để hai chữ "Việt Nam" trong danh xưng của hội mà chọn tên là "Thảo Đường", vì không muốn làm phiền "người ta" và cũng không muốn "người ta" làm phiền mình. Điểm thứ hai là chúng tôi không chỉ kết nhận người Việt và cũng không ràng buộc gì về tổ chức, tức là ai muốn đến thì đến, ai muốn bỏ thì bỏ, hoàn toàn tự do. Chúng tôi học tập kinh nghiệm của các cuộc dân chủ ở Nga. Hai năm nay anh em chúng tôi bén đó cũng gặp không ít khó khăn vì Đại sứ quán Việt Nam cho rằng chúng tôi hoạt động chính trị. Họ gởi các thông tư đi các nơi có người Việt, vu cáo rằng tổ chức Phật giáo của chúng tôi "có một lực lượng đứng đằng sau". Mặc kệ, chúng tôi cứ làm! Anh em mình đến sinh hoạt cũng không đông lắm so với số người Việt đang ở Matxcơva, nhưng càng ngày đấy cũng là nơi gắn bó anh em mình lại. Chúng tôi chỉ mong muốn rằng anh em đến với phần tâm linh và qua đó làm sao cho đạo đức con người thêm tốt hơn.

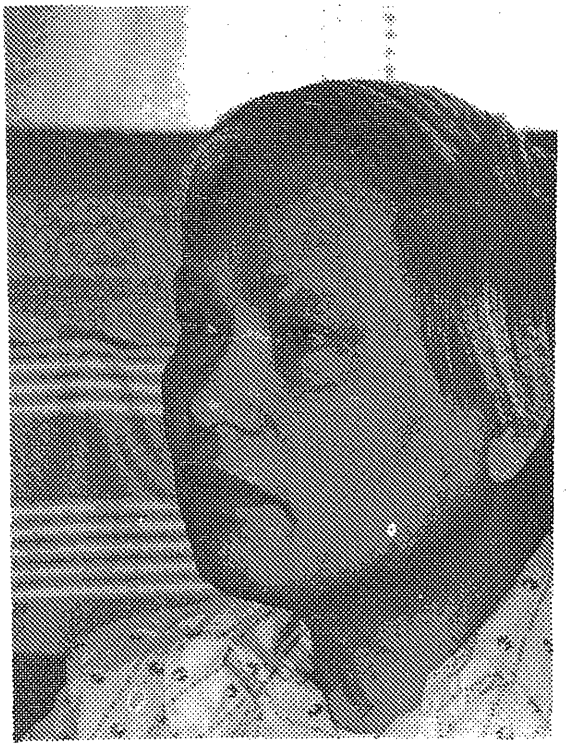

Nguyễn Minh Cần (Ảnh của báo *Thiện Chí*)

Phần Ba

Trở về Việt Nam?
Viễn cảnh chính trị ở Việt Nam

ĐQ: *Về mặt cá nhân, ý định của anh đối với việc trở về Việt Nam ra sao?*

NMC: Ý định trở về Việt Nam? Thật là khó trả lời! Nếu như tình hình ở nước nhà không có thay đổi về chính trị, tức là vẫn còn giữ chế độ cực quyền của ĐCS thì tôi thấy việc trở về của mình chả có ích gì cả. Ngoài ra, tôi cũng không muốn về để thấy cảnh mất tự do của đồng bào của anh em. Còn nếu mà về để thăm hỏi thôi thì (thở dài)... ai mà chả muốn tìm thăm lại quê nhà, người thân, mồ mả ông bà! Có một chuyện này nữa: Dạo đó người ta tỏ ý muốn tôi về dự một hội nghị Việt kiều. Trong một dịp gặp gỡ, ăn cơm tại gia đình người thân tự nhiên xuất hiện một người nào đó của Đại sứ quán Hà Nội. Tôi cũng tiếp chuyện chứ chả ngại gì. Người ta nói: "Anh ơi, ở đây chưa có ai làm tổ chức Việt kiều cả..." Tôi bảo: "Bây giờ tôi chán các tổ chức lắm rồi!" Tôi đã từ chối bằng cách như vậy và họ cũng hiểu. Tôi cho rằng việc tôi không tham gia vào các chuyện đó là phải thôi, vì dự vào các hội nghị Việt kiều ấy chỉ xấu mặt mình mà lại chả làm nên gì. Tiếng nói của mình sẽ chìm vào đó như vào sa mạc; và không biết có thể nói được gì cho ra nói không.

ĐQ: *Nhưng đến khi ở Việt Nam chế độ cầm quyền hiện nay không còn nữa...*

NMC: ... thì khi đó chúng ta lại sẽ nói tiếp (cười sảng khoái). Tôi chỉ mong đến ngày như thế!

ĐQ: *Để kết thúc câu chuyện hôm nay, đề nghị anh cho biết các đánh giá của anh - một người từng là cán bộ cao cấp của ĐCSVN và đã từ bỏ ĐCS - về viễn cảnh chính trị ở Việt Nam?*

NMC: Theo tôi nghĩ cuộc đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền ở Việt Nam còn phải kéo dài (suy ngẫm)...

ĐQ: *Lâu không anh?*

NMC: Cần chuẩn bị tinh thần là không thể chóng được! Vì sao? Lý do thứ nhất: Tinh thần đấu tranh của dân chúng, nhận thức dân chủ của dân chúng chưa cao. Hiện nay lại đang có phong trào lao vào làm kinh tế, làm ăn mà quên hết mọi điều, nhất là chính trị... Đấy là một điều đáng ngại. Lý

do thứ hai: Ở một phương diện nào đó giới lãnh đạo ĐCSVN lúc này vẫn còn có thể lừa dối được tầng lớp này hay tầng lớp khác, thậm chí cả quảng đại quần chúng, vì thông tin còn bị bưng bít và trình độ chung của người dân chưa cao.

Lý do thứ ba: Sự thay đổi ở Việt Nam chịu ảnh hưởng của xung quanh, bên cạnh ta là "ông láng giềng" cộng sản Trung Quốc rất là mạnh. Cho nên mỗi thay đổi của ta phải đi cùng, hoặc không đi cùng được thì "hiệp đồng" thế nào đó, với phong trào chung của Trung Quốc. Cộng sản Trung Quốc không thích gì cộng sản Việt Nam đâu, nhưng cũng chẳng muốn cộng sản Việt Nam sụp đổ. Điểm ấy nên lưu ý... Nhiều anh em ở hải ngoại đã lấy mong muốn của mình làm thực tế, họ tưởng rằng Cộng sản ở Việt Nam sắp sụp đổ rồi! Cùng với sự chuẩn bị cho lâu dài cũng cần có các việc làm tích cực, bởi sự sụp đổ đó sẽ đến một cách bất ngờ và chớp nhoáng. Các kinh nghiệm ở Liên Xô cho thấy cần phải làm kiên nhẫn, đều đặn để đón bắt được cơ hội.

Về tình hình Việt Nam nói chung, tôi thấy có bốn điểm. Một là, các cải cách kinh tế đã đưa tới nhiều tiến bộ nhưng đấy không phải là do tài giỏi của các nhà lãnh đạo Việt Nam mà là do tính năng động cao của người dân Việt Nam, nhất là dân ở Nam bộ. Người dân đã làm gương trước tiên trên thị trường để giới lãnh đạo thấy rằng chỉ cần cho tự do làm ăn là người dân có thể làm được. Hai là, khi người Cộng sản Việt Nam hay người cộng sản nào trên thế giới đưa ra chính sách "kinh tế thị trường theo kiểu xã hội chủ nghĩa", thì dù muốn hay không, dù Đặng Tiểu Bình nói là "có thể kéo dài 50 năm, 100 năm", nhưng chung quy lại thì vẫn là sự thay đổi chiến thuật. Người Cộng sản mà trung thành với lý tưởng Cộng sản thì đã không thể có chuyện như thế! Khi Lênin đưa ra chính sách kinh tế mới (NEP) thì ông không nghĩ rằng cái đó là để thực hiện chủ nghĩa cộng sản, mà ông nói rằng NEP là một bước lùi (để thực hiện hai bước tiến). Ba là, về một số thay đổi nhỏ trong chính trị - tư tưởng gần đây. Khi ông Nguyễn Văn Linh lên, theo đà chung của cán bộ ông đã nói đến "đổi mới", "cởi trói", nhưng ta thấy "cởi" xong là "trói" liền. Tới lúc Liên Xô và Đông Âu sụp, các ông bèn co lại. Ông Trần Xuân Bách mới chỉ nói sơ sơ về đa nguyên đã bị loại ngay lập tức. Ông Trần Xuân Bách thì tôi biết. Ông không phải là người triệt để dân chủ, dù tôi rất hoan nghênh việc làm đáng quý của ông. Hội nghị nửa nhiệm kỳ của ĐCSVN vừa rồi lại càng cho thấy tính bảo thủ hơn của bộ máy lãnh đạo. Ông Đỗ Mười đã quá già rồi, còn cuộc đời và sự nghiệp của ông thì chắc các anh đã biết. Trong Đại hội Tám của ĐCSVN sắp tới, có hai vị mà dư luận đang cho là chủ chốt để thay thế là các ông Lê Đức Anh và Đào Duy Tùng thì cả hai đều có "quá khứ". Ví dụ, ông Đào Duy Tùng là cách tay của ông Tố Hữu trong "vụ án Nhân Văn Giai Phẩm". Tôi biết ông. Hồi đó có hai phó ban Tuyên huấn Trung ương Đảng là ông và ông Nguyễn Chương. Và trong các hội nghị ông đều ủng hộ ông Tố Hữu, "đánh" Nhân Văn Giai Phẩm rất ghê! Tôi kể vậy cũng để thấy vì sao vụ Nhân Văn Giai Phẩm cho đến nay vẫn còn nhùng nhằng như vậy. Với những người đó mà lãnh đạo thì liệu có "đổi mới" hay không? Bốn là, nên nhớ rồi các ông ấy sẽ gặp các mâu thuẫn vì kinh tế và chính trị luôn đi với nhau. Đã cởi mở về kinh tế thì dù muốn hay không, dù trước hay sau vẫn bắt buộc phải có cởi mở chính trị. Có thể rồi đây các ông ấy sẽ nghiên cứu làm trước một cái gì đó về chính trị để mà xả xì tình hình hoặc hướng tình thế sang hướng mới.

ĐQ: *Xin anh giải thích rõ hơn về việc giới lãnh đạo ĐCSVN sẽ "có thể làm trước một cái gì đó về chính trị"?*

NMC: Khi kinh tế được tự do hơn, những tầng lớp có tiền sẽ nhiều hơn, và tất nhiên sẽ có sự phân cực rõ: Một số tầng lớp sẽ nghèo đi bên cạnh số giàu lên. Tâm lý xã hội sẽ thay đổi, ý thức tự do sẽ có. Khi đạt đến một cuộc sống vật chất nhất định, người ta sẽ có ý muốn phát biểu, ý muốn tự do lập hội, ý muốn tự do ngôn luận... Thêm một yếu tố nữa. Khi mở cửa cho đầu tư, cho du lịch nước ngoài thì không thể tránh khỏi việc vào theo của tư tưởng, của sách báo nước ngoài. Các ông ấy hiểu rõ lắm chứ! Cho nên chắc là các ông ấy sẽ làm một thay đổi chính trị theo ý mình. Tôi chưa hình dung rõ ràng lắm, có thể là...

ĐQ: *Người ta hay nói đến chuyện để phù hợp với tình hình ĐCS sẽ đổi tên đảng, phân tách đảng v.v...*

NMC: Đổi tên Đảng mà ở tình hình như thế này thì chỉ là hình thức. Còn chuyện tách Đảng cũng không nên đặt ra trong lúc này. Nhưng nếu muốn ĐCSVN tách ra như ở Liên Xô thì có một kinh nghiệm: Đảng Cộng sản chỉ phân rã ra khi nào có một phong trào quần chúng rộng lớn dội mạnh vào đảng để cho những người cấp tiến trong đảng kết hợp với phong trào bên ngoài. ■

Waldkappel, 5-4
Zwiesel, 17-4-1995

Chú thích của người thực hiện:

LTS: Chú thích sau đây thuộc về một đoạn trước, ở trang 22 số 75. Xin cảm phiền quí độc giả xem trở lại số trước. (4) *Tác giả các cuốn sách* "Việt Nam - khủng hoảng và lối ra", "Tuyển tập Nguyễn Kiến Giang" *và nhiều bài về hiện tình Việt Nam đã được in ấn ở hải ngoại.*

LUẬN LÝ HỌC

Một giáo sư luận lý học đặt câu hỏi: "Mùa đông thì trời lạnh, mùa hè trời nóng, vậy năm nay tôi bao nhiêu tuổi?" Một sinh viên trả lời:" Năm mươi".

-Anh đoán đúng tuổi của tôi, nhưng về mặt luận lý học thì câu hỏi trên hoàn toàn vô nghĩa lý. Tại sao anh biết tôi 50 tuổi?

-Thưa thầy ông anh con ở nhà hỏi những câu vô nghĩa lý chỉ bằng nửa câu hỏi của thầy thôi, mà năm nay anh con 25 tuổi.

CHÙA PHẬT TÍCH VÀ MẤY DI TÍCH MỸ THUẬT ĐỜI LÝ

HUỲNH HỮU ỦY

Vượt qua mau chóng giai đoạn chập chững vụng dại của thời tự chủ bước đầu với cái triều đại Ngô (939-965), Đinh (968-980) và Tiền Lê (980-1009), nền văn minh Đại Việt (1) với thời Lý-Trần đã hình thành một bản sắc rất riêng biệt, độc đáo. Có thể khẳng định về sự hình thành đó như một phản ứng quyết liệt trước sức đè nặng của 10 thế kỷ Bắc thuộc vừa qua. Trong vũng lầy tối tăm của quá khứ, một nền văn hóa mới đã tự hoàn chỉnh rất vững chãi và đặc thù.

Cái nghiệp của nhà Lý gắn liền với đạo Phật, vì tự thân người dấy nghiệp nhà Lý — Lý Công Uẩn, về sau là Lý Thái Tổ — là một sản phẩm văn hóa và chính trị của mái chùa rêu phong làng Cổ Pháp và nhà sư Vạn Hạnh, vậy nên khi nhà Lý xây dựng triều đại của mình, đạo Phật đã trở thành quốc giáo, đạo của nước. Và cũng thực là hết sức may mắn, đạo Phật đã góp vào sự phát triển đúng hướng của dân tộc: gần bốn thế kỷ kéo dài vô cùng huy hoàng về mọi mặt, từ nhà Lý (1010-1225) đến nhà Trần (1225-1400), đã lưu lại cho đất nước những trang sử vàng. Nhà Lý rất sùng mộ đạo Phật, nền mỹ thuật phát triển đã được xây dựng trên nền tảng đậm chất Phật giáo là chuyện đương nhiên. Chùa chiền và các bảo tháp được xây dựng, tượng Phật khắp nước được chăm sóc, tô quét. Thư tịch cổ đã nhắc đến các pho tượng Phật, như vào năm 1040,

"Vua sai thợ tạc hơn nghìn pho tượng Phật, vẽ hơn nghìn bức tượng Phật, làm bảo phướng hơn một vạn chiếc, đến đây công việc đã xong, làm lễ khánh thành" (2). Chỉ trong năm 1031, nhà vua đã cho xây dựng đến 950 ngôi chùa để thờ Phật. Riêng Hoàng Thái hậu Ỷ Lan đã dựng trước sau hơn 100 ngôi chùa (3). Các công hầu khanh tướng khắp nơi cũng hết sức tích cực cổ súy những công trình tôn tạo ấy. Đạo Phật trong tình hình bấy giờ, rất phù hợp với yêu cầu của nhân dân về một cuộc sống an lạc, hòa bình, nhân ái, nên đóng góp tích cực nhất đã được ghi nhận chính là sự đóng góp công, của, sức lực của nhân dân, như một danh nho thời Trần là Lê Quát cũng đã đã từng ghi nhận: *"Hễ bố thí vào việc nhà Phật, dù đến hết tiền của cũng không sẻn tiếc. Ví ngày nay gửi gắm vào tháp chùa thì trong lòng sung sướng như nắm được khoán ước để báo ứng ngày sau." (4)* Phật giáo thời Lý phát triển hết sức thịnh đạt đến độ Sử gia Lê Văn Hưu phải nhận xét và ghi lại: *"Nhân dân quá một nửa làm sãi, trong nước chỗ nào cũng có chùa" (5).*

Phật A Dị Đà, chùa Phật Tích

Tuy nhiên, khá đáng tiếc là các di tích thời Lý mà ngày nay chúng ta có thể khảo sát lại quá ít ỏi, chỉ là một vài ngôi chùa quanh trung tâm Thăng Long (nay là Hà Nội), hoặc ở vùng Bắc Ninh và rải rác đôi chút hai bên bờ sông Đáy, như chùa Diên Hựu với niên đại 1049, chùa Phật Tích, chùa Giạm, chùa Đọi, tháp Chương Sơn, di tích được xác định muộn màng máng nhất là chùa Linh Xứng ở Thanh Hóa với niên đại 1126.

Giữa tất cả di tích hiếm hoi và gần như hoang phế hầu hết ấy, chùa Phật Tích được đánh giá là quan trọng bậc nhất vì vẻ đặc biệt cũng như tính cách điển hình của nó. Vào các năm 1937, 1940, 1943, L.Bezacier trong công cuộc khai quật tại chùa Phật Tích, đã phát hiện phía dưới nền chùa

cũ, chân một tòa tháp vuông bằng gạch, mỗi chiếc đo được tám mét 50, cũng tìm lại được một số di vật điêu khắc, đục chạm bằng đá rất hoa mỹ, và ông đã nhận thấy rằng "Những điêu khắc bằng đá này biểu lộ ảnh hưởng của mỹ thuật Ấn Độ truyền qua miền Trung-Á, gặp mỹ thuật Trung Hoa và mỹ thuật Chàm". Từ những tìm kiếm ấy, chùa Phật Tích đã cung cấp cho chúng ta một mảng tài liệu quan trọng cực kỳ sống động để phục hoạt trở lại một thời kỳ quá vãng vàng son của đất nước.

Cách Hà Nội 28 cây số, chùa Phật Tích ở làng Phật Tích, huyện Tiên Du, Bắc Ninh, nay là Hà Bắc. Vùng núi Tiên Du rất u nhã và thoát thục, bởi thế mới có chuyện truyền kỳ: đó là nơi tiên ở. Chung quanh một hòn đá gần tựa như bàn cờ, đã được vẽ vời câu chuyện người tiều phu Vương Chất gặp hai ông tiên đánh cờ, mải mê theo dõi cuộc cờ, đến lúc đứng dậy nhặt rìu lên thì hóa ra cái rìu đã mục nát, bởi vì thời khắc của cuộc cờ là thời khắc của cảnh tiên, không phải là thời gian của người trần. Câu chuyện Từ Thức gặp nàng Giáng Hương cũng đã được xây dựng trong bối cảnh này. Có lẽ chúng ta cũng nên lắng lòng chốc lát, thưởng thức lại bài thơ ngẫu hứng về chính cảnh trí Phật Tích, Tiên Du của Phạm Sư Mạnh, một danh sĩ đời Trần.

Du Phật Tích Sơn Ngẫu Đề

Ngâm tiên từ khách thượng thiều nghiêu,
Đạp biến chiêu đề tuyệt thế hiêu.
Tùng lãng phiên phong hàn động khẩu,
Nguyên thần đà bạch lặc sơn yêu.
Quần phong yên vụ Tam Thần đảo,
Vạn khiếu sinh dung cửu tấu Thiều.
Từ thị quái kỳ hưu thuyết trước,
Bồi hồi ngâm bãi hựu xuy tiêu.

Dịch nghĩa:

Đi chơi núi Phật Tích, Ngẫu nhiên đề thơ

Ngâm nga, khách văn chương bước lên hòn núi cao chót vót,
Dạo khắp cảnh chùa, quên hẳn sự phiền nhiễu ở đời.
Gió thổi rừng thông thành tiếng sóng, lạnh đến cửa hang,
Trên các đỉnh non, mây mù phảng phất như đảo Tam Thần (6).
Muôn hốc núi, tiếng sênh, tiếng chuông tấu chín khúc nhạc thiều (7)
Thôi, đừng nói chuyện quái đản về họ Từ nữa, (8)
Bâng khuâng hết ngâm thơ lại thổi sáo. (9)

Ngoại cảnh thanh nhã, u tịch như thế, nơi đây còn là một danh thắng tiếng tăm từ xưa, vì vào năm 1034, năm đầu Thông Thụy tức thời vua Lý Thái Tông, ở vùng núi này đã có chùa Trùng Quang, với kho Trùng Hưng để chứa kinh Phật Đại Tạng. Đến năm 1071, chính vua Lý Thánh Tông đã tự tay viết chữ "Phật" theo lối đại tự để cho khắc và dựng ở chùa này. Năm 1057, một ngôi tháp cao đến 10 trượng (42 mét) được khởi công ở đây. Đến thế kỷ 15, quân xâm lược phương Bắc đã tàn phá tan hoang ngôi chùa tháp này, trong mục đích rõ ràng là tiêu diệt nền văn hóa bản địa, tuy nhiên, trên nền di tích lưu dấu, những viên gạch ghi niên đại 1057 cũng đã cho chúng ta thấy được dấu vết thời gian cần xác định, như trên một viên gạch có ghi rõ dòng chữ: *Lý gia đệ tam đế, Long Thụy Thái Bình tứ niên tạo.*

Hơn 600 năm sau ngôi chùa cũ được tái xây dựng với tên gọi là chùa *Vạn-Phúc,* tuy nhiên trong dân gian thì vẫn gọi là chùa *Phật Tích.* Trên văn bia chùa Vạn Phúc dựng năm 1686, chúng ta đọc thấy những dòng mô tả về ngôi chùa cũ thời Lý: "Trên đỉnh núi mở ra một tòa nhà đá, cấp trong là tòa chùa Phật to rộng, sáng sủa, thềm trước có dựng 10 con thú, phía sau có ao rồng, gác cao vẽ chim phượng và sao Ngưu, sao Đẩu sáng láng, lầu rồng vươn tới trời sao và cung Quảng... Vua thứ ba, triều Lý, năm Long Thụy Thái Bình thứ tư (1057) cất lên cây tháp quý..., lại dựng pho tượng Phật..."

Như thế, dựa trên tài liệu văn bia cũng như trên phế tích kiến trúc, ngôi chùa cũ Phật Tích dựng vào thế kỷ XI quả là to lớn, đồ sộ. Ngôi chùa ấy đã bị hủy phá, và cả ngôi chùa xây dựng vào năm 1686 ngày nay cũng chẳng còn lại gì. Chúng ta chỉ có thể tìm thấy nơi đây dấu vết ngôi chùa cũ với ba cấp nền chính. Ở bậc nền thứ nhì, có 10 con thú bằng sa thạch dựng đăng đối hai bên bậc thềm lên xuống: tê giác, sư tử, trâu, ngựa, voi. Ngay giữa tầng nền này là pho tượng phật A-Di-Đà danh tiếng, một tuyệt phẩm của nền mỹ thuật cổ Việt Nam, cũng là pho tượng Phật đời Lý duy nhất còn lại (10). Cùng với pho tượng A-Di-Dà, một số di tích điêu khắc khác rất đáng chú ý là pho tượng kim cương, tượng thần điểu đầu người mình chim đánh trống cơm, trụ đá chạm hình rồng, hình sóng nước.

Pho tượng Phật A Di Đà được tạc khá lớn, cao 1m 87 và kể cả bệ đỡ bên dưới thì cao 2m 77. Toàn thể pho tượng tỏa ra một vẻ đẹp rất thanh tú, trầm tĩnh và bình yên, là một hài hòa toàn vẹn của nhịp điệu. Tượng ngồi trong thế kiết già, hai bàn tay để ngửa trong lòng, mình mặc áo cà sa ba lớp. Tượng cũng không thoát khỏi một số qui thức như trong kinh Phật vẫn nói về quí tướng của bậc chí tôn: "Khối u trên đỉnh đầu, cổ cao thon ba ngấn, tóc xoăn hình trôn ốc, dái tai kéo dài. Khuôn mặt rất thanh khiết, trầm lặng với mũi dọc dừa, mà bầu bĩnh, đôi môi đầy đặn như mỉm cười nồng nàn nhưng đã được chế ngự dưới một sức mạnh trầm tư của nội tâm. Khuôn mặt ấy của Phật đúng là một hòa hợp tuyệt hảo của ngoại diện và nội tâm, của tình cảm, trí tuệ và lý trí rắn rỏi.

Nhà mỹ thuật học Trần Mạnh Phú khảo sát bằng đo đạc tỉ mỉ, cho chúng ta biết về tỉ lệ của cấu trúc, pho tượng cũng đã theo khuôn mẫu sẵn có trong lối tạc tượng Phật A Di Đà ở Trung Quốc và Ấn Độ. Khuôn mẫu ấy hiện rõ ở tỷ lệ giữa mặt và toàn thân, giữa miệng và đôi mắt, giữa đôi tai và chiếc mũi. Tỷ lệ ấy là: chiều cao của khuôn mặt bằng 1/5 chiều cao của Phật A Di Đà ngồi,

Đầu tượng Bồ Tát

khuôn miệng có chiều rộng bằng 1/2 chiều rộng giữa hai đôi mắt, tai dài bằng độ dài từ kẽ khép hai làn môi đến nốt hồng tâm giữa trán (11).

Tất cả vẻ thanh tú của khuôn mặt càng như thêm mềm mại, nhẹ nhàng trên một thân mình tròn đầy, thanh mảnh vì chiếc áo pháp khoác bên ngoài, buông rũ xuống, dính vào thân thể khá nhẹ nhàng và đầy nữ tính. Khi khảo sát pho tượng này, các nhà nghiên cứu nghệ thuật rất dễ dàng đi tới một kết luận chung: dấu vết tiếp thu và ảnh hưởng một số hình thức nghệ thuật Phật giáo đời Đường đã đọng lại nhiều tinh túy nơi đây, có thể đối chiếu với các tượng Phật ở Đôn Hoàng để thấy ra điểm này. Vả lại, những chi tiết trên khuôn mặt với dọc mũi thẳng, cặp mày thanh và gồ mắt hơi cao đều là những yếu tố, xét về mặt nhân chủng, đã nối lên một nguồn gốc xa xưa từ Ấn Độ. Mỹ thuật Ấn Độ truyền qua Trung Á, đến Trung Quốc thì đã chuyển biến với nghệ thuật đời Đường, và khi đến Việt Nam thì lại thêm nhiều chuyển biến (12).

Tượng Phật được đặt ngồi trên tòa sen, xem xét kỹ về mặt phong cách tạo hình thì đài sen này dễ được nhận ra là đã được thực hiện vào một giai đoạn khác muộn màng hơn, rồi được gắn thêm vào pho tượng. Nhưng phần bệ tượng bên dưới thì hoàn toàn cùng thời với pho tượng, với những trang trí chạm khắc hình rồng, hình hoa dây và những lớp sóng lô xô, những mô-típ này rất tinh tế và đúng là điển hình của mỹ thuật Lý. Chính vì vậy, các nhà nghiên cứu mỹ thuật ở Viện Mỹ Thuật Hà Nội đã cho rằng luận cứ của L.Bezacier không vững chắc, cách nhìn của nhà học giả này có thể nói là đầy định kiến khi cho rằng cái bệ là không phải của pho tượng nguyên thủy (13).

Pho tượng A Di Đà thực tĩnh tại, hình ảnh biểu tượng chiều sâu tâm linh của một nền văn hóa lớn, ở đây, lại có vẻ như rất hòa hợp với truyền thống dân tộc qua những hình ảnh năng động của rồng và nước. Rồng và nước là những hình tượng hết sức gắn bó với nền văn hóa Đại Việt, và đi ngược thời gian hơn nữa thì lại càng gắn bó với người Việt cổ của nền văn minh lúa nước. Còn rồng là vật tổ của tổ tiên chúng ta: con rồng cháu tiên, và con rồng thời Lý thì rõ ràng đã trở thành một ký hiệu đặc biệt của mỹ thuật dân tộc, rất hài hòa giữa những làn sóng nước và mây mưa, nó chứa đựng một vẻ quân bình tự thân giữa cuộc sống hiện thực và giấc mộng siêu hình đẹp đẽ muôn thuở. Chiêm ngưỡng pho tượng này, Trần Mạnh Phú đã nhìn thấy tất cả điều ấy, ông đã phát biểu thực hết sức lý thú: "Đức Phật như được tinh thần Việt Nam nâng lên trên tòa sen, trên sóng nước... Cái đẹp của nó toát ra trong sự thống nhất của những yếu tố đối lập: tư thế bất động của Phật, nhịp chuyển động của các biểu tượng nói lên ý thức cổ truyền về tổ tiên (rồng), về đất nước (nước) và dòng năng động ngầm chảy trong cơ thể nhân tính (nữ tính) của Phật." (14)

Ngoài pho tượng A Di Đà quý giá đó, trên nền chùa Phật Tích còn tìm được một số di vật khác nữa như tượng Kim Cương, tượng thần điểu đầu người đang đánh trống cơm, những chân cột chạm hình phường nhạc.

Tượng Kim Cương chùa Phật Tích

Pho tượng này hiện đang được bày ở Viện Bảo Tàng Lịch Sử Hà Nội, không còn được nguyên vẹn, đã bị mất đầu, mất hai tay, mất một bàn chân và thanh kiếm. Tượng Kim Cương bao giờ cũng gồm tám pho đi với nhau, như ở chùa Long Đọi mà bài văn khắc trên bia đá hiện còn ở chùa cũng đã từng cho chúng ta biết về tượng tám vị thần nhân chống gươm hộ trì ở cảnh chùa này. Tám vị thần nhân ấy, tức là tám vị kim cương (Vajrapani) mà ngày nay chỉ còn lại sáu pho, là những võ quan mặc giáp trụ, đứng chống gươm trước bụng, trong tư thế đứng gác, nghĩa là đang hộ trì cảnh Phật để hoằng dương chính pháp.

So với những tượng Kim Cương ở Long Đọi, chúng ta có thể biết được pho tượng Kim Cương ở chùa phật Tích cao khoảng một mét 60, lớn như người thực. Những hình khắc chạm trên pho tượng này tinh tế hơn các tượng Kim Cương ở Long Đọi, nếp áo là những đường cong chồng lên nhau trông mềm mại, thanh nhã, phía trước ngực và trên thân áo trang trí những bông hoa nhỏ nhiều cánh, trên cán gươm trang trí hình hoa cúc dây. Người ta cũng đã tìm thấy một mảnh mặt được ước đoán là mặt của pho tượng Kim Cương này, và nếu đúng như thế thì đây là khuôn mặt của một võ tướng với gò má bạnh, môi bậm chặt, cằm chữ điền vạm vỡ, diện mạo như thế quả là bậm trợn, hung dữ, đúng là tướng của con nhà võ như vẫn thường được hình dung.

Tượng thần điểu nửa người nửa chim

Tượng này được tìm thấy trong các đợt khai quật của L.Bezacier và hiện đang được trưng bày tại Viện Bảo Tàng Lịch Sử Hà Nội. Tượng cao

khoảng chừng 0m40, tạc hình một con chim thần, đầu người, hai tay đang ôm chiếc trống cơm phía đằng trước ngực. Các phần còn lại đều thuộc về cơ thể của loài chim, với đôi cánh chạm trổ tỉ mỉ, đuôi nhiều lông, chân có vuốt. Có Những bông hoa nhỏ nhiều cánh rải rác trên đầu tượng và quanh thân mình. Khuôn mặt rất đẹp, thanh nhã, dịu dàng. Mặc dầu không còn nguyên vẹn vì mũi bị sứt nhưng chúng ta vẫn có thể nhận ra sống mũi cao và thẳng, hợp với đôi mày thanh và dài, cùng hai bờ môi khép lại, rất gần với phong cách của pho tượng A-Di-Đà. Hai pho tượng khác tương tự như tượng này cũng đã được phát hiện ở chùa Long Đọi và Chương Sơn.

Tượng thần điểu Kinnari đóng vai nhạc công cho thấy rằng mỹ thuật Lý rõ ràng đã tiếp thu ảnh hưởng Ấn-Chàm khi xây dựng những công trình kiến trúc và điêu khắc của mình. Dấu vết những con linh điểu (garuda) mà thần Vichnou vẫn cưỡi đã được tái hiện lại nơi đây, tuy nhiên, phong cách, dáng dấp của tượng này khá nhẹ nhàng, linh hoạt, chứ không nặng nề và trì trệ như con linh điểu nguyên thủy mà chúng ta vẫn thường thấy tạc ở hai đầu cửa cuốn. Chỉ một điểm nhỏ ấy cũng cho thấy thế nào là tính sáng tạo của người Việt xưa khi tiếp thu các nền văn hóa đến từ nước ngoài.

Phường nhạc chạm trổ trên hòn đá kê cột

Trong những di tích còn lại nơi đây, chúng ta cũng đặc biệt chú ý đến các chân cột chạm khắc hình phường nhạc rất vui tươi và sinh động. Những hòn đá kê cột này có kích thước 0m72 x 0m72 và dày 0m17. Trên bốn mặt chân cột này, hình các nhạc công đánh phách, kéo nhị, thổi sáo ngang, đánh đàn thập lục, gảy đàn tì bà, thổi tiêu, đánh đàn nguyệt, đánh trống cơm. Tám nhạc công và hai người đang múa, từ hai bên hướng vào chiếc lá thiêng ở giữa, rất mềm mại và linh động. Hiển nhiên, đây là những nhạc cụ thường được sử dụng trong những dàn nhạc thời Lý, bao gồm các dàn *đại nhạc* của cung đình và *tiểu nhạc* của đại chúng, ngày nay chúng ta vẫn còn thấy nơi các dàn nhạc cổ truyền dân tộc.■

Chú thích:

(1) Vua Lý Thánh Tông lên ngôi năm 1054, đổi quốc hiệu là Đại Việt. Từ nhà Đinh đến bấy giờ, nước ta vẫn gọi là Đại Cồ Việt (CF. Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, Nhà xuất bản Tân Việt, bản in lần thứ 7, Sàigòn 1964).

(2) Dẫn theo Nguyễn Tiến Cảnh, *"Điêu khắc thời Lý"* trong *Mỹ thuật thời Lý*, Nhà xuất bản Văn Hóa, Hà Nội, 1973.

(3),(4),(5) Dẫn theo Nguyễn Du Chi, *"Nghệ thuật kiến trúc thời Lý"* trong *Mỹ thuật thời Lý*, sách đã dẫn.

(6) *Đảo Tam Thần* (Tam Thần đảo) cũng gọi là núi Tam Thần, gồm có Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu; tương truyền đây là ba ngọn núi có tiên ở trên biển Bột Hải (chú thích trong *Thơ Văn Lý Trần*, tập III, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội, Hà Nội, 1978).

(7) *Chín khúc nhạc Thiều* (Cửu đầu Thiều): tức nhạc của vua Thuấn. Vì nhạc gồm có chín khúc, nên gọi là tấu "chín khúc nhạc thiều" (chú thích trong *Thơ Văn Lý Trần*, sđd).

(8) Tương truyền năm Quang Thái đời Trần, có người tên là Từ Thức ở Hóa Châu (nay thuộc Bình Trị Thiên) đến chơi chùa Phật Tích, nhân một sự tình cờ cứu được nàng tiên Giáng Hương. Về sau, Từ Thức kết duyên cùng Giáng Hương, sống trên cảnh tiên ở núi Phù Lai, ngoài cửa biển Thần Phù. Nhưng được mấy năm, Từ Thức nhớ nhà, nên từ biệt Giáng Hương. Về tới quê cũ thì ra đã mấy trăm năm trải qua từ ngày Từ Thức ra đi, Từ Thức muốn trở lại cảnh tiên nhưng đã quên mất đường (ghi chú trong *Thơ Văn Lý Trần*, sđd).

(9) Dịch nghĩa trong *Thơ Văn Lý Trần*, tập III, trang 93, sách đã dẫn.

(10) Gần đây, các nhà nghiên cứu mỹ thuật cổ ở Hà Nội đã công bố thêm hai pho tượng đời Lý khác, một tượng Phật ở chùa Ngô Xá (Hà Nam Ninh) và một tượng Phật khác ở chùa Kim Hoàng (Hà Sơn Bình) (CF. *"Thăm hai pho tượng Phật thời Lý"* của Trần Lâm Biền và Chu Quang Trứ trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học, 1983*, trang 212. Tuy nhiên, luận điểm của các tác giả này chưa đủ sức thuyết phục, nên niên đại của hai pho tượng này vẫn còn ở trong tình trạng hồ nghi, chưa xác định.

(11) Trần Mạnh Phú, *"Tượng Phật trong nền điêu khắc cổ Việt Nam", Nghiên Cứu Nghệ Thuật*, số 3, tháng 4-5-6/1974.

(12) CF. 1) Nguyễn Tiến Cảnh, *"Điêu khắc thời Lý"* trong *Mỹ thuật thời Lý*, sđd. 2) Nguyễn Phi Hoanh, *Những đặc sắc của điêu khắc Lý, Trần, Hồ* trong *Lược Sử Mỹ Thuật Việt Nam*, Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội Hà Nội, 1970. 3) Ghi chú của Nghiêm Thẩm *"Những tấm đá chạm ở chùa Vạn Phúc (làng Phật-Tích Bắc-Ninh)"* trong *Dân Việt Nam (Le peuple Vietnamien)*, số 2, tháng Mười Hai năm 1948.

(13) Xem Nguyễn Tiến Cảnh, *"Điêu khắc thời Lý"*, sđd.

(14) Trần Mạnh Phú, *"Tượng Phật trong nền điêu khắc cổ Việt Nam"*, bài đã dẫn.

VI KHUẨN

Hai nhà hóa học thuộc đại học MIT mới thành công trong việc chẻ đôi được phân tử Nitrogen trong nhiệt độ và áp suất thường. Hậu quả là khi phát minh này có khả năng thương mại hóa, loài người sẽ sản xuất được thêm ammonia với giá rẻ, tức là phân bón rẻ, và thực phẩm sẽ đầy đủ và rẻ hơn trước nhiều. Công tác chẻ đôi phân tử Nitrogen đã là một thách đố của ngành hóa học từ 30 năm nay. Nhưng chúng ta đều biết các vi khuẩn nằm trong đất đã biết chẻ đôi nitrogen từ hàng tỷ năm nay, nhờ thế mà chúng lấy nitrogen trong không khí, chẻ ra, hóa hợp với các chất khác, tạo thành phân bón cho đậu nành và đậu phụng.

Tiến bộ khoa học đã giúp nhân loại đuổi kịp các loài vi khuẩn.

SỰ PHONG PHÚ TÌNH CẢM CỦA NGÔN NGỮ VIỆT NAM

PHẠM NGỌC KHÔI

Khi còn là sinh viên, tôi cho rằng tiếng Việt so với tiếng Anh tiếng Pháp thì hoàn toàn thua kém. Từ ngữ khoa học kỹ thuật không đủ, cách đặt câu thiếu chính xác, không có các thì quá khứ tương lai, không có hệ thống tạo từ bằng tiếp đầu ngữ và tiếp vĩ ngữ... Đó là những điểm yếu hiển nhiên của tiếng Việt, và chúng góp phần không nhỏ trong việc tạo nên mặc cảm tự ti của trí thức Việt Nam đối với ngoại quốc. Suốt những năm trước 75 cho đến nay, đa số người Việt đều tỏ ra kính phục những người sử dụng lưu loát tiếng Anh hoặc tiếng Pháp, và có nhiều người dường như nghĩ rằng nói chuyện được bằng ngoại ngữ là đủ trở thành trí thức uyên bác rồi!

Trong tuổi trẻ hiếu thắng, cố nhiên tôi cũng theo cái mốt thời thượng là cố gắng trau dồi ngoại ngữ. Ngoài việc tham khảo sách báo khoa học kỹ thuật là vấn đề bắt buộc trong việc học, tôi tập đọc tiểu thuyết Anh Pháp trực tiếp chứ không đọc các bản dịch. Đối với văn của Hemingway chẳng hạn, quả đọc trực tiếp thì ngắn gọn súc tích mà khi dịch sang tiếng Việt luôn luôn thua kém nguyên bản tiếng Anh hoặc tiếng Pháp vì những giới hạn của ngôn ngữ Việt Nam.

Niềm tin của tôi chỉ trở nên lung lay sau khi tôi đọc Chí Tôn Ca, bản dịch tiếng Việt của cuốn thánh thư Ấn Độ giáo Bhagavad Gita. Cuốn sách này được hàng trăm triệu người Ấn tôn sùng qua nhiều thế hệ vì có giá trị tâm linh rất đặc biệt. Bản dịch Chí Tôn Ca làm tôi say mê, và sau đó tôi vào Thư viện Quốc gia tìm bản dịch tiếng Anh để đọc thêm. Tôi vẫn cho rằng bản dịch tiếng Anh chắc chắn hay hơn và chính xác hơn tiếng Việt; cuốn Chí Tôn Ca bằng tiếng Việt đã hay như thế thì chắc chắn bản tiếng Anh phải rất tuyệt vời.

Khi mượn được cuốn Bhagavad Gita, tôi hăm hở ngồi đọc... và có cảm giác ngỡ ngàng của người mong đợi gặp mỹ nhân mà cuối cùng gặp một cô nàng mặt rỗ môi thâm đi chân chữ bát. Bấy giờ tôi mới nhận ra tiếng Anh rất nghèo nàn về từ tâm linh: những chữ thông thường như Karma (nghiệp), Drama (pháp, chánh pháp) cũng không có. Nếu dịch giả người Anh giữ nguyên cách phát âm Ấn Độ như trên rồi lập một Glossary để giải thích các khái niệm mới thì không sao. Đằng này, họ không chịu nhận cái yếu của ngôn ngữ mình, cố gắng tìm từ Anh để thay thế, kết quả là bản tiếng Anh dịch từ các tác phẩm cổ điển Trung Hoa: Đạo Đức Kinh, Nam Hoa Kinh, Đại Học, Luận Ngữ... Tình trạng cũng tệ hại như thế. Nhiều bài thơ Đường nổi tiếng khi dịch sang tiếng Anh không những mất hết âm điệu mà còn bị sai lạc nghiêm trọng. Thí dụ như hai câu thơ sau của Mạnh Hạo Nhiên:

Bất tài minh chủ khí, 不才明主棄
Đa bệnh cố nhân sơ. 多病故人疏

(Tôi bất tài nên vua bỏ không dùng, tôi nhiều bệnh nên cố nhân ít gặp). Đây là lời nói mỉa mai nhân tình chứ không phải Mạnh Hạo Nhiên tự nhận mình bất tài đa bệnh. Tương truyền rằng Đường Minh Hoàng khi nghe hai câu này tỏ ý không vui, vì lúc đó ông ta say mê Dương Quý Phi, triều đình toàn bè đảng gian thần Dương Quốc Trung, Cao Lực Sĩ và Lý Lâm Phủ, không có chỗ đứng cho một kẻ sĩ khí tiết như Mạnh Hạo Nhiên. Tuy nhiên, khi một dịch giả tên Witter Bynner dịch thơ họ Mạnh sang tiếng Anh, ông ta không hiểu hai câu trên là lời mỉa mai nên dịch theo nghĩa đen:

I was banished for my blunders, by a wise ruler,
I have been sick for so long I see none of my friends.

Thú thực khi đọc hai câu này tôi bật cười vì một kẻ sĩ như Mạnh Hạo Nhiên, người được các thi hào đương thời như Lý Bạch và Vương Xương Linh hết sức thán phục, lại được người Anh hiểu là thốt ra một lời than thở yếu hèn như thế. Càng ngày tôi càng nhận ra rằng mỗi ngôn ngữ đều có mặt mạnh mặt yếu: Nếu tiếng Việt không diễn tả đầy đủ được các giá trị văn hóa phương Tây, thì tiếng Anh tiếng Pháp cũng không thể dùng để diễn tả các giá trị văn hóa Á Đông.

Khi tôi định cư ở Montréal, tôi có trao đổi ý kiến với một vài giáo sư dạy tiếng Anh và tiếng Pháp. Họ đều đồng ý với tôi là tiếng Anh rất mạnh trong lãnh vực khoa học kỹ thuật và thích hợp trong giao dịch thương mại, nhưng về sự lôi cuốn tình cảm (emotional appeal) và tính lãnh mạn (romanticism) thì không bằng tiếng Pháp. Họ nói là họ không biết tiếng Hoa và tiếng Việt, nhưng họ tin tôi nói đúng khi cho rằng tiếng Anh nghèo nàn hơn tiếng Hoa và tiếng Việt trong lãnh vực tình cảm và tâm linh.

Trong phạm vi bài viết này, tôi chỉ đưa ra một vài thí dụ về sự phong phú của tiếng Việt Nam trong lãnh vực tình cảm. Tôi không phải là một nhà ngôn ngữ học, chỉ xin đóng góp vài nhận xét thô thiển và kính mong quý vị độc giả chỉ dẫn thêm những chỗ sai lầm thiếu sót.

I. Chữ tình trong ngôn ngữ Việt Nam

Người Việt Nam là một dân tộc có đời sống tình cảm dồi dào và tế nhị. Chữ "Tình" lấy từ gốc Trung Hoa, 情, được người Việt sử dụng theo một nghĩa rất rộng rãi. Nó bao gồm tình yêu (love, affection), tình thương (pity, compassion), tình cảm (emotion), sự thông cảm (sympathy, empathy), tình chăn gối (sexual harmony), tình bạn (friendship), và tình người (good human relationships) chẳng hạn như tình gia tộc, tình đồng đội, tình hàng xóm láng giềng, vân vân. Chữ tình có nhiều nghĩa nhưng không mâu thuẫn nhau, vì tất cả đều phát xuất từ lý lẽ của con tim. Chữ tình (reasons of the heart) được dùng để đối lập với chữ lý (reasons of the mind). Nghệ thuật sống của người Việt Nam là phải quan tâm đến con người toàn diện gồm cả tình và lý, không nghiêng thái quá về một bên.

Chữ tình của người Việt được gắn liền với chữ nghĩa義. Khi tôi hỏi một bà giáo sư người Anh là English có từ nào để diễn tả "sự trung thành, lòng thương mến lẫn nhau và trách nhiệm trọn đời đối với nhau giữa những người có quan hệ cho và nhận lâu dài" (loyalty, mutual affection, and mutual obligations for life between those who have a long-term give-and-take involvement), bà ta lắc đầu chịu thua. Đó mới chỉ là một khía cạnh của "nghĩa" thôi, còn nhiều khía cạnh khác nữa (làm việc nghĩa, nghĩa quân, nghĩa tử, hy sinh vì đại nghĩa...) mà chúng ta rất khó có thể giải thích cho người Tây phương hiểu một cách thấu đáo.

Khái niệm về tình nghĩa còn được gắn với duyên緣 và nợ夙責. Duyên là mối dây tiền định khiến con người ràng buộc nhau trong quan hệ tình nghĩa, vô duyên đối diện bất tương phùng. Thế giới này có mấy tỉ đàn ông và mấy tỉ đàn bà, dĩ nhiên là có rất nhiều đối tượng hợp với ta, nhưng định mệnh chỉ cho phép ta kết duyên với một người mà thôi (nếu có duyên với hai người một lúc thì hết sức phiền toái, trừ phi có bản lãnh cao). Quan niệm về duyên khiến cho cuộc tình thơ mộng hơn, và dễ dàng đưa đến sự gắn bó thủy chung. Người Mỹ không có khái niệm về duyên, cho nên họ coi chuyện gặp nhau, yêu nhau xong chia tay là bình thường. Nhưng một cuộc đời chỉ toàn những cuộc tình tạm bợ vô duyên như thế thì sẽ hoàn toàn vô vị, nhất là khi đã đến tuổi trung niên.

Quan niệm về "nợ" của người Việt Nam cũng là một yếu tố quan trọng để giữ gia đình bền vững. Trong quan hệ vợ chồng, không thể có chuyện lúc nào cũng sòng phẳng như đi shopping. Thường thường, có một bên phải chịu thiệt một chút; hoặc là có giai đoạn người này chịu thiệt nhưng giai đoạn sau sẽ được đền bù. Ngoài ra, quan hệ cho và nhận của vợ chồng rất phức tạp, những quan tâm săn sóc nhau không thể tính bằng tiền được. Nhiều khi cả hai cùng phải chịu cực để lo cho con cái, không có ai được làm chủ nợ cả. Nếu tính toán

ĐÃ PHÁT HÀNH

NHỚ ĐẤT THƯƠNG TRỜI

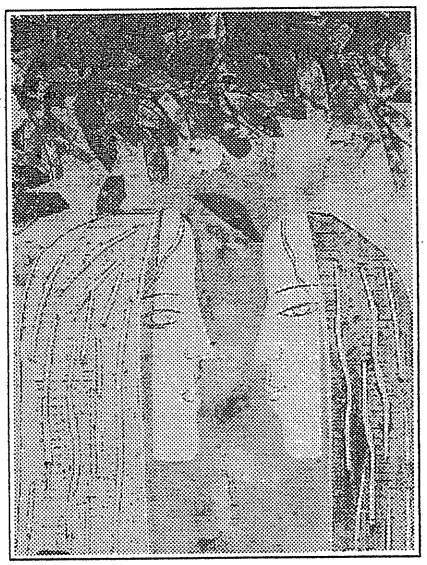

Tập thơ thứ nhì của

TRẦN HỒNG CHÂU

- Một tập thơ đầy chất trữ tình phóng khoáng và mới lạ
- Một tổng hợp của sức sáng tạo với kiến thức uyên bác về các nền văn nghệ Đông Tây

Bìa và phụ bản của họa sĩ

Nguyên Khai

160 trang - Giá $10

Nhà Xuất Bản Thế Kỷ

11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove

CA 92640 - USA Tel: (714) 638-9510

thiển cận như người Tây phương, thấy hơi thiệt thòi hoặc cảm thấy boring một chút là không chịu được, thì không thể chung sống với nhau lâu dài. Chỉ có chấp nhận gia đình như một món nợ mà mình có nghĩa vụ phải trả, thì mới có thể chịu đựng một số bất ưng ý không ai tránh khỏi trong cuộc sống lứa đôi.

Tóm lại, cả bốn khái niệm về tình, nghĩa, duyên, nợ của người Việt Nam đều không có các khái niệm tương đương trong văn hóa Tây phương. Đa số người mình không phân tích ý nghĩa như tôi đã làm, nhưng họ hiểu một cách trực tiếp và áp dụng trong cuộc sống hàng ngày. Cảm giác trống rỗng mà nhiều người Việt cảm thấy khi định cư ở ngoại quốc, thấy cuộc sống Âu Mỹ thiếu một cái gì đó, chính là thiếu các giá trị tình cảm và tâm linh của phương Đông. Họ chỉ biết *work, relax, shopping, enjoy*... theo chủ nghĩa cá nhân, quan hệ tình người lịch sự nhưng không sâu đậm. Để thích ứng với cuộc sống bên đây, nhiều người đã bỏ các giá trị truyền thống Việt Nam mà họ nghĩ rằng lạc hậu. Nhưng quả thực điều đó có lợi cho chúng ta không, khi tự làm cho mình nghèo nàn về tâm hồn mà không hoàn toàn tiếp thu được những giá trị văn hóa Âu Mỹ?

II. Những biểu hiện tình cảm trong ngôn ngữ Việt Nam

Có một lần, để trau giồi khả năng dịch thuật, tôi thử ngồi dịch vài đoạn truyện Kiều ra tiếng Anh. Nhưng mới lật ra đoạn Kim Kiều tái hợp, đọc câu "Bâng khuâng duyên mới ngậm ngùi tình xưa", tôi đã buông bút chịu thua. Trong tiếng Anh chẳng những không có khái niệm về duyên và tình, mà các từ "bâng khuâng" và "ngậm ngùi" dường như cũng thiếu. Bâng khuâng là cảm giác mơ hồ bỡ ngỡ khi chúng ta đứng trước một vấn đề tình cảm chưa xác định và không biết biến chuyển ra sao; ngậm ngùi là nuối tiếc một cái gì đẹp đã mất và không bao giờ tìm lại được. Nếu cố gắng dịch gượng như các bản dịch tôi đã đọc thì không khó, những câu thơ sẽ mất đi cái đẹp về cả âm điệu lẫn ý nghĩa.

Trong quan hệ tình cảm của người Việt, giai đoạn đầu hai bên nam nữ thường chưa thật tự nhiên với nhau, và điều đó làm tình yêu trở nên thơ mộng. Có rất nhiều từ diễn tả lúc "tình trong như đã mặt ngoài còn e": bẽn lẽn, ngượng ngùng, bồi hồi, khép nép, rụt rè, hồi hộp, xấu hổ, mắc cở, e lệ, ngại ngần, ngập ngừng, luống cuống, thẹn thùng... Trong tiếng Anh, từ bình dân là *shy*, còn trong văn chương chúng ta gặp từ *bashful, timorous, reserved, diffident*... So sánh hai bên, thì người Việt rõ ràng phân biệt tình cảm tế nhị hơn. Có lẽ vì con gái Tây phương tự nhiên quá, đa số đều "trơ tráo như gáo múc đầu" nên không có những biểu hiệu tình cảm như Việt Nam.

Một điểm đặc biệt trong ngôn ngữ Việt Nam là nhìn màu sắc theo cảm tính. Nếu ta hỏi một họa sĩ sơn dầu Tây phương về màu sắc, anh ta sẽ kể rành rẽ hàng trăm màu phân biệt theo sắc độ. Nhưng hỏi anh ta có mấy màu trắng thì anh ta chỉ biết có một mà thôi, hoặc là phân biệt theo màu phụ: trắng hồng, trắng xanh, trắng ngà, vân vân. Trái lại, người Việt Nam nhìn màu theo cảm tính của mình, cho nên chỉ riêng màu trắng đã có nhiều từ khác biệt như sau:

— Trắng xóa: Màu trắng trải rộng trước mắt ta như bãi cát, màn mưa...

— Trắng toát: Màu trắng lạnh lẽo của băng tuyết, hay của tấm vải liệm.

— Trắng hếu: Màu trắng ghê rợn của xương.

— Trắng nõn: Màu trắng tươi mát của nước da con gái dậy thì.

— Trắng ngần: Màu trắng quý phái của phụ nữ đẹp.

— Trắng bóc: Màu trắng bóng bẩy như trứng gà bóc.

— Trắng bệch: Màu trắng bệnh hoạn, hoặc là sắc mặt đang sợ hãi thất thần.

— Trắng bủng: Màu trắng yếu đuối của người ít vận động.

— Trắng bốp: Màu trắng vô duyên đập vào mắt ta.

— Trắng nhách: Màu trắng nhạt nhẽo vô vị.

— Trắng nuốt: Trắng và thon nhỏ, như búp hoa quỳnh hoặc ngón tay thiếu nữ.

Không những màu trắng, mà những màu khác cũng được người Việt phân biệt theo cảm tính: xanh rờn, xanh rì, xanh ngắt, xanh mơm mởn, xanh xao; vàng khè, vàng vọt; đỏ loét, đỏ lòm, đỏ thắm, đỏ đòng đọc, đỏ ngầu; đen xì, đen sạm, đen thui, đen ngòm, đen đủi, đen đúa, đen dòn... Đa số các từ này không có thương đương trong tiếng Anh và tiếng Pháp. Về tiếng Hoa thì người viết chỉ có một số vốn đủ dùng để đọc cổ văn và Đường thi, nên không rõ người Trung Hoa nhìn màu sắc ra sao. Mong được quý bạn đọc chỉ giáo xem có dân tộc nào nhìn màu sắc giống như người Việt Nam hay không.

Nếu tiếp tục phân tích, chúng ta có thể thấy rất nhiều cách diễn tả tình cảm của người Việt mà Tây phương không có. Về văn minh khoa học kỹ thuật thì Việt Nam chậm tiến, nên phải vất vả chạy theo sau Âu Mỹ trong việc tìm từ mới. Tuy nhiên trong lãnh vực văn minh tinh thần, không có gì chứng tỏ rằng Âu Mỹ ưu việt hơn Á Đông. Trái lại là đằng khác, đời sống tinh thần của người Việt tỏ ra phong phú hơn người Mỹ trên nhiều phương diện. Ở đây tôi chỉ bàn trong lãnh vực tình cảm, nên không phân tích những yếu kém của Anh ngữ trong lãnh vực tâm linh. Điều quan trọng là chúng ta cần nhận biết mỗi ngôn ngữ và mỗi nền văn hóa đều có mặt mạnh mặt yếu, để xóa bỏ tự ti mặc cảm đối với văn hóa ngoại quốc. Ở nước Mỹ, các cộng đồng Do Thái và Trung Hoa phát triển mạnh mẽ là nhờ họ biết giữ những truyền thống tốt đẹp của họ khi hòa nhập với nếp sống hiện đại. Nếu cộng đồng Việt Nam hải ngoại muốn thành công như vậy, thì chúng ta cũng phải biết bảo tồn một số giá trị truyền thống trong khi tiếp thu những mặt mạnh của văn hóa Tây phương.■

VĨNH BIỆT VĂN CAO

TẠ TỴ

Tôi được tin Văn Cao mất vào buổi sáng sớm, do con trai tôi đi làm gọi điện thoại từ sở về nhà.

Văn Cao, cái tên đó đã in sâu vào tiềm thức những người yêu nhạc từ thời tiền chiến với những bản Buồn Tàn Thu, Thiên Thai, Trương Chi... Nói đến Văn Cao bây giờ không phải và không còn là việc đề cao một tên tuổi trong giới nghệ thuật, mà chính để cùng nhau hoài niệm một thiên tài vừa khuất bóng. Tôi viết về Văn Cao trong bài này chỉ để nói riêng về cá tính của Văn Cao và tình bạn của chúng tôi suốt một dòng sống trên nửa thế kỷ. Tôi và Văn Cao không gặp nhau kể từ cuối năm 1949, khi Văn Cao rời bỏ liên khu ba đi lên Việt Bắc theo kháng chiến, rồi ở lại Hà Nội từ năm 1954 tới hôm nay.

Mới đây, anh Lê Đô và chị Ngọc Bích cùng làm ở hãng thông tấn CNBC News, đến thăm tôi và cho biết anh chị mới ở Việt Nam về, có đến thăm anh chị Văn Cao ở Hà Nội. Anh chị Văn Cao nhắc đến vợ chồng tôi rất nhiều, nhất là anh Văn Cao, mỗi khi nói đến tôi đều với giọng trìu mến, nhớ thương. Do đó, anh Lê Đô và chị Ngọc Bích có ý định thâu vào băng video hình anh của tôi trong đời sống hiện tại để ghép vào đoạn video đã quay anh chị Văn Cao để cho hai chúng tôi, Văn Cao và tôi, có thể đối diện nhau dù trên thực tế cách nhau quá nửa trái địa cầu!

Tôi xem đoạn phim video quay cảnh Hà Nội và tại nhà anh chị Văn Cao. Văn Cao già và gầy đi nhiều, tuy nhiên đôi mắt vẫn tinh anh sáng ngời. Trong video chị Văn Cao đã thay anh nói chuyện với người đến thăm. Chị nói chậm rãi và mạch lạc, còn Văn Cao chỉ ngồi lơ đãng, thỉnh thoảng đưa ly rượu lên môi và nói rất ít, chỉ có một câu mang nhiều ý nghĩa: *Chúng ta là những người sống sót!*

Cuốn video quay đời sống và những tấm tranh của tôi anh Lê Đô và chị Ngọc Bích đã thực hiện xong, kể cả phần ráp nối với đoạn quay ở Hà Nội. Quả thực tôi và Văn Cao đã gặp lại nhau trong cuốn video, nhưng tôi vừa nhận nó ngày hôm trước thì hôm sau Văn Cao mất! Tôi phải giữ gìn cuốn video này cho đến cuối đời tôi, rồi sẽ giao lại cho các con tôi bảo quản.

Chúng tôi chơi với nhau từ khi còn niên thiếu. Văn Cao cũng có một thời gian học ở trường Cao Đẳng Mỹ Thuật. Văn Cao vẽ tranh cũng khá lắm, và hầu như tất cả mọi phòng triển lãm ở Hà Nội đều có tranh của anh. Anh làm nhạc và học nhạc lý với Tạ Thước, nhưng chỉ học phần căn bản thôi, còn tự học. Tất cả những bản nhạc của Văn Cao in ra, anh tự vẽ bìa lấy theo trường họa Lập thể, lối trình bày bản nhạc rất mới, rất sống động đối với thời ấy. Nhạc của anh ra đời được giới thanh niên đón tiếp nồng nhiệt. Các phòng trà đều chơi những bản nhạc mới của Văn Cao, nhưng ít ai biết mặt tác giả.

Văn Cao là con người khiêm tốn, đối với bè bạn rất thủy chung đôn hậu. Anh sinh tại Hải Phòng, thành phố cửa biển đầy tro than và tiếng còi tàu rúc lên từng chặp như thúc dục khởi hành. Văn Cao sống suốt thời gian tuổi nhỏ ở thành phố ấy. Khi đã lớn vừa đi học vừa coi máy chạy nước cho người anh. Ở Hải Phòng còn có các nhạc sĩ sáng

tác khác cùng thời với Văn Cao như Hoàng Quý, Hoàng Vũ (hiện là chủ tịch Hội Âm nhạc CSVN), ca sĩ Kim Tiêu, nhạc sĩ Hoàng Giác, Nguyễn Đình Thi tác giả bài *Diệt Phát Xít* nổi tiếng một thời... Văn Cao sáng tác bài *Tiến Quân Ca* (tức quốc ca của CSVN) ở Hải Phòng. Tất cả những người kể trên ít nhiều gì cũng hoạt động bí mật cho Mặt trận Việt Minh hồi ấy.

Rồi Văn Cao lên Hà Nội học Mỹ Thuật, nhà ở phố Hàm Long. Chúng tôi thường gặp nhau để tán láo hoặc tranh luận về vấn đề: "Nghệ thuật để phục vụ cho ai?" Văn Cao chủ trương: Nghệ thuật vị nhân sinh, còn tôi cho rằng người ta đã học nghệ thuật tức là đã có ý định tìm cho mình sự tự do, bởi vậy tôi chủ trương: Nghệ thuật vị Nghệ thuật.

Sau nhiều lần tranh cãi, chẳng ai chịu ai, chúng tôi bỏ qua chuyện đó và chỉ nói về các trường họa Âu châu. Văn Cao vẽ theo trường Ấn Tượng chứ không vẽ theo lối trình bày bản nhạc. Nét bút của anh rất mạnh, và màu sắc dùng lại âm u pha một chút gì ghê rợn.

Nhiều đêm tôi và Văn Cao đi uống rượu, ăn cháo lòng tiết canh ở phía chợ Hôm, nhà bà Trương Xu. Tôi không biết ăn tiết canh, còn Văn Cao ăn ngon lành và uống như hũ chìm. Khi men rượu đã ngấm sắc mặt Văn Cao không đỏ mà tái đi, trở nên ít nói.

Trong thời gian kháng chiến, khi Văn Cao xuống Liên khu Ba để công tác sau trận sông Lô - lúc đó bản Trường Ca Sông Lô của Văn Cao đã in xong - anh tặng tôi và Bùi Xuân Phái mỗi người một bản. Gia đình Văn Cao ở làng Đào Xá, gần sát Chợ Đại, còn Bùi Xuân Phái cứ lẩn thẩn, với bộ râu đỏ hoe như râu ngô, đi lang thang đó đây để vẽ tốc họa, tối về ngủ tại cơ quan Bình Dân Học Vụ, cũng ở làng Đào Xá. Tôi ở cách đấy chừng mười cây số, nhưng tuần lễ nào cũng vài lần đi chơi chợ Đại, lại rẽ vào thăm gia đình Văn Cao, và cũng thường gặp Bùi Xuân Phái tại đó.

Có một hôm tình cờ tôi và Phái cùng đến một lúc. Chúng tôi nói chuyện vui như tết. Vào năm 1948 Liên Khu Ba tương đối còn yên ổn. Văn Cao mới làm xong bản nhạc *Tiến Về Hà Nội*, dạy tôi và Bùi Xuân Phái hát. Sau hai giờ tập mệt nhoài, tôi hát vẫn sai, cả Bùi Xuân Phái cũng vậy. Chị Văn Cao (tức Nghiêm Thúy Băng, người yêu của Văn Cao khi Văn Cao in nhạc tại nhà in do ông cụ chị Băng làm chủ) líu tíu làm cơm đãi tôi và Phái. Đó là bữa cơm cuối cùng tôi ăn với gia đình Văn Cao.

Cơm nước xong Văn Cao cho chúng tôi xem mấy bức tranh sơn dầu, kích thước nhỏ thôi. Một bức vẽ anh bộ đội ôm cây đàn đỏ. Bức tranh này kỹ thuật vẽ vững chắc và màu sắc dùng đúng chỗ nên đẹp. Ôm cây đàn đỏ tức là ôm cây đàn xã hội chủ nghĩa! Còn bức thứ hai vẽ một anh bộ đội đứng trước cây rào cản, trên cây rào có dấu hiệu cấm vào! Chúng tôi bàn nhau nên làm một cuộc triển lãm những bức tranh sơn dầu của Văn Cao và của tôi cùng những bức tốc họa của Bùi Xuân Phái. Bàn đi bàn lại mãi, sau cùng phòng triển lãm được tổ chức tại một trường học của làng Đào Xá. Chính quyền địa phương cũng đến cắt băng khai mạc và mở cửa cho mọi người vào xem tự do trong một tuần lễ.

Văn Cao là con người đa tài. Ngoài tài làm nhạc, Văn còn làm thơ, viết văn, viết kịch v.v... Tất cả những bài viết lúc còn trẻ đều được đăng ở tuần báo *Tiểu Thuyết Thứ Bẩy*. Buổi trưa hôm ăn cơm tại làng Đào Xá, gió đưa ngọn tre la đà, cái nắng dìu dịu của mùa thu dễ làm cho tâm hồn cảm xúc. Văn Cao nổi hứng đọc bài thơ **Ngoại ô mùa đông 46**. Bài thơ khá dài, đại ý nói lên sự vùng dậy ở cửa ô Khâm Thiên, tức cửa ô trụy lạc khi trước, bây giờ đổi khác. Bài thơ quá dài, tôi chỉ chép lại ít câu mà tôi cho là hay:

...Cửa Ô cần lao
Cửa Ô trụy lạc
Cửa Ô trầm mặc
Ôi Cửa Ô, Cửa Ô dài dằng dặc
Bấy nhiêu người thời đại đã vươn cao

*

Ta đi trong nhà đổ
Nghe thời gian đã nhạt khúc ân tình
Trong phòng the chiếc áo trẻ sơ sinh
Còn xiêm hài dành hương phấn cũ
Chiếc giầy con ủ dấu thê nhi
Có hình ai hiện lên cửa tủ
Về với hơi tàn y
Giữ bóng trên cổ kính?
Chỉ là ta, lãnh lẽo lại quay đi
Xác gỗ, tro than và bóng tối nghĩ gì
Nghe đồ đạc đụng kêu trên đất lạnh...

Văn Cao, con người rất nhiều bệnh, nào bệnh phổi, bệnh thủng dạ dầy, bệnh chai gan vì rượu và sau cùng là bệnh đường ruột. Với từng ấy bệnh làm sao sống lâu được, thế mà Văn Cao cũng vượt qua tuổi "cổ lai hi"! Lạ thay!

Tôi và Văn Cao còn gặp nhau một lần nữa vào mùa đông 1949. Văn Cao cùng đi với Nguyễn Đình Thi. Trời lạnh với mưa phùn gió bấc mà mỗi người chỉ mặc một chiếc áo trấn thủ bên ngoài chiếc áo cánh bằng vải nâu đã bạc màu.

Chúng tôi ngủ với nhau ba người chung một chiếc chăn đơn. Văn Cao ngâm thơ và thèm rượu. Tôi mang chai đi mua rượu nhưng không ai bán, lại xách chai về. Tuy không nói ra, nhưng Văn Cao buồn lắm, tôi chắc thế. Sáng hôm sau hai người đi sớm. Từ đó không một lần chúng tôi gặp lại nhau.

Cho tới bây giờ, một người tuy đã chết nhưng vẫn sống trong lòng những người yêu nhạc, một người đã già lưu vong trên đất Mỹ, chả biết làm gì hơn là cầu nguyện cho người chết sớm siêu thoát.

Một ngày nào đó, xa hay gần, sẽ gặp lại nhau ở bên kia giới cảnh, linh hồn phiêu giạt mông lung giữa bốn hướng trời mờ mịt!...■

Garden Grove, tháng Bảy, 1995

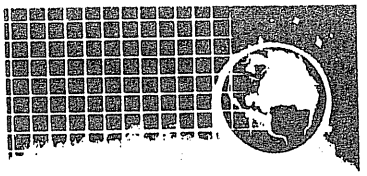

SỔ TAY KÝ GIẢ

CHỦ NGHĨA CỘNG SẢN ĐÃ CHẾT CHƯA?

Phóng viên báo USA Today đã đặt câu hỏi "Chủ nghĩa Cộng sản đã chết rồi chăng?" khi phỏng vấn ông Lê Văn Bàng, trưởng Văn phòng Liên lạc của chính phủ Hà Nội tại Washington. Họ đặt câu hỏi đó sau khi ông Bàng liệt kê những công ty Mỹ đang muốn làm ăn ở Việt Nam: Mobil, Exxon, Amoco, Ford, GM, Chrysler, ba ngân hàng, General Electric, với những dự án lọc dầu, mở phi trường, nhà máy điện, xây cất, v.v

Nghe hỏi "Chủ nghĩa Cộng sản đã chết rồi chăng?" ông Lê văn Bàng trả lời rằng :"Ở Việt Nam chủ nghĩa cộng sản vẫn sống động". Và ông Bàng phát biểu quan niệm của ông thế nào là người cộng sản. Ông nói: "Theo tôi một người cộng sản (là người) làm việc cần cù, không tham lam, cố gắng giúp đỡ tất cả mọi người, cố gắng phát triển xứ sở, không ăn của hối lộ, có một gia đình vững chắc." Định nghĩa này giống như mô tả một Hướng Đạo Sinh gương mẫu (HĐS giúp ích mọi người bất cứ lúc nào, HĐS lễ độ và liêm khiết, v.v.) hay một người có đạo, dù là đạo Phật, đạo Chúa hay đạo Bahai, đạo Hồi. Bất cứ tôn giáo nào cũng giảng cho tín đồ phải trở nên người lương chính, và khi mô tả con người lương chính thì họ cũng nói giống như bảng mô tả của ông Lê Văn Bàng. Nếu ông Clinton cần trả lời câu hỏi "Ai là người theo đảng Dân Chủ?" ông có thể dùng câu trả lời của ông Lê Văn Bàng. Ông Bob Dole cũng có thể dùng câu đó viết lập trường của đảng Cộng Hòa.

Nghe câu ông Bàng định nghĩa đặc tính một người cộng sản thì người có kinh nghiệm sống với các cán bộ, viên chức cộng sản ở Việt Nam phải kết luận rằng chủ nghĩa cộng sản đã chết rồi. Vì ở Việt Nam bây giờ những người duy nhất có địa vị để ăn hối lộ, tham lam, không nghĩ đến chuyện giúp ai hết chỉ lo giúp mình và băng đảng của mình, không quan tâm đến việc phát triển xứ sở bằng việc củng cố quyền lợi của băng đảng, những người có độc quyền làm như vậy chính là các đảng viên cộng sản. Chỉ có các đảng viên mới có cơ hội làm ngược lại những điều mà ông Bàng mô tả. Cái hình ảnh người cộng sản mà ông Bàng mô tả, hình ảnh đó không còn nữa, đã chết hoặc chưa bao giờ được phép sống cả. Nếu nhà báo Mỹ không tin thì hãy yêu cầu ông Bàng cấp chiếu khán sang Việt Nam đi thăm và hỏi chuyện những đảng viên và cựu đảng viên cộng sản như Dương Quỳnh Hoa, Nguyễn Hộ, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Kiến Giang, Dương Thu Hương, Nguyễn Trung Thành, v.v.. Hai ông Hoàng Minh Chính và Nguyễn Trung Thành đã bị bắt, ông Nguyễn Hộ bị công an trả về nhà, bắt con gái ông thay nhà nước quản thúc bố. Vậy mà ông Lê văn Bàng lại khẳng định "chủ nghĩa cộng sản vẫn sống động-communism is alive." Vậy cái chủ nghĩa cộng sản mà ông nói đó là chủ nghĩa nào?

Tính chất duy nhất của chủ nghĩa cộng sản mà đảng CSVN hiện nay còn giữ là tính độc quyền và độc tôn. Trên phương diện đó thì chủ nghĩa cộng sản vẫn còn còn sống thật.

Độc quyền về chính trị, kinh tế, và xã hội là tính chất của mọi đảng độc tài, dù đảng của ông Marcos, Mobutu, Bokassa hay Lê Duẩn. Nhưng đảng cộng sản hơn tất cả các đảng độc tài khác ở điểm họ còn chiếm độc quyền về sự thật và độc quyền về điều thiện. Câu trả lời của ông Lê Văn Bàng biểu lộ đặc tính này. Khi ông dùng hình ảnh một "Hướng Đạo Sinh gương mẫu" để mô tả con người cộng sản của ông, ông đã cho thấy tận đáy xâu của chủ nghĩa cộng sản là ý muốn trở nên một tín ngưỡng độc tôn: Tất cả những điều gì tốt đẹp nhất mà loài người muốn hướng tới, những cái đó đều bị đảng tịch thâu. Sau khi đã cướp chính quyền, tịch thâu tài sản của dân, đảng cộng sản ở đâu cũng chiếm đoạt nốt cả các giá trị luân lý. Cái Thiện cũng bị "hợp tác hóa". Đó là điều tác hại ghê gớm nhất của chủ nghĩa cộng sản, khiến cho một đảng cộng sản nguy hại hơn bất cứ đảng độc tài nào khác.

Dựng lên một phong trào cách mạng tự cho mình độc quyền về sự thật, về cái đẹp, về điều thiện, đó là lầm lẫn to lớn nhất của Karl Marx, mặc dù ông là người có thiện chí muốn mang lại hạnh phúc cho loài người. Ngày nay những đứa con rơi của ông ở Á châu không chịu thú nhận lỗi lầm đó, như các người anh em của họ ở Đông Âu đã làm. Và thiện chí cũng như trí thông minh của ông cũng đang bị họ tịch thâu để dùng làm một khí cụ, một chiêu bài mị hoặc đảng viên và đè nén người dân. Ngoài khoản độc tài và tự tôn ra thì tất cả những gì khác của chủ nghĩa cộng sản thực ra đã chết cả rồi. Cái xác không hồn đó vẫn tiếp tục bước đi, nếu được tư bản ngoại quốc tiếp máu bằng đô la, cho đến khi nào người dân Việt Nam đẩy nó ngã xuống.■

CHUYÊN CHÍNH LÀ PHẢN VĂN MINH

Một văn kiện nội bộ của đảng Cộng sản Việt Nam, chuẩn bị cho hội nghị trung ương lần thứ tám về xây dựng hoàn thiện nhà

nước, đã được chính một đảng viên cộng sản đang thất thế là tướng Trần Độ đem ra phê phán về lối nói hai lưỡi của đảng. Đảng CSVN một mặt nói "tiếp tục xây dựng nhà nước pháp quyền," mặt khác lại viết: "Một nhà nước ...như vậy về thực chất là Nhà Nước Chuyên Chính Vô Sản. Trong nội bộ đảng cần được khẳng định rõ ràng."

Tướng Trần Độ đặt câu hỏi :" Vậy là ta làm chuyên chính vô sản và chỉ biết với nhau trong đảng, còn không cho dân biết. Một nhà nước thế nào mà dân không biết, không làm (sic), không công nhận, không kiểm tra được thì có còn của dân, vì dân, do dân nữa hay không?" (Theo *TIN NHÀ*, số 19)

Ông Trần Độ giả bộ không biết rằng đảng ta xưa nay vẫn nói hai lưỡi như vậy, chỉ những người nhắm mắt, bịt tai vì còn được ngồi hưởng quyền lợi thì mới không dám thấy mà thôi.

Nhưng tiết lộ trong lá thư của Trần Độ gửi Đỗ Mười cho thấy bản chất chuyên chính của đảng cộng sản không thay đổi. Họ bảo nhau trong nội bộ một cách quả quyết như vậy. Chế độ cộng sản là hình thức chuyên chế nhất trong các lối cai trị chuyên chế, vì họ muốn kiểm soát tất cả mọi sinh hoạt trong xã hội: chính trị, kinh tế và văn hóa.

Một xã hội văn minh là sự chuyển hóa tự nhiên của loài người, khi các quyền lực ngự trị xã hội được phân tản ra. Nhà nước không độc quyền về kinh tế, đó là nhờ những phong trào gọi là cách mạng tư sản dân quyền từ thế kỷ 18. Từ đó tới nay, tại các nước Tây phương sự cạnh tranh và cân bằng quyền lực giữa lãnh vực công (nhà nước) và lãnh vực tư (kinh tế) luôn luôn là một đề tài thảo luận sôi nổi. Sự phân biệt hai lãnh vực giúp cho không một nhóm kinh doanh, một giai cấp kinh tế nào có thể dùng guồng máy nhà nước để trục lợi được.

Xã hội văn minh cũng đòi hỏi Tôn giáo tách rời khỏi chính trị, điều đó bắt nguồn ngay từ Phúc Âm. Chính nhờ sự phân tách hai quyền lực đó mà quyền tự do của mỗi con người mới được thể hiện. Nội dung của sự phân tách nhà nước và tôn giáo có hai phần. Các giáo hội không tìm cách ảnh hưởng đến xã hội qua guồng máy nhà nước, gây ra cảnh đối sử phân biệt cho những tôn giáo khác. Ngược lại, nhà nước không tìm cách thao túng các giáo hội để củng cố quyền lực phe đảng.

Sự phân tản quyền lực chính là dấu hiệu của văn minh. Một hệ quả cần thiết và tự nhiên của văn minh là tính cách trung lập của guồng máy nhà nước. Bộ máy hành chánh, tư pháp phải độc lập đối với tất cả các nhóm quyền lợi, dù mang tính tôn giáo, kinh tế, ý thức hệ hay một thuộc tính nào khác.

Muốn nước Việt Nam ta tiến đến tình trạng văn minh đó thì phải bãi bỏ ngay đường lối vô sản chuyên chính. Bước đầu tiên mà ngay những đảng viên như ông Trần Độ nên làm là tranh đấu tách nhà nước ra khỏi đảng. Sau khi tách đảng ra khỏi nhà nước thì mới bàn đến chuyện cải thiện guồng máy nhà nước được.■

TIẾT KIỆM ĐỂ PHÁT TRIỂN

Ngày ông Clinton bỏ cấm vận năm ngoái, Việt Nam đã tràn ngập ...hai thứ nước ngọt Cola! Thuốc lá và nước ngọt trở thành hai món hàng tiêu thụ tượng trưng cho nền kinh tế đổi mới, và cho việc người Mỹ trở lại Việt Nam. Coca Cola va Pepsi Cola đã cho các nhà máy sản xuất ngay; chai, lon chạy ra tới tấp. Và các hãng thuốc lá Mỹ cũng mở nhà máy ngay tại Việt Nam, các nhãn hiệu bán chạy như Marlboro làm tại chỗ. Hiện nay dân Mỹ và Âu châu đều tỉnh ngộ về những tai hại của thuốc lá, số người hút thuốc giảm sút. Báo chí cho biết năm nay ở Mỹ sẽ có 400 ngàn người chết vì các chứng bệnh liên quan đến thuốc lá. Các hãng thuốc lá phải nhắm vào thị trường trẻ em và Á Châu, cả hai giới tiêu thụ đó đều...còn dại dột. Người ta đã tính ở Mỹ mỗi ngày có thêm ba ngàn trẻ em mới tập hút thuốc, và hiện nay trên thế giới cứ ba người hút thuốc lá lại có một người Tầu!

Khi cộng sản Việt Nam bắt đầu tư bản hóa nền kinh tế họ mở cánh cửa cho dân được có thêm hàng tiêu thụ. Tất nhiên nhân dân hồ hởi uống nước Cola (có cà phê in) và hút thuốc (có nicôtin). Cả hai chất cà phê in và nicotin đều làm người ta bị ghiền. Nhưng những món hàng khác, như xe gắn máy, tivi, nước hoa và đồ lót đắt tiền của phụ nữ, quần áo sang trọng cho quý ông, tất cả đều có thể gây ra bệnh ghiền.

Không phải chỉ có dân ghiền hàng tiêu thụ mà ngay cả chính phủ cũng mắc ghiền. Nhà nước sẽ ghiền ..thuế đánh trên hàng tiêu thụ. Thuế nhập khẩu hiện là một khoản lớn nhất trong các món thâu của chính phủ Việt Nam và nó lại dễ thâu nhất. Tiền viện trợ của các Việt kiều về cho thân nhân dùng để nhập cảng là dễ nhất.

Một nước mà dân chúng cũng như chính phủ chỉ lo tiêu thụ, không lo tiết kiệm thì nước đó không tiến được về kinh tế.

Một nhà kinh tế thuộc ngân hàng thế giới vừa công bố bài báo cáo khoa học so sánh mức độ tiết kiệm của 36 nước trên địa cầu. Tại sao kinh tế mấy nước Á đông phát đạt mà Châu Mỹ La tinh lại

Cách đây 50 năm một tờ báo ở Mỹ mách người ta khi đi ăn tiệc gặp phải một bà lắm chuyện thì có ba cách làm cho bà ta ngưng nói.

1- Hỏi thăm bà đã có chồng chưa? Nếu bà ấy nói chưa thì hỏi thế bà có con chưa?

2- Hỏi thăm bà được mấy con, nếu bà ấy nói có con rồi thì hỏi thế bà đã có chồng chưa?

3- Hỏi bà đã có chồng chưa, nếu trả lời có thì hỏi tiếp đã có con chưa, nếu trả lời không thì hỏi bà ấy làm cách nào mà hay vậy?

Cả ba cách trên bây giờ đều không công hiệu nữa.

chậm lụt? Một chỉ dấu thấy rõ là dân Á châu tiết kiệm nhiều hơn. Trong thập niên 1983-1992 tỷ lệ tiết kiệm trung bình ở Á châu là 25%, ở châu Mỹ La tinh là 15,3% tổng sản lượng quốc nội (GDP). Đó là nói con số bình quân. Nói riêng từng nước thì còn khác nhau xa hơn. Singapore có tỷ lệ tiết kiệm 47%, Mã Lai 31% còn Mexico chỉ có 18% (trong năm 1994 chỉ có 14%) và Argentina hơn 16%.

Nếu so sánh các nước đã mở mang, Nhật Bản đứng hàng đầu với tỷ lệ tiết kiệm trung bình là 34% GDP còn Mỹ gần chót, 18%. Trong các nước đã mở mang tỷ lệ trung bình là 20%.

Trong con số tiết kiệm chung của một quốc gia có một phần thuộc lãnh vực công do chính phủ quyết định, và một phần thuộc lãnh vực tư, do người dân lựa chọn. So sánh mức tiết kiệm ở lãnh vực tư thì sự khác biệt giữa châu Mỹ La tinh và Á Đông còn xa hơn nhiều. Người dân Singapore trung bình để dành hơn 25% lợi tức, người dân Argentina chỉ để dành dưới 2%.

Một chính phủ muốn tiết kiệm (thay mặt cho dân) thì cắt giảm ngân sách điều hành. Tiền thâu thuế không đem chi dùng chính là tiền để dành, sẽ mang ra đầu tư vào việc xây dựng hạ tầng cơ sở. Còn trong lãnh vực tư thì người dân để dành qua hệ thống ngân hàng, các loại quỹ tiết kiệm, qua các thị trường vốn mua bán cổ phiếu và trái phiếu. Tiền để dành đó sẽ được các tư nhân khác hay nhà nước vay để đầu tư, nếu đầu tư khéo thì kinh tế phát triển. Nhưng không để dành thì không có gì để đầu tư ngoài cách vay nợ nước ngoài chồng chất mãi.

Ở Việt Nam hiện nay nhà nước không để dành mà tư nhân cũng chưa có các định chế tài chánh được tín nhiệm để làm nơi gửi tiền tiết kiệm. Nhà nước không thể để dành vì các món chi tiêu không bỏ được là bộ máy hành chánh rườm rà, đạo quân công an cảnh sát rất đông, và các công ty quốc doanh cần được bao cấp không biết bao giờ mới tự túc được. Theo chính sách của đảng thì doanh nghiệp nhà nước vẫn là thành phần chủ yếu trong nền kinh tế. Muốn để dành làm vốn thì phải cắt giảm cả ba gánh nặng đó trước.

Còn trong dân chúng thì muốn gia tăng mức tiết kiệm cần tạo nên những định chế tài chánh "được tín nhiệm." Cần mở mang hệ thống ngân hàng tư. Các quỹ tiết kiệm tổ chức trong hệ thống Bưu điện, Ngân khố có thể mở ra ở từng tỉnh, quận, có khi từng xã. Các hợp tác xã tín dụng của nông dân, của công nhân phải do chính họ điều hành. Đó là những định chế có thể phát triển ngay để tăng tỷ lệ tiết kiệm và đầu tư trong nhân dân. Nếu không thì bao nhiêu tiền kiếm ra bằng mồ hôi nước mắt, tiền do người Việt ở nước ngoài gửi về và mang về, sẽ đốt thành khói thuốc lá hay khói xe gắn máy.

Bài báo cáo của ông Sebastian Edwards đặt câu hỏi: Yếu tố nào làm tỷ lệ tiết kiệm khác nhau, khi so sánh giữa các quốc gia? (NBER working paper số 5097). Sau đây là vài điều ông tìm ra:

Một yếu tố là tuổi. Một nước mà dân số nhiều người dưới tuổi 15 và trên 65 thì tiết kiệm ít hơn.

Một nước càng đông dân sống ở đô thị thì càng tiết kiệm ít đi. Nghĩa là nông dân vẫn cần kiệm hơn dân thành phố.

Hệ thống ngân hàng và tín dụng mở mang thì tỷ lệ tiết kiệm tăng lên. Dân phải tín nhiệm hệ thống tín dụng!

Khi chính phủ tăng tiết kiệm lên thì dân bớt tiết kiệm đi nhưng số bớt vẫn nhỏ hơn số tăng nên tổng số vẫn tăng. Nhà nước rộng rãi tiêu sài, ngân sách khiếm hụt thì dân cũng không hăng hái tiết kiệm. Các quỹ hưu bổng của chính phủ tăng thì dân bớt tiết kiệm, Chili thay bằng quỹ hưu bổng tư thì tỷ lệ tiết kiệm cao hơn các nước láng giềng.

Nền kinh tế tăng trưởng càng nhanh thì tỷ lệ tiết kiệm càng cao. Chính phủ càng có tính ổn định thì tỷ lệ tiết kiệm cũng càng cao, chính phủ không có hy vọng sống lâu thì chi tiêu thả sức vì tầm nhìn ngắn hạn hơn.

Nhìn vào các kết luận của ông Edwards chúng ta thấy tỷ lệ tiết kiệm tùy thuộc các yếu tố chính trị, xã hội, dân số học và cách tổ chức nền kinh tế. Nhưng có hai việc cần làm ngay là cắt giảm bộ máy hành chánh, công an, quốc doanh, và chỉnh đốn tạo tín nhiệm cho hệ thống tín dụng.■

Kỷ luật học đường

Một cô giáo gốc Việt Nam ở khu Irvine, California, nước Mỹ được phụ huynh người Mỹ tín nhiệm gửi con vào học lớp mẫu giáo do cô phụ trách dù đó là lớp song ngữ, học sinh của cô đều học cả các giờ tiếng Việt, các bài thơ lục bát. Lý do chính là vì lớp cô dạy được tiếng là có kỷ luật. Cha mẹ em bé cho biết sau khi học cô giáo Việt, đứa trẻ Mỹ về nhà cũng ngoan hơn, giữ kỷ luật ở trong gia đình hơn.

Trước đây nền giáo dục ở nước Mỹ đề cao tính độc lập và sự phát triển tự do của trẻ em. Lý thuyết giáo dục thời đó cho rằng trẻ càng có tự do thì trí óc cũng như tâm hồn càng phát triển tốt, các hình thức kỷ luật thường làm hại cho óc sáng kiến và sự phát triển của trẻ. Chủ trương này được cả xã hội ủng hộ vì phù hợp với tinh thần tôn trọng cá nhân trong truyền thống văn hóa Mỹ. Gần đây những lý thuyết gia về giáo dục đã nghĩ lại. Ít nhất họ cũng công nhận rằng trẻ em cần phải theo một số kỷ luật, phải vâng lời cô, tính độc lập cá nhân cần được thăng bằng với tính thuần nhất của cả tập thể học sinh trong lớp, trong trường.

Ngược lại với trào lưu giáo dục bên Mỹ, người Việt trước đây thường đề cao kỷ luật tập thể một cách thái quá, bỏ qua, nếu không nói là hủy diệt cả cá tính của học sinh. Khi chúng ta giữ nguyên truyền thống đó ở giữa xã hội Âu Mỹ chúng ta có thể gây những xung đột trong gia đình giữa hai thế hệ. Nguy hiểm hơn nữa chúng ta có thể gây ra những xung đột nội tâm trong mỗi trẻ em, không

tốt đối với sức khỏe tinh thần của trẻ. Để tạo nên hòa hợp trong lòng các trẻ em cũng như giữa hai thế hệ, phụ huynh nên mang các câu chuyện về vấn đề này ra thảo luận với các em, dù các em chưa bước vào tuổi trung học.

Một phán quyết của Tòa Án Tối Cao Hoa Kỳ trong tháng qua đáng mang ra thảo luận. Tối cao pháp viện Mỹ vừa phán rằng các trường công lập có quyền bắt học sinh thử nước tiểu để tìm xem các lực sĩ trẻ đó có dùng chất kích thích thể lực vẫn bị cấm hay không. Người Việt chắc sẽ ngạc nhiên và thấy buồn cười tại sao một chuyện nhỏ như vậy lại phải mang lên tận tòa án tối cao. Nhưng đây là chuyện trọng đại vì liên quan đến cả bản hiến pháp Mỹ. Hiến pháp chắc chắn không nói đến vụ thử nước tiểu. Nhưng tu chính án số bốn của hiến pháp Mỹ cốt để ngăn ngừa việc nhà nước lục xét thân thể công dân một cách bừa bãi, điều đó cũng thiêng liêng như việc bảo vệ tính mạng và tài sản của dân.

Vụ việc này bắt đầu năm 1991 khi James Acton, một học sinh lớp bảy bị cho ra khỏi đội banh trường vì em từ chối không cho người ta thử nước tiểu kiểm soát chất kích thích bị cấm. Cha mẹ em kiện học khu Vernonia ở Oregon ra tòa. Phiên tòa cấp dưới phán học khu có quyền bắt học sinh thử nước tiểu. Phụ huynh em Acton kiện lên tòa phá án ở San Francisco, và tòa án liên bang bác bỏ quyết định của tòa dưới, phán rằng trường học không có quyền bắt học sinh thử nếu không có mối nghi ngờ cụ thể, chính đáng, vì thử như vậy là vi phạm tu chính án số bốn. Học khu kháng cáo lên tối cao pháp viện. Với tỷ số 6-3 các thẩm phán tối cao phán rằng việc khám nghiệm nước tiểu không vi phạm tu chính án số bốn vì các lực sĩ học sinh khi muốn tham gia vào đội banh thì đã tự ý từ bỏ nhiều quyền hạn về đời tư của cá nhân, thí dụ họ đã phải đi khám sức khỏe, chích ngừa, tắm ở phòng tắm công cộng, v.v... Mà trong khi khám sức khỏe thì chuyện thử nước tiểu cũng là chuyện bình thường.

Phán quyết của tòa án tối cao nước Mỹ về việc thử nước tiểu của một học sinh lớp bảy cho thấy đây quả là một nước dân chủ, tự do. Chúng ta vui mừng được sống trong một quốc gia tôn trọng quyền của con người như vậy. Chẳng bù với những chế độ kém văn minh công an muốn khám ai thì khám, muốn vào nhà ai thì vào! Nhưng chúng ta cũng biết rằng nếu vụ trên xảy ra ở một nước Á Đông thì người ta không đến nỗi phải đưa nhau ra tòa tối cao như vậy. Vì các nước Á Đông trong truyền thống Khổng Mạnh vốn tôn trọng học đường, tôn trọng vai trò của nhà giáo dục. Hơn nữa tinh thần của người dân Á Đông là tìm đường thương lượng hòa giải trước khi đưa nhau ra tòa. Phán quyết của TCPV đã được hiệp hội các hội đồng học chánh ở Mỹ hoan nghênh nhiệt liệt vì đây là một bước đầu để họ tăng cường các biện pháp kỷ luật học đường khác. Khi nhà trường không ngăn cấm được các học sinh dùng chất kích thích thì ngay việc dùng các chất ma túy khác cũng gia tăng. Hiện tượng đó đã xảy ra ở Vernonia trước đây hơn 10 năm. Và khi trẻ em dùng ma túy nhiều hơn thì các vụ vi phạm kỷ luật khác cũng tăng thêm. Những học sinh lực sĩ xưa nay vẫn có vai trò dẫn đầu và làm gương trong trường học cho nên họ cần phải khép vào kỷ luật thì các trẻ em khác mới noi gương tốt. Từ khi học khu Vernonia thi hành chính sách thử nghiệm nước tiểu thì số dùng ma túy cũng giảm và trường có kỷ luật hơn.

Câu chuyện trên có thể là một đề tài để phụ huynh người Việt ở Mỹ đem ra thỏa luận với con em, trong khung cảnh của gia đình. Đây là dịp để chúng ta đề cập đến các vấn đề tổng quát hơn, như vai trò của kỷ luật trong học đường, quyền tự do cá nhân và trách nhiệm xã hội của học sinh, v.v... Chúng tôi hy vọng rằng trong khung cảnh gia đình đầm ấm và tinh thần cởi mở chịu lắng nghe của phụ huynh thì các bạn trẻ cũng đồng ý rằng kỷ luật học đường là điều cần thiết trong nền giáo dục ở bất cứ nước nào. Người Việt chúng ta, dù phụ huynh hay học sinh phải hỗ trợ các trường học ở xứ này bảo vệ kỷ luật.■

Việc của tiểu thuyết gia không phải là kể lại những biến cố lớn mà là làm cho những việc nhỏ thành ra lý thú.

Arthur Schopenhauer

Đối với một nhà hóa học thì không có gì sạch, cái gì dơ. Nhà văn cũng phải khách quan như một nhà hóa học.

Anton Chekhov

Khi vào nghề văn thì ta chỉ nên trông đợi một phần thưởng, đó là bị khinh thường khi ta thất bại và bị ganh ghét khi thành công.

Voltaire

Mua bán phiếu ở Thái Lan

Cuộc bầu cử ở Thái Lan đầu tháng bẩy có thể làm nhiều người thất vọng về chế độ dân chủ còn phôi thai ở xứ này. Cảnh mua bán phiếu trắng trợn của đảng Dân Tộc Thái (Chart Thai) đứng đầu liên minh thắng cử thật nhơ bẩn. Niềm thất vọng có thể khiến người ta mất cả tin tưởng ở chế độ dân chủ nói chung. Những người chống dân chủ sẽ lấy thí dụ về cuộc bầu cử đó để tiếp tục biện minh cho chế độ độc tài của họ. Tuy nhiên nếu suy nghĩ kỹ chúng ta sẽ thấy một thể chế dân chủ non nớt và thối nát còn bớt tai hại hơn một chế độ độc tài già nua và đầy tham nhũng.

Thủ tướng đương nhiệm Chuan Leekpai tổ chức cuộc bầu cử sau khi một số bộ trưởng trong chính phủ của ông bị tố cáo tham nhũng vì chia chác đất cho thân nhân trong chương trình phát triển nông thôn. Chính phủ Chuan Leekpai đã cầm quyền ba

năm, được coi là một chính phủ trong sạch và cầm quyền lâu nhất trong những năm gần đây. Kể từ khi có hiến pháp dân chủ, năm 1932, đã có 18 cuộc đảo chính quân sự ở Thái Lan trong vòng 60 năm, mỗi lần các ông tướng đảo chính đều nêu lý do phải lật đổ chính phủ dân sự vì tham nhũng quá độ. Năm 1992 các tướng lãnh phải rút lui sau các cuộc biểu tình đẫm máu của sinh viên chống quân phiệt ở Bangkok. Tướng lãnh Thái đã tuyên bố đứng ngoài chính trị và trong cuộc bầu cử năm nay họ nhắc lại lời hứa đó. Đây là lần đầu tiên một chính phủ dân sự ở Thái Lan bị đổ qua một cuộc đầu phiếu để được thay thế bằng một chính phủ dân sự khác.

Thủ tướng Chuan được tiếng là trong sạch nhưng không đủ đảm lược để kiểm soát được chính phủ của ông. Phe đối lập đã thắng và người sẽ lên làm thủ tướng là Banharn Silpa-archa, lãnh tụ đảng Dân Tộc Thái. Đảng Dân Tộc Thái chiếm 92 ghế trong số 391 dân biểu đắc cử, đảng cầm quyền chỉ có 86 người (có 2,300 ứng cử viên,) và ông Banharn đã liên kết các đảng nhỏ, tổng cộng 233 dân biểu để lập chính phủ mới. Nhưng đảng ông ta thắng cử trong khi bị tố cáo là mua bán phiếu trắng trợn.

Điều may cho dân Thái là xã hội của họ đã bắt đầu tập sống dân chủ từ ba năm nay, trở nên cởi mở, tự do hơn nhiều nước khác. Cho nên có những tổ chức tư công khai theo dõi vụ tranh cử và bầu cử.

Một tổ chức quan sát bầu cử cho biết giá một lá phiếu mà đảng Dân Tộc Thái mua là từ 30 bạt đến 500 bạt. Ở vùng Đông Bắc Thái có khi họ mua phiếu theo giá sỉ tức là mua cả làng. Nhiều ứng cử viên có cơ trúng cử cũng được mua để chuyển sang đảng mới, với ba giá khác nhau, 10 triệu bạt (400 ngàn USD), hoặc 15 triệu và 20 triệu. Một nhà quan sát đã ví các vụ mua dân biểu như là trả tiền gái mãi dâm, giá cao thấp tùy theo ứng cử viên đã bị mua nhiều lần hay không. Sau vụ bầu cử đến lượt mua bán các đảng. Ông Banharn sẽ phải hứa hẹn sẽ chia các ghế bộ trưởng trong chính phủ sắp tới để liên kết các đảng nhỏ. Đây cũng là dịp cho người ta mặc cả.

Những vụ tai tiếng trên tất nhiên làm cho những người yêu chuộng dân chủ phải lấy làm xấu hổ. Phải chăng chế độ dân chủ thối nát như vậy thì thà rằng sống trong chế độ độc tài còn hơn?

Nhưng chúng ta biết rằng không có một chế độ nào là lý tưởng, hoàn hảo cả. Nếu có hai chế độ cùng thối nát thì chế độ dân chủ cho người dân nhiều cơ hội tố giác các vụ tham nhũng, thối nát hơn là một chế độ độc tài nếu có hai quyền căn bản được tôn trọng. Đó là quyền tự do ngôn luận và tự do lập hội, lập đảng. Trong chế độ độc tài, thiếu hai quyền căn bản trên thì các vụ tham nhũng thối nát sẽ bị bưng bít, và không có hy vọng cải thiện bằng. Sự có mặt của các tổ chức tư và báo chí quốc tế chưa làm cho cuộc bầu cử hoàn toàn trong sạch nhưng tạo nên hy vọng cho các cuộc bầu cử trong sạch sau này.

Một bài học của cuộc bầu cử ở Thái Lan là việc xây dựng chế độ dân chủ

cần thời gian, đặc biệt là thời gian để người dân được thông tin đầy đủ và tập thói quen xét đoán các chương trình, các đảng phái và các ứng cử viên. Đảng Dân Tộc Thái đã thắng nhiều ghế nhất ở các vùng nông thôn, nơi người dân thiếu tin tức, thiếu kinh nghiệm dân chủ hơn cả. Đảng này không thắng một ghế nào ở thủ đô Bangkok nơi báo chí phổ biến rộng rãi và người dân có nhiều tin tức hơn và ở thủ đô có các tổ chức tư cũng như các quan sát viên quốc tế theo dõi gắt gao cuộc bầu cử. Bài học có thể nêu ra là chế độ dân chủ chỉ được xây dựng trong không khí tự do báo chí và cởi mở. Người dân càng được thông tin đầy đủ thì càng biết sử dụng quyền làm chủ của mình. Để chính phủ mới có bộ mặt tốt đẹp hơn, ông Banharn đã phải liên kết với hai đảng thắng đa số ghế tại thủ đô.

Cho nên những người muốn xây dựng dân chủ cho nước Việt Nam không thể thất vọng vì cảnh thối nát trong những cuộc bầu cử ở một chế độ dân chủ còn non nớt. Chúng ta không nên mất niềm tin ở chế độ dân chủ; ngược lại cần nỗ lực hơn và tranh đấu cho việc xây dựng dân chủ một cách thiết thực.

Việc xây dựng dân chủ phải bắt đầu từ các quyền căn bản là tự do báo chí và tự do lập hội. Đó là những nền tảng xây dựng một xã hội công dân. Người Việt trong nước cần tranh đấu một cách hợp pháp ngay trong lòng chế độ để mỗi ngày mở rộng hai quyền căn bản này, các quyền tự do thể hiện cụ thể chứ không phải là những quy tắc xuông ghi trên giấy.

Việc xây dựng dân chủ cần thực hiện từ hạ tầng, nghĩa là phải bao gồm cải tổ chính trị từ xã thôn với các quyền lợi thiết thực và gần gũi nhất của người nông dân, như bầu cử người lãnh đạo trong thôn làng, bỏ phiếu về thuế khóa và ngân sách làng xã. Chính nhờ các cuộc bỏ phiếu về các vấn đề thiết thực như vậy là người dân làm quen với thể chế dân chủ. Chính nhờ các sinh hoạt dân chủ từ hạ tầng mà người dân tập thói quen sử dụng lá phiếu.

Và ngay cả khi chúng ta thành công trong việc thay đổi hiến pháp và chế độ thì cũng nên nhớ là việc xây dựng dân chủ chỉ mới bắt đầu chứ chưa phải là đã thành tựu. Bài học về cuộc bầu cử ở Thái cho thấy là sau ba năm sống dưới một chế độ dân sự người dân còn phải được thông tin nhiều hơn nữa về quyền lợi của họ. ■

Một bác sĩ 67 tuổi gặp ông bạn cùng lớp thời xưa, ông bạn đến hỏi ý kiến về chuyện ông ta sắp cưới cô vợ mới có 18 tuổi. Lo lắng về hạnh phúc gia đình của bạn, bác sĩ khuyên: "Cô ấy mới qua chưa quen lái xe xa lộ. Anh nên muốn cho cô ta một tài xế khỏe mạnh." Một năm sau, bác sĩ gặp lại ông bạn cũ, hỏi thăm:"Chị nhà khỏe không?" "Nhà tôi đang có bầu tám tháng, khỏe lắm!" "Anh vẫn muốn tài xế lái xe cho chị chứ?" "Có, cô ta cũng có bầu, hai tháng!"

VÀI NÉT ĐẶC THÙ VỀ CÁC "NGÔN NGỮ GIẢ CẦY"

ĐÀM TRUNG PHÁP

Trong thời Pháp thuộc, một nông dân Việt được mướn để làm vườn trong tư dinh viên công sứ người Pháp tại miền thượng du Bắc Kỳ. Một hôm một con hổ lọt hàng rào, vào vườn, đạp nát các luống hoa rồi lững thững về rừng. Khi viên công sứ về nhà buổi chiều, thấy những vết chân khổng lồ trên các luống hoa, ông không hiểu là trâu bò nhà ai đã dám cả gan vào tận tư dinh công sứ phá phách như thế. Người làm vườn muốn nói cho chủ rõ là hổ đấy chứ chẳng phải trâu bò nào đâu: "Lúy tí ti dôn, lúy tí ti noa, lúy gầm, lúy gừ, lúy măng-dê me-xừ, lúy măng-dê cả moa!" ["Nó tí ti vàng, nó tí ti đen, nó gầm, nó gừ, nó xực ông, nó xực cả tôi!"]. Ông tây thuộc địa hiểu ngay, há hốc miệng, vung tay lên trời và chỉ nói được hai chữ "Un tigre?" ["Một con hổ?"] rồi té xỉu. Người làm vườn phải dìu ông chủ vào nhà và trong bụng mừng lắm vì ông công sứ đầy quyền uy rõ ràng đã hiểu thứ tiếng tây "giả cầy" của mình. Đó là thứ tiếng tây coi thường văn phạm, không chia động từ, phát âm kiểu Việt Nam, lại còn đệm thêm ngữ vựng Việt Nam vào nữa để cho tình hữu nghị ngôn ngữ Việt-Pháp thêm đề huề.

Tác giả bài viết này xin tạm dùng thành ngữ "ngôn ngữ giả cầy" như có giá trị tương đương với hai từ ngữ "pidgin" và "creole" trong tiếng Anh và tiếng Pháp. Các loại ngôn ngữ pha trộn và có vẻ kỳ cục này tồn tại khắp thế giới và là sản phẩm ngữ học của đổi chác thương mại, của tiến trình thuộc địa hóa, của đời sống đồn điền, và của các cuộc tiếp xúc khác trong đó những người sử dụng ngôn ngữ khác nhau đã cùng nhau thỏa thuận về một tiếng nói mới. Có một sự khác biệt đáng kể giữa pidgin và creole: Không ai nói pidgin như một tiếng mẹ đẻ; và khi một pidgin đã trở thành căn cơ, phức tạp hơn, hữu hiệu hơn mà lại có người sử dụng như tiếng mẹ đẻ thì pidgin đó đã được thăng hoa thành một creole. Quả thực đã có nhiều ngôn ngữ giả cầy, tuy đôi khi vẫn mang tên pidgin, nay đã trở thành tiếng mẹ đẻ (creole) của nhiều người, điển hình là Tok Pisin ở Papua New Guinea và Hawaiian English ở Hạ Uy Di.

Đại đa số các pidgins thường không thọ, kể cả tiếng Pháp và tiếng Anh giả cầy thịnh hành trong thời Pháp thuộc và trong cuộc chiến Việt Nam mà người Việt mệnh danh là "Tây Bồi" và "Mỹ Bồi". Nhưng cũng có những creoles đã trở thành ngôn ngữ quan trọng tại nhiều nơi trên thế giới: Haitian French Creole với trên bốn triệu người sử dụng tại Cộng Hòa Haiti, một thuộc địa cũ của người Pháp; Gullah với khoảng trên 200 ngàn người sử dụng dọc miền duyên hải đông nam Hoa Kỳ là một ngôn ngữ lấy Anh ngữ làm căn bản với nhiều yếu tố ngôn ngữ Phi Châu pha trộn; và Jamaican Creole English với trên hai triệu người sử dụng tại Cộng Hòa Jamaica.

Về nguồn gốc chữ "pidgin" thì không ai có thể quả quyết. Có người cho rằng đó là cách người Tàu phát âm chữ "business", lại có người cho rằng "pidgin" phát xuất từ chữ Do Thái "Pidjom" (có nghĩa là đổi chác), cũng lại có người cho rằng chữ "pidgin" và chữ "pigeon" (có nghĩ là chim bồ câu, một loại chim thường được huấn luyện để đưa thư) chắc chắn có liên hệ mật thiết! Còn chữ "creole" thì do chữ "crioulo" trong tiếng Bồ Đào Nha (có nghĩa đen là một người da trắng gốc Âu Châu sinh ra và lớn lên tại một thuộc địa) mà ra.

Lúc mới xuất phát, các pidgins chỉ có một công dụng rất hạn chế như để đổi chác hàng hóa giữa người Tây phương và người bản xứ Phi Châu hoặc Á Châu. Trong thế kỷ 19, trong các đồn điền do người Tây phương làm chủ thường có một số nô lệ nói nhiều ngôn ngữ khác nhau làm việc. Những nô lệ nào cùng nói một thứ tiếng thường bị chủ nhân không cho liên lạc với nhau, e rằng họ có thể cùng dùng ngôn ngữ đó để mưu mô tìm cách trốn thoát đồn điền hoặc làm phản. Thành ra khi các nô lệ phải nói chuyện với nhau hoặc với chủ nhân, họ phải đồng ý "phát minh" ra một thứ tiếng mới với bản chất "giả cầy". Thoạt đầu, một ngôn ngữ loại này chỉ có một cấu thức giản dị tối đa và một số từ vựng nhỏ nhoi. Các chữ không thay đổi hình dạng để đánh dấu số nhiều (như "book" và "books" hoặc "child" và "children" trong Anh ngữ); các tiếp vĩ ngữ để phân biệt nam và nữ (như "alumno" có nghĩa nam sinh và "alumna" có nghĩa nữ sinh trong Y Pha Nho ngữ) đều biến mất trong ngữ pháp giả cầy. Về từ vựng thì chỉ có từ 50 đến 300 chữ, và người nói phải vận dụng tối đa cách nói quanh co (circumlocutions), chẳng hạn khi muốn diễn tả ý nghĩa "tôi đói bụng" thì tiếng Tok Pisin (do " Talk Pidgin" mà ra) nói "có nhiều sự đi bộ trong bụng thuộc về tôi" ("belly belong me plenty walk about")!

Pidgino là sản phẩm của cả hai "phe" nói tiếng khác nhau. Trên lý thuyết thì cả hai thứ tiếng đều đóng góp về âm thanh, về từ vựng, và các yếu tố ngữ pháp. Tuy nhiên, ngôn ngữ có uy tín hơn

(thường được gọi là ngôn ngữ "thượng tầng" như các tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hòa Lan) thường cung cấp đại đa số các từ vựng, và ngôn ngữ kia (thường bị gọi là ngôn ngữ "hạ tầng" như tiếng Tàu. tiếng Tolai, tiếng Hạ Uy Di, và các tiếng Phi Châu) có ảnh hưởng lớn hơn về ngữ pháp. Chẳng hạn trong Tok Pisin, 80% các từ vựng là Anh ngữ, và ngữ pháp chịu ảnh hưởng nhiều của tiếng Tolai là một thổ ngữ quan trọng trong gia đình ngôn ngữ Papuan.

Các Pidgino khi trở thành creoles cần phải có chữ viết, và lối viết tốt nhất theo kinh nghiệm các nhà nghiên cứu về ngôn ngữ giả cầy là theo cách phiên âm với mẫu tự la-tinh (thay vì dùng chánh tả quy ước của các tiếng Âu Châu). Thí dụ, tiếng Tok Pisin ghi chữ "too much" là "tumas" và "mouth" là "maus" vì trong ngôn ngữ này âm "ch" và âm "th" đọc như âm "s". Các thí dụ viết trong bài này đều được viết theo lối phiên âm đó.

Một trong những ngôn ngữ giả cầy quan trọng, dựa vào Anh ngữ, là ngôn ngữ chánh thức của quốc gia Papua New Guinea (nằm trong Thái Bình Dương, phía bắc Úc Châu). Ngôn ngữ này có khoảng một triệu người sử dụng, và mang các tên Tok Pisin, New Guinea Pidgin, hoặc Melanesian. Tok Pisin có ngữ pháp hẳn hòi, và muốn nói trúng văn phạm tiếng này thì phải biết rõ quy luật. Quận Công Edinburgh (tức hoàng tế Philip, phu quân của Nữ Hoàng Anh Cát Lợi) đã có lần "thử" tiếng Tok Pisin và bị thất bại. Ông muốn dịch chữ "hoàng tế" sang Tok Pisin là "Fella belong Mrs. Queen". Dân chúng Papua New Guinea cười bể bụng vì thành ngữ đó hoàn toàn "trật ngữ pháp" trong tiếng Tok Pisin của họ, mặc dù họ hiểu nghĩa! Đúng ra phải dịch là "man bilong Kwin". Trong Tok Pisin "fella" (đọc và viết là "pela") không bao giờ có thể dùng ở vị trí trong câu của ông hoàng Philip với nghĩa "đàn ông" hoặc "chồng". Chữ "pela" (thoát thân từ "fella") chỉ dùng làm tiếp vĩ ngữ để đánh dấu tĩnh từ hoặc số từ trong Tok Pisin: "tupela blackpela pik" (hai con heo đen) hoặc "yupela" (các anh). Đấy cũng là dấu hiệu cho thấy Tok Pisin đã trở thành một creole, "văn minh" hơn giai đoạn khởi thủy rất nhiều. Tiếp vĩ ngữ "-im" cũng khá phổ thông, có thể biến một tĩnh từ thành động từ, như trong các thí dụ sau đây:

"bik" *(big, large)* "bikim" *(to enlarge)*
"nogut" *(no good"* "nogutim" *(to spoil)*

Vị trí các chữ trong thành ngữ hoặc câu cũng cho thấy Tok Pisin mỗi ngày một thăng tiến:

"Kot bilong ren" *(raincoat)* "kotren" hoặc "renkot" "bel bilong mi hat" *(belly of me hot)* "mi belhat" *(I am angry).*

So với tiếng "thượng tầng" là Anh ngữ, Tok Pisin có quá ít giới từ, với hai chữ *"long"* và *"bilong"* bao sân tất cả mọi quan hệ văn phạm của giới từ:

"Mi go long taun" *(I went to town)*
"Em givim tupela pik long mi" *(He gave me two pigs)*

Nhưng có lẽ cách ghép những từ ngữ căn bản một cách vòng vèo nhưng nên thơ để tạo nên những chữ mới Tok Pisin mới thực đáng chú ý. Sau đây là một thí dụ rất điển hình:

"mausgrass" *(cỏ mồm):* râu mép
"gras bilong fes" *(cỏ mặt):* râu
"gras bilong hed" *(cỏ đầu):* tóc
"gras antap ai" *(cỏ trên mắt):* lông mày
"gras nogut" *(cỏ ác hại):* cỏ dại

Người dân xứ Papua New Guinea cũng có tâm hồn thơ lắm chứ. Trong cuốn sách mang tên *Experiments in Civilization* của tác giả H.I.Hogbin xuất bản tại Luân Đôn năm 1939, người ta tìm thấy một bài thơ than van nỗi nhớ nhà rất tha thiết viết bằng tiếng giả cầy Tok Pisin:

Ples bilong mi i namerwan
Quê của tôi thật số dách
Mi laikim im, tasol
Tôi thích nó, có thế thôi
Mi tink long papa, mama tu
Tôi nghĩ đến cha và mẹ nữa
Mi krai long haus blong ol
Tôi khóc cho ngôi nhà chung đó
Mi wok long ples; longwe tru
Tôi phải đi làm thật xa nhà
Mi stap nogut, tasol
Mà bỏ việc thì tai hại, có thế thôi
Brader, susa tu
Các anh chị em tôi
Long taim, wetim mi
Đợi tôi đã lâu
Ol tink mi lus long si
Đều nghĩ tôi thất lạc nơi biển cả
Nau mi kirap, mi go long ples
Giờ đây tôi đứng dậy, tôi ra đi
Mi nokin lusim mop
Tôi không thể còn thiếu vắng nơi đó
Ples bilong mi i namerwan
Quê của tôi thực sự số dách.

Mặc dù nhiều người vẫn còn coi nhẹ các loại tiếng giả cầy (người Pháp còn gọi các loại ngôn ngữ này nói ở Phi Châu là "petit nègre" tức là " mọi đen con") và cho chúng là thiếu văn phạm, ít từ vựng, có ngữ pháp như con nít ("baby talk"), các loại ngôn ngữ này đã thành công trong sứ mệnh truyền thông giữa người với người, và đó là mục đích chính của bất cứ một ngôn ngữ nào. Chúng cũng chứng minh hùng hồn được khả năng sáng tạo của bộ óc con người khi nhu cầu truyền thông đòi hỏi. Đã đến lúc chúng ta phải nhìn những ngôn ngữ giả cầy của nhân loại dưới một ánh mắt thiệm cảm hơn.■

106.3 FM
VNCR
VIETNAM CALIFORNIA RADIO
12 - 4 PM, THỨ HAI ĐẾN THỨ SÁU
714-534-9431 * 714-897-3361 * 714-897-9581

THE KỶ 21

A source for Vietnamese studies

Group in charge of publication:
Do Quy Toan, Do Ngoc Yen, Ha Tuong Cat, Hoang Ngoc Tue, Le Dinh Dieu, Ly Van Chuong, Ngo Manh Thu, Pham Phu Minh, Phan Huy Dat, Tong Hoang and Tran Dai Loc

Publisher, English Section Editor:
Le Dinh Dieu
Editor:
Vuong Huu Bot
(Do Quy Toan)
Assistant Editor:
Pham Phu Minh

ADVISORS & CONTRIBUTORS:
Bui Bao Truc • Dam Trung Phap • Luu Van Vinh • Nguyen Dinh Hoa • Nguyen Duc Quang • Nguyen Manh Hung • Ruth Talovich

THE KY 21
(The 21st Century)
is published monthly, distributed worldwide. Subscription: see form printed on page 2. Send check or money order, inquiries to:
Thế Kỷ 21
11022 ACACIA PKWY #A
GARDEN GROVE
CA 92640 USA
TEL (714) 638-9510
FAX (714) 638-1944
E-MAIL 75504,3510
Compuserve

ADMINISTRATION
Office Manager:
Vu Duy Tu
Account Executive:
Phan My Suong

ISSN 1056-4640

REFLECTION ON A CHINESE POEM, THE YELLOW CRANE TOWER

PHAM NGOC KHOI

The Yellow Crane Tower, composed by Tsuei Hao, is one of the most famous poems of the Tang dynasty. When the Chinese Homer Li Po visited this tower, he was so impressed by this masterpiece that he did not make a poem of his own, saying that Tsuei Hao's verse written on the wall made him unable to speak. From the eighth century to the our time, The Yellow Crane Tower has been cherished by many poetry - lovers in China as well as in other East Asian countries.

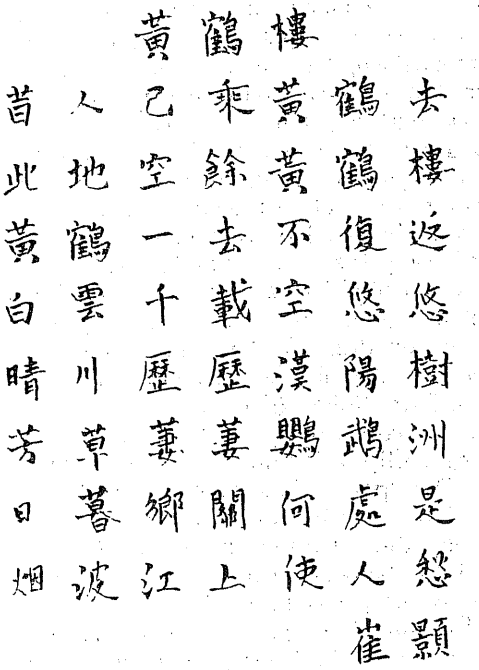

黃鶴樓

昔人已乘黃鶴去
此地空餘黃鶴樓
黃鶴一去不復返
白雲千載空悠悠
晴川歷歷漢陽樹
芳草萋萋鸚鵡洲
日暮鄉關何處是
烟波江上使人愁

崔顥

THE YELLOW CRANE TOWER

The acient sage has ridden the yellow crane away,
On this empty ground remains a superfluous Yellow Crane Tower.
The yellow crane, once gone, never returns,
For thousands years white clouds keep flying aimlessly.
In the clear water of Hanyang the trees display themselves,
On the Parakeet Island aromatic grasses grow luxuriously.
The time of sunset is coming - O Homeland, where art thou?

How grieving are the mist and waves
on the river!
(Tsuei Hao)

In Vietnam, Tsuei Hao's poem is also widely known. There have been many Vietnamese versions of The Yellow Crane Tower, and it is generally agreed that Tan Da's translation is the best. A great poet himself, Tan Da made an excellent rendition while retaining a great part of its original meanings. When I compare his translation with the original, I cannot help but admire his poetic talent.

HOÀNG HẠC LÂU

Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ,
Thử địa không dư Hoàng hạc lâu.
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,
Bạch vân thiên tải không du du.
Tình xuyên lịch lịch Hán Dương thụ,
Phương thảo thê thê Anh Vũ châu.
Nhật mộ hương quan hà xứ thị?
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.
(Thôi Hiệu)

Hạc vàng ai cưỡi đi đâu,
Mà đây Hoàng Hạc riêng lầu còn trơ!
Hạc vàng đi mất từ xưa,
Nghìn năm mây trắng bây giờ còn bay!
Hán Dương sông tạnh, cây bày,
Bãi xa Anh Vũ xanh đầy cỏ non.
Quê hương khuất bóng hoàng hôn,
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai?
(Tản Đà)

Nonetheless, the basic problem of translation reamains unsolvable. As a French writer has writtily obversed, translations are just like women: When they are beautiful they are not faithful, and when they are faithful they are not beautiful. In the case with Tan Da's rendition, beauty and faithfulness almost always go together, except in the second line: Tan Da missed the important word

(in Vietnamese read Dư) which mean superfluous, redundant, dispensable. As a result, the emotional appeal of his rendition is as strong as that of the original, yet the spiritual implication of Tsuei Hao's poem is lost. Reading the Vietnamese version, we can hardly recognize that the sadness of the author was caused not only by his homesick feelings but also by his unfulfilled desire of spiritual enlightenment.

When I try to stranslate this poem into English, I find it impossible to retain either its splendid verse or its spiritual inspiration. Generally speaking, the translation of Chinese poetry into Vietnamese is often facilitated by the fact that the Chinese language is the origin of the Vietnamese tongue. In the case with English and Chinese, however, the two languages have much fewer things in common. While the Vietnamese can easily uderstand Chinese thoughts and feelings because the two peoples are of the same East asian culture, most Westerners are not familiar with Chinese sentiment and mentality. Consequently, I have never found a satisfactory English version of Chinese poetry, and I myself cannot do anything better.

As I fail to reproduce the superb structure of this masterpiece, at least ninety percent of its emotional appeal is lost. In addition, its spiritual meanings can hardly be made clear because the use of Chinese metaphors may be strange to Western readers. For example, an English teacher when reading my above translation asked me why a sage can "ride" a crane away? In the logical mind of the English, a man can only ride a horse, a camel or at least a mule; he is too big and heavy for a crane. In China, however, the image of an enlightened person sitting on the back of a crane is quite acceptable, for the Chinese think that his/her body is not a dead weight of a fixed size like that of a normal human. Besides, the crane in China is generally seen as the embodiment of integrity, elegance and longevity, and so it is suitable for a sage and a crane to go together.

The most important difference between this great Chinese poet and his Western counterparts is that he paid no concern to what appears to be his main subject. By Western standard, Tsuei Hao seems to make a digression besause the title of his poem is The Yellow Crane Tower, yet he almost completely ignored this construction. He was not impressed at all by this splendid tower built amidst beautiful landscapes, the Hanyang River and the Parakeet Island. Instead, he expressed his disdain by considerimg the tower "superfluous". What he missed was the ancient sage (according to an old account, his name was Tse-an) who had once come here, and then rode on an yellow crane to fly away to some world higher than the world of human beings. In other words, the Yellow Crane Tower simply made him regret that he did not have the opportunity to meet a great guru who might help him attain a higher level of spiritual illumination. His case is somewhat similar to that of a devout Christian who, upon coming to Jerusalem, is not impressed by this holy city but simply feels a deep regret that he is not so lucky as Paul and Peter, who had the chance to meet Christ personally. Indeed, great gurus like the Buddha, Lao-tse, Mahavira, Nanak, Bodhidharma, Padmasambhava, Jesus Christ, and others, have appeared very rarely in this world, and so very few persons have had the opportunity to be enlightened by them. Without the direct guide of a great guru, noble ideas may result in nothing —just like the white clouds which keep floating without purpose.

Hence the main theme of this poem, which is not expressed by its title: the discreet aspiration for spiritual enlightement. This desire is quite natural, for humans are not soulless machines; even the overwhelming materialism of modern life cannot suppress our spiritual need. In this

poem, the metaphors are used skillfully to refer to this hidden desire: the yellow crane (the opportunity to meet a great guru), the white clouds (lofty ideas), the Yellow Crane Tower (the man-made artistic works), the Hanyang River and the Parakeet Island (the natural beauties of this material world), the sunset (old age), Homeland (the familiar milieu for our existence in this life, or the eternal place for our souls to return after death), the mist (the uncertainties in the future), and the waves on the river (the ups and downs in the stream of life).

Thus the poet, in a moment of exaltation, became temporarily enlightened enough to recognize spiritual values and feel rather indifferent about material splendor. Yet before long, he had to return to this ephemeral life. No matter how high he let his ideas go with the white cloud in search of the yellow crane, he could not ignore worldly things — he could not ignore the beautiful sceneries and his homesick feelings. His body needed a homeland, his soul was longing for another homeland, he was standing alone without both. The sunset, the mist and waves on the river made him think of his old age, of his successes and failures in the past, and of unexpected happenings in the years to come. All such things were meaningless to a person who has attained a high degree of spiritual illumination, yet they still mattered much to him. This made him very sad because he knew that he belonged to a low level of spiritual enlightenment. But what else could he do, when the yellow crane had gone for ever? How could he get rid of the shackles of human life, when great gurus had rarely come to this world and would never return?■

ESSAY

WESTERN INFLUENCE ON MODERN VIETNAMESE LITERATURE

NGUYEN NGOC TUAN

(continued)

Short stories in *quốc ngữ* made their appearance with Nguyễn Trọng Quản's (1865-1911) *Thầy Lazaro Phiền* (Master Lazaro Phiền), which was published in 1887 and provided an encouraging model to the brilliant generation of writers that were to follow. In the 210 issues of *Nam Phong Tạp chí* (South Wind Magazine) from 1917 to 1934, there were 34 short stories by 17 authors, the most prolific and gifted of whom were Phạm Duy Tốn (1883-1924) and Nguyễn Bá Học (1857-1921). The first two novels, *Hoàng Tố Anh hàm oan* (Hoang To Anh Suffers Injustice) by Trần Chánh Chiếu (1867-1919) and *Phan yên ngoại sử tiết phụ gian truân* (The Miserable Life of a Chaste Widow in Phan Yen) by Trương Duy Toản (1885-1957), were both published in 1910 although the term *roman* (novel) appeared in the cover of *Hà Hương phong nguyệt truyện* (The Love Story of Hà Hương) by Lê Hoằng Mưu (? - 1941?) later in 1915, and the term *kim thời tiểu thuyết* (modern fiction) in *Nghĩa hiệp kỳ duyên* (A Tale of Chivalrous Love) by Nguyễn Chánh Sắt (1869-1947) in 1919.

Chronicles and essays, nascent in the 18th century with *Vũ trung tùy bút* (Notes Written amidst the Rain) by Phạm Đình Hổ (1768-1839), *Tang thương ngẫu lục* (Record of Vicissitudes) by Phạm Đình Hổ and Nguyễn Án (1770-1815), *Công dư tiệp ký* (Quick Writings in Spare Time) by Vũ Phương Đề (1697- ?), *Thượng kinh ký sự* (Chronicle of a Visit to the Capital) by Lê Hữu Trác (1724-94) and *Thượng kinh phong vật chí* (Description of the Landscapes and Personalities of the Capital) by an anonymous author at the end of the 18th century, developed and flourished after 1862, pioneered by Trương Vĩnh Ký (1837-98) in his *Chuyến đi Bắc kỳ năm Ất hợi* (Voyage to Tonking in the Year At Hoi), which was published in 1876.

Modern drama first appeared in Hanoi in 1920 with *Le malade imaginaire* by Molière, translated by Nguyễn Văn Vĩnh and then, *Chén thuốc độc* (The Cup of Poison) by Vũ Đình Long (1901-60), performed and published in 1921.

Aside from creative writings, writers gradually learned to pay close attention to literary criticism. In the traditional era, no works of literary criticism, theory or history were written. Writers and poets, in some rare cases, expressed their thoughts about literature in general, or certain works of art in particular, in the form of a preface, an epilogue, a poem or a letter sent to a friend: all were brief and oversimplified. The term "literary history" first appeared in Lê Dữ's *Nữ lưu văn học sử*, published in 1929, but this book was only an anthology of women writers with a brief biography

of each poetess.

Pioneering in the study of Vietnamese literary history was Dương Quảng Hàm (1898-1946), who, in the "Chronicle Chart of Sino- Vietnamese Literature" of his *Quốc văn trích diễm* (Excerpts from National Literature), published in 1925, attempted to give an overview of the growth of Vietnamese literature. However, it was only a short chapter in which Dương Quảng Hàm limited his task to periodization and listing typical authors for each period. Based on this sketch, Dương Quảng Hàm continued his research and, 16 years later, published his major work, *Việt Nam văn học sử yếu* (Brief History of Vietnamese Literature) which was used as a textbook in high schools throughout the forties and fifties and became itself a sourcebook of literary precedent that served later critics and historians down to the present day.

During the period between 1925 and 1941, apart from Dương Quảng Hàm, other scholars also concentrated their efforts on studying Vietnamese literary history, mostly focussing on certain classical authors. Here, mention must be made of Nguyễn Hữu Tiến (1874- 1941) with his *Giai nhân dị mặc* (An Extraordinary Woman Writer, 1926), Lê Thước (1890-1975) with his *Sự nghiệp và thơ văn của Uy Viễn tướng công Nguyễn Công Trứ* (Nguyễn Công Trứ, his Career and Literary Works, 1928).

In the field of literary criticism, the first work was published in 1933: *Phê bình cảo luận* (Criticism and Essay) by Thiếu Sơn (1907-77). However, before this date, in *Đông Dương* Magazine issues 1 to 50, there had been 18 book reviews by 11 authors (14). In *Nam Phong* Magazine, Phạm Quỳnh wrote critical assessments of Nguyễn Du's *Truyện Kiều*, Đoàn Như Khuê's *Một tấm lòng*, Nguyễn Khắc Hiếu's *Giấc mộng con*, Nguyễn Văn Thành's *Văn tế trận vong tướng sĩ*, and Phạm Duy Tốn's *Sống chết mặc bay*. Besides these, some critical articles on the Tale of *Kiều* were also written by Vũ Đình Long, Nguyễn Tường Tam, Ngô Đức Kế and Huỳnh Thúc Kháng. None of these articles really constitute literary criticisms in the strict sense. All were dogmatic, inclined to criticize the contents of the art works, particularly their moral and ethical significance, rather than evaluate their aesthetic values. Most of these writers were still heavily influenced by neo-Confucianism.

The fourth Western factor impacting strongly on Vietnamese literature was the advent of writing as a profession. Although the Vietnamese have traditionally been proud of their so-called "land of poesy" (*nước thơ*), where almost everyone enjoyed writing and reading poetry, no one was able to live by his/her pen in the pre-colonial period. Literature was attached to education and regarded as a traditional route into the bureaucracy. People attended school, practiced their literary skills in order to pass the civil service examinations, gained their bachelor's or doctor's degrees and then, became imperial officials; commonly known as mandarins, they would live a prosperous life thanks to the salary and perquisites (*bổng lộc*) given them by the Court. That is why, upon failing his examination, Trần Tế Xương, a great poet at the turn of the century, moaned in grief:

Một việc văn chương thôi cũng nhảm
Trăm năm thân thế có ra gì.

(The literary path becomes a cul-de-sac
My life has not been worth much!)

Beyond the triennial examination, literature was merely a kind of gentle entertainment or, as some believed, a way of "carrying" the Tao in order to educate people and "leave a good name for thousands of generations" (*lưu danh thiên cổ*). It did not matter whether writers received any recognition from society. If there was any, it was very rare. In some lucky cases, they would receive a reward of a few taels of silver and one or two rolls of silk from the king, as in the cases of Lê Quý Đôn (1726-84) under King Lê Hiển Tông, Phan Huy Chú (1782-1840) under Emperor Minh Mạng and Lê Ngô Cát (1827-75) under Emperor Tự Đức.

But the reward was so pitiful that Lê Ngô Cát, after receiving it, allegedly felt depressed and wrote:

Vua khen thằng Cát có tài
Ban cho cái khố với hai đồng tiền.

(In praising Cat as a talented poet
The King bestowed on him a loin-cloth
and two piasters.)

After 1862, some printers were brought from France to Vietnam. In addition, *quốc ngữ* was relatively easy to learn, and a new middle-class emerged in the cities and townships. These three favorable conditions pushed forward press and publishing operations, and together with these, writers' professionalism in literary activity. The number of writers living by their pens increased gradually. Tản Đà (pen name of Nguyễn Khắc Hiếu, 1889-1939) was a typical case. After failing his examination, instead of returning to his native place and earning his living by teaching, he went to Hanoi and Saigon to work as a journalist and writer. In his *Đề khối tình con thứ nhất* (Prologue to My Small Love, volume 1), published in 1919, he wrote:

Chữ nghĩa Tây Tàu trót dở dang
Nôm na phá nghiệp kiếm ăn xoàng
[...]
Còn non còn nước còn trăng gió
Còn có thơ ca bán phố phường

(Having a half-baked learning of Chinese
and French
I only hope to earn a meagre living by writing
in the vernacular.
[...]

As long as the mountain, the river, the moon
and the wind still are
I still have poems to sell in the street.)

In his *Giấc mộng con 2* (Small Dream, volume 2), Tản Đà presented himself as a bread-winner through his writing. At that time, this occupation, of course, was not very lucrative. In a colony where writers were hampered by censure and repression, where illiteracy was very high with only 10 per cent of school-aged children attending school, and where the circulation figure of books was very low, averaging 1,000 to 3,000 copies per edition, writers generally eked out a meagre existence. Nevertheless, this new occupation was quite attractive because it brought freedom, a good reputation and respect from the readers. By the beginning of the 1940s, the number of writers living completely by their pens rose to approximately 1,000 (15).

Literary activities, once professional, not only contributed to an increase in book production but also brought some changes in the artists' viewpoints and techniques. Writers were now influenced by a new factor: their readers. Due to the implicit pressure of readers, on the one hand, writers had to make their works attractive by considering their topics, subjects and stories; on the other hand, they were forced to find their own style. In the past, the ideal has been that they should try to achieve artistic perfection, but now, they also aimed at achieving variety and richness. Tan Da mentioned this when he evaluated his own career as follows: "My literary works are not only many in quantity but also varied in style" (16).

All the four factors mentioned above played an important role in pushing Vietnamese literature away from the orbit of the Middle-Ages culture. However, for many reasons, the literary period between 1862 and 1932 was only a transitional phase.

Firstly, the time in which the Vietnamese elite had been in contact with the West was so short that they could hardly be expected to change their old way of thinking and feeling. Most of them were undecided: on the one hand, they longed for the new, on the other hand, they regretted the old. Before 1932, most wanted to reconcile the old with the new, Eastern tradition with Western civilization. Accordingly, their renovation efforts were on a middle path as expressed in the slogan: "The guideline for contemporary poets is to use old forms to express new ideas" (17).

Secondly, writers had many things to concern themselves with other than the issue of "pure" literature: patriotic literati were busy with ideological problems and Western-educated intellectuals concerned themselves with the matter of how to cope with the huge amount of knowledge represented by Western culture.

Thirdly, Western culture was spread rather unequally. Writers were divided into two large groups: the scholar-gentry, who mostly lived in the countryside, continued to read Chinese books and write in the Sino-Vietnamese or demotic script; Western-educated intellectuals, who lived in the cities, read French books and wrote in *quốc ngữ*. This characteristic was embodied in *Nam Phong* Magazine: about 100 pages thick, this magazine consisted of three parts, each written in a different language: French, Chinese and *quốc ngữ*.

Because of this transitional character, the majority of literary achievements in this period seemed to be left unfinished. The novels of Trần Chánh Chiếu, Nguyễn Chánh Sắt, Hồ Biểu Chánh (1865-1958) and even those of Hoàng Ngọc Phách (1896-1973), who was praised as being in the avant-garde and pioneering new genres, while integrating some elements borrowed from French literature, retained to a certain extent such traditional characteristics as verbal parallelism, episodic plot, conventionality in presentation, and singsong rhythm, or a mixture of some or all of these four characteristics which hark back to traditional Chinese models.

Also, the framework for literary criticism at this time was not really solid: critics paid more attention to writers than their works; in the work of art, the content was given more attention than the form; in the content, the ethical aspect was given more attention than reflected reality, and in that realistic aspect, truthfulness was given more attention than creativeness. No one lifted literary criticism from the level of the particular observation to the level of general aesthetic consideration. Poetry, due to its burden of a long tradition, changed very slowly and with great difficulty. Trần Tế Xương's renovative efforts at the turn of the century were left unfinished. Apart from Tản Đà, most poets were still immersed in obsolete topics, feelings, forms and language. Since the end of the 1910s, some scholars, including Phạm Quỳnh, who had discovered the narrowness and unnaturalness of traditional poetic conventions, advised poets to imitate the French model. But, like the vast majority of poets and writers of that time, he was unable to visualise what should be learned from it. The prolonged torment experienced with renovation made some poets, such as Phan Khôi (1887-1960), feel an impasse, so that they could not write anything for a long time. Vietnamese poetry did not really reach a new stage until 1932, when Phan Khôi's *Tình già* (Old Love) was published in *Phụ nữ tân văn* (Women News) number 122 of 10th March.

From the 1930s onwards, barring the four influences mentioned above, there appeared two new factors influencing Vietnamese writers: individualism and rationalism. Both of these had long traditions in the West. With their origins in ancient Greek philosophy and Christian thought, they were resuscitated in the Renaissance, developed strongly in the 18th century, and became popular

from the 19th century onwards. However, both were quite novel in the eyes of Vietnamese imbued with traditional culture, which emphasized commonality rather than individuality, interpersonal relationships rather than the division between the ego and the non-ego, righteousness (*nghĩa*) rather than benefits (*lợi*) and which always encouraged obedience: within the nation, one had to be loyal to the king; within the society, young people had to respect the authority of their elders; within the family, the children had to obey their parents, and the wife her husband.

Being trained in French schools and in direct and regular contact with French literature, the generation of writers who started their career after 1932 were able to free themselves from the shackles of their traditional culture. They were no longer content with the middle-of-the-road attitude of their predecessors and totally embraced the new approach. "Follow the new means to Westernize." And to Westernize, according to them, primarily meant "to choose the essentials of Western culture in order to apply them to our lives" (18). Among what was called these "essentials," the most important was rationalism. "In the past, we did not live according to reason but according to prejudices and the undebatable orders of our ancestors" (19), now, on the way to being Westernized, "before doing anything, we have to deliberate in order to act as a modern person. After having acted that way, we must consider whether in that procedure the dregs of conservative-mindedness still remain so that we can exclude them immediately" (20).

With respect to literature, one of the main principles that the Tự Lực Group, when first established, put forward was: "Apply Western methods to Vietnamese literature" (21). In the preface of *Hồn bướm mơ tiên* (Butterfly Heart Dreaming of a Fairy), Khái Hưng's first work and also the Tự Lực Group's first publication, Nhất Linh pointed out two characteristics he regarded as being intelligent applications of Western methods to fiction writing: firstly, nature was only carefully chosen to be depicted in accordance with the mood of the characters; secondly, the author described subtle developments in his characters' psychological lives by using appropriate details instead of prolix analysis (22).

Rationalism also affected poetry: the cohesion requirement led to the adoption enjambment, a great reliance on words rarely used in traditional poetry such a conjunctions and articles, and the imitation of certain French sentence structures (23).

Furthermore, rationalism resulted in a flourish of literary criticism in the period between 1932 and 1945. All of the first critical works came into being in this period and among these, *Thi nhân Việt Nam* (Vietnamese Poets) by Hoài Thanh (Nguyễn Đức Nguyên, 1909-82) and Hoài Chân and *Nhà văn hiện đại* (Modern Writers) by Vũ Ngọc Phan (1902-87) have been hailed as the two most significant.

The second requirement of Westernization was "how to reconcile individualism with socialism, and how to act in order to help the individual develop his/her knowledge and values, as well as characteristics in society" (24).

Critics are virtually unanimous in acclaiming individualism as the essential characteristic of Vietnamese literature in the period between 1932 and 1945. According Hoài Thanh, "in general, the entire spirit of ancient time — or the old poetry — and the present time — or the new poetry — may be summed up in two words: "I" and "We." The past is the time of the 'I' and the present is that of the 'We' "(25). Nguyễn Văn Trung considers the Tự Lực Group's works as typical of the *conscience de soi* period in the history of Vietnamese literature. "Self-consciousness is the starting point of awakening, of becoming aware of oneself as a person" (26). In my opinion, not only is this period but also Vietnamese modern literature as a whole a continuing process of development of individualism with some variations. In the period between 1932 and 1945, the "I" was exploited essentially in its emotional aspect, in relation to nature and fellowman. In the period between 1945 and 1954, that is, throughout the anti-French resistance war, it was essentially exploited in its political aspect, in relation to the nation and the writers' comrades-in-arms. In the period between 1954 and 1975, particularly in South Vietnam, it was exploited from the epistemological viewpoint, in its relation to history and human destiny. From 1975 onwards, in overseas Vietnamese literature, it was exploited as a common destiny associated with dire historical changes.

All major manifestations of individualism in the 1932-45 period reflected aspirations for sincerity and freedom, and as a result, most Vietnamese writers became distinctive individuals both in their writings and their lives. Dropping all reserve, they began to express spleenful thoughts and feelings. They really believed in Musset's advice: "*Ah! frappe-toi le coeur, c'est là qu'est le génie.*" Poets not only appeared in their writings as subjects and individuals but also asserted their "ego" as something quite personal and unique. Thế Lữ (1907-89) was a passionate lover, Xuân Diệu (1917-85) "the bird from a strange fountain", Huy Cận (born 1919) "a tiny soul with immense, age-old sadness", Vũ Hoàng Chương (1916-76) an inebriate, Lưu Trọng Lư (1911-91) an adventurer, Trần Huyền Trân (1913-88) a lonely traveller... Each had his own countenance, his own style. Never before had Vietnamese poetry flourished as it did.

More positive than poets, writers not only expressed their "ego" in their writings but they also explicitly called for a struggle for individual lib-

eration. That was first limited to the domain of culture: it aimed at freeing individuals from the strict ties of the extended family system and obsolete Confucian ethics; it required that young people should be free to choose their lovers and marriage partners, that women could remarry after their husband's death, and that everyone should have the freedom to pursue their ideals. After a while, due to the influence of the Popular Front in France (1936-39), many writers went further by extending the struggle to the social domain: they advocated liberating individuals from outdated customs, backward organizations and social injustice, oppression and exploitation by landlords as well as village tyrants.

It may be said that Western influence on Vietnamese literature reached its peak in the period between 1932 and 1945. It was so strong that, in *Thi nhân Việt Nam*, when writing about the New Poetry movement, Hoài Thanh sometimes felt an unbearable burden: "It seems that each Vietnamese poet carries five or seven French poets in his/her head" (27). Thế Lữ was influenced by Lamartine; Huy Thông (1916-88) by Hugo; Huy Cận by Verlaine; Xuân Diệu by Baudelaire, Rimbaud, Verlaine and de Noailles; Hàn Mặc Tử (1912-40) and Bích Khê (1915-46) by Baudelaire and through Baudelaire, by Edgar Poe and later by Mallarmé and Valéry. Some poets at times did not hesitate to "borrow" ideas or images or adopt some poetic expressions from their French idols (28).■

(to be continued)

NOTES

14. Thanh Lãng 1967, op. cit., p. 299.
15. Phan Cự Đệ, Hà Văn Đức & Nguyễn Hoành Khung, *Văn học Việt Nam 1930-1945*, vol. 1, Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Hanoi, 1988, p. 71.
16. Nguyễn Khắc Xương (ed), *Tuyển tập Tản Đà*, Văn Học Hanoi, 1986, p. 153.
17. Chất Hằng, "Thơ Mới", *Văn học tạp chí*, No 22 (1.8.1933), quoted from Thanh Lãng, *Phê bình văn học thế hệ 1932*, vol 1, Phong trào văn hóa, Saigon, 1972, p. 339.
18. Hoàng Đạo, *Mười điều tâm niệm*, Xuân Thu, Los Alamitos, 1989. (Originally published about 1938).
19. Hoàng Đạo, "Theo Mới", *Ngày Nay*, No 33 (8 November 1936).
20. Hoàng Đạo, 1989, op. cit., p. 22.
21. Quoted in Nhật Thịnh, *Chân dung Nhất Linh*, Đại Nam, Glendale (n.d.), p. 131.
22. Khái Hưng, *Hồn bướm mơ tiên*, Đời Nay, Saigon, 1970 (Originally published in 1933), pp. 5-6.
23. See Nam Chi, "Những đóng góp của Thế Lữ vào trong thơ mới", *Đoàn Kết* (Paris), No 420, pp. 25-29, reprinted in Hòai Việt (ed), *Thế Lữ cuộc đời trong nghệ thuật*, nxb Hội nhà văn, Hanoi, 1991, pp. 22-40; and also Đặng Anh Đào, "Văn học Pháp và sự gặp gỡ với văn học Việt Nam, 1930-45," *Tạp chí Văn Học* (Hanoi) No 7/1994, pp. 1-5.
24. Hoàng Đạo, "Theo mới," *Ngày Nay*, No 33 (8 Nov. 1936).
25. Hoài Thanh & Hoài Chân, op. cit., p. 52.
26. Nguyễn Văn Trung, *Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết*, Xuân Thu, Los Alamitos, 1990, pp. 75-76. (Originally published in 1962).
27. Hoài Thanh & Hoài Chân, op. cit., p. 34.
28. See Xuân Diệu, "Apport de la poésie francaise dans la poésie vietnamienne moderne," *The Vietnam Fomm*, No 5 (Winter - Spring 1985), pp. 146-163; and Nguyễn Vỹ, *Văn thi sĩ tiền chiến*, Hội nhà văn, Hà Nội, 1994, pp. 115-118.

VOICES

A VIETNAMESE AMERICAN LOOKS AT McNAMARA'S BOOK

By PHAM PHAN LONG

ED NOTES — The writer is an engineer who lives in Orange County. This "voice" appeared on TK 21 #74, pp 51, 52. Unfortunately, due to a "computer accident," the last part is lost... in the net (really?). We reprint it in whole here, with apologies to the author and our readers.

As a former refugee and now Vietnamese American, I am outraged at the revalations in McNamara's book about the US government's blatant violations of the sovereignty of Vietnam throughout that war. I am shaken by McNamara's utter lack of feeling about the sacrifice of American veterans and the plight of the Vietnamese refugees now living in this country.

I am puzzled that he even honored Ho Chi Minh as a Vietnamese nationalist. Ho Chi Minh's place in the history of Vietnam shall be a matter for the Vietnamese people to judge. Praising the victorious enemy did little to comfort the victims or minimize his own mistakes.

Although the US was defeated in Vietnam, American ideology has been victorious around the globe, whereas Hanoi, the winner in that war, could bring only misery to 70 million Vietnamese people in the last 20 years.

As history unfolds, the US played the godfather role to Vietnam, starting by creating Diem, engineering his presidency and the First Republic.

When things failed to go its way, the US had Diem removed and got the brothers killed.

Then the US flexed its muscles to legitimize the South's opposition to the national unification elections scheduled for 1956 in the Geneva Accords and practically took over the war thereafter. Without Diem, Vietnam's internal affairs were flung into turmoil — coup after coup.

Despite having little knowledge of General Khanh (the coup leader), McNamara bestowed on him the full support of the US, campaigned hard to portray him as Johnson's "boy" and painted the picture as if the US were in full control. Never once did the US consider what the Vietnamese people wished nor did it care to find out what they really wanted.

The US government ran South Vietnam by imposing on Saigon a series of puppets and governments that were corrupt sytem-wide, run by incompetent leaders: General Ky was installed as Prime Minister because he spoke enough English to please Henry Cabot Lodge, and therefore the US tolerated him and his cabinet's incompetence; General Thieu was made President because the US wanted political stability in the South and thus the US sustained the corruption Thieu brought along.

Millions of ordinary freedom- and democracy-loving Vietnamese people had to fight the enemy from the North, tolerate the corrupt government in the South and depend on the US strategy from Washington. Ironically, the South Vietnamese people, seen only through the United States' boys like Ky and Thieu, got blamed for being incapable of defending themselves.

I am mad as hell having to write these lines in defense of my parents' generation. They had no voice in any major decision that transformed their fate, nor were they given a chance for any fair fight to win or to be defeated.

Let me make clear that freedom-loving Vietnamese like my parents, although they questioned the strategic advantage of the US presence on Vietnam's soil, were indebted to and will forever praise the GIs who came and fought and fell in Vietnam in defense of their freedom.

I must remind McNamara of the fact that dying along with 58,000 American were millions of Vietnamese. All of them were wasted as a result of the total failure of US policy in Vietnam.

Even after 1975, more than a million Vietnamese refugees continued to run for freedom and hundreds of thousands lost their lives in the South China Sea. From the beginning, the freedom of those ordinary Vietnamese should have been viewed as the primary motive for the US involvement in Vietnam, but their freedom apparently carried no weight in the minds of US policy makers during the war. They were hardly mentioned in the book written by the war's principal architect and the score keeper of the "body count" contest.

Why am I so critical of McNamara?

Because to me and to the Vietnamese people of that time, McNamara was seen as one of the few people who possessed an awesome power second only to God. His judgment led to decisions that dictated the fate of Vietnam and millions of us out there. Then 20 years later, McNamara suffers only from embarrassment stemming from his ignorance, but the human suffering that stemmed from his "wrong war" still continues.

The book may be his personal attempt to clear his conscience, but it condemns the two US presidents he served, berates all of his colleagues and renders void the sacrifice of the American veterans of the Vietnam War.

It ignores the Vietnamese people. People like my father, who was imprisoned until 1980 for serving South Vietnamese government to implement the US pacification campaigns. My uncle was imprisoned until 1988 for serving in the ARVN to launch the US military campaigns.

They are both now in the US and continue to suffer from the loss of their homeland, their identity, their life-long savings and most importantly, their dignity. Their only fault was that they faithfully served their country's and its US ally's every wish.

Unlike McNamara, they paid their dues with all they had, and now they live with a clear conscience and with literally nothing to be embarrassed about.

Unlike McNamara, they are completely broke and few care to hear their side of the story, then or now.

The 1975 US pullout from Vietnam was so reckless and left the South so paralyzed that it took even Hanoi by surprise. There was little regard for the safety of the millions of South Vietnamese people who had fought alongside the US and the war victims who had long trusted in US protection.

And McNamara's admission of wrong-doing does not allow McNamara or anyone else to refute these peoples' right for freedom and democracy then or now.

McNamara's book will not be allowed to blur the names of the 58,000 US soldiers on the wall, nor will it be capable of making the massive wartime deaths of the freedom-seeking Vietnamese be forgotten, nor can it make the exodus of a million other Vietnamese refugees meaningless.

McNamara should not have so imprudently given Ho Chi Minh the complete and magic victory that even people in Hanoi did not claim. To complete this message, no matter how personally self-serving and politically convenient McNamara's book appears, it is irresponsible for Clinton to capitalize on it and vindicate the anti-war protesters like himself. I would have had much more respect for Clinton's silence on McNamara's book.■

VÕ PHIẾN:
MỘT ĐỜI CHO VĂN HỌC

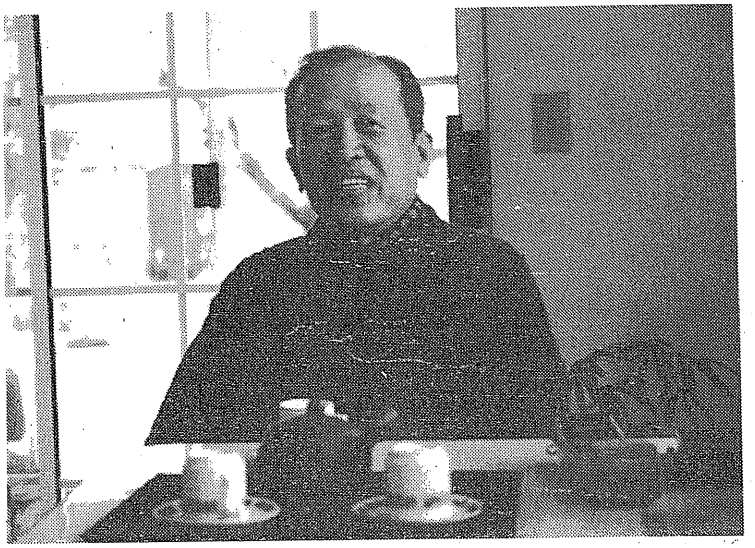

Võ Phiến (1992) — ảnh Đông Nguyên

Sinh hoạt vinh danh nhà văn hàng đầu của văn học Việt Nam
do Nhóm Thân Hữu Miền Đông tổ chức hồi 8 giờ tối
ngày thứ Bẩy 30 tháng Chín năm 1995 tại nhà hàng Việt Thành, Falls Church, Virginia.

Chương trình

Dạ tiệc
Nói chuyện về con người, tác phẩm của Võ Phiến
Tặng quà tác giả
Ký tặng sách
Phát hành tạp chí *Thế Kỷ 21* số đặc biệc về Võ Phiến

Diễn giả:

Lê Tất Điều ▪ Nguyễn Thị Hoàng Bắc ▪
Nguyễn Xuân Hoàng ▪ Bùi Bảo Trúc ▪ Lê Văn

Điều khiển chương trình:

Ngô Vương Toại

Ban tổ chức:

Lê Tất Điều • Nguyễn Xuân Hoàng • Nguyễn Thị Hoàng Bắc • Nguyễn Ngọc Bích • Bùi Bảo Trúc • Phó Ngọc Văn • Trương Vũ • Ngô Vương Toại • Đặng Đình Khiết • Lê Văn • Giang Hữu Tuyên • Trương Anh Thụy • Nguyễn Mạnh Hùng • Đinh Cường • Trần Long Hồ • Nguyễn Kỳ Phong • Nguyễn Tường Giang • Lê Thiệp • Nguyễn Thế Toàn • Phạm Trọng Lệ • Nguyễn Văn Khanh • Nguyễn Thiên Ân • Nguyễn Hữu Trí • Lê Thị Thấm Vân • Lê Đình Điểu • Đỗ Quý Toàn • Phạm Xuân Đài • Nguyễn Thị Thanh Bình •

Điện thoại liên lạc:

Bùi Bảo Trúc (202) 619-0828 ▪ Ngô Vương Toại (703) 978-4031 ▪ Lê Đình Điểu (714) 638-9510

NHỮNG VIỄN ẢNH MỚI TỪ HỒ SƠ QUỐC TẾ CS TẠI MOSCOW

SOPHIE QUINN JUDGE

*** Báo cáo khoa học của Sophie Quinn Judge, trong *Yale Southeast Asia Studies*. Nov. 1994, Trần Ngọc dịch. Tiểu đề do Thế Kỷ 21 đặt thêm để độc giả tiện theo dõi. Các chú thích in nghiêng của TK 21. (Bài đi nhiều kỳ)**

(tiep theo)

Hà Huy Tập đả kích Hồ Chí Minh

Họ Hồ thoát nạn hay đúng hơn thật sự được phóng thích ra khỏi nhà tù ông đã bị giam giữ, đó là nhờ sự giúp đỡ của một luật sư tả phái người Anh rất có thiện cảm. Ông lại tìm cách đi Moscow năm 1934. Nhưng ông không trở lại đó với một hào quang anh hùng gì. Vào đầu năm 1935 không những ông chỉ bị phê bình chỉ trích về thái độ tiểu tư sản, nhưng còn là một người làm cách mạng không biết thận trọng, bất cẩn làm việc với cả một tên phản bội ai cũng biết tiếng ở Quảng Đông và Hồng Kông. Tên phản bội nầy là Lâm Đức Thụ (tức Nguyễn Công Viễn), đã từng một thời cầm đầu đoàn Thanh Niên và từng là một người bị tình nghi đã trao cho Cảnh sát Pháp hình ảnh của tất cả tuyển sinh của Thanh Niên đoàn. (Điều nghi ngờ nầy chưa hề bị nghi hoặc trong tháng 5 năm 1929, khi ông ta còn chủ tọa đại hội Thanh Niên Đoàn kỳ đầu tiên).

Cáo buộc nầy xuất hiện trong một bức thư đề ngày 20 tháng 4 năm 1935, do tân bí thư "Cục Hải ngoại Bộ" Đông Dương tên là Hà Huy Tập viết. (Với chữ nhỏ xíu kiểu thầy giáo, ông tỏ ra không những là tỉ mỉ cẩn thận mà còn có tính thâm hiểm nữa. Thật ra ông chỉ truyền lại những gì mọi người khác đã nói, qua trình bày của ông). Ông viết: "Trước và sau kỳ đại hội đảng, nhiều đồng chí đã nói về đồng chí Quốc trong lúc trò chuyện. Họ buộc đồng chí nầy phải chịu trách nhiệm về vụ bắt bớ của hơn 100 đoàn viên đoàn Thanh Niên... bởi vì những lẽ như sau: a) Quốc thừa biết rõ Lâm Đức Thụ là một tay chuyên khiêu khích (của địch), nhưng vẫn tiếp tục hoạt động với hắn; b) Quốc rất sai lầm khi yêu cầu mỗi khóa sinh nộp 2 tấm ảnh, tên thật, địa chỉ, tên tuổi cha mẹ, ông bà và ông bà cố, cũng như địa chỉ của từ 2 tới 10 người bạn: c) ngay trong nước, ở đất Xiêm, trong nhà tù, nơi nơi họ đều tiếp tục nói tới trách nhiệm của Quốc, trách nhiệm mà đồng chí nầy khó thể chối cãi..."

Tuy nhiên có lẽ cáo buộc nghiêm trọng nhất chống lại Hồ Chí Minh là cáo giác cuối cùng trong lá thư của Hà Huy Tập. Ông nầy viết rằng, "trong khi chủ trương đường lối của đảng càng ngày càng sáng rõ đối với đảng viên và cả quần chúng, thì dân chúng càng chỉ trích phê phán nghiêm trọng hơn về sách lược được đồng chí Quốc trước đây. Tổng bí thư đảng bộ Xiêm, lúc trước từng là học trò trung kiên của Quốc chính là một trong những người xác nhận rằng trước 1930 Quốc chưa hề là một người cộng sản bao giờ cả !!"

Hồ Chí Minh bị CSQT bắt học tập cải tạo và xử án

Văn bản bằng chữ viết duy nhất của CS Quốc tế, xác nhận rằng họ Hồ có vấn đề, là một lá thư không đề ngày tháng viết từ tay một phụ nữ phụ trách Việt Vụ trong thời kỳ nầy, tên là Vera Vasilieva gửi cho Văn Phòng Đảng Bộ Hải Ngoại. Bà ta viết: "Về chuyện liên quan tới Quốc, chúng tôi cảm thấy rằng trong hai năm tới đồng chí nầy phải nghiêm túc chuyên cần học tập và không thể cho cáng đáng một công tác nào khác. Sau khi cho học tập xong, chúng ta sẽ có những đề án đặc biệt để sử dụng đồng chí nầy".

Cũng có thể sự kiện Hồ Chí Minh ra khỏi tù ở Hồng Kông một cách dễ dàng ; làm gia tăng thêm vào mối hiềm nghi về ông, trong một thời kỳ không khí Moscow đang đặc biệt hoảng loạn. (Đó là thời kỳ Stalin đang thanh trừng nội bộ. Hàng triệu đảng viên CS Nga, kể cả các ủy viên bộ chính trị bị bắt buộc thú tội hữu khuynh, gián điệp, theo phe đệ tứ, và bị giết). Một người Nga bán tin cho tôi biết ông ta nghĩ là Hồ bị đem ra xét xử vừa khi ông trở lại Moscow. Thật ra không có bằng chứng tài liệu nào (có thể bị vùi trong đám hồ sơ của KGB) về vụ xét xử cả, tuy nhiên thật sự một chuyện như thế không phải là một chuyện bất thường gì trong năm 1934 hoặc 1935. Sự liên kết ba giữa ba người từng làm cho câu chuyện trên rất đáng tin: một đảng viên cộng đảng Trung hoa Khang Sinh, người trong nhiều thời điểm khác nhau đã trở thành hộ pháp của Mao (*Khang Sinh là một tay sai của KGB, làm trùm mật vụ cho Mao, một trong Tứ Nhân Bang*); Dmitri Manuilsky (Orgvald), một kẻ tầm thường, kẻ từng sống sót khỏi sự thanh trừng của Stalin; và Vera Vasilieva, một

NEW YORK LIFE

NEW YORK LIFE INSURANCE CO.

3230 E. IMPERIAL HWY., # 100 • BREA, CALIFORNIA 92621

(714) 572-1905

NEW YORK LIFE

PETER NGUYỄN & TAMMY TRINH

- BẢO HIỂM NHÂN THỌ
- BẢO HIỂM SỨC KHOẺ
- BẢO HIỂM LỢI TỨC
- GÂY QUỸ HƯU TRÍ

Service
Excellence
Teamwork

PETER NGUYỄN BẢO THỨ
Pager: 663-3055

TAMMY TRINH
Pager: 663-3055

Bấm số 663-3055 nghe tiếng bíp, bấm tiếp số phone của chính Quý Vị, rồi gác máy. Chúng tôi sẽ gọi lại ngay

CÁC SẢN PHẨM TÀI CHÁNH NÀY GIÚP QUÝ VỊ:

- ❑ TẠO THÊM LỢI TỨC ĐỂ HƯỞNG SUỐT ĐỜI NGƯỜI
- ❑ CUNG CẤP VỐN KINH DOANH
- ❑ TẠO NGÂN QUỸ ĐẠI HỌC CHO CON EM
- ❑ TRẢ DỨT NỢ TIỀN MUA NHÀ

- **Đến với NEW YORK LIFE, Qúy Vị sẽ được Tammy Trinh và Peter Nguyễn Bảo Thứ là những Đại diện kinh nghiệm, tận tâm sẽ hân hạnh giúp Quý Vị thảo luận miễn phí các sản phẩm tài chính thật xuất sắc (Business and Estate Planning).**

- **NEW YORK LIFE là Công Ty Bảo Hiểm được đánh giá cao nhất bởi các Công Ty lượng định độc lập như Moody's và A.M. Best đánh giá cao nhất về tài chánh vững mạnh, Standard & Poors và Duff & Phelps đánh giá cao nhất về khả năng bồi hoàn cho thân chủ.**

NGAY HÔM NAY, HÃY BẢO VỆ TƯƠNG LAI VỚI

NEW YORK LIFE

Đêm NG

A Concert of Vietnam

SATURDAY, 8 PM SEPTEMBER 09, 1995

LA MIRADA THEATRE
14900 LA MIRADA BLVD,
LA MIRADA, CALIFORNIA 90638

TRAN CHEC & RAYMOND WOODS
điều khiển/conducting **FESTIVAL SYMPHONY ORCHESTRA**

• NGAN KHOI CHORUS • WESMINSTER CHORALE
• **QUỲNH GIAO • THÁI HIỀN • THIÊN THANH**
• **VŨ ANH • BÍCH LIÊN • NGUYỄN THÀNH VÂN**

•NGAN KHOI CHILDREN'S CHORUS

Sponsored in pa

ÀN KHƠI

ese & American Music

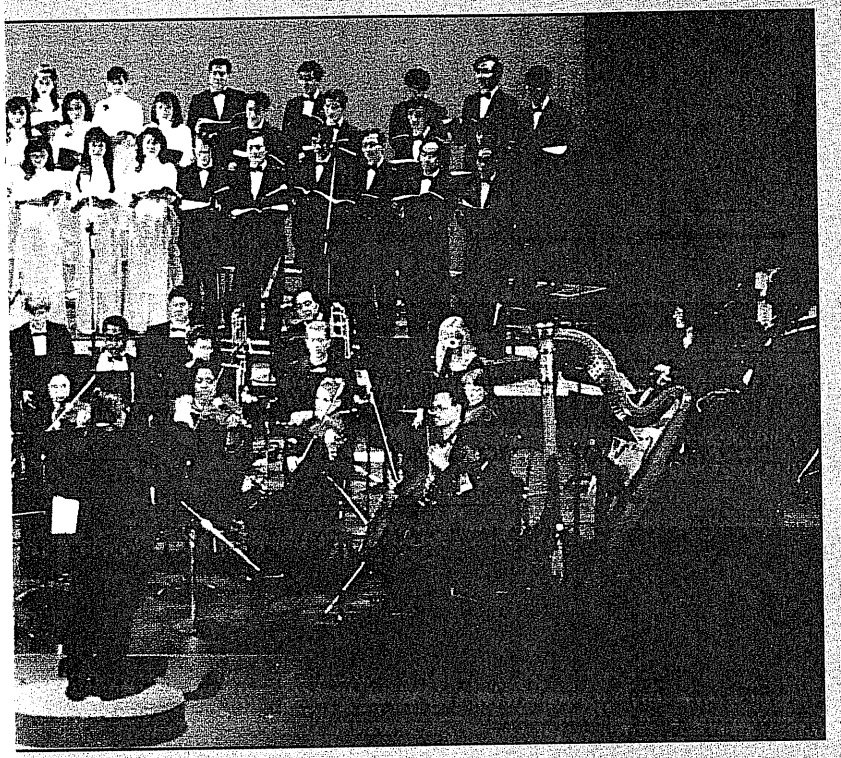

Lần đầu tiên 100 ca viên của Hai Ca-Đoàn Mỹ-Việt cùng hát dân-ca Việt-Nam và ca khúc Hoa Kỳ

Trình Bày/Featuring

HÒN VỌNG PHỤ I, II, III của LÊ THƯƠNG

- THE WARRIOR'S WAITING WIFE by LÊ THƯƠNG

ĐỘC KHÚC GIAO HƯỞNG "1975" của LÊ VĂN KHOA

- SYMPHONIC SUITE "1975" by LÊ VĂN KHOA

DÂN CA VIỆT NAM

- VIETNAMESE FOLK SONGS

Tickets $50 - $25

FÍCH THỊ VÂN (714) 897 4519 TỪ LỤC (714) 531 5290

VĂN KHOA (714) 892 1801 TỪ QUỲNH (714) 531 4284

NGÀN KHƠI CHORUS (714) 531 2773

14265 BROOKHURST STREET

GARDEN GROVE, CALIFORNIA 92643

The Pacific Bell

Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi Trân Trọng Giới Thiệu Compact Disc sắp phát hành tháng 9-1995:

Hai Đĩa (double CD) ĐÊM NGÀN KHƠI chủ đề TÌNH HOÀI HƯƠNG và CON ĐƯỜNG CÁI QUAN

- Dàn Nhạc Hoà Tấu 40 nhạc sĩ Việt Mỹ trong những Hoà Tấu Khúc của LÊ VĂN KHOA.
- TỨ CA, NGŨ CA NGÀN KHƠI, MAI HƯƠNG, THIÊN THANH, BÍCH LIÊN, NGUYỄN THÀNH VÂN trong những ca khúc nghệ thuật và dân ca Việt Nam.
- BAN HỢP XƯỚNG NGÀN KHƠI trong Trường Ca CON ĐƯỜNG CÁI QUAN cuả Phạm Duy do Trần Chúc hòa âm

NGÀN KHƠI

Giá bán: $20 double CD ĐÊM NGÀN KHƠI

Liên lạc: Ban Hợp Xướng Ngàn Khơi (714) 531-2773
14265 Brookhurst St.; Garden Grove, CA 92643

Đã Phát Hành:

1. Cassette tape: Tiếng Chiều Rơi (Tiếng hát Kim Tước, Mai Hương,.....$7
   Trần Chúc, Lệ Thu, Sơn Ca, Hà Bích Hợp trong những ca khúc
   nghệ thuật do Lê Văn Khoa hòa âm cho dàn nhạc giao hưởng)
2. Cassette tape and video tape: Việt Nam Quê Hương Mến Yêu.....cả bộ $22
3. Compact disc: Đêm Ngàn Khơi 1 (Hội Trùng Dương).....$12

Tất cả giá biểu trên đã kể cước phí trong USA. Nơi khác xin thêm 10% cước phí

cán bộ biệt đãi của khung Quốc tế rất ngây thơ, chuyên bênh vực bạn bè lúc bị tấn công về mặt chính trị.

Khang Sinh tính tiêu diệt HCM

Câu chuyện được truyền tụng về bộ ba này kể rằng Khang Sinh yêu cầu trừng phạt nặng, Manuilsky tỏ ra trung lập, trong khi Vasilieva bênh những hành động của Hồ như chỉ là những lỗi lầm ngu ngốc vì thiếu kinh nghiệm. Khang Sinh được nhiều người Hoa ở Moscow tin là đã làm việc cho NKVD *(Mật vụ Liên sô sau đổi làm KGB)*. Trong những năm cư trú ở thủ đô xã hội chủ nghĩa ông ta tự ý thanh toán môn hộ trong đảng Cộng Sản Hoa ở đấy diệt bớt những "phần tử ngoại chủng". *(Hồ Chí Minh là một phần tử ngoại chủng. Điều nầy cũng có nghĩa là họ Hồ đã làm đảng viên đảng CS Trung Hoa trong thời kỳ học hỏi đầu tiên ở Quảng Đông).*

Một mảnh bằng chứng khác hổ trợ cho dòng biến cuộc nầy là sự kiện đảng (CS) Trung hoa xem ra đóng vai trò mạnh hơn trong thời gian 1934-35 vì làm cố vấn cho Cộng Sản Việt Nam. Ủy ban Trung Ương đảng CS Trung Hoa, (đại diện ở Moscow là Vương Minh và Khang Sinh), viết một lá thư chỉ trích phê bình CS Việt mà Quốc tế đã công bố vào tháng 8 năm 1934. Tài liệu nầy tấn công dữ dội các nhà cải cách mang tính cách dân tộc, "mặc những gì các khẩu hiệu còn để lại họ vẫn còn giấu giếm ở đàng sau ". Vasilieva viết vào tháng Ba năm 1935 báo cho CS Việt biết rằng lá thư nầy đã phác họa ra "những công tác căn bản mà các đồng chí nên tập trung tất cả mọi chú ý vào trong lúc nầy".

Hồ Chí Minh xin CSQT sai phái đi đâu cũng được

Hồ Chí Minh, lúc bấy giờ chỉ là một học trò tối tăm không ai biết tới ở trường đảng Lênin chuyên đào tạo cán bộ lãnh đạo địa phương của Cộng Sản, chỉ được biết với tên giả là "Lin" hay "Linov". Về sau ông ta được cho làm huấn luyện viên tại đại học Toilers Đông Phương (Công nhân lao động). Mặc dù trong đại hội năm 1935 Quốc tế đã lìa xa chủ trương "proletkult" (duy công nhân) của năm 1928, và chấp nhận một chính sách mới kêu gọi lập các mặt trận bình dân liên kết giữa các đảng cộng sản và các lực lượng khác ở cánh tả, xem ra họ Hồ vẫn chưa chiếm lại được vị thế ngay trong nội bộ đảng trong nhiều năm sau đó. Lá thư ông viết ngày 6 tháng 6 năm 1938 gửi cho Quốc tế chứng tỏ rõ điều nầy:

Ông viết, "Các đồng chí kính mến, hôm nay là ngày kỷ niệm 7 năm tôi bị bắt ở Hồng Kông. Và ngày nầy cũng là ngày khởi đầu cho năm thứ tám tôi nằm bất động ở không, không có hoạt động gì. Nhân dịp nầy, tôi viết thư nầy lên các đồng chí để xin được thay đổi tình cảnh đau lòng nầy".

"Xin cứ phái tôi đi bất cứ đâu cũng được. Hoặc ngay cả giữ tôi lại đây cũng xong. Hãy dùng tôi trong bất cứ việc gì các đồng chí thấy hữu ích là được. Điều tôi yêu cầu chỉ là các đồng chí đừng bắt tôi sống trong một thời gian quá lâu mà không sinh hoạt gì cả cũng như buộc tôi phải sống cách rời và ở bên ngoài đảng".

(Trong không khí thanh trừng khủng bố nội bộ ở Moscow lúc đó, Hồ Chí Minh như cá nằm trên thớt. Ông ta không mong gì hơn là được thoát khỏi vòng kiềm tỏa của mật vụ Stalin, nhưng cũng đủ khôn ngoan để nói sẵn sàng ở lại Moscow nếu có công tác hữu ích cho Cộng Sản Quốc Tế).

Mối tình Hồ Chí Minh - Nguyễn Thị Minh Khai

Vấn đề cuộc sống tình ái riêng tư của Hồ Chí Minh lại xen lẫn với những bí ẩn chính trị của những năm 30. Chứng cứ cho thấy rõ ông đã lấy cô Nguyễn thị Minh Khai có vẻ đầy tính chất thuyết phục rất đáng tin cậy, tuy nhiên lại không thể giải thích hết nhiều khía cạnh của giây liên hệ tình cảm của hai người. Theo như lý lịch chính thức của Minh Khai, cô ta lại là một trong những cán bộ đấu tranh của đảng Tân Việt ở Trung phần Việt Nam, được mời gia nhập vào đảng Cộng Sản Thống nhất của Việt Nam ngay sau khi đảng nầy được thành lập. Trước đó cô đã từng là người hoạt động lâu năm và là kẻ sống sót trong trận đàn áp dữ dội đã từng triệt tiêu phần lớn cấp lãnh đạo của đảng Tân Việt trong năm 1929. Năm 1930 Minh Khai được chỉ định hoạt động ở Hải Phòng, và sau đó được phái đi Hồng Kông để phụ giúp Hồ.

Một cuốn tiểu sử chân dung pha tiểu thuyết xuất bản tại Hànội nhấn mạnh rằng cô ta đã được họ Hồ đích thân huấn luyện về chủ nghĩa Cộng Sản trong khi cô sống trong trụ sở trung ương của đảng. Đồng chí Lý Thụy, như cái tên những người Việt đồng hội với ông biết ông vào thời bấy giờ, mỗi buổi sáng thường có thói quen xuất hiện tại trụ sở Quốc tế của ông vào lúc 6 giờ. Những lúc ông không quá bận rộn, ông thường dành ra độ một tiếng đồng hồ mỗi buổi sáng để bàn chuyện chính trị với hai cô học sinh trẻ tuổi, Minh Khai và một phụ nữ trẻ hơn nữa được gởi từ Thái lan sang.

Trước cuối năm, ông Hồ chỉ định Minh Khai làm liên lạc cho ông với đảng Cộng Sản Trung Hoa. Chắc chắn đây là một công tác rất tế nhị khó khăn, và bất cứ ai cũng có thể đoán rằng có lẽ ông chọn lựa trong những học trò tân tuyển trẻ rất mực trung thành với cá nhân ông. Chẳng bao lâu sau, có vẻ như ông chuyển hướng sang tình cảm lãng mạn. Một bức thư được gửi từ Viễn Đông cuộc ở Moscow đề tháng Giêng 1931 yêu cầu ông phải thông báo cho Đảng biết trước hai tháng nếu ông lấy vợ. Quả thực nếu Minh Khai là bạn đời ông nhắm tới, như tôi sẽ biện luận dựa trên những tài liệu liệt kê dưới đây, thật cũng khó không biết họ có đủ thì giờ để hợp thức đúng thủ tục về mối tình của họ không, trước khi Minh Khai bị bắt vào ngày 29 tháng Tư năm đó, ở Tàu?

Cả hai người đều bị giam trong tù lối một năm trời; Minh Khai tìm cách khai báo như một người

Quảng Đông làm cách mạng, để có thể tránh được mối đe dọa bị trục xuất về lại Đông Dương; trong khi đó Hồ được một luật sư giỏi giúp đỡ nhờ những đường giây liên hệ với Quốc tế, nhờ thế ông ta cũng thoát khỏi chuyện bị trục xuất. Cả hai sau đó mất liên lạc với các đảng CS Đông Dương lẫn Trung Hoa. Họ có gặp nhau lại trước khi mỗi người đi Moscow một cách riêng rẽ trong năm 1934 không? Điều nầy có ứng hợp với tin đồn ông Hồ đã sống với một phụ nữ Trung Hoa trong những năm chạy trốn không?(tn)

Bằng cớ chứng tỏ Minh Khai là vợ Hồ Chí Minh

Bất cứ trường hợp nào, vào lúc Minh Khai đến Moscow vào cuối năm 1934, sau khi gặp lại một số đồng chí cũ từ Thái lan mà nhờ họ cô ta bắt lại liên lạc với đảng, cô công khai tuyên bố đã làm vợ đồng chí "Lin". Trong khi điền vào phiếu lý lịch dự đại hội đảng, ở hàng khai báo tình trạng gia cảnh cô ta viết tên "Lin" bên cạnh chữ "có gia đình". Một bức thư gửi từ Văn Phòng Hải Ngoại Bộ, lúc đó đặt ở Hồng Kông, tỏ ra xác nhận tình trạng gia đình của cô. Bức thư xác quyết những đại biểu được chọn để dự đại hội Quốc tế kỳ 7 gồm những người như sau: Litvinov (Lê Hồng Phong), Quốc, Kao Bang, vợ Quốc và cả hai người dân quân từ Nam Kỳ và Lào đi dự. Vì Minh Khai là phụ nữ duy nhất từ Việt Nam dự đại hội, cô chính là "người vợ của Quốc" đã được nói tới. (Một lá thư viết vào tháng Ba năm 1931, cũng từ trong một tập hồ sơ đã được đề cập ở trên, cũng liệt Litvinov là đảng viên hàng đầu của Ủy ban Trung ương CSĐD, và Nguyễn ái Quốc được liệt vào hạng thứ 13, như là một ủy viên dự khuyết). Các nhà viết tiểu sử chính thức của Minh Khai viết rằng ngay trước đó hoặc trên đường đi dự đại hội Quốc tế cô và Lê Hồng Phong đã yêu nhau. (Có nhiều tài liệu khác biệt nói về nơi họ thật sự cưới nhau, là Hồng Kông hoặc là Moscow). Thế thì phải chăng sau đó thật sự họ Hồ đã mất mát cả hai, vừa mất vai trò lãnh đạo đảng, vừa mất vợ về tay Lê Hồng Phong? Điều nầy khiến ông Hồ bị xấu hổ gấp đôi, ngoài chuyện mất ưu thế về chính trị.

Ở đây chỉ có ít bằng chứng giúp soi rọi cho chúng ta thôi. Trước nhất, trong hồ sơ cá nhân của Minh Khai ở Moscow, thấy có giấy mời đi dự đại hội Quốc tế Cộng Sản với chữ "đại biểu có quyền bỏ phiếu" bị gạch bỏ và chữ "tham vấn (hoặc quan sát viên)" được viết thay vào. Có phải vì cô là vợ của một lãnh tụ đảng nên tình trạng cá nhân cô đã phải thay đổi như thế không? Cân nhắc điểm nầy thấy cũng có vẽ làm hạ giá vị thế của cô, thật sự cô được ghi lại trong hồ sơ là đã đọc diễn văn về đề tài phụ nữ Đông Dương trong đại hội, và có cả ảnh chụp cho thấy cô ta đang ngồi ở chỗ danh dự bên cạnh vợ góa của Lênin, bà Krupskaya. Chứng nhân duy nhất còn sống đã chứng kkiến các sự kiện nầy mà tôi có thể kiếm ở Moscow chính là con gái của bà Vera Vasilieva. Vào thời kỳ đại hội đảng lần thứ 7, cô ta mới chỉ có lối 10 tuổi. Cô còn nhớ Hồ Chí Minh phải ngủ trên ghế trường kỷ trong căn phòng chung cư của gia đình cô vào năm 1934; sau đó cô còn nhớ rằng ông ta thường đến thăm cùng đi với một phụ nữ Việt nam rất đẹp tên gọi là Phan Lan (chính là biệt danh của Minh Khai ở Moscow) và đôi khi thì đi với một người đàn ông khác nữa.

Theo hồ sơ cá nhân của cô, Minh khai đã ở lại Moscow để học cho tới tháng Hai năm 1937. Cô đã trở về Việt Nam qua ngỏ Pháp, và vào năm 1938 cô làm việc trong Uỷ ban đảng bộ đặc trách Sàigòn. Vào lúc đó, như tiểu sử cô cho biết, cô lấy Lê Hồng Phong, người đang phụ trách điều hành đảng từ trong Chợ Lớn. Nhưng việc chết vì đảng của họ đã gần kề. Lê Hồng Phong bị bắt vào quảng giữa năm 1938, được phóng thích và bị bắt lại trong năm 1939. Ông ta chết trong tù năm 1942. Minh Khai vẫn tiếp tục hoạt động cho đến lúc bị bắt vào tháng Bẩy năm 1940. Cô bị một toán lính Pháp xử bắn vào tháng Tám năm 1941 cùng với một số ít người thuộc hàng lãnh đạo đảng.

(Những hoạt động chống Pháp của đảng CSVN ở miền Nam rất yếu, kém xa các hoạt động của các đảng phái dân tộc khác, vì các lãnh tụ đã bị bắt, giết, Nhưng sau khi cướp được chính quyền đảng CSVN đã thổi phồng lên để đề cao tên tuổi Lê Hồng Phong và Nguyễn Thị Minh Khai).

(còn tiếp)

NÓI CHUYỆN VỚI ÔNG NGUYỄN THỤY ỨNG

VỀ CỐ HỌC GIẢ NGUYỄN BẠT TỤY

Người thực hiện: MAI THÁI LĨNH

(Tiếp theo và hết)

MTL: Ông Tụy mất đi thì liệu cơ quan nhà đất có thu hồi nhà hay không?

NTƯ: Bà con xung quanh đây khi thấy tôi đến thì rất mừng, vì như thế nhà sẽ không bị thu hồi. Hôm qua, ông phó chủ tịch (hình như là phó chủ tịch tỉnh thì phải) có đề nghị tôi hoặc con tôi phụ trách "trung tâm Nguyễn Bạt Tụy", đó là một ý kiến rất tốt, một đề nghị rất cảm động. Tôi đang suy tính rất lung, vì không biết con tôi có chịu làm việc này hay không? Cậu con trai 25 tuổi của tôi đã từng từ chối làm việc cho tờ *Economic Times* vì lương tháng không đủ chi dùng. Còn bản thân tôi cũng lệ thuộc nhiều điều kiện khác: nào vợ, nào con, nào cháu... Tất nhiên vào đây tôi cũng có nhiều điều kiện để hoạt động, như trường đại học ở đây chẳng hạn. Dù sao, đây cũng là một đề nghị rất thiết thực, làm tôi rất cảm động. Phải nói là lần này, đối với tang lễ của anh tôi, các vị lãnh đạo địa phương rất tích cực; chẳng những thăm hỏi mà ngay việc tổ chức tang lễ cũng rất gọn, rất chu đáo.

MTL: Chúng tôi là những người sống ở Đà Lạt, lại quan tâm đến vấn đề nghiên cứu khoa học, bảo quản các tài liệu khoa học. Thú thật, chúng tôi không tin lắm vào khả năng bảo quản của các cơ quan Nhà nước. Không chỉ là vấn đề thiện chí, lòng tốt, mà còn là vấn đề trình độ, khả năng lưu trữ, bảo quản... Ngay tại Đà Lạt, đã từng có những tiền lệ về việc để mất mát, hư hỏng các tài liệu có giá trị; ví như việc giữ gìn những mộc bản thuộc kho văn khố của triều Nguyễn chẳng hạn. Theo chúng tôi, tốt nhất vẫn là giao cho gia đình giữ, sau đó mới tính tiếp chuyện từng bước đưa vào khai thác, sử dụng, công bố dần các tác phẩm của ông Nguyễn Bạt Tụy.

NTƯ: Hôm vừa rồi tôi có nói với một vị phó chủ tịch (tôi không nhớ tên) rằng: cái gì còn bí mật thì mới là quý, chứ đã không còn bí mật nữa thì không còn là của đáng giá, cần phải ăn cắp; vì vậy cần phải làm ra mỗi thứ vài bản, như phim *slide* chẳng hạn. Nói thế chứ không phải là vấn đề đơn giản. Trong cơ chế thị trường mang tính chất thế giới hiện nay, nếu những tư liệu của ông anh tôi - những tư liệu mà ông ấy đã làm trong vài chục năm, lại chẳng may lọt vào tay người nước ngoài thì có khi ở đây mình chưa làm xong, ở nước ngoài người ta đã công bố mất rồi. Ở thời đại có cái tạm gọi là *édition-pirate* - xuất bản kiểu cướp biển - này thì những tài liệu do một người dân Việt Nam làm, đem vinh quang cho người Việt Nam, phải do chính tay người Việt Nam mình giải mã, phân tích, tổng hợp, nêu được những ý kiến mới, để đóng góp vào kho tàng văn hóa nhân loại. Cho nên làm ra nhiều bản cũng không phải là một biện pháp hoàn toàn không nguy hiểm, không khéo có khi là tự hủy!

MTL: Chúng tôi xin trở lại vấn đề. Hiện nay đang có tình trạng tác quyền không được tôn trọng, cộng vào đó là vấn đề bảo quản. Khi nghe tin ông NBT mất, chúng tôi và dân Đà Lạt rất lo: nếu NBT mất đi, ai sẽ giữ gìn, bảo vệ tư liệu? Vì vậy khi được biết NBT có người em trai có trình độ, am hiểu vấn đề như ông, chúng tôi rất mừng.

NTƯ: Trong gia đình, chúng tôi cũng lo lắng, mà bạn bè tôi, thậm chí cả những người không phải là bạn nhưng có nhiệt tình đối với văn hóa nước nhà, cũng có băn khoăn tương tự. Trước mắt tôi chỉ có mỗi một suy nghĩ: làm thế nào để bảo quản không tồi hơn ông anh mình? Tôi hy vọng các cơ quan Nhà nước sẽ giúp gia đình tôi làm tốt việc này. Tôi không khăng khăng một mực trong việc sở hữu. Tôi phải tự lượng sức mình, vì vậy nếu có ai làm tốt hơn, tôi sẵn sàng nhường lại. Không phải là các cơ quan Nhà nước, mà nếu có một hay vài con người cụ thể nào đó làm tốt được việc này thì tôi sẵn sàng nhường một phần hay toàn bộ tài liệu.

Tuy vậy trong lúc này, tôi không có quyền tung hê tất cả, giũ bỏ tất cả. Trong đời, đã có lần tôi tung hê. Khi mà cuộc sống bế tắc thì cái mà Trang Tử gọi là *chấp* (tóm lấy, giữ lấy mình), tôi chỉ cần ngoảnh đầu một cái là xong ngay; lúc ấy mình thanh thản, không còn *chấp* nữa. Tôi không có quyền tung hê vì trách nhiệm đối với người đã khuất. Năm ngoái, hôm mùng một Tết, tôi đã hứa với cụ Hoàng Đạo Thúy làm cho xong tác phẩm về Trang Tử. Tôi rất khổ tâm, vì hẹn với một ông cụ 95 tuổi năm ngày trước khi ông mất, tôi không thể tung hê mà phải cố làm cho xong. Trong việc này (tức vấn đề tư liệu của anh Tụy tôi), tôi cũng ở vào thế tương tự. Tôi không được phép tung hê. Tôi chỉ có thể nhường việc cho người khác khi thực tế tìm được một hay vài người mà tôi có thể tin tưởng, trao lại công việc này. Bởi vì dù sao tôi cũng không còn trẻ nữa, đã 70 tuổi rồi còn gì?

MTL: Theo chúng tôi được biết, tất cả những người dân Đà Lạt, những người yêu Đà Lạt, và cả những người lo lắng cho nền văn hóa nước ta, đều có thể đóng góp cho việc giữ gìn, bảo quản và công bố tác phẩm của học giả NBT. Chúng tôi được biết người Việt ở nước ngoài cũng đã có dự định thành

lập quỹ Nguyễn Bạt Tụy (NBT Foundation). Ông nghĩ về vấn đề này như thế nào?

NTƯ: Tôi nghĩ rằng thành lập một *foundation* là một việc, mà nhận tiền của *foundation* đó lại là một việc khác. Cả đời tôi sợ nhất là cầm tiền của người khác, nếu đó không phải là tiền trả công lao động cho mình. Sự dằn vặt ở chỗ cầm tiền mà không làm được việc, quả là rùng rợn đối với một người 70 tuổi như tôi. Có làm được việc hay không, có xứng đáng với những người đã góp tiền cho *foundation* (hay cả những người không có tiền đóng nhưng đặt lòng tin vào *foundation*) hay không, đó mới là vấn đề quan trọng. Lập một *foundation* là việc tốt, tôi tán thành; nhưng nếu tôi nhận tiền để làm vấn đề này thì lại là cái khác.

Tôi đã từng đánh máy thuê, đã từng đem máy ảnh về nông thôn đi chụp ảnh thuê để nuôi bảy đứa con tôi, nhưng cả đời tôi chưa bao giờ lĩnh món tiền gọi là trợ cấp xã hội cho người có nhiều con, vì tôi cho đó là điều nhục nhã, nhất là đối với một người tay chân không què quặt, mắt không đui mù, tai không nghễnh ngãng, đầu óc không điên loạn. Điều đó chẳng những nhục cho bản thân mà còn nhục cho cả chế độ.

MTL: Nếu các nhà xuất bản đặt vấn đề với ông để được xuất bản các tác phẩm của ông NBT thì ý ông thế nào?

NTƯ: Những phần nào mà anh tôi đã nghiên cứu xong thì có thể xuất bản được. Đòi hỏi về tài chính cũng không khó lắm. Hiện nay tôi vẫn đang có khả năng kiếm tiền, không cần phải dựa vào việc này để bảo đảm cuộc sống cho bản thân và con cháu. Hôm qua có người hỏi tôi: nếu dịch một tác phẩm Việt Nam 1350 trang sang tiếng Anh thì tôi tính ra sao? Tôi có trả lời là UNICEF trả tôi hơn 6 đôla một trang. Nếu tôi dịch cho tờ *Economic Times* (chỗ con gái tôi) thì được 50 ngàn một trang. Nhưng những việc như thế này thường tôi chỉ tính 2.5 hoặc 3.5 đôla. Nếu chỉ làm việc này trong bốn tháng tôi cũng có thể kiếm được 3.5 đến 5 ngàn đôla. Tôi không cần dựa vào sức lao động của anh tôi trước đây để nuôi bản thân và con cái.

Trong vấn đề này, việc công bố sớm các tài liệu của anh tôi - dù là bản thảo hay là những phim *slide*, đều là việc nên làm. Tôi biết những khoản tiền anh tôi đã đòi trước đây đối với phim *slide*. Nhưng lần này tôi xin phép anh tôi để có thể tính tiền bản quyền ít hơn rất nhiều. Một phần tiền bản quyền sẽ được sử dụng vào việc bảo quản các tác phẩm còn lại, một phần sẽ được dùng vào việc cứu tế xã hội - đặc biệt là đối với những người nghèo ở Đà Lạt là nơi anh Tụy tôi rất quý; như thế anh tôi dưới suối vàng chắc chắn sẽ hài lòng.

MTL: Ông có đặt điều kiện nào khác không?

NTƯ: Chỉ có một điều kiện tương tự như đối với các cuốn sách của tôi đã làm trước đây; nếu không phạm chính trị, không ảnh hưởng đến các vấn đề thống nhất dân tộc, an ninh quốc gia, ổn định xã hội thì chớ có động tay vào sửa chữa, cứ nguyên bản mà in. Tôi rất thích một điều là từ xưa đến nay, người ta thỏa mãn những yêu cầu này của tôi.

Riêng lần này lại có thêm vấn đề đối với các tài liệu chưa hoàn chỉnh. Tôi nghĩ rằng một tài liệu chưa hoàn chỉnh, thậm chí có chỗ sai sót về ngữ pháp, về chính tả thì có cho in cũng không ảnh hưởng gì đến uy tín của ông anh tôi, vì đó là bản thảo. Nhưng nếu mình chủ quan động tay vào sửa chữa làm sai lạc ý kiến của tác giả thì coi chừng, có thể là làm nhục tác giả. Vì thế cho nên những tài liệu nào nêu ra được những ý kiến đã rõ ràng, nói ra không thể hiểu lầm được thì cứ thế in ra.

Tôi xin nói về một tiền lệ cần phải nghiên cứu. Vừa qua tôi có mua được một bộ sách rất quý: *Cố cung tuần san*, tức là báo hàng tuần của cố cung Trung Quốc, in thành sáu cuốn rất to bằng giấy quý. Bộ tạp chí này thể hiện những gì quý nhất của Trung Quốc: các bức thư pháp, những bức họa, những cổ vật, những đồ sứ... Giá chính thức của XUNHASABA là 12 triệu đồng VN. Các anh có tưởng tượng họ in bao nhiêu cuốn? Họ cho in toàn Trung Quốc và toàn thế giới chỉ có 500 bộ; rõ ràng là họ in lỗ vốn.

Vấn đề là tại sao Trung Quốc làm như thế? Họ muốn làm rạng rỡ cho văn hóa Trung Quốc và giúp cho các nhà nghiên cứu. Tôi nêu thí dụ này để các anh suy nghĩ về cách sử dụng các tài liệu của ông anh tôi để lại.

MTL: Chúng tôi có được đọc bảng kê dài 12 trang đánh máy do ông Tụy lập vào tháng Mười 1975. Nhưng chúng tôi không rõ là trong vòng 20 năm qua, ông ấy đã làm thêm được những gì, vì trong đó có nhiều tác phẩm chỉ mới là dự kiến, hoặc chỉ mới viết xong một phần?

NTƯ: Thú thật mặc dù là anh em ruột, nhưng cái *gène* của nhà tôi là anh em tuy thương nhau, nhưng người này tôn trọng tự do của người kia, thêm nữa khía cạnh hứng thú lại khác nhau, cho nên tuy có trao đổi với nhau một số lần vào một số thời điểm, bản thân tôi cũng không nắm hết được. Có lẽ phải một thời gian nữa tôi mới trả lời được câu hỏi đó. Sắp tới tôi sẽ cố dành thời gian để thống kê và công bố cho giới nghiên cứu được biết.

Tôi muốn nói thêm điều này: anh tôi có những lúc rất bực mình, và tôi cũng từng là nạn nhân của những lần bực mình đó. Nhưng anh tôi vẫn có được sức lao động và sự thanh thản để làm công việc nghiên cứu, thậm chí cả những công việc không phải là nghiên cứu, như là dạy học chẳng hạn. Các anh xem tấm bảng này: ngày cuối cùng trước khi chết, lúc tám giờ tối, anh tôi dạy buổi cuối cùng trước khi ngã xuống. Dù sao tôi cũng phải cảm ơn các học trò của anh tôi - ngoan cực kỳ! Chính nhờ vào các cháu ấy mà anh tôi có thể sống và làm việc. Chính các cháu đã trông nom, giặt giũ, cho ăn cho uống. Kể cả mấy em lớn tuổi hơn, đã học với anh tôi từ hai mươi năm hay hơn nữa mà vẫn gắn bó, trông nom đến thầy. Hôm anh tôi gặp nguy như vậy thì chính học trò đem đi bệnh viện. Hàng xóm láng giềng cũng rất thương, giúp đưa đi bệnh viện. Và tuy tôi đến đây chỉ là em anh tôi mà các cháu ấy, các em ấy vẫn phục vụ hết mình. Sáng

ĐỖ QUYÊN

NĂM NĂM BỎ NƯỚC

GỢI

Ngọt ngào ta gợi lại
Những kỷ niệm mờ xa
Năm năm từ nước bỏ nhà
Mất nhiều
Được chỉ là ta được mình.

NGÀY KHỞI PHÁ

Tháng Năm ngày Mồng Một
Cổng thành Brandenburg (1)
Nắng và gió
Nêm
Những cột người trải ngang mặt đất.
Từ đâu xô đẩy vào?
Là gì níu kéo ra?

Mắt mẹ hiền hoang vu
Phút lên xe lăn
Phòng mổ đợi đầu tiên cầu thang dốc...
Câu thơ nụ hôn dang dở
dấu phẩy còn in giữa thân ai...

Những trăn trở đi hết tuổi ba nhăm:
Là bóng hay là hình của bản ngã?
Tìm sao ra một quê hương thật cho lòng?

Tôi qua cổng thành xứ người
Không tấm thẻ bài cố quốc
Gót chân tròn bụi đường quê trôi hết
Đám tóc xơ còn giữ chút hương nhà.

Tôi đi
trên những vết nứt thế kỷ
Nham thạch tinh tươm mép mỗi lỗ thủng bức tường thành.

Trận động đất này bao nhiêu độ rích-te?
Mỗi con tim một câu trả lời
Cả những con tim đá.

Cổng thành đó
tôi qua
tìm đến Vương-quốc-của-riêng-mình
(Vừa là vua, vừa là cung nữ
Hoàng hậu là những kỷ niệm dần xa...).

Lá tôi chưa xanh Việt Bắc cánh rừng già
Bờ bãi Nha Trang cát tôi chưa nên hạt
Giang sơn hỡi,
Cho tôi trôi,
Cho tôi bay
tới Vương-quốc-của-riêng-mình!

TỰ BẠCH

Tôi sinh ra nhờ nước sông Hồng ru vỗ
Những tiếng *"Tẩm quất... Ơ..."* quấn vòng theo tã lót mỗi đêm dài...
Trên ghế đá vườn hoa Paxtơ (2) chị gái ngủ tay ôm tôi ngồi đợi những buổi sớm mai
Lớn lên... Tôi còn khóc cho đến ngày chị mất.

Tôi sang tuổi bốn mươi trong những giờ ngập tuyết
Tóc phủ đêm lất phất các sợi màu
Tiếng xe phanh gấp gọi ngày tới mau
Giao chuyển tôi qua chương đời mới.

Năm năm tôi đi
Đứa cháu gọi tôi bằng cậu đã tu xong một nghiệp
Căn buồng cũ của tôi đổi chủ đôi lần
Những người yêu tôi nhớ tôi được mấy hồi?
Đám bạn bè còn đứa nào son rỗi?

Năm năm tôi đến
Nẻo đường này vẫn vậy...
Vẫn uốn đều theo từng bước của em,
vẫn đưa cái tôi nhìn đến chỗ xa xăm,
vẫn lặng lẽ trong những lần đêm nức nở...
Đất nào cũng là đất
Trời đâu cũng vẫn trời
Sao tôi lại khác tôi
Với mỗi bước chân xê dịch?

Có nơi tôi chỉ biết đồng phục
cho mọi ý nghĩ của đời...

Có nơi tôi vàng suốt ngần ấy tháng ngày
rồi rùng mình theo lá rơi bay...
Có khi tôi tan theo những
bọt mưa mây xối trào...
Có lần một đêm tôi đã
hái được mấy vì sao!

(trích trường ca "Năm Năm Bỏ Nước")

(1) Cổng thành Berlin nơi có bức tường trước 9.11.1989 đã chia Berlin làm hai phần Đông và Tây.
(2) Vườn hoa ở phía tây bắc nội thành Hà Nội.

nay, tại nghĩa trang, tôi nói những lời cảm ơn ấy hoàn toàn là sự thật. Thành ra giữ được những tài liệu này có một phần là công của các môn sinh của anh tôi. Tôi tin rằng sau này, dù tôi có về Hà Nội ít ngày, thì các em, các cháu sẽ trông nom giúp tôi. Dù sao, tôi vẫn phải khóa cửa, vì nhỡ chẳng may xảy ra chuyện gì thì khổ cho các em, các cháu. Các anh không biết chứ chính hôm đưa thầy đi bệnh viện ấy, có một em bị giữ ở công an hai giờ vì trong lúc ông Tụy vắng nhà đã dám vào nhà để trông nom mọi thứ. Phải đợi đến khi tôi đến đây thì mới được thả ra.

Hiện nay, cũng còn có một vấn đề: mặc dù theo luật thừa kế thì tôi là người được hưởng quyền thừa kế các tài liệu của anh tôi, nhưng các thủ tục về pháp lý chưa có, vì vậy tôi vẫn còn gặp trở ngại. Tôi mong rằng chính quyền sẽ giải quyết vấn đề này thật sớm, để tôi có nhiều thuận lợi hơn trong việc giải quyết các vấn đề đã nêu ra.

MTL: Xin thành thật cảm ơn ông Nguyễn Thụy Ứng.

CÀ KÊ CHỮ NGHĨA *DÊ NGỖNG* CHUYỆN LIÊN QUAN

THANG MA

Đầu năm nay tháng giêng 1995 báo Thế Kỷ 21 cho đăng bài tôi "Nhân đọc so sánh một số từ Việt Trung Nhật" góp ý thêm với ông Đỗ Thông Minh bên Nhật ít nhận xét cá nhân. Mấy tháng mới đây đọc báo thấy có phản ứng của GS Nguyễn Đình Hòa và ông Nguyễn Anh Tuấn, cùng chút bênh vực của một vài bạn đọc. Tôi rất cám ơn các ý kiến xây dựng, đính chính cũng như bênh vực trên. Ông chủ nhiệm Lê Đình Điểu có lần nói tôi viết thường có cái giọng cà kê. Khiến tôi nhớ tới "Chuyện cà kê" của Lãng Nhân. Nay tôi xin được "cà kê" chút ý kiến riêng rồi tiện "dê ngỗng" luôn mấy chuyện liên quan. Những bài tôi viết trên báo thường để trình bày mua vui độc giả hơn là mang tính nghiên cứu học thuật nên một số người có thể không thích lắm vì thiếu "độ chính xác" và nghiêm túc. Chẳng qua hy vọng "mua vui cũng được một vài...chục phút" cho các độc gỉa sau một ngày lao động "quang vinh" mệt mỏi xứ người. Không hề tham vọng "phân-tích phân-tiếc" vấn đề gì cả, mà cũng không mong thuyết phục độc gỉa các ý kiến riêng.

VIETNAMESE-ENGLISH DICTIONARY

Tôi xin cảm tạ GS Nguyễn Đình Hòa đã chỉ ra việc tôi lầm cuốn từ điển Việt-Anh (Vietnamese-English Dictionary) của GS với cuốn của Joint Publications Research Service (JPRS 1966) thuộc chính phủ Mỹ. Đây là sơ xuất trong lúc viết bài đã không trình bày rõ ràng. Thật ra tôi biết sự khác biệt vì trong tủ sách gia đình có quyển Vietnamese-English Dictionary của GS Hòa gần 20 năm nay do nhà Charles E. Tuttle ở Nhật xuất bản, bìa đỏ in hình rồng uốn éo. Còn cuốn của JPRS-1966 tôi đã từng thấy qua khi nằm ở Carbondale, thư viện trường Southern Illinois University năm 1980. Điều tôi lầm lớn là đã cho rằng GS giúp việc biên soạn cuốn này vì ở thời điểm thập niên 60 chỉ có vài vị giáo sư Việt học người Việt nổi tiếng tại Mỹ như GS Nguyễn Đình Hòa, GS Huỳnh Sanh Thông, GS Vương Gia Thụy... mà GS Hòa lại nổi tiếng nhất về soạn từ điển và dạy Việt ngữ. Việc tôi dùng tựa đề *Vietnamese-English Dictionary (JPRS 1966)* là để chỉ cuốn này chứ không phải nói cuốn Vietnamese-English Dictionary của GS Hòa. Do đó đã cẩn thận thêm vào cái ngoặc (JPRS 1966) cho phân biệt. Tôi dùng từ Vietnamese-English Dictionary như danh từ chung, một thứ *generic name* để gọi chung chung những cuốn từ điển Việt-Anh không phân biệt tác gia, vì bản chất cuốn của JPRS-1966 là một thứ từ điển Việt-Anh. Chính vì cái loại "danh từ chung chung" này khiến các nhà làm từ điển ngày nay trên thế giới phải bỏ thêm cái tên gì khác chêm vào để tính của riêng. Như "*Collins' French-English Dictionary*", "*Sanseido's Japanese-English Dictionary*"... Riêng Việt Nam ta cũng có nhiều Từ Điển Việt-Anh, vì không chêm tên tác gỉa hoặc tên nhà xuất bản vào tựa đề nên dễ lầm lẫn. Đó là lỗi của tôi khi viết bài đã không ghi rõ. Xin đề nghị giới làm từ điển của ta theo "tinh thần quốc tế" ghép hẳn tên riêng vào tựa sách để ta có "Hoà's Vietnamese-English Dictionary", "Khôn's Vietnamese-English Dictionary"... Hình như tôi có lần thấy một cuốn sách của GS Hòa mang tựa "Hòa's Vietnamese Phrase Book"(?). Dầu sao cũng xin đa tạ bài trong mục tiếng vọng của GS Nguyễn Đình Hòa, vị lão tiên sinh tôi vô cùng kính mến.

"YẾU TỐ CON NGƯỜI" TRONG NGÔN NGỮ

Kế tiếp, ông Nguyễn Anh Tuấn đã nêu lên không có yếu tố chính trị trong ngôn ngữ mà chỉ có con người lợi dụng ngôn ngữ cho mục đích chính trị. Tôi đồng ý với ông Tuấn trên diện thuần lý thuyết. Nếu nhìn ngôn ngữ như *chỉ là* một thứ công cụ truyền thông, một chuỗi ký hiệu và quy luật vô tư vô hồn thì ngôn ngữ quả thật không những phi chính trị mà còn phi cả văn hóa. Tôi tạm gọi là sự *phi tính*. Nhưng nếu ta chấp nhận *sự không tách rời được* của ngôn ngữ vào con người và nó là công cụ nối kết, phát biểu tư duy tiến đến sự hình thành văn hóa của một dân tộc thì *ngôn ngữ mang tính văn hóa*. Nền văn hóa là sự phát triển không ngừng trong nếp sống, tập quán và tư duy của một dân tộc qua nhiều thăng trầm lịch sử. Mà mỗi thăng trầm lịch sử lại là một biểu hiện thái độ, tình trạng chính trị, xã hội, sinh hoạt khác nhau. Do đó nếu ta chấp nhận có tính văn hóa trong ngôn ngữ thì tôi nghĩ yếu tố chính trị phần nào không thể gạt qua. Nhiều người cho rằng văn hóa và chính trị là hai diện riêng biệt. Theo tôi nếu chính trị mà "tồi" thì tiềm lực văn hóa có sẵn (truyền thống) sẽ gạt nó qua, còn nếu chính trị mà "tốt" thì sẽ hòa vào nếp sống một cách nhẹ nhàng, trải qua thời gian góp phần tạo thành nếp văn hóa mới.

Dĩ nhiên yếu tố tạo thành văn hóa rất đa dạng mà chính trị chỉ là một. Thí dụ nền văn hóa Khổng Mạnh ở Á Châu bắt nguồn từ việc các triều đình xa xưa áp dụng tư tưởng Khổng Mạnh trong việc trị nước. Đó là một sự áp đặt chính trị. Vì nó thỏa

mãn được nhu cầu của giới cai trị lẫn bị trị thời đó trong một thời gian khá dài, ảnh hưởng nếp sinh hoạt, tư duy nên biến thành động lực chính tạo nền văn hóa Nho giáo. Văn hóa dân chủ tây phương ngày nay cũng bắt nguồn từ các tư tưởng triết học chính trị, thay đổi thể chế, thỏa mãn được nhu cầu sinh hoạt, tư duy con người, dần thành nếp sống mà ra. Ta cảm được các điều đó vì nó bàng bạc trong ngôn ngữ, sách vở, văn học nghệ thuật, nếp suy tư và đời sống hằng ngày. Các quốc qia XHCN trước kia cố ép tư tưởng Mác-Lê vào con người mong tạo nền văn hóa mới. Vì không thỏa mãn được dân chúng nên thất bại. Ngày nay ở Nga, Đông Âu, Trung Quốc cũng như Việt Nam, sự thất bại mô hình văn hóa XHCN làm người dân níu kéo lại các gía trị truyền thống dân tộc hơn lúc nào hết, mà xưa họ từng chửi bới gạt bỏ.

Tiền đề của tôi là chấp nhận *tính văn hóa như sự bất khả phân ly của ngôn ngữ*, rồi tiến đến sự chấp nhận các *yếu tố con người, xã hội* đè nặng lên ngôn ngữ, trong đó có yếu tố chính trị. Một người Việt Nam trưởng thành tại quê nhà có thể học thông thạo Anh ngữ, đọc hiểu nhưng chưa chắc cảm nổi một áng văn chương, hay một bài thơ Anh Mỹ. Không một ngôn ngữ tự nhiên nào tồn tại độc lập. Nó luôn kết hợp với một dân tộc, và nền văn hóa nào đó.

Đơn cử thí dụ hạn hẹp là mấy tuồng "hề" cười hô hố rất đại chúng trên TV Mỹ, có ai trong đám tị nạn chúng ta tự nhận là cảm cười được một cách *tự nhiên thích thú thật sự* như người Mỹ, trừ những người sống lâu hoặc trưởng thành ở Mỹ. Đa số "comedy show", "late show" TV hằng ngày trên đài Mỹ mang đầy tính văn hóa đặc thù của họ. Có bạn nào chân ướt chân ráo mới đến Mỹ mà dám tự hào cảm được sâu sắc nét ý nhị khôi hài, "duyên dáng" trong cách nói chuyện của David Letterman hay Johnny Carson? Tôi có người bạn gần 40, sống ở Mỹ khoảng 3 năm, mỗi lần coi Johnny Carson hễ màn ảnh cười là anh ta cười theo "hô hố" ra điều khoái chí lắm! Thấy tội nghiệp quá, không biết thật hay giả. Riêng tôi phải cần bị "cù nách, thoọc léc" mới ha ha nổi. Mà tiếng Anh của tôi đâu tệ gì! Dĩ nhiên cũng có những vở hài kịch chung chung người xứ nào cũng thích được... Hồi mới sang Mỹ, lúc tiếng Anh còn ăn đong, tôi thích The Brady Bunch và mê xem show hề chàng marine Gomer Pyle và viên trung sĩ Carter, vì không cần phải có một "cultural background" thật Mỹ. Bạn đọc miền Nam hẳn còn nhớ "Binh Méo, Cai Tròn" trên đài quân đội do Phi Thoàn và Khả Năng đóng, đúng là theo kiểu "Gomer Pyle và trung sĩ Carter". Phi Thoàn vẫn còn ở Việt Nam, không biết Khả Năng ra sao? Nghe nói mất rồi. Còn Thanh Hoài, Thanh Việt, Văn Chung...? Tôi nhớ mấy tay hề này biết bao. Đã 20 năm rồi...

Ta hiểu một ngôn ngữ vì nó mang tính truyền thông, ta chỉ cảm được ngôn ngữ đó khi thấm được nét văn hóa đặc thù của nó. Ngôn ngữ con người mang *tính truyền thông* và *tính cảm*. Nhiều người chỉ nói đến tính truyền thông mà quên đi "tính cảm". Đây là sự khác biệt giữa ngôn ngữ tự nhiên và ngôn ngữ nhân tạo. Ngày nay mấy ai thèm học thứ ngôn ngữ vô hồn *Esperanto* do một bác sĩ Ba lan tạo ra, mà có thời mấy xứ CS vô cùng cổ súy. Đối với người học ngoại ngữ, "hiểu" và "cảm" là hai tính riêng biệt. Đa số người Việt lớn tuổi đọc tiếng Pháp thấy thích hơn tiếng Mỹ chính là vì họ có căn bản không những Pháp ngữ mà còn thấm được tinh thần văn hóa Pháp, đã ảnh hưởng vào văn hóa ta hơn nửa thế kỷ. Vì cái tính "cảm" mà nhiều người đọc văn dịch ra tiếng mẹ đẻ thấy "thoải mái" hơn đọc nguyên tác. Đương nhiên cái "hồn văn hóa" của nguyên tác bị mai một, bị méo mó thành cái "hồn lai ngoại quốc" do tay người dịch. Do đó ta mới nói "dịch là phản", "phản" ở cái "hồn", cái "cảm", cái "tinh thần" chứ đâu hẳn "phản" ở cái "nghĩa". Không lẽ khi ta dịch "*Hey, what's going on, man!*" thành "*Sao ông bạn, khoẻ chứ!*" là sai nghĩa à? Cái "dổm" của báo chí Việt ngữ mấy lúc gần đây là ưa dùng từ *chuyển ngữ*, có lẽ cho rằng "chuyển ngữ" bảo đảm phẩm chất nguyên tác hơn, vì sợ "dịch là phản"? Một chữ *dịch* nghe gọn ghẽ, lại biến thành hai chữ cho kêu, mà thực chất chỉ là một. Thôi cũng được.

BẢN THÂN NGÔN NGỮ

Sở dĩ ông Tuấn phản đối "yếu tố chính trị trong ngôn ngữ miền Bắc XHCN" mà tôi đề cập, vì ông muốn nhìn thẳng vào *bản thân ngôn ngữ* chứ không phải *sự sử dụng ngôn ngữ*. Ông Tuấn có lý. Tuy nhiên, nói về chính bản thân ngôn ngữ, chúng ta khó chấp nhận được một cái nhìn nhất quán. Bàn về "bản thân, bản chất" của một vật hay việc, theo tôi trước hết phải định nghĩa *tính độc lập* và *tính lệ thuộc*. Một sự việc mang tính độc lập sẽ "vô tư" với các việc khác, còn tính lệ thuộc sẽ gây ảnh hưởng. Vợ chồng nhà hàng xóm đánh nhau chẳng ảnh hưởng gì đến con cái tôi. Vợ chồng tôi cãi lộn, con chúng tôi buồn. *Ngôn ngữ tự nhiên (natural languages) mang tính lệ thuộc vào con người, ta sao nó vậy. Con người đây là con người tiêu biểu cộng đồng, dân tộc, không hẳn con người cá nhân.* Nghe giọng một chàng da đen "downtown L.A." đứng đường nói chuyện ta liên tưởng ngay đến cái "cà giựt" tay chân, thân đầu lắc lư thường thấy của giới trẻ Mỹ đen. Cùng là tiếng Anh, dân đen có lối biểu lộ đặc thù khác Mỹ trắng. Chúng ta dễ chấp nhận tính lệ thuộc vào con người của ngôn ngữ hơn. Thật khó tưởng tượng nổi một "ngôn ngữ tồn tại độc lập, vô tư". Cũng như âm nhạc là thứ âm hưởng không thể tách rời khỏi sự cảm xúc tâm tình con người, và mang nét đặc thù của một nền văn hóa nào đó.

Ngôn ngữ không thể tách rời khỏi một dân tộc. Không có người Việt Nam thì không có tiếng Việt. Ngôn ngữ không tồn tại độc lập với ta như cây cỏ núi sông. Không có người Pháp thì trái địa cầu vẫn quay, nhưng chắc chắn không có tiếng Pháp. Sự quay của trái đất là một "tồn tại độc lập". Vì ngôn ngữ dính liền với ta như thế, nếu ta chính trị thì nó chính trị, ta thi ca thì nó thi ca, ta nghĩ sao nó vậy.

Nghe một người nói chuyện có thể cảm được trình độ văn hóa, chính kiến người đó. Ông Tuấn nói ngôn ngữ "vô tư", chỉ có ta lợi dụng nó thôi. Theo tôi ngôn ngữ là một phần của ta như bàn tay, bàn chân. Việc gì ta phải "lợi dụng" nó cho mục đích mình. Tôi SỬ DỤNG nó theo ý tôi! Tôi cầm đũa ăn cơm, chứ không hề "lợi dụng" bàn tay để cầm đũa, hoặc "lợi dụng" bàn chân để đá đít kẻ khác. Ngôn ngữ là tài sản chung của dân tộc, nhưng lại là tên nô lệ của mỗi cá nhân trong cộng đồng dân tộc đó. Có cần xin phép dân tộc để được dùng ngôn ngữ không? Ta sai khiến chứ không lợi dụng nô lệ. Còn sai khiến nó như thế nào là tùy ở trình độ văn hóa và mục đích riêng tư mỗi người. Có thể tôi dùng từ "nô lệ" hơi quá đáng nhưng thực tế là vậy.

Nếu ngôn ngữ tồn tại độc lập với con người tôi sẽ chấp nhận các "phi tính" và sự "vô tư" của nó. Khẩu súng tự nó không giết người. Ta dùng để bắn giết. Vậy thì khẩu súng có tính giết người hay không? Dĩ nhiên là CÓ. Vì súng không thể tồn tại độc lập. Ta dùng sắt thép và trí thông minh tạo ra với mục đích sẵn có trong đầu. Dù rằng nó không tự nổ để khạc ra viên đạn, nhưng mỗi lần nhìn thấy khẩu súng ta đều thấy tính giết toát ra. Không có loài người thì không có súng, nhưng vẫn có kim loại. Kim loại tồn tại độc lập với ta, súng thì không. Căn nhà, cái ghế cũng vậy, không thể "vô tư" được, chúng mang "tính ở", "tính ngồi" do ta tạo ra. Chúng không tồn tại độc lập với loài người, không tự nhiên mà có. Ngôn ngữ mang tính "truyền thông giao tế" và tính "cảm". Cùng một đề tài, ý nghĩ mà người này nói nghe hay hơn người kia, vì ta "cảm" được cái độ "hay dở", còn độ "truyền thông" thì như nhau. Giới ngữ học chỉ nghiên cứu được "qui luật truyền thông", còn tính "cảm" sao mà phân tích thành công thức cho được. Các lý thuyết ngôn ngữ hiện nay trong ngữ học chỉ đáng tin phân nửa, nửa còn lại là "ba hoa chích chòe" dưới dạng lý luận học thức. Tôi tạm gọi thuyết ngữ học chích chòe.

Ngôn ngữ một dân tộc do chính dân tộc đó tạo nên, trải quá trình tiến hoá sinh hoạt, tư tưởng, văn hóa dần dà mà thành. Ông trời chỉ cho loài người khả năng ngôn ngữ, chứ không tặng ta ngôn ngữ. Người Việt cổ sơ ăn lông ở lỗ chắc chỉ biết "ú ớ", "cu-lu ca-la" với một số từ vựng khoảng vài trăm. Trải qua bao ngàn năm mới hoàn thành được tiếng Việt như nay. Ngôn ngữ là sản phẩm của con người. Chúng ta có bổn phận bảo tồn, phát huy. Điều đó tùy ở trình độ giáo dục, văn hóa của mỗi người dân. Ngày nào con người còn bị ngu dân, chèn ép sinh hoạt, văn hóa chỉ định, tư tưởng một chiều, thì chỉ làm ngôn ngữ nghèo nàn và tối mò mò theo. Tôi chán những ngôn từ rỗng tuếch như "ngôn ngữ là vốn quí, là sự kế thừa v.v..", chẳng khác nào cứ ngoác miệng mà nói "Không gì quí bằng độc lập tự do". Miền Bắc XHCN ngày xưa nói năng nặng mùi chính trị thì tất nhiên tiếng Việt dùng ngoài Bắc nặng nề, đầy yếu tố chính trị là điều có thể hiểu. Trách nào nền văn học miền Bắc suốt mấy mươi năm không khá nổi, đành đổ thừa cho chiến tranh. Sau 1975, biết bao người miền Bắc vào Nam tìm sách báo văn chương đọc vì đói văn hóa, mặc dù chính quyền CS tìm mọi cách tiêu diệt ngăn chặn. Ngay cả tiếng Trung Quốc đại lục 10 năm về trước bị đè nặng chình chịch vì đám ngôn từ chính trị sặc mùi đấu tranh giai cấp căm hờn. Kết cục văn học của họ chẳng hơn gì được "xã hội đỉnh cao" miền Bắc, mà họ có chiến tranh đâu! Nay cả nước Tàu đổ xô đọc văn chương Đài Loan, nghe nhạc Hương Cảng là vì sao?

Tuy nhiên, nhận định của ông Nguyễn Anh Tuấn có lý luận vững, nếu ta chấp nhận tiền đề "bản thân ngôn ngữ vô tư" làm căn bản. Vấn đề này mang tính triết học nhiều hơn là ngữ học.

VIÊN PHONG

ĐỊNH MỆNH

(nhân nhìn mấy em vui chơi trên hè phố)

Ôi! Các em đẹp và ngây thơ quá,
Và vô tư, chưa biết nghĩ lo gì!
Ngày mai đây sẽ đem lại điều chi,
Chính cha mẹ các em còn chẳng biết,
Nói chi các em mới là trẻ nít!
Nụ hoa vừa nhú, cây lớn mầm non,
Các em mang nguyên tiềm lực sinh tồn
Và nẩy nở cho trần gian đẹp đẽ.
Nhưng, đã sống bảy chục năm có lẻ
Trên cõi đời sướng khổ quyện vào nhau,
Ta là chứng nhân bao nỗi thương đau,
Bao tai họa bất ngờ khôn chống đỡ,
Những mộng đẹp đang thành thì sụp đổ,
Những đầu xanh Thần Chết vội mang đi,
Những trẻ con trên hè phố lết lê
Với đôi nạng tự đầu đời kết nghĩa;
Những kẻ cô đơn cùng đường sinh kế,
Đêm gửi thân nơi xó chợ, gầm cầu...
Nhưng cũng may, bên bao nỗi thương đau,
Còn có những cảnh đời rực rỡ,
Những hạnh phúc như vườn xuân hoa nở,
Những thành công làm tên tuổi rạng ngời,
Tình bạn bè, dù là chuyện hiếm hoi,
Không thay đổi theo thăng trầm thế sự...
Đó các em, cuộc đời là thế đó,
Đủ buồn vui, xấu tốt, đủ lầm than,
Thừa ấm no bên những cảnh cơ hàn,
Các em sẽ ở cảnh nào tương tự?
Ta tự hỏi, thay các em, và... run sợ
Bởi người ta đâu làm chủ được đời!
Nhưng mà thôi! Chợt nghĩ, viết chơi thôi,
Ta cũng chẳng muốn các em phải đọc
Những dòng này, bởi hẳn chưa đến lúc.
Vậy vô tư, các em cứ vui chơi,
Mặc, mai đây, đối phó chuyện trong đời.

Saigon 1989

Thiếu thực tế. Loài người đã bỏ mấy ngàn năm tranh luận xem bản tính con người thiện, ác hay vô tư mà đã kết luận được đâu? Thôi thì mình cứ thấy sao nói vậy mà chắc ăn. Cụ thể, thực dụng bảo đảm hơn trừu tượng, lý thuyết. Tôi hoàn toàn tôn trọng quan điểm của ông Tuấn. Cũng không mong thuyết phục bạn đọc nên theo cái nào. Tùy nhận thức cá nhân.

YẾU TỐ CHÍNH TRỊ VÀ GÓC ĐỘ NHÌN

Trong chế độ XHCN tính chính trị nổi bật hơn hết bởi vì người ta khoa trương, tôn sùng đưa nó lên địa vị chót vót. Chính trị quyết định tất cả. Chưa có chế độ nào trong lịch sử nhân loại đến mức độ như thế. Tác giả Trần Mạnh Hảo sống cả đời trong XHCN miền Bắc, có đoạn trong tác phẩm Ly Thân: "Kính thưa các đồng chí .... chính trị là thống soái, là linh hồn của mỗi cá nhân và mỗi thời đại. Nếu không có ánh sáng của chính trị do tổ chức soi rọi, tâm hồn chúng ta mãi mãi chìm trong u tối." (Ly Thân, đầu chương IV). Ngôn ngữ mang cả yếu tố giai tầng xã hội (tôi không theo quan điểm giai cấp XHCN) vì ta thấy lớp người bình dân ít học sử dụng ngôn ngữ khác với giới trí thức trung lưu... Ngành ngữ học xã hội (socio-linguistics) chuyên nghiên cứu vấn đề này. Nếu chấp nhận ngành ngữ học xã hội, phải công nhận xã hội mang tính giai tầng (tôi không theo quan điểm giai cấp XHCN, xin nhấn mạnh).

Ông Tuấn muốn nói rằng không hề có yếu tố chính trị trong tiếng Việt dùng ngoài miền Bắc XHCN trước kia hoặc trên toàn quốc VN ngay sau 1975. Nhưng sự thật thì tùy ở góc độ nhìn và thời kỳ mới có thể thấy rõ được. Nhìn rõ nhất là phải ở các điểm giao thời chế độ. Năm 1975, khi miền Bắc chiếm trọn miền Nam VN, điểm nổi bật đối với người miền Nam là ngôn ngữ người miền Bắc mang nhiều từ chính trị rất kêu rất nổ, và các "công thức dụng ngữ" đồng nhất khác cách dùng từ của những người bắc di cư thời 54. Hai mươi năm 54-75 đủ dài để tạo thành nếp suy tư ăn nói khác xưa ngoài Bắc. Những người trưởng thành ngoài Bắc trong thời gian này thì lại cảm thấy ngôn ngữ họ dùng rất tự nhiên. Dân Bắc thấy người trong Nam nói năng có vẻ lộn xộn không được thuần. Trong Nam tiếp thu ngôn từ của kẻ thắng trận, lúc đầu dùng thấy kỳ kỳ, gì mà "hồ hởi, phấn khởi...". Nhưng riết cũng quen. Thêm 20 năm 75-95 đủ tạo thành nếp ngôn ngữ mới cả nước và những người trưởng thành trong Nam sau 75 hiện nay dùng ngôn ngữ XHCN rất tự nhiên.

Thấy và cảm được sâu sắc các biến chuyển ngôn ngữ này thường thường là ở lớp người trưởng thành ngoài Bắc giữa thập niên 50, hoặc trưởng thành trong Nam giữa thập niên 70. Người nào tuy không trực tiếp cảm nhận ở các giao điểm này nhưng chịu khó quan sát, đọc và suy tư nhiều về cách dụng ngữ, so sánh với hiện trạng xã hội, chính trị thì cũng thấy ra các sự biến đổi trên. Hiện nay ngôn ngữ tại Việt Nam và Trung Quốc đã giảm yếu tố chính trị rất nhiều vì sự tư duy, sinh hoạt xã hội đã đổi. Bài tôi viết về yếu tố chính trị trong tiếng Việt miền Bắc là ở thập niên 50, 60 và toàn quốc thập niên 70, chứ không bàn chuyện thập niên 90. Mặc dù yếu tố chính trị trong ngôn ngữ miền Bắc có tính giai đoạn, tạm thời, nhưng không thể vì đó mà phủ nhận.

Về yếu tố chính trị trong ngôn ngữ XHCN, điều cần nhấn mạnh là việc dùng từ ngữ mang màu sắc chính trị một cách quá đáng trong ngôn ngữ thường ngày, hơn là nội dung chính trị thật sự. Thí dụ, người Việt bình thường chúc nhau *"học hành, làm việc tốt đẹp"*, ngôn ngữ XHCN lại *"học tập, lao động thắng lợi"*. Ông bà tổ tiên ta có bao giờ chúc nhau như thế? Mà các từ *học tập, lao động, thắng lợi* được dùng quá nhiều trong các ngôn từ mang nội dung chính trị CS. Cán bộ, đảng viên luôn dùng, người dân cũng tiêm nhiễm theo, không dám nói khác, ra vẻ nhất quán, sợ bị điểm diện tư tưởng. **Lâu ngày thành quen lại thấy bình thường, chẳng có gì chính trị.** Tôi không cho điều này sai hoặc xấu. Nêu ra chỉ để hiểu rõ **động lực nào thay đổi thói quen từ ngữ** của *người dân (nhân dân!* Trong Nam ta thấy *người dân, dân chúng*. Ngoài Bắc nhìn đâu cũng toàn *nhân dân).*

Đồng ý rằng không phải toàn thể người dân miền Bắc đều theo cái gậy của nhà cầm quyền, nhưng điều đó không có nghĩa thành phần phản kháng hoặc thường dân ngoài Bắc dùng từ ngữ khác biệt với trào lưu ngôn ngữ giới đảng viên, cán bộ đương thời. Ông Tuấn viết: *"Khi chúng ta xét cái lượng trao đổi ngôn ngữ của toàn dân miền Bắc, thì tần số sử dụng ngôn từ mang màu sắc chính trị chỉ chiếm một tần số nhỏ."*. Hoàn toàn đồng ý! Nhưng chính cái "tần số nhỏ" đó cũng đủ tạo nên nét đặc thù chính trị của tiếng Việt miền Bắc XHCN. Tiếng Mỹ (American English) và tiếng Anh (British English), không kể giọng điệu, văn viết gần như nhau, chỉ một phần nhỏ mang nét đặc thù nhưng đủ cho người rành Anh ngữ nhận thấy sự khác biệt. Ngay tiếng Mỹ được coi như khá đồng nhất trên toàn nước Mỹ vẫn có khác biệt giữa Texas và các vùng khác. Người Pháp chính gốc đọc báo in ở Montreal, Canada, nhận ra ngay dân Quebec và Paris dùng từ không hoàn toàn như nhau. Điều kiện tạo thành "tiếng địa phương" (dialect) của cùng một ngôn ngữ ngoài giọng điệu (accent) còn kèm theo một ít từ ngữ riêng biệt. Đọc một bản văn Việt ngữ không biết xuất xứ thấy có vài từ như *chừ, nớ, ni, mô* đủ cho ta đoán tác giả có thể là dân Huế. Miền Nam trước 1975, cảnh sát Sài Gòn mà bắt được bài viết có vài từ như *nhân dân, phản ánh, đăng ký, lao động* là có cơ nghi ngờ người cầm bài hoạt động cho CS miền Bắc.

Giáo sư Hán ngữ John DeFrancis của đại học Hawaii nghiên cứu thấy tiếng Hán ở Hoa Lục từ sau 1949 đến nay khác tiếng Hán Hoa Lục trước 1949 khoảng 4% trên diện dụng ngữ, do tác động chính trị mà ra. Dựa trên thống kê văn viết đủ thể tài. 4% có là bao mà ngôn ngữ khác biệt hiện ra thấy được! Có thể đoán tiếng Việt miền Bắc **sau 1954** đã khác tiếng Việt miền Bắc **trước 1954** một

khoảng tương tự vì điều kiện xã hội, chính trị, văn hóa tương đồng của miền Bắc và Trung Quốc thập niên 50, 60. **"Dialects" của cùng một ngôn ngữ là thế giới "sai biệt lề" (marginal difference), chỉ cần một chút đã thấy khác, mà cái "một chút tiêu biểu" đó rất nhạy, hiển nhiên với lỗ tai quen thuộc của ta.** Bạn đọc tìm sách báo in ở Hà Nội trước 1954 và sau 1954 cho thật nhiều, bỏ thì giờ vừa đọc vừa tìm tòi thì ắt nhìn ra sự biến chuyển ngôn ngữ Hà Nội trước và sau 1954. Viết một thảo chương điện toán (computer program), phân thể tài, đếm chữ, so sánh và tính thống kê trên máy computer có thể lòi ra con số phần trăm nho nhỏ gần như của GS DeFrancis (Bạn nào làm được đáng hưởng cái Master ngữ học ứng dụng chứ giỡn à?). Tại Trung Quốc từ 1988 lại đây, sách báo ra đời trước 1949 được phép in lại gần như toàn bộ. Thanh thiếu niên Trung Quốc "hồ hởi" tranh nhau mua đọc. Đọc xong cứ chặc chặc, dân Tàu trước "giải phóng" (1949) dùng chữ ngồ ngộ há, như dân Đài Loan, Hương Cảng vậy! Báo chí tập san sinh viên đại học Hoa Lục đầu thập niên 90, thi văn sáng tác mang đầy dụng ngữ như xưa. Một kiểu ngôn ngữ "thời thượng" xuất hiện trong sáng tác giới trẻ, gần gũi Đài Loan và trở về truyền thống hơn ngôn ngữ XHCN. Nhiều nhà giáo ngữ văn lớn tuổi nhận định: "bọn chúng đang về nguồn!".

PHẠM TRÙ NGÔN NGỮ

Bây giờ bàn tới khi MẠN ĐÀM ngôn ngữ ta có nên đứng trong "phạm trù ngôn ngữ" không? Khi mạn đàm ta có thể "học thuật" hoặc "phi học thuật theo kiểu trà dư tửu hậu", trình bày ý kiến riêng không hẳn để thuyết phục, không cần lý luận phải sắt bén, nghe có lý là được. Theo tôi không gì chán hơn khi MẠN ĐÀM về ngôn ngữ mà lại đứng trong "phạm trù ngôn ngữ" với những "lô-gích lô-giếc" của nó. Giống thằng hề lên mặt ông cụ! Nhâm nha tôm khô củ kiệu nghe bợm nhậu kể chuyện đời vẫn khoái hơn ngồi nghe giáo sư tâm lý xã hội giảng giải đời sống. Ngôn ngữ uyển chuyển. Ngay cả cái "phạm trù" của nó ra sao hãy còn tùy ở đối tượng là nhà giáo ngữ văn, là nhà thơ, nhà văn, hay là nhà ngôn ngữ... Theo như bài viết của ông Nguyễn Anh Tuấn, "phạm trù ngôn ngữ" ông muốn có lẽ là của giới "ngữ học". Mà đối tượng nghiên cứu của giới này chỉ mô tả, tìm ra các qui luật là mục đích chính (descriptive). Họ không tham vọng khuyên ta nên dùng ngôn ngữ ra sao (prescriptive). Để tiện phương pháp nghiên cứu, họ không ôm đồm nên loại bỏ rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến ngôn ngữ. Do đó đối với nhà ngữ học thuần lý, ngôn ngữ chỉ là một chuỗi các ký hiệu mang ý nghĩa kết hợp theo những qui luật nhất định. Họ làm thế để giản dị hóa đối tượng nghiên cứu, để dễ tìm ra qui luật, vì phương pháp nghiên cứu đòi hỏi họ phải thế, chứ đâu phải ngôn ngữ ta dùng hằng ngày chỉ là một chuỗi tín hiệu.

Giống các ngành khoa học, trong vật lý khi viết phương trình cho vật thể chuyển động ta loại bỏ bớt vài yếu tố phức tạp như sức cản không khí, sự biến đổi của sức hút quả đất, xem vật thể chỉ là chất điểm... tiến tới phương trình tổng quát làm "mô thức" cho sự chuyển động, mà sự chuyển động thực tế đâu hẳn vậy, chỉ gần thế thôi, và cái vật thể chuyển động thực sự đâu phải là chất điểm trừu tượng. Kiến thức mà ngành ngữ học cho ta hãy còn nhiều hạn chế và tranh luận. Cứ tin vào nó để rồi cho rằng ngôn ngữ phải thế này thế kia chẳng thà không đọc sách, cứ nghĩ sao nói vậy mà lại hóa hay. Tương tự, sinh viên y khoa học cơ thể con người (gross anatomy) bằng mổ xác chết. Đó là điều cần thiết. Nhưng cứ vin vào cái xác chết thâm màu hoá chất mà cho rằng cơ thể ta là thế thì tuy đúng đấy, nhưng không chính xác. Cơ thể ta tươi đỏ, sống động, tràn sinh lực. Sinh viên y khoa giỏi, quen mắt mới nhìn được sự tương đồng và khác biệt các bộ phận của cơ thể sống và của cái xác chết. Một vị bác sĩ đầy kinh nghiệm lâu năm không còn nhớ gì tới cái xác chết, đối với ông chỉ có những thân thể tràn đầy máu đỏ. Nhưng vị giáo sư già dạy sinh vật và cơ thể học muôn đời chỉ biết cái xác chết. Khi mấy vị bác sĩ y khoa trao đổi ý kiến chuyên môn, họ đưa ra một cơ thể sống. Còn mấy vị giáo sư cơ thể học sẽ chỉ trỏ trên cái xác. Không gì lạ, vì "phạm trù" làm việc đòi hỏi phải thế. Sự khác biệt về ngành ngữ học và ngôn ngữ hằng ngày cũng tương tự. Ngôn ngữ uyển chuyển, sống động như cơ thể đầy sinh lực. Ta có cần đứng trong cái gọi là "phạm trù ngôn ngữ" của giới ngữ học để bàn chuyện ngôn ngữ không? Đã mạn đàm thì "phạm-trù phạm-triếc" chi cho mệt, độc giả lại cho mình lên gân!

Ngành ngữ học thuần lý khảo sát hiện tượng ngôn ngữ bằng cách tách rời các câu nói ra khỏi bối cảnh đàm thoại, xã hội, văn hóa, chính trị... để đơn giản hóa đối tượng ngôn ngữ cho dễ phát hiện qui luật khi nghiên cứu. Thành ra các câu thí dụ của nhà ngữ học đôi lúc có vẻ "ngô nghê", với ý nghĩa hạn chế. Vì chúng đã bị "cắt khúc ngâm giấm" cách biệt khỏi môi trường, bối cảnh ngôn ngữ... Ta chỉ nên xem chúng như một chuỗi ký hiệu vô tư khi bị "cắt khúc ngâm giấm" thôi. Nếu trả các câu nói đó trở lại bối cảnh ngôn ngữ hằng ngày thì chúng linh hoạt, sống động hẳn lên, đâu phải chỉ là ký hiệu. Giống như một người "hợp quần" sinh hoạt trong xã hội đông người phức tạp như thành phố New York chẳng hạn, bỗng nhiên bị tách rời ném vào sa mạc. Lang thang, ngơ ngáo, đơn độc, người "hợp quần" đó quên mất mình là ai, tay chân thừa thãi, đôi mắt ngu ngơ, vô định phương hướng. Người "hợp quần" chỉ còn như một sinh vật sống, một "animal". Chính ngành sinh vật học chỉ xem "con người" như một loại "loài vật", vì chỉ khảo sát được cơ thể ta thôi. Chứ chúng ta có phải con chó, con mèo đâu? Sự tách rời đối tượng nghiên cứu ra khỏi môi trường để dễ quan sát là điều cần thiết của phương pháp khoa học hiện đại. Đây chính là cái "bản thân ngôn ngữ" mà có lẽ ông Tuấn muốn nói đến. Con sư tử bị nhốt chuồng là con sư tử, nhưng không hẳn là con sư tử

thật rừng già Phi Châu. Đó là điểm những ai muốn kéo ngành ngữ học vào cho "le" khi bàn chuyện ngôn ngữ sống động hằng ngày cần để ý. Có bạn viết *"suy tư và tình cảm của người dân được phát ra bằng tín hiệu ngôn ngữ"*. Thì cũng đúng! Nhưng nghe sao kiểu giáo khoa "ra vẻ khoa học" quá. Khiến tôi cứ mường tượng tới một "robot" với bộ não tín hiệu điện tử phát ra toe-toe tít-tít. Học như thế chỉ mới nhai và nuốt, chưa tiêu hóa!

Nhà ngữ học Mỹ lừng danh Chomsky có ba thí dụ ông đặt ra nổi tiếng vô cùng *"John is easy to please"*, *"John is eager to please"* và *"Colorless green sleeps furiously"*. Hai câu đầu trình bày hiện tượng cú pháp tương đồng, ngữ nghĩa khác biệt. Câu cuối chỉ là một "câu đúng văn phạm", nhưng vô nghĩa. Ba câu này có gì đặc biệt? Mà rất nhiều nhà ngữ học theo chân Chomsky nhắc đi nhắc lại hoài, làm như họ không thể nghĩ ra cái gì khác hơn "lời của bậc thầy". Nhất là câu *"Colorless green sleeps furiously"* bị đưa lên sách bao lần, gần như công thức. Căn bệnh nhái lại lời thầy xã hội tây phương cũng đầy ra đấy, cứ gì ta. Tôi xin tặng những ai hay "táy máy" ngành ngữ học hai câu thí dụ tôi thường dùng *"Anh cu Nông dễ quạu cọ"* và *"Làm anh cu Nông quạu cọ (thì) rất dễ"*.

LÔ-GÍCH, LÔ-GIẾC

Nhắc tới "lô-gích" của ngôn ngữ ta tự hỏi nó có thể giải quyết các khúc mắc trong việc phân tích ngôn ngữ không? Chắc chắn là có, nhưng không hoàn toàn. Khi sự dụng ngữ mang tính ẩn ý, lô-gích chẳng giúp được gì. Lô-gích chỉ ăn chắc khi nó hoạt động trên diện hình thức, ghép nội dung vào thì còn tùy. Mặc dù lô-gích quan trọng trong ngành ngữ học thuần lý, đặc biệt trong môn ngữ nghĩa học, nhưng phải loại bỏ tính ẩn ý, ám chỉ, mỉa mai ra ngoài. Do đó môn ngữ nghĩa học cũng còn hạn chế, chỉ mới tạo được một "mô thức" đại khái thôi, chưa giải quyết được gì có tầm vóc, vì cách nói chuyện hằng ngày của ta mang khá nhiều "sự ám chỉ". Tôi xin kể lại câu chuyện cụ Lê Văn Siêu viết trong cuốn "Văn Minh Việt Nam" như sau:

"Lại còn một ông Tây nữa, thạo văn chương của ta lắm. Ông ta nói như mắng vào mặt chúng tôi: các ông bảo những nhà nho Việt Nam hồi bắt đầu Pháp thuộc có khí phách lắm. Vậy chứ Trần Tế Xương viết thế này thì khí phách ở đâu:

Biết rầy đi học làm thầy phán
Tối rượu sâm banh sáng sữa bò

Nghĩa là (cụ Trần Tế Xương) cũng thèm thuồng sâm banh sữa bò như ai vậy." (Văn Minh Việt Nam, Lê Văn Siêu, trang 222).

Trên diện lô-gích thì ông Tây đúng đấy. Có thật như thế không? Ở đây tính mỉa mai xuất hiện làm lô-gích không hoạt động được. Khi ta bàn chuyện ngôn ngữ thì tìm những thứ khúc mắc chút chút mạn đàm cho vui, chứ còn thẳng thừng lô-gích viết ra chi cho tốn giấy mực, mà lại xem thường độc giả.■

(còn tiếp)

TRUNG TÂM XUẤT BẢN, NHÀ SÁCH, VÀ PHÁT HÀNH

MINH VĂN

2808 GRAHAM ROAD, FALLS CHURCH, VA 22042

Điện thoại: (703) 698-8490 / 698-8491 Fax: (703) 204-9239

Đọc sách, uống trà, nghe nhạc, xem tranh, và ngắm tượng. Đến với Minh Văn quí vị sẽ có đủ năm thú tiêu khiển thanh nhã này.

Sách của Minh Văn:

Tập truyện của Trần Long Hồ:

Ngày Quanh Quẩn ($10.00), ***Niềm Vui Ung Thư*** ($10.00), ***Kẻ Đào Mồ*** ($11.00)

Truyện dài trong bộ trường thiên **Dung Thân** của Trần Long Hồ:

Cõi Sa Mù (quyển một, $18.00), ***Cửa Địa Ngục*** (quyển hai, $22.00),

Bóng Thiên Đường (tập một, quyển ba, $15.00)

Ký sự của Hồ Trường An: ***Chân Trời Lam Ngọc*** ($11.00)

Tập truyện của Ngô Nguyên Dũng: ***Âm Bản*** ($11.00)

Minh Văn có hàng ngàn mặt sách, trà và bình trà (Giang Tây, Đài Loan), băng nhạc: video, CD, cassettes, và nhiều tranh đẹp, tượng quí, được sắp xếp ngăn nắp như trong thư viện, vừa đẹp mắt vừa dễ tìm. Xin quí vị liên lạc Minh Văn để có tập sách quảng cáo đầy đủ và có thể mua hàng qua đường bưu điện. Chi / lệnh phiếu xin đề MINH VĂN

LÊN LƯỚI VÀ E-MAIL

TRẦN MỘNG TÚ

Rơm nhận được thư của ông chủ báo khoe là tờ báo đang "lên lưới;" nay mai độc giả sẽ được đọc báo ngay trên máy *computer*, với lời kêu gọi sự ủng hộ của độc giả, cô Rơm chùn cả mũi lại. Ủng hộ thì chắc là cô Rơm sẽ bớt tiêu đi một chút để ủng hộ, vì Rơm vốn quý tờ báo, nhưng Rơm nhà quê lắm, cô chẳng có tha thiết gì với cái mục tiêu "lên lưới xuống lưới" này, vì vốn dĩ xưa nay cô vẫn lạnh lùng với cái máy *computer* ở nhà.

Cứ tưởng tượng đọc báo mà phải ngồi ngay lưng, dán mũi vào máy và bắt buộc phải ở trong một cái buồng cố định là đã thấy hết cả hứng đọc rồi. Đọc báo, đọc sách thì phải chạm tay vào mặt giấy. Phải xoa xoay lên cái bìa của tờ báo, ngắm nghía cái hình của tháng này, xem ai vẽ mà đẹp thế! Rồi lật giở từng trang, nghe tiếng giấy kêu lên khe khẽ. Thấy gần gũi như cầm vào tay người bạn thân, thấy thân yêu như được chạm tay lên da thịt người tình. Rồi muốn đọc ở đâu thì đọc. Đem sách ra vườn sau, ngồi ở cái băng nhỏ vừa xem cây cỏ, hoa lá vừa đọc sách. Rồi tùy mùa, có khi thì đang đọc sách một chiếc lá phong rơi, bay lạc ngay trên trang giấy vào đúng giữa bài thơ. Có khi thì đang đọc phải xua tay đuổi đuổi chú ong vàng ở đâu đến ngã ngang trên sách. Nếu đem sách ra vườn trước thì vừa đọc sách vừa ngắm núi. Dải núi xanh ngắt một màu vào mùa hạ hay lốm đốm sắc vàng, sắc đỏ vào mùa thu. Có khi mây núi xuống thấp quá Rơm có cảm tưởng như nhòe cả những hàng chữ mình đang đọc.

Nếu đọc sách trước khi đi ngủ lại còn thú hơn nữa. Kéo cái chăn cái gối lại cho thẳng thắn, để quyển sách lên trên gối rồi đi đánh răng rửa mặt, lúc chui vào chăn hạ cái đèn xuống thấp một chút, rồi nhặt quyển sách lên, đưa lên mũi ngửi ngửi cái mùi mực (nếu là sách mới) một chút rồi mới bắt đầu giở ra đọc, gặp quyển sách ưng ý thì quên cả cơn buồn ngủ. Nếu có ngủ thì quyển sách rơi áp lên ngực. Thân cận biết là chừng nào! Hoặc là trước khi ngủ xếp sách ngay ngắn lại để sát bên cạnh. Người với sách cùng ngủ chung một gối đắp chung một chăn. Gần gũi lắm! Có khi đi đâu xa, thì mang theo sách vào trong xe, đường muốn xa bao nhiêu cũng được, bác tài bên cạnh cứ việc lái xe, cứ việc nói chuyện trăng, sao. Rơm thì mở sách ra đọc, khi nào mỏi mắt thì hạ sách xuống áp vào lòng. Thật là tuyệt vời!

Đọc sách như vậy mới gọi là đọc sách chứ! Rồi lại còn cái sướng là được mua sách tặng nhau, quý ai thì tặng cho người đó một quyển sách mình thích, mua biếu vài tháng báo cho bạn đọc. Không lẽ quý người ta mà lại bảo—Anh hay chị về mở *computer* ra đi, đọc bài thơ ngũ ngôn ở *Thế Kỷ 21*, trang 30 hay lắm, mà này nhà bạn có hệ thống để đọc được "lưới" không? Hỏi như thế nghe nó chẳng văn chương thơ mộng một chút nào cả, cái lưới cứ cứng cứng thế nào ấy.

Lại còn cái việc gửi thư cho nhau qua *computer* nữa. Có lần Rơm nói chuyện điện thoại với người yêu xong, cô trách móc: "Lâu lắm em không nhận được thư của anh, em thèm đọc thư của anh quá."

Người yêu của Rơm bảo: "Anh bận quá, viết thư cho em thì được, nhưng đi tìm cái phong bì rồi lại tìm cái tem để dán anh cứ không có thời giờ, mà để cái thư lung tung ở đây anh không muốn, văn phòng anh hay có người ra vào. Nhà em có *E-mail* không?" Rơm nghe mà đau cả tai. Không lẽ cái câu thơ

Anh chỉ có một tình yêu duy nhất
Anh cho em kèm với một lá thư

bây giờ phải đọc lại là

Anh cho em kèm với computer

hay sao?

Rơm mỗi lần nhận được thư của "Bồ" cô thường hay ngắm nghía cái phong thư trước khi mở ra đọc. Xem anh có hay viết ngược cái số nhà không? (Đã có vài lần anh viết ngược mà cũng đến) rồi xem con tem hôm đó bưu điện có nhớ đóng dấu không? Chữ AIRMAIL hôm đó anh viết ở góc nào? Cô tưởng tượng ra khi anh dùng lưỡi dán phong bì và dán con tem, có một chút nước bọt của anh chắc còn nguyên ở đó. Cô nghĩ đến những lần hai người hôn nhau, hai má cô nóng bừng. Rơm đọc cái lá thư mỏng mảnh đó cả ba, bốn ngày. Cô gấp đi, gấp lại, mở ra, mở vào không biết bao nhiêu lần. Có khi cô vừa nhổ cỏ ở ngoài vườn chợt nhớ đến anh, cô lại cho tay vào túi lấy thư ra đọc, rồi lại tiếp tục nhổ cỏ. Có khi đang nấu ăn trong bếp nhớ đến lá thư đang nằm trên ngực áo cô lại mang ra đọc. Ngay cả trước khi bước vào bồn tắm Rơm thấy cồm cộm ở cái túi áo vừa cởi ra, cô cũng đọc lại lá thư một lần nữa trước khi đứng dưới vòi nước. Vừa ở trong nước cô vừa nghĩ đến từng cái chấm, cái phẩy và cách viết thư không bao giờ nhớ đề ngày, đề tháng của anh, Rơm mỉm cười một mình.

Đến tối, đi ngủ Rơm lại mở thư ra đọc lần nữa, dưới ánh đèn cô thấy vệt đất mỏng in dấu tay cô ở nếp gấp ngoài cùng, cô tìm thấy cả một mảnh rau xanh rất nhỏ ở giữa trang thư và cả lá thư mềm xèo vì hồi chiều bị ủ hơi nước trong buồng tắm, có vài giòng bị lem nhòe đi. Cô đưa lá thư lên môi hôn, cẩn thận gấp lại cho vào trong áo gối, Rơm đi ngủ với những mơ mộng trong đầu.

Bây giờ nghe thấy tin báo "lên lưới," nhớ lại câu hỏi của người yêu "Nhà có *E-mail* không, để anh gửi thư cho cưng?"

Rơm thấy vừa đau cả tai, vừa tức cả ngực.■

KHAI HOA NỞ NHỤY MỘT NGÔI SAO

SƠN ĐIỀN NGUYỄN VIẾT KHÁNH

Một sự tình cờ đúng lúc. Trong lúc chúng tôi viết loạt bài về nguồn gốc của sự sống trên Trái Đất, trong đó cố nhiên phải nhắc đến nguồn gốc của Địa Cầu cũng như của Mặt Trời, tháng Sáu 95 vừa qua, giới Thiên văn học quốc tế mừng rỡ ngắm nhìn một bức hình do viễn vọng kính Hubble trên quỹ đạo chụp được. Đó là một bức hình đầu tiên của quá trình "khai hoa nở nhụy" một vì sao, nghĩa là một Mặt Trời khác, trong giải Ngân Hà của chúng ta đã sinh ra đời.

Vì làm biếng, tôi xin viết phỏng theo một bài báo sẵn có đăng trên tạp chí *Time* số đề ngày 19 tháng Sáu, 95.

Các nhà chiêm tinh của thế kỷ 17, quan sát bầu trời, gọi đó là "nebulae", từ ngữ La Tinh có nghĩa là mây. Chúng ta vẫn quen dịch đó là tinh vân, những vệt sáng trắng mờ mà mắt thường có thể nhìn thấy, lẫn lộn giữa những chấm sáng của các vì tinh tú trên bầu trời ban đêm.

Nên nhớ những vệt sáng này không phải là những thiên hà (galaxy) ở xa chúng ta hàng chục, hàng trăm triệu năm ánh sáng hay hơn, mà chỉ có các viễn vọng kính hay thiên văn kính hiện đại mới có thể nhìn thấy, mắt thường không thể nhìn rõ được.

Các đám tinh vân mờ mờ trắng đó chỉ là những "đám bụi" nằm trong khoảng cách giữa các vì sao, tương đối ở gần chúng ta vì nằm ngay trong "nhà", trong khối thiên hà riêng của chúng ta, thường được gọi là giải Ngân Hà. Bụi làm sao lại sáng trong bầu trời ban đêm, dù là sáng mờ? Gọi là bụi cho dễ hiểu, bởi vì thật ra đó là những đám hơi khổng lồ, lớn gấp cả trăm lần Thái Dương hệ của chúng ta với ông Mặt Trời nằm giữa. Hơi đó do các nguyên tử, phần lớn là khinh khí, tạo thành. Nó tụ lại vì sức hấp dẫn lẫn nhau của các hạt "bụi" đó và sở dĩ nó sáng là vì các ánh sáng ở xa của các vì sao khác, rọi vào, hoặc do chính nó đã có chú bé sao nhỏ ở chính giữa.

Nhà hộ sinh trong vũ trụ

Đã từ lâu các nhà Thiên văn học hiện đại dự đoán những đám tinh vân đó là những nhà "hộ sinh" trong vũ trụ, nơi sinh đẻ ra các vì sao và có thể kèm luôn cả những hành tinh quay xung quanh.

Dự đoán trước hết là nhờ các bài toán vật lý về lực hấp dẫn. Người ta đã biết trong khoảng cách mênh mông giữa các vì sao, không gian không hề rỗng không theo ý nghĩa tuyệt đối, mà bất cứ ở nơi đâu cũng có những hạt khinh khí vẩn vương. Khi các hạt này hút lẫn nhau theo luật hấp dẫn, chúng phải tụ lại càng lúc càng nhiều thành một đám. Tiến trình này không ngừng, lực hấp dẫn càng lúc càng nén chúng lại với nhau thành một khối, và chính giữa là một cục. Khi cục này bị hấp dẫn nén nữa, phản ứng hạt nhân sẽ phát sinh trong một vụ nổ dữ dội, lòe sáng và liên tục... cháy phản ứng. Một ngôi sao phải ra đời.

Dự đoán theo toán học như vậy là đúng. Bởi vì những đám tinh vân dễ thấy nhất là những đám bụi được soi sáng từ trong lòng của chúng: một chú nhỏ ngôi sao đã thành hình và tỏa ra ánh sáng làm đám bụi sáng hẳn lên.

Trong hai năm qua, các kính thiên văn đã chụp được hình các đám tinh vân có ngọn đèn nhỏ chú bé ngôi sao nằm giữa. Thế nhưng khoa học là con người khó tính, khoa học muốn có bằng chứng rõ rệt nhất là được chứng kiến "tận mắt" cảnh chú nhỏ ngôi sao đang ở lòng mẹ chui ra, chớ chuyện chú nhỏ sẵn có trong đám tinh vân rồi là chuyện thường.

Vụ lọt lòng mẹ không êm ả chút nào. Nó phải nổ, lòe sáng rực rỡ, giống như một quả pháo bông nổ trên trời ban đêm trong một ngày hội.

Thế nhưng nếu không chụp được hình ảnh rõ rệt, từng chi tiết của vụ nổ quả pháo bông, giới khoa học vẫn chưa hài lòng để kết luận rằng lý thuyết dự đoán của họ là đúng trăm phần trăm.

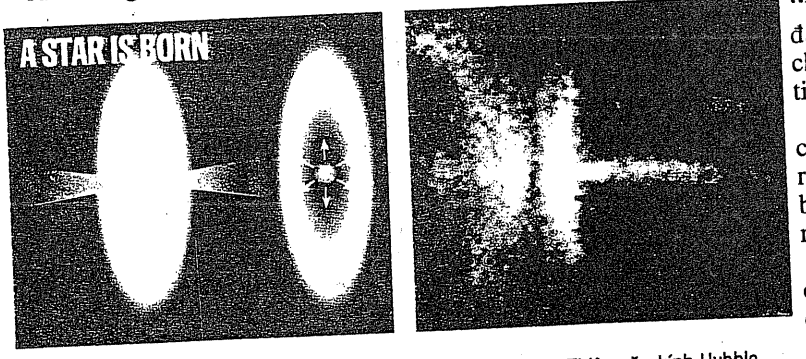

Một ngôi sao ra đời. Hình trái là vẽ theo lý thuyết. Hình mặt do Thiên văn kính Hubble chụp được. (Trích báo *Time* 19-6-95)

Cho đến nay, những thiên văn kính đặt trên mặt đất không thể nào nhìn thay hay chụp hình được cảnh "đẻ ra sao" này.

Nay nhờ Thiên văn kính không gian Hubble, bay trên quỹ đạo vòng quanh Địa Cầu, thoát ra ngoài bầu không khí vẩn đục của Trái Đất, các nhà thiên văn đã ở vào vị trí có cái nhìn trong sáng nhất, để ghé mắt xem "bà" Vũ Trụ sinh con.

Hubble đã chụp được những bức hình chi tiết nhất và ngoạn mục nhất về các nhà hộ sinh này và đã xác nhận là hoàn toàn đúng các lý thuyết của thiên văn học về sự hình thành các vì sao.

Các bức hình đó không cho thấy rõ các ngôi sao sơ sinh nằm ở giữa, vì tất cả đều bị bao phủ bởi những đám mây dầy đặc của "bụi" vũ trụ. Nhưng đáng chú ý nhất là những tấm hình đó cho thấy các tia hơi nóng và sáng rực đang bắn vọt ra từ chỗ lâm bồn với tốc độ đến 300 dặm một giây đồng hồ và với một năng lượng ghê gớm là có thể vọt ra dài đến hàng ngàn tỷ dặm sâu trong khoảng không vũ trụ.

ĐÃ PHÁT HÀNH

Phạm Văn Hải
Dương Đình Hưng

Thơ Tình

THƠ TÌNH

của hai nhà thơ

PHẠM VĂN HẢI

&

DƯƠNG ĐÌNH HƯNG

Nhà Xuất Bản Thế Kỷ

Hình ảnh Mặt Trời năm tỷ năm trước

Một trong những tấm hình đó có những chi tiết rõ đến độ không ngờ (xem hình trong bài), xác nhận các lý thuyết của thiên văn học trong vấn đề này.

Theo lý thuyết, dựa vào các phương trình lực hấp dẫn của Eisntein, khi các đám bụi tinh vân tụ lại vì chúng tự hút lấy nhau, đám bụi bắt buộc phải xoay tròn.

Điểm đặc biệt của đám tinh vân xoay tròn này là càng lúc nó xoay càng nhanh. Tại sao vậy? Đây là luật động học của vật lý. Nó cũng giống như một vũ công trượt trên sân băng tuyết. Vũ công đứng một chỗ tự xoay tròn như con quay, khi co tay lại, thu nhỏ thân hình, sự quay tròn sẽ mau hơn. Đám tinh vân cũng vậy, càng lúc lực hấp dẫn càng thu nhỏ nó lại, nên càng lúc nó xoay tròn càng nhanh.

Sự xoay tròn có gia tốc này tạo ra một trạng thái khác nữa là cả khối tinh vân bị dẹt lại tròn như một cái bánh tráng, chớ không phải tròn như trái cầu. Và mọi vật chất đóng lại, cục nặng nhất là ở chính giữa.

Một định luật khác về động học xoay tròn của vật lý chất rắn là khi một cái đĩa (chẳng hạn như đĩa sứ để ăn) xoay tròn thì vành bên ngoài xoay nhanh hơn những nơi ở gần trung tâm đĩa.

Nhưng trong một vật lý thiên thể, một cái đĩa "lỏng", như đám bụi tinh vân, cái lõi xoay nhanh hơn cái vành bên rìa của nó. Bởi vậy cái lõi của đám tinh vân, tích tụ nhiều vật chất và nặng, chắc hẳn phải xoay nhanh hơn vành ngoài của đám bụi. Nhưng sự thật không phải như vậy. Tại sao?

Hãy nhìn Mặt Trời của chúng ta. Mặt Trời cũng tự xoay tròn, cứ 11 năm là xoay tròn được một vòng.

Thế nhưng vật ở vành ngoài, xa hơn, thí dụ Trái Đất của chúng ta chẳng hạn, chỉ cần một năm là đã quay xong một vòng quanh Mặt Trời rồi. Tại sao vậy?

Từ một chục năm nay, các nhà thiên văn đã đưa ra giả thuyết cho rằng từ các cục ở giữa tinh vân, khi "nở" thành ngôi sao sáng, nó phải vọt ra những tia khổng lồ xả bớt sức nặng của nó, sự kiện này làm cái cục ở giữa không xoay tròn nhanh được nữa. Bằng chứng của giả thuyết đó ở đâu?

Nó đã có rồi. Tấm hình do Hubble chụp được quả đã cho thấy những tia năng lượng vọt ra dữ dội. Chính sự xả bớt sức nặng theo kiểu này đã quân bình với định luật tự xoay tròn, khiến ngôi sao thành hình tránh khỏi cảnh xoay đến độ... siêu tốc.

Hơn nữa khi cái cục ở giữa lớn dần, đủ đạt đến khối lượng, tạo ra phản ứng nhiệt hạch, làm thành năng lượng và ánh sáng để vọt ra ngoài, ngôi sao sáng thành hình, sự nổ như quả pháo bông lại được quân bình với sức hút của nó, làm nó không thể

tiếp tục hút thêm các vật chất ở xung quanh nó như trước nữa.

Lý thuyết là thế. Nhưng cho đến giữa tháng Sáu 95 vừa qua, chưa có sự xác nhận đã nhìn thấy rõ như vậy — chắc chắn là Thiên văn học chưa hề nhìn thấy sự thật nào rõ rệt xác nhận lý thuyết bằng những tấm hình mà Hubble chụp được.

Nhà thiên văn học Jon Morse của Viện Viễn Vọng Kính Không Gian nói: "Bức hình này sẽ được in trên các sách giáo khoa thiên văn khắp thế giới trong 10 năm tới đây."

Sự sống ngoài Trái Đất

Thế nhưng, những tấm hình Hubble không phải chỉ đem lại bằng chứng cho những câu hỏi nhức đầu nhất của sự hình thành một ngôi sao, được giải thích thỏa đáng. Nó còn đem lại bằng chứng về những sự kiện khác quan trọng hơn.

Một trong những bức hình rõ và nhiều chi tiết nhất về "nhà hộ sinh trong vũ trụ" còn cho thấy sau khi ngôi sao thành hình ở giữa đám bụi tinh vân, cái vành đĩa xoay tròn bên ngoài, xung quanh nó, đã bắt đầu có những cục tụ lại. Đó chính là những hành tinh trong tương lai vậy.

Nhà Thiên văn học Chris Burrows, cũng ở Viện Viễn Vọng Kính Không Gian nói: "Nó đã làm tôi lạnh cả xương sống, khi tôi chợt hiểu, tôi đang nhìn vào cái gì trên tấm hình của Hubble".

Nhà bác học Burrows và các bạn đồng sự của ông đã nhìn vào vật gì?

Ngoài việc thấy sự xác nhận của các lý thuyết thiên văn học, Burrows và các bạn ông thấy một tấm hình chụp mà họ biết chắc cũng đúng như một vụ khai hoa nở nhụy khác hồi... năm tỷ năm trước đây. Đó là sự khai sinh của Mặt Trời và Thái Dương hệ của chúng ta.

Hơn nữa nó còn cho thấy một khả năng nữa là hầu hết — nếu không phải tất cả — các ngôi sao trong giải Ngân hà của chúng ta đều phải có các hành tinh quay xung quanh. Và như vậy, sự kiện có đời sống ở ngoài Hành tinh Địa Cầu này là việc hầu như chắc chắn.

Cho đến nay, các nhà Thiên văn học đã nhìn thấy những cái đĩa dẹt bụi và hơi ở xung quanh những ngôi sao còn non trẻ ở bầu trời gần chúng ta.

Các định luật về lực hấp dẫn cho hiểu là sớm hay muộn cái đĩa bụi đó sẽ bể ra từng mảnh để rồi các mảnh đó tự xoay tròn, hút thêm các đám bụi khác ở gần, lớn dần và trở thành những hành tinh, hoặc nhỏ hơn thành các ngôi sao chổi và các tiểu hành tinh, tất cả thành một lũ xoay tròn và xoay xung quanh ông chủ Mặt Trời mới ra đời.

Nhưng hình ảnh do Thiên văn kính quỹ đạo Hubble đem lại từ giữa năm 1995 này đã cho thấy một sự thật không thể chối cãi. Mặt Trời và Thái Dương hệ của chúng ta không phải là chuyện lạ duy nhất, mà chỉ là chuyện quá thường, luôn luôn xảy ra trong vũ trụ bao la này.

Có ngôi sao là phải có các hành tinh ở xung quanh. Đó là định luật chung của Tạo Hóa.

Và đã có hành tinh là phải có... người. Không riêng gì chỉ ở Địa Cầu của chúng ta. Chúng ta chưa có bằng chứng nào cho thấy quả có sự sống như chúng ta trên các hành tinh khác, ở những Mặt Trời khác.

Nhưng sự kiện có đầy rẫy các hành tinh trong 400 tỷ Mặt Trời của giải Ngân Hà đã cho thấy sự sống ngoài Trái Đất không phải là chuyện vô lý. ■

20 tháng Sáu 95

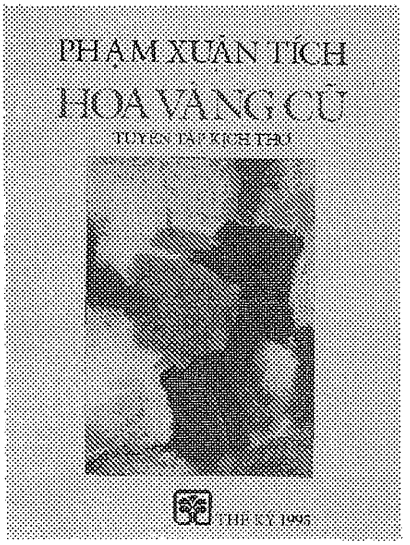

Tìm đọc:

HOA VÀNG CỦ

Tuyển tập kịch thơ của Phạm Xuân Tích

Tựa: Trần Thanh Hiệp
Bìa: Lê Tài Điển (tranh) - Nguyễn Đồng (trình bày)
Phụ bản: Đới Ngoạn Quân, Thái Tuấn, Ngọc Dũng, Đinh Cường

104 trang khổ lớn. Giá $12.00

THẾ KỶ 11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92640 USA (714) 638-9510

"IN RETROSPECT..." CỦA ROBERT MCNAMARA: GÓP Ý KIẾN VỀ MỘT SỐ PHẢN ỨNG TRÊN *THẾ KỶ 21*

TRẦN CHUNG NGỌC

Thế Kỷ 21, mấy số gần đây thật là khởi sắc, bài nhiều hơn, và khí thế chống Cộng cũng gia tăng. Thật là điều đáng mừng cho cộng đồng người Việt hải ngoại. Sự đóng góp của nhiều cây viết lừng danh trên *Thế Kỷ 21* đã tạo cho tờ báo trí thức này một chỗ đứng thật vững vàng trong rừng báo chí hải ngoại.

Là một độc giả trung thành của *Thế Kỷ 21*, tôi xin góp vài ý kiến về bốn bài viết bằng tiếng Anh trong *Thế Kỷ 21* số 74 tháng Sáu, 1995, những bài nhận định về cuốn *"In Retrospect: The Tragedy and Lessons of Vietnam"* của cựu Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, Robert McNamara. Vì đây là những ý kiến cá nhân, mà ý kiến cá nhân thì bao giờ cũng hạn hẹp, thiếu sót, nên những ý kiến của tôi rất có thể sai lầm, hoặc không hợp thời thế, hoặc không hợp những tình cảm thời thượng của một số độc giả, hoặc không hợp với cả chủ trương của *Thế Kỷ 21*.

Bàn về chuyện lịch sử cách đây mấy chục năm ở Việt Nam, tôi thấy diễn đàn hải ngoại thường theo hai cách:

Thứ nhất, viết hay bàn về lịch sử dựa trên tình cảm, xu hướng chính trị cá nhân, coi nhẹ sự thực lịch sử, dùng mọi lý luận để tiếp tục cuộc chiến Quốc Cộng đã chấm dứt từ 20 năm nay, bất kể là tình thế đã hoàn toàn thay đổi.

Thứ nhì, phân tích lịch sử với tinh thần tôn trọng sự thực, không có mặc cảm của phe thua vì tự cho là mình đã làm đầy đủ bổn phận với quốc gia dân tộc, không thể cho tình cảm, xu hướng chính trị cá nhân, hay hận thù cá nhân, nếu có, chi phối.

Tôi chọn cách thứ nhì vì tôi cho rằng đó là sự lương thiện của người trí thức.

1) "A Vietnamese Voice in the Debate" by Bui Diem

Tôi hoàn toàn đồng ý với ông cựu Đại sứ Bùi Diễm là cuốn sách của ông McNamara không đưa ra điều gì mới mẻ, mà toàn là những điều, không chỉ riêng các học giả và các sử gia, mà những người quan tâm đến cuộc chiến ở Việt Nam đều đã biết rồi: *(Mr. McNamara's book does not reveal anything that scholars and historians did not already know about the contradictions and errors of U.S. policy during the '60s and '70s).* Như vậy thì chúng ta có thể trách gì được ông McNamara khi ông xuất bản một cuốn sách mà nội dung chỉ là kể lại những điều mà các học giả và sử gia đã đều biết cả rồi? Hay là chúng ta không muốn cuốn sách này phổ biến tới các giới không phải là học giả hay sử gia? Hiển nhiên, đó là những sự kiện lịch sử, mà đã là những sự kiện lịch sử thì chúng phi Quốc phi Cộng, hay nói cho rõ ràng hơn, những sự kiện lịch sử của 27 năm về trước thì độc lập đối với những tình cảm thời thượng cá nhân.

Ông Bùi Diễm chê ông McNamara là kiêu căng, vô tình, và đạo đức giả. Điều này có thể đúng. Nhưng tôi không hiểu là tư cách của ông McNamara thì có liên quan gì đến những điều ông viết trong sách. Giá trị của một cuốn sách nằm trong nội dung, cách nhận định vấn đề, cách lập luận, và văn phong của tác giả. Đó là những điều chúng ta cần để ý tới khi đọc một cuốn sách thay vì để ý tới tư cách cá nhân của tác giả. Lịch sử đã chứng minh rằng có những nhân vật được coi là rất đạo đức, nhưng lại thốt ra những lời hẹp hòi, vô đạo đức. Cho nên, nếu chúng ta có bình luận hay phê bình trên các điểm mà tác giả viết trong sách thay vì đả kích tư cách cá nhân. Nếu những điều tác giả viết trong sách là sự thực thì bất kể tư cách hay lý lịch của tác giả ra sao, sự thực vẫn là sự thực, không ai có thể thay đổi được gì.

Ông Bùi Diễm không có ý định biện minh cho sự tham nhũng ở miền Nam nhưng lại đòi ông McNamara phải so sánh sự tham nhũng của miền Nam trước đây với sự tham nhũng của chính quyền Việt Nam hiện thời, và còn cho rằng nhiều nơi khác trên thế giới cũng có tham nhũng *We only ask him to take a look at the monumental corruption that prevails now in Vietnam, in the very regime that replaced the former government. Besides, from his sinecure at the World Bank, he should be a little more aware of corruption in other parts of the world).* Tôi có một cái nhìn khác về vấn đề tham nhũng nói trên. Chúng ta đang chiến đấu chống Cộng sản. Sự tham nhũng ở miền Nam khi đó lên

đến mức độ trầm trọng: những vụ như bán vũ khí cho Việt Cộng, lính ma lính kiểng, dùng xe quân đội và lính hộ tống để chuyên chở hàng lậu (vụ còi hụ), chuyên trở và buôn bán ma túy, tham nhũng trong vấn đề yểm trợ pháo binh hay không quân, mua quan bán tước ở trong nước cũng như ở ngoại quốc v.v..., tất cả đều có ảnh hưởng rất nhiều đến tinh thần chống Cộng của người dân Việt Nam, tới sự ủng hộ của Mỹ đối với Việt Nam, tới hình ảnh của Việt Nam trên hội trường quốc tế v.v... Những chuyện này làm cho sự hy sinh của anh em quân nhân và dân chúng miền Nam trở thành vô ích và oan uổng. Những sự tham nhũng đó đã làm suy sụp tinh thần chiến đấu của các chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa, đưa tới tâm cảnh phó mặc, cũng thế thôi, với kết quả là miền Nam sụp đổ chỉ trong vòng hai tháng trời. Cho nên, muốn cho công bằng, và nếu muốn so sánh thì phải so sánh sự tham nhũng của hai chế độ cùng thời, trong cùng một bối cảnh lịch sử, chứ không thể so sánh sự việc của 30 năm trước với bây giờ, khi bối cảnh lịch sử đã hoàn toàn thay đổi.

Sự tham nhũng của miền Nam khi trước đưa đến sự kiện mà ông McNamara cho rằng dân miền Nam không quyết chí chiến đấu cho tự do, dân chủ. Ông Bùi Diễm đã dựa vào điều này để đưa ra số binh sĩ Nam Việt Nam tử trận cũng như trận An Lộc để phản bác nhận định của ông McNamara. Ai cũng biết rằng, một con én không thể làm được cả mùa Xuân. Trận An Lộc cũng như nhiều trận khác trong đó người chiến sĩ Việt Nam Cộng Hòa đã chiến đấu rất anh dũng, không thể nào xóa được cái hình ảnh chung về quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Và xét về toàn bộ vấn đề thì ông McNamara không có viết sai.

Thứ nhất, từ khi Mỹ đổ quân vào Việt Nam, năm 1965, thì tâm trạng chung của binh sĩ miền Nam là "nhường cho" Mỹ đánh nhau với Cộng sản. Bởi vậy nên năm 1969 Nixon mới đưa ra chương trình "Việt Nam Hóa" chiến tranh Việt Nam. Điều này nói lên tất cả sự thực về cuộc chiến Quốc Cộng ở Việt Nam.

Thứ nhì, chỉ trong vòng hai tháng Ba và Tư năm 1975 mà miền Nam sụp đổ. Tài liệu của Mỹ và một số bạn sĩ quan đồng nghiệp của tôi xác nhận không phải miền Nam thiếu súng đạn hay khả năng quân sự. Chúng ta giải thích về chuyện này ra sao? Cho nên, chúng ta không thể trách ông McNamara đã nói lên sự thật, dù đó là một sự thật đau lòng.

Có bao giờ chúng ta, những người Việt Nam quốc gia, can đảm đặt một câu hỏi: tại sao, với hơn một triệu quân, cộng với hơn nửa triệu quân Mỹ, với những phương tiện chiến tranh dồi dào nhất của một cường quốc vào bậc nhất thế giới, với ưu thế tuyệt đối về vũ khí, máy bay, xe tăng, tàu chiến, thuốc khai quang, những thứ mà Việt Cộng không có ở miền Nam, chưa kể đến cái chính nghĩa quốc gia chiến đấu cho tự do dân chủ mà chúng ta thường quảng bá, mà trong từng ấy năm chúng ta không thắng nổi đối phương? Tại sao? Nếu không có sự ủng hộ, bao che của dân chúng địa phương ở miền Nam thì Mặt trận Giải phóng miền Nam có thể sống nổi trước những chiến dịch Khu Trù Mật, Ấp Chiến Lược, và sau này là Lùng và Tiêu diệt (Free Fire Zones), Khai quang (Defoliation), Phượng Hoàng (Phoenix) v.v... của miền Nam, và liệu quân đội và vũ khí Bắc Việt đưa vào Nam có chỗ dung thân không? Chúng ta có can đảm chấp nhận câu trả lời căn cứ trên những sự kiện lịch sử không?

Sau cùng, ông Bùi Diễm luận trên câu *"the power of nationalism to motivate a people"* và có thể dựa trên điều ông McNamara viết rằng Hồ Chí Minh là người có tinh thần quốc gia, và cho rằng ông McNamara không phân biệt nổi sự khác biệt giữa Cộng sản và Quốc gia. Nếu chỉ hiểu Quốc gia theo nghĩa Quốc gia chống Cộng của chính thể Ngô Đình Diệm hay Nguyễn Văn Thiệu, hay của người Việt di cư, đối với Cộng sản Việt Nam coi như là một bộ phận của Cộng sản Quốc tế thì tôi e rằng cách hiểu này hơi hạn hẹp. Dựa trên tiêu chuẩn nào mà chúng ta quyết định ai là Quốc gia, ai là Cộng sản. Có Cộng sản nào trên thế giới không phải là Cộng sản Quốc gia? Tất cả các chính quyền Cộng sản ở Liên bang Sô Viết, Trung Hoa, Triều Tiên, Cuba, và Đông Âu đều là chính quyền Quốc gia. Tito ở Yugoslavia ly khai với Nga Sô không phải là Cộng sản Quốc gia? Trung Quốc chống Nga Sô ở biên giới không phải là Cộng sản Quốc gia? Tiệp Khắc, Ba Lan, Hung Gia Lợi không phải là Cộng sản Quốc gia? Năm 1979 Cộng sản Việt Nam dạy cho Cộng sản Trung Quốc một bài học và bảo toàn được lãnh thổ không phải là Cộng sản Quốc gia? Vả chăng, sau cuộc chiến, các sử gia ngoại quốc đều cùng đưa tới một nhận định: Hồ Chí Minh là người của Cộng sản Quốc tế, điều này không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng vấn đề Hồ Chí Minh quan tâm nhất là nền độc lập của Việt Nam, và chưa bao giờ Hồ Chí Minh là công cụ của Cộng sản Quốc tế, hay nói rõ hơn, là công cụ, làm tay sai hay nhận lệnh của Nga và Tàu. Không ai biết rõ Hồ Chí Minh hơn Archimedes Patti, một điệp viên tượng thặng của OSS Mỹ đã từng hoạt động chung với Hồ Chí Minh, và Patti đã đưa ra nhận định tương tự trong cuốn sách của ông: *"Why Vietnam?"* và cho rằng Mỹ đã để lỡ mất cơ hội liên minh với Hồ Chí Minh, và kết quả là đẩy Hồ Chí Minh về hẳn phía Nga, Tàu vì, để tranh đấu cho nền độc lập của Việt Nam, Hồ Chí Minh không còn chọn lựa nào khác.

Đó là quan điểm của người ngoại quốc trên chính trường quốc tế, còn quan điểm của đại đa số người Việt Nam về Hồ Chí Minh ra sao lại là chuyện khác. Việc xóa bỏ hiệp định Genève, không thi hành tổng tuyển cử năm 1956 để thống nhất đất nước đã bỏ lỡ một cơ hội để biết rõ ý dân khi đó.

2) "Vietnam - Who really Lost The War?" by Ton That Thien

Ông McNamara cho rằng cuộc chiến ở Việt

Nam là sai lầm, sai lầm trầm trọng *(wrong, terribly wrong)*. Giáo sư Tôn Thất Thiện không đồng ý, đặt câu hỏi: "Cuộc chiến ở Việt Nam có thực sự sai lầm không?", luận trên ảnh hưởng lâu dài của cuộc chiến, và cho rằng cuộc chiến chẳng có sai lầm chút nào, trái lại là đằng khác. Ông Tôn Thất Thiện cũng đặt một câu hỏi khác: "Có thực là Mỹ thua ở Việt Nam? Nếu không, thì ai đã thua ở Việt Nam?" *(...has the US really lost that war? If it has not, then who has?"* Câu hỏi này có vẻ coi thường trình độ của người đọc. Cuộc chiến ở Việt Nam, tùy theo quan điểm của mỗi người, gồm có hai bên: Mỹ và Bắc Việt, hoặc bốn bên như đã chứng tỏ trong hội nghị bốn bên ở Paris năm 1973: Việt Nam Cộng Hòa, Mặt trận Giải phóng miền Nam, Mỹ, Bắc Việt. Vậy nếu Mỹ không thua thì Việt Nam Cộng Hòa cũng không thua, vì Việt Nam Cộng Hòa là "đồng minh" của Mỹ. Lẽ dĩ nhiên là Bắc Việt thua và kéo theo Mặt trận Giải phóng miền Nam thua vì Mặt trận Giải phóng miền Nam là "công cụ" của Bắc Việt. Điều này thật rõ ràng qua cái lôgic loại trừ sơ đẳng. Theo tôi thì Mỹ không thua, chỉ bỏ cuộc và rút ra khỏi vòng chiến trong danh dự, như vậy có nghĩa là thắng một phần. Vậy còn lại là ba phe: Việt Nam Cộng Hòa, Mặt trận Giải phóng miền Nam, và Bắc Việt. Một chọi đôi, tất nhiên là Việt Nam Cộng Hòa thua rồi. Nhưng Việt Nam Cộng Hòa thua mà không thua, vì mầm mống "tự do, dân chủ" của miền Nam trong hai thời Cộng Hòa dưới sự lãnh đạo anh minh của Tổng thống Chí sĩ Ngô Đình Diệm và của ông tướng Nguyễn Văn Thiệu để lại đã đến thời kỳ kết nụ khai hoa. Muốn biết Mỹ thắng một phần ra sao, tôi đề nghị những người muốn tìm hiểu vấn đề hãy đọc chương *"The United States in Vietnam: A Partial Victory"* trong cuốn *"The Political Economy of Human Rights. Vol.II"* của Noam Chomsky & Edward S. Herman.

Nhưng lý luận thế nào thì lý luận, không ai có thể chối cãi cái hình ảnh thiết thực của đoạn kết cuộc chiến như sau. Dưới mắt đa số người dân Việt Nam, đa số dân chúng trên thế giới, đặc biệt là đa số dân chúng Mỹ và đa số chính khách, các nhà quân sự Mỹ, thì ngày 30 tháng Tư năm 1975, xe tăng Bắc Việt tiến vào dinh Độc Lập, ông Dương Văn Minh, đại diện cho miền Nam, đầu hàng, và trước đó không lâu, Đại sứ Mỹ, ông Martin, vội vã lên chuyến trực thăng chót, rời khỏi Việt Nam, thành phố Sàigòn được đổi tên thành Hồ Chí Minh. Kết luận: Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa đã thua. Bất kể là bây giờ Mỹ và Việt Nam Cộng Hòa đang thắng lại, theo như lập luận của một số người sống trong ảo tưởng, cho rằng Cộng sản Việt Nam đang phải thay đổi để đáp ứng khát vọng tự do dân chủ của người dân, cái "tự do, dân chủ" của miền Nam khi xưa để lại.

Giáo sư Thiện cũng viết rằng: "Điều rõ ràng là cuộc chiến đã ngăn không cho Cộng sản lên nắm quyền ở khắp Đông Dương trong khoảng từ 1945 đến 1975 (nếu kể cả cuộc chiến với Pháp) *(It is clear that the war prevented the communists from seizing power in all Indochina between 1945 and 1975 (if the French period is counted in))*. Vậy thì chuyện Pháp trở lại Đông Dương với ý đồ tái lập nền đô hộ, với sự viện trợ 80% quân phí của Mỹ trong cuộc chiến, là đúng. Và Việt Nam nên hoan hỉ trở lại vòng nô lệ Pháp, nếu Pháp thắng, vì đã đạt được mục đích ngăn không cho Cộng sản lên nắm quyền ở Đông Dương? Cuộc kháng chiến 1945-1954 của Việt Nam do Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, điều này không ai có thể nghi ngờ được nữa. Nhưng không hiểu có sử gia hay học giả nào nghiên cứu tường tận về thành phần dân chúng trong công cuộc kháng chiến đó hay không? Bao nhiêu phần trăm kháng chiến vì tin tưởng vào lý tưởng Cộng sản? Và bao nhiêu phần trăm tin tưởng vào chính nghĩa giành độc lập cho quốc gia.

Tôi không muốn bàn tiếp về bài của Giáo sư Tôn Thất Thiện, vì thật quả tôi đã hết ý kiến trước một luận cứ có tính cách mạ lỵ công cuộc giành độc lập của cả một dân tộc, một luận cứ chống Cộng bằng mọi giá, kể cả bán rẻ đất nước cho ngoại bang, hay chịu làm nô lệ cho ngoại bang.

3) "A Vietnamese American Looks at McNamara's Book" by Pham Phan Long

Ông Long chắc hãy còn trẻ và đã lớn lên nơi xứ Cờ Hoa này nên đã viết rằng: "Tôi nổi sùng khi thấy cuốn sách của ông McNamara đã phanh phui ra sự kiện là chính phủ Hoa Kỳ đã trắng trợn xâm phạm chủ quyền Việt Nam suốt trong cuộc chiến" *(I am outraged at the revelation in McNamara's book about the US Government's blatant violations of the sovereignty of Vietnam throughout the war)*, điều mà lớp người lớn tuổi chúng tôi đã biết từ ngày 1 của cuộc chiến.

Ông Long cũng viết rằng: "Tuy Mỹ đã thua ở Việt Nam nhưng lý tưởng của Mỹ đã thắng trên khắp hoàn cầu, trong khi Hà Nội, phe thắng trong cuộc chiến, đã chỉ có thể mang lại sự nghèo khổ cho 70 triệu dân Việt Nam trong 20 năm qua." *(Although the US was defeated in Vietnam, American ideology has been victorious around the globe, whereas Hanoi, the winner in that war, could bring only misery to 70 million Vietnamese people in the last 20 years)*.

Chỉ tiếc rằng, ông Long không giảng cho độc giả của *Thế Kỷ 21* rõ cái lý tưởng của Mỹ là cái lý tưởng nào, và bao nhiêu nước trên thế giới có phúc phận theo cái lý tưởng đó. Nếu tôi đoán không lầm thì ông Long muốn nói tới cái lý tưởng tự do, dân chủ, đạo đức của Mỹ và coi đó như một khuôn mẫu mà mọi nước trên thế giới phải rập theo, chứ không phải là cái lý tưởng đế quốc, thực dân kinh tế mới mà Noam Chomsky đã phân tích và chứng minh ở nhiều nơi trên thế giới trong nhiều cuốn sách của ông. Đó là khuôn mẫu của "Thị Trấn Trên Một Ngọn Đồi" *(The City on a Hill)* như đã được mô tả ở trên. Chỉ phiền là các cường quốc ở Á Châu như Trung Hoa, Nhật Bản, và ngay cả đảo quốc nhỏ nhoi như Singapore, lại nhất định không chịu coi đó là khuôn vàng thước ngọc, mà trái lại,

lại coi những quan niệm về xã hội, tự do, đạo đức của Tây phương không hợp với Á Đông. Thế mới biết, Đông vẫn là Đông, và Tây vẫn là Tây.

Phần chót bài ông Long viết không có gì mới lạ, vì những chuyện như Mỹ ủng hộ ông Diệm rồi lại lật ông Diệm; hợp thức hóa việc miền Nam chống cuộc tổng tuyển cử năm 1956 để thống nhất đất nước; Mỹ cai trị Sàigòn bằng cách áp đặt và nuôi dưỡng một loạt những chính phủ bù nhìn tham nhũng, thiếu khả năng v.v... là những chuyện mà mọi người đã đều biết. Ông Long cũng nhắc nhở cho ông McNamara là ngoài số 58,000 binh sĩ chết ở Việt Nam còn có mấy triệu người Việt chết một cách lãng phí vì chính sách hoàn toàn thất bại của Mỹ ở Việt Nam. Có lẽ ông Long không để ý đến cái chính sách hay lý tưởng của Mỹ trên hoàn cầu là vì luôn luôn vì quyền lợi của nước Mỹ, không phải vì quyền lợi của các nước trong thế giới thứ ba.

Nhưng nếu những điều ông McNamara viết đều là những sự kiện lịch sử thì tại sao ta lại điên cái đầu vì chuyện ông McNamara đưa ra những sự kiện lịch sử? Hay là chúng ta muốn đóng sập cửa vào mặt sự thật ngay khi chính thân sự thật đến gõ cửa? Hay là cuốn sách có ảnh hưởng đến công cuộc chống Cộng của khối người Việt di cư? Nếu chúng ta muốn trách người Mỹ đã thi hành một chính sách sai lầm ở Việt Nam thì tại sao chúng ta không trách những người Việt Nam ở địa vị quyền cao chức trọng trong chính quyền Việt Nam, biết rõ chính sách của Mỹ mà vẫn im hơi lặng tiếng, an nhiên tự tại không hề thắc mắc, không một lời chống đối để cho người dân Việt Nam đỡ khổ, bây giờ mới ra mặt chống đối và chê trách người Mỹ?

Ông Long cũng viết: "Những người Việt yêu tự do như song thân tôi, tuy nghi ngờ về lợi thế chiến thuật của sự hiện diện của quân đội Mỹ trên đất Việt, đã mang ơn và muôn đời ca tụng những người lính Mỹ đã tới chiến đấu và gục ngã ở Việt Nam để bảo vệ sự tự do của họ." *(...freedom-loving Vietnamese like my parents, although they question the strategic advantage of the US presence on Vietnam's soil, were indebted to and will forever praise the GIs who came and fought and fell in Vietnam in defense of their freedom).*

Tôi thuộc lớp người lớn tuổi. Tôi đã tham dự cuộc chiến chống Cộng. Tôi đã có dịp tiếp xúc với cố vấn Mỹ. Nhưng bảo tôi phải biết ơn và ca tụng những người lính Mỹ tới Việt Nam thì tôi cần phải xét lại xem có thực là người Mỹ đến bảo vệ nền tự do ở miền Nam hay không? Hồng Y Spellman đã nhiều lần tới Việt Nam để ủy lạo binh sĩ Mỹ và khẳng định với họ rằng: họ đang chiến đấu để bảo vệ "nền văn minh Thiên Chúa giáo" *(To defend the Christian civilization).* Không biết tôi có nên mang ơn những người đến nước tôi và gọi tôi là *"dinks"* hay *"gooks"* (tôi không biết dịch những chữ này) với cái motto *"a good Vietnamese is a dead one"*.

Nhưng tôi nhớ rằng có một nhóm cựu quân nhân Mỹ lại lẩm cẩm vận động xây một cái chùa hòa bình (peace pagoda) và một công viên hòa bình (peace park) (đã bắt đầu xây) để tạ tội với dân tộc Việt Nam, kêu gọi hòa giải. George Mizzo, một cựu quân nhân Mỹ đại diện cho dự án này, viết như sau:

"We as a nation need to ask for forgiveness from the people of Vietnam. Our Government may be too shamed and guilt-ridden to ask and start the process of reconciliation, but we as individuals must start that process of forgiveness and reconciliation for our own sake and for the sake of humanity.

Violence begets violence, and peace begets peace. Our government has used us to commit violence on the people and land of Vietnam and if they cannot or will not accept responsibility for that violence, and start the process of peace, then it is up to us as individuals to start that process for the sake of the Vietnamese people and for the sake of our own souls.

... The Vietnam War had many stepping stones leading to it: the near-genocide of indigenous people, enslavement of African peoples, wars of intervention, careless destruction of the environment, and the repeated use of nuclear weapon against humanity. All these were unacknowledged and unrepented acts of destruction leading to the Vietnam War. The veterans now desire to truly begin the healing process by building a Peace Pagoda in Vietnam: instead of guns, bombs, napalm, this time an affirmation of the sacredness and involiability of the people and land of Vietnam and of all human life the world over.

As in Hiroshima where a Peace Pagoda and Peace Park have arisen out of the ashes of nuclear holocaust, so do we believe that out of the ashes of Napalm, Agent Orange, and other forms of destruction rained down upon Vietnam - some of which continue today - there can arise a symbol of hope and peace and coopeartion among the people of many nations, including those who at one time fought against one another.

Lẽ dĩ nhiên trên đây là quan điểm của một nhóm cựu quân nhân Mỹ, còn quan điểm của cựu quân nhân Việt Nam Cộng Hòa thì lại là chuyện khác. Tôi không muốn bàn về vấn đề này vì, tuy là một cựu quân nhân nhưng tôi không thể đại diện cho bất cứ ai. Cho nên, tôi xin được chấm dứt bài viết tại đây.■

Madison - Wisconsin

HAI CÂU VỊNH KIỀU, cảnh Từ Hải nghe lời Kiều đầu hàng nên bị Hồ Tôn Hiến giết:

Bốn bể anh hùng còn dại gái
Thập thành con dĩ mắc mưu quan.

(theo Nguyễn Tuân, trong Chiếc Lư Đồng Mắt Cua)

Thời nào cũng chỉ có quan là ăn chắc!

CHUYỆN NGẮN 50 NĂM

CỔ NGƯ

— Bà nội em kìa!

Khiêm nhìn theo ngón tay chỉ của Christine, *Crichou,* như Khiêm vẫn thường âu yếm gọi. Màn ảnh truyền hình thoáng một khuôn mặt phụ nữ. Nét hãi hùng và bi phẫn. Người đàn bà bị lôi kéo giữa đám đông cuồng nộ. Bị phỉ nhổ vì đã "ngủ với kẻ thù", bọn Đức. Cuốn phim tài liệu ngắn kỷ niệm 50 năm giải phóng thủ đô Paris đang được trình chiếu khắp nơi. Trên truyền hình, qua rạp ciné, và dĩ nhiên, lọt cả vào những câu chuyện phiếm cạnh máy cà phê buổi sáng đến sở hay quanh bàn ăn giấc trưa của căng-tin. Không chỉ có quân kháng chiến với bom xăng, dân *parisiens* với chiến lũy dựng bằng đá lót đường và bàn ghế tủ giường, tướng Charles de Gaulle với đại lộ Champs-Elysées ngày đại lễ. Còn có mặt trái của tấm huân chương. Những người đàn bà bị ném đá, bị nhổ nước bọt vào mặt, bị cạo trọc đầu. Những người đàn ông xếp hàng dọc theo chân tường, bị xử tử ngay tại Khải Hoàn Môn giữa ban ngày ban mặt, trước sự hả hê của đám đông đang say men chiến thắng. Những thủ lãnh quân Đức bị thủ tiêu một cách mờ ám và những anh chàng GI đầu tiên đặt chân lên đất Pháp trên mặt trận Normandie không ai khác hơn là đầu trộm đuôi cướp đã lãnh án tử hình, bị đi đẩy làm bia đỡ đạn cho quân đội anh hùng theo sau. Cuộc đời đâu chỉ toàn màu hồng như lời bài hát của người ca sĩ nhỏ bé Edith Piaf suốt đời mặc áo đen! Và Crichou của Khiêm ngồi kia, mắt tối sầm lại vì một mảng mây xám che ngang...

— Em có chắc là bà nội không?

Mây đã đọng thành mưa. Ướt sũng.

— Thì bà kể cho em nghe mà. Tụi nó bắn chết ông rồi giằng bà ra, lôi đi bêu rếu khắp nơi, quay phim ngay cả khi cả đám xúm lại cắt xén mái tóc vàng óng của bà nữa. Bọn đểu!

Khiêm ngồi xuống ôm quàng lấy Crichou. Năm mươi năm vẫn còn để lại đâu đây những vết thương nhức nhối. Isabelle, Bà của Crichou, đã âm thầm sống nốt quãng đời còn lại ở cái thành phố nhỏ xíu này. Michel, đứa con hai dòng máu Đức-Pháp, chỉ biết mặt cha mình qua tấm hình duy nhất còn sót lại, một thanh niên cao lớn, khỏe mạnh, mặt sáng sủa, như vừa bước qua tuổi hai mươi. Tấm hình đó là một trong những di vật mà bà Isabelle đã kể lại cho Crichou sau ngày qua đời. Khiêm có nghe bà kể lại, nhưng, trong đầu vốn sẵn thành kiến với những linh tinh vụn vặt, nên không để ý tới. Bây giờ tất cả vụt hiện lên, như ánh chớp xé rách bầu trời vần vũ. Khiêm nhớ lại đôi mắt buồn, cặp môi mím và cả con người khô héo của bà Isabelle những ngày cuối đời, nhớ cái dáng bà đứng thẳng khoanh tay trước ngực nhìn ra cửa sổ, cạnh đó là chiếc bàn nhỏ, trên để khung hình của người thanh niên mặc quân phục và một bình hoa tươi, lúc nào cũng có hoa tươi, hoa hái trong vườn mùa xuân hay hoa mua ở tiệm mùa đông giá. Những bông hoa đó, nếu gom lại chắc cũng đủ rải thành tấm thảm dài suốt từ Paris đến Francfort cho một đám cưới tưởng tượng. Cô dâu Isabelle tóc đã bạc, da đã nhăn cứ mãi hoài đứng đợi, đợi cho đến ngày nhắm mắt. Bà thờ ơ với mọi thứ trên đời. Bà thờ ơ với những chàng trai tỉnh lỵ mê mệt vì sắc đẹp đang độ xuân thì của người con gái thủ đô. Bà thờ ơ với cả cuộc sống của con trai bà, Michel, trưởng thành, lấy vợ, sanh con, ly dị rồi chết trẻ trong một tai nạn xe hơi. Có lẽ chỉ đến khi Crichou trở thành thiếu nữ, bà Isabelle mới chợt thoát khỏi cơn trầm tưởng triền miên. Bà thấy lại hình ảnh của mình ngày xưa, rực rỡ hoa hàm tiếu. Và những ẩn ức phiền lụy dồn chứa bấy lâu nay trong lòng, bà đem trút hết cả vào Crichou. Cô bé bỗng trở thành hóa thân sống của bà Isabelle, lôi về nhà đống sách vở, hình ảnh có liên quan đến cuộc đệ nhị thế chiến, say mê với những bài hát, những mối tình thời tạm chiến và dần dần xa cách người quen biết, bạn bè xung quanh. Cho đến một hôm, Crichou quyết định sẽ chỉ lấy chồng da màu, đen hay vàng gì cũng được, nhưng nhất định sẽ không phải là người da trắng. Năm *terminale,* cô để ý đến anh chàng Việt Nam cùng lớp, tiếng Pháp nói còn ngọng nghịu nhưng môn toán thì không ai bì kịp. Crichou chủ động tìm đến Khiêm. Năm đó, hai đứa cùng đậu tú tài, cùng lên Limoges trọ học và thực sự gắn bó với nhau từ những ngày đầu của cuộc sống sinh viên. Có lẽ nhờ Crichou một phần lớn mà Khiêm hội nhập khá nhanh vào cuộc sống xứ lạ, từ cách sử dụng tiếng lóng, những thành ngữ thông thường khi giao tiếp cho đến phép lịch sự khi lên xuống cầu thang cùng phụ nữ. Có lần, thấy Khiêm tinh nghịch lật ngửa ổ bánh mì trên mặt bàn, Crichou nhẹ nhàng để xuôi và kể cho Khiêm nghe về huyền thoại những ổ bánh mì lật ngửa chỉ để dành cho bọn đao phủ. Rồi cả câu chuyện chiếc xe - *deux-chevaux*- mà Khiêm quen gọi là xe con cóc - được chế tạo với mục đích thỏa mãn nhu cầu của *"hai người nông dân mang guốc gỗ ngồi phía trước và năm mươi kí lô khoai tây ở phía sau"* nữa... Năm năm học đại học, mớ kiến thức thu lượm từ giáo sư, sách vở chắc cũng chỉ nhỉnh hơn chút ít những hiểu biết Crichou đem đến cho Khiêm.

Xong đại học, Crichou quyết định trở lại đây, thành phố Châteauroux, để sống gần bà Isabelle,

Khiêm một thân một mình thì ở đâu mà chẳng được, công ăn việc làm phù hợp khả năng cũng không đến nỗi khó kiếm. Hai đứa lập gia đình vào tháng Sáu, cũng đi nhà thờ, ra tòa thị chính và ăn nhà hàng. Cuối tuần, Khiêm có thói quen tìm đến tán dóc với mấy người Việt Nam ở khu LA ZUP, còn Crichou thường về thăm bà. Đôi lần, Khiêm cũng ghé qua và luôn luôn bắt gặp cái dáng đứng thẳng, tấm hình trắng đen ngả màu và bình hoa tươi. Cho đến ngày bà Isabelle mất. Cho đến hôm nay...

Gỡ vòng tay khỏi người Crichou, Khiêm hôn nhẹ lên đầu mũi hình rồi đứng dậy vặn lớn hơn chiếc đèn *halogène*.

— Chuyện cũ rồi mà Crichou, sao em cứ sống với hoài niệm mãi vậy? Bà Isa, anh còn hiểu, chứ em...

— Con người ta đâu phải từ trên trời rơi xuống, anh! Ai mà chẳng có những mối liên hệ chằng chịt với gia đình, với người xung quanh, với quá khứ, với lịch sử. Nếu được như anh, quay lưng lại với tất cả mà bỏ đi...

Khiêm nghe đau nhói một cái. Từ tim? Từ óc? *Nếu được như anh...* Phải, Khiêm cố tình quên đi cái quá khứ của mình, những năm tháng trống rỗng trong cô nhi viện Thủ Đức của một kiếp con hoang vô thừa nhận. Đến 1975, đứa bé bị xua ra khỏi nơi cư ngụ. Cũng may là nó đã đủ lớn khôn để lăn lóc giữa chợ đời với một quyết tâm sắt đá: phải tiếp tục vươn lên. Một địa chỉ tạm trú giúp nó có cơ hội theo học lớp bổ túc văn hóa ban đêm. Một ân oán giang hồ giúp nó có cơ hội vượt biên miễn phí. Và một Crichou đem đến cho nó mái ấm gia đình, công ăn việc làm và một chỗ đứng trong xã hội. Khiêm lem luốc của hai mươi lăm năm về trước tay bám chặt chấn song sắt, ngước cặp mắt thèm thuồng nhìn những đứa trẻ tung tăng theo bước chân cha mẹ đến trường, tự do như con chim con bướm. Khiêm của hai mươi lăm năm về sau muốn xoá sạch mọi tàn tích, muốn chặt đứt hẳn dây mơ rễ má lúc nào cũng như níu kéo, xiềng buộc mình vào cái dĩ vãng không lấy gì làm tươi đẹp. Khiêm chỉ còn muốn nhớ mình đã từng là người Việt Nam, thế thôi. Có lẽ như thế cũng là quá đủ rồi...

— Em xin lỗi anh, nhưng làm sao mà em không điên tiết lên được? May mà bà Isa đã mất, chứ nếu nhìn lại những hình ảnh mình vừa thấy khi nãy, làm sao bà chịu cho nổi?

Khiêm quay lại, định nói nhưng lại thôi. Có tiếp tục thì câu chuyện cũng chẳng đi đến đâu. Crichou vẫn ngồi bó gối trên chiếc *canapé*. Màn ảnh truyền hình vẫn nhấp nháy nhảy múa. Xanh đỏ tím vàng. Nhưng đôi mắt Crichou đang ở đâu đó giữa những hình ảnh đen trắng của 50 năm trước. Khiêm muốn làm hòa.

— Cuối tuần này mình đi thăm mộ bà không em?

— Đi, anh. Mà anh không đến gặp mấy người bạn Việt Nam của anh bàn chuyện đá banh, đánh cá ngựa sao?

— Thì... lâu lâu bỏ một bữa, cưng!

— Anh dễ thương. Em yêu anh, yêu anh lắm!

Như thói quen, sau những câu nói âu yếm như vậy, hai đứa thường hôn nhau. Một thói quen chưa bị nhàm chán. Sống với nhau hơn tám năm, lấy nhau gần ba năm mà hai đứa vẫn chưa có con, vẫn còn là vợ chồng son rỗi. Đi bác sĩ, Khiêm biết là lỗi ở mình. Tinh trùng của Khiêm quá ít và yếu để có thể làm cho Crichou thụ thai. Thuốc uống và những phương pháp trị liệu vẫn chưa có hiệu quả. Còn Crichou nhất định không chịu phương pháp thụ thai trong ống nghiệm. Cả hai vẫn chờ đợi. Những đứa con của khiêm và Crichou. Không hiểu mai mốt đây, khi ra đời, lớn lên, chúng nó có phải mang cái mặc cảm của Michel hay của những đứa trẻ lai Mỹ mà khiêm đã có dịp chung đụng trong cô nhi viện hay sau này, khi lăn lóc vào đời hay không? Những đứa bé hai dòng máu thường được đón nhận nơi đây, đất Pháp, như hoa trái của những cuộc gặp gỡ đông-tây, Âu-Phi, vàng-đen-trắng. Nhưng ở trên cái vùng đất mà Khiêm gọi là quê mẹ, từ trăm năm nay, những con đầm lai, những thằng Mỹ lai thường lại là kết quả sự chiến thắng của bọn mãnh thú thèm khát trên lũ con mồi khốn nạn chậm chân hay sự đổi chác giữa những gã lính viễn chinh mắt sâu mũi lõ và các ả bán phấn buôn hương tóc đen da vàng. Hẳn nhiên là có nhiều trường hợp ngoại lệ, nhưng cái xã hội Việt Nam nặng đầu óc bảo thủ kỳ thị nguồn gốc lại thường hay vơ đũa cả nắm. Cứ hễ lấy tây là me tây, lấy Mỹ là me Mỹ... Khiêm chợt cười thầm. Vậy Khiêm sẽ bị gọi là gì nhỉ? Chẳng hiểu!

— Kim!

— Qui, chérie?

— Anh nghĩ gì vậy?

— ...Về những đứa con của chúng mình...

Crichou ngồi yên trong vòng tay Khiêm nãy giờ, khẽ cựa mình. Cái cựa của loài gấu chợt bừng tỉnh giấc đông miên, của con cái vừa đánh hơi thấy bản năng làm mẹ.

Crichou ngửa mặt lên, mắt khép hờ, cánh mũi phập phồng và đôi môi hé mở. Khiêm cúi xuống. Khuôn mặt thân yêu với những vùng bóng tối ánh sáng thay đổi cường độ theo màn ảnh truyền hình. Tóc bồng rối. Và đôi môi màu mỡ đợi chờ cơn mưa xuân. Mưa phơi phới gọi nẩy xanh chồi mầm, nở hoa đơm trái, xóa dần đi những tàn tích của mùa đông man rợ, của hận thù và chia rẽ.

Khiêm nghe những rạo rực đến dần từ đầu các ngón tay... ■

PARIS 08.94 - 03.95

CÂU ĐỐ CÓ LỜI GIẢI

- Cái gì mà người đàn bà chỉ có hai cái mà con bò sữa có bốn?
- Là cái chân.
- Khi làm cái gì mà người đàn ông thì đứng, đàn bà có thể ngồi, còn con chó lại đứng bằng ba chân?
- Khi bắt tay.

(Nếu bạn trả lời sai cả hai câu hỏi trên thì khuyên bạn nên đi thăm một bác sĩ trị liệu tâm lý.)

MỘT ĐÁM CHÁY NHỎ NƠI TRẦN THẾ

NGUYỄN TUYỂN

Mấy ngày nay Thuật thấy lừ đừ trong người nhưng vẫn cố gắng đi làm. Đêm ngủ một giấc ngủ mệt mỏi, sáng sớm đồng hồ báo thức khua rộn rã nhưng chàng cứ để mặc kệ. Cúc sợ chồng trễ giờ lay tới lần thứ ba chàng mới ậm ừ bò dậy một cách khó khăn để đánh răng rồi thay quần áo đi làm.

Thời tiết chuyển từ thu sang đông, nhiều người trong chỗ làm của chàng cũng kêu ca khó chịu. Tuổi của những người bắt đầu để thời tiết giao mùa nó vật. Người ta bảo cứ lấy cái mốc bốn mươi làm đỉnh, từ lúc nhỏ đến bốn mươi là leo dốc, từ bốn mươi đến lúc suôi sáu tấm là xuống dốc. Bên này đồi, những người trẻ tuổi hăm hở trèo lên với bao nhiêu ước vọng, mục tiêu. Bên kia, dưới chân đồi, mộ chí ông hai bà ba nằm yên nghỉ la liệt mà người ta ngần ngại đi nhanh xuống. Nhanh chậm gì cũng đến ăn đất.

Thuật vừa đúng cái tuổi đứng ở đỉnh đồi. Tám năm ở lính, cùng khóa, có đứa đã đeo hoa mai trắng. Cũng lội rừng lội sình rạc cẳng mờ người như ai nhưng Thuật mãi vẫn chỉ là cậu trung úy lì đòn lì đạn cho đến ngày gẫy súng buông tay và đi tù. Thuật lái xe vội tới sở làm trong cơn váng vất khó chịu của cái đầu. Chàng khuân đống thư chất lên xe rồi nói với cấp chỉ huy trực tiếp, ngần ngại làm việc ra mặt:

"Tôi bệnh từ mấy ngày nay nhưng vẫn cố gắng đi làm. Tôi không rõ có đủ khỏe để phát hết đống thư này không."

Lối 11 giờ sáng, Thuật lên cơn sốt. Thời tiết quận Cam mát mẻ dễ chịu ít nơi nào sánh bằng mà chàng thấy mồ hôi vã ra theo những bước chân. Chàng lái xe thư về sở bàn giao lại công việc và xin phép về đi bác sĩ. Ra khỏi sở bưu điện, Thuật lái xe về nhà tính nằm một lúc cho đỡ khó chịu rồi chiều chiều mới xin cái hẹn với người bác sĩ gia đình khám bệnh kiếm ít thuốc bỏ vào mồm.

Đậu xe trước cửa nhà, chàng ngạc nhiên sao lại có chiếc xe Mercedes láng cóng của Đường ở đây giờ này? Vợ mình đâu? Thuật cố nhìn qua cửa kính phòng khách xuyên qua lớp màn voan mỏng mờ mờ bên trong nhưng không thấy ai. Chàng mở khóa cửa bước nhè nhẹ vào nhà. Tiếng một bài hát, một bài thơ tiền chiến phổ nhạc, tha thiết khoan thai vang lên từ âm thanh nổi trong phòng sinh hoạt gia đình. Chắc chắn vợ mình phải có nhà, chàng nghĩ. Em không nghe mùa thu. Lá thu rơi xào xạc. Con nai vàng ngơ ngác. Đạp trên lá vàng khô. Bài thơ phổ nhạc này và giọng hát mật ngọt này đã đưa hồn vợ chồng Thuật đi vào rất nhiều giấc ngủ bềnh bồng đắm đuối. Chàng đã gối tay, đã vuốt tóc dỗ vợ ngủ trong tiếng nhạc chơi vơi. Cúc đâu? Từ phòng sinh hoạt gia đình bước về phía các phòng ngủ, phòng ngủ đầu tiên là phòng ngủ thằng con út sát ngay bên phòng ngủ của bố mẹ. Cu Hòa đang nằm ngủ. Một giờ trưa. Giờ này cu cậu ngủ là đúng chỉ số rồi. Thằng bé nằm nghiêng trong nôi thở nhè nhẹ nách không quên kẹp con gấu nhồi bông màu nâu mà nó không bao giờ chịu rời ra mỗi khi bị đuổi đi ngủ. Con ở nhà đương nhiên mẹ phải ở nhà. Thuật ráng nâng đầu óc lên cho tỉnh táo bên trên cơn sốt. Ngủ cùng phòng cu Hòa là nhỏ chị Tí Te. Con nhỏ nằm ngủ giang tay giang chân thoải mái phè cánh nhạn trên giường. Còn hai đứa lớn, Tí Bông và Tí Điệu giờ này vẫn còn ở trường chưa về, đương nhiên.

Cửa phòng ngủ của vợ chồng Thuật khép hờ. Chàng đẩy cửa bước vào, đứng chết lặng mấy giây trước một cảnh không thể tưởng tượng được đã xảy đến với mình. Một người đàn ông đang nằm sấp trên thân thể trắng nhễ nhại của vợ mình. Cúc thấy chồng, la ái lên một tiếng lớn trong ngạc nhiên và sợ hãi. Nàng đẩy người đàn ông lăn sang một bên,

lấy nhanh cái gối che người cho đỡ lõa lồ. Đường há hốc mồm trong kinh hoàng cũng lấy nhanh tấm gối đậy lên người.

"Lũ khốn nạn." Thuật gầm lên, xông tới đánh tên bạn quí hóa nhưng chợt đổi ý chạy ra nhà bếp kiếm con dao. Thuật phóng trở lại phòng ngủ thì cửa bị khóa. Đạp tung được cánh cửa, chàng thấy Cúc đang mặc vội quần áo nhưng không thấy Đường đâu.

Thuật nắm cổ áo ngủ Cúc đang hối hả mặc, giật mạnh. Tấm áo ngủ mỏng manh rách toạc theo sức kéo và lôi Cúc từ giường lăn rớt xuống đất. Thuật chồm theo, ngồi đè trên bụng vợ giơ dao định đâm xuống.

"Em lạy anh." Cúc van xin hốt hoảng lẫn trong tiếng khóc của thằng con út vọng sang từ phòng bên. Cánh tay cầm dao khựng lại khi nghe tiếng con khóc, chàng giơ tay tát thẳng cánh lên mặt vợ.

"Con khốn nạn." Thuật vừa nghiến răng vừa tát tới tấp lên mặt vợ, chợt nhớ tới tên bạn, vồ con dao phóng về phía cửa sổ. Cửa lưới của cửa sổ đã bị phá tung. Chàng cầm dao leo qua cửa sổ ra vườn sau. Vườn buổi trưa im vắng. Chàng chạy vòng hông nhà về đằng trước thì không còn thấy chiếc xe của Đường ở đó nữa. Thuật chạy vào nhà. Tiếng hát quyến rũ từ dàn âm thanh nơi phòng sinh hoạt gia đình vẫn tiếp tục làm nhiệm vụ cơ khí của nó. Em không nghe rừng thu. Dưới trăng mờ thổn thức. Em không nghe rạo rực. Hình ảnh kẻ chinh phu. Trong lòng người cô phụ. Cặp loa thản nhiên chuyển lời hát trong nhiệm vụ đưa người nghe trở về quá khứ xa tắp tít để sống những phút giây hạnh phúc đích thực của rừng thu thần thoại.

Thuật lồng vào phòng ngủ của hai vợ chồng. Cúc vẫn nằm rã rượi trên nền nhà chưa hoàn hồn sau những cái tát trời giáng, vai rung rung theo tiếng nấc. Vết máu đỏ chảy từ mũi Cúc xuống thảm, vết các ngón tay Thuật nổi hằn đen trên má, những sợi tóc dài rối tung che lòa xòa đầy mặt. Thân thể trắng ngần, màu huyền óng ả tóc nàng nổi bật trên nền thảm màu rượu chát.

"Con khốn nạn. Khóc cái gì." Thuật nghiến răng, hai tay bóp cổ vợ. Hai tay Cúc cố gỡ tay chồng nhưng không nổi, mắt trợn lên nhìn chồng trong hãi hùng và tuyệt vọng.

Thằng cu Hòa nghe la hét nên gào khóc lớn hơn ở phòng bên cạnh. Nó đòi ra khỏi nôi từ nãy đến giờ mà không ai động chạm tới nên càng gào to hơn. Con Tí Te giật mình dậy chạy sang thấy bố đang bóp cổ mẹ và mẹ nó đang cố gắng vùng vẫyằng ặc nên níu lấy tay bố và miệng khóc thất thanh. Lòng Thuật chùng xuống, tay từ từ buông khỏi cổ vợ. Cúc ho sặc sụa, cong người cố hít mạnh lấy dưỡng khí vào phổi.

Thuật mặc con khóc, bỏ vợ nằm đó đi ra đường. Tiếng nhạc đuổi theo kể cho đủ cái khung cảnh thơ mộng đang mời gọi những kẻ yêu nhau. Em không nghe rừng thu. Lá thu rơi xào xạc. Con nai vàng ngơ ngác. Đạp trên lá vàng khô...

Thằng cu Hòa vẫn gào lớn trong nôi. Thuật rồ máy xe vọt mạnh, bánh xe nghiến kít kít cuồng nộ trên đường. Chàng phóng xe tới nhà Đường để tìm tên bạn quí hóa. Thuật lái xe như một tên điên đang lên cơn, luồn bên này, lách bên kia hung hãn nguy hiểm khiến những người lái xe khác bóp còi giận dữ.

Nhà Đường lạnh tanh không thấy bóng dáng chiếc Mercedes hoặc chủ xe. Thuật đập cửa rầm rầm. Thuật nghiêng vai húc mạnh nhưng cánh cửa nhà này thuộc loại chắc chắn chỉ dội lại tiếng kêu mà không bật tung ra. Chàng leo hàng rào vòng theo phía sau nhà cũng không thấy bóng dáng ai. Chàng co chân tính đạp vỡ cửa kính để xông vào nhà nhưng khựng lại rồi thôi. Thuật lái xe đến văn phòng làm việc của Đường trên khu phố thị Bolsa. Mấy nhân viên của Đường nói từ sáng tới giờ chưa thấy ông chủ tới. Họ ngạc nhiên thấy một ông mặc đồng phục bưu điện mặt mũi hầm hầm đi tìm Đường không phải trong nhiệm vụ phát thư.

"Có nhiều người gọi điện thoại tìm ổng" Cô thư kí nói "Mà tôi cũng không biết tìm ổng ở đâu đặng nói lại. Ông cần chuyện gì không?"

"Có chuyện mới tìm." Thuật mím môi, gằn tiếng rồi hầm hầm bỏ đi.

Giờ tan sở. Ánh nắng chiều nghiêng nghiêng chói mắt. Phố xá bận rộn hẳn lên đầy ngập những xe. Xe Thuật cài giữa những người mệt mỏi đang hối hả về nhà. Cái đầu nhỏ bé của anh chồng bị cắm sừng ăm ắp những phẫn nộ và thù hận muốn nổ tung. Con dao thái thịt vất dưới chân. Thỉnh thoảng Thuật lại giơ nắm đấm đấm thật mạnh trên tay lái nhưng cơn cuồng nộ không nguôi ngoai được chút nào. Nghiến răng đến bạnh cả quai hàm cũng chẳng làm gì được ai, chàng nhích nhích xe tới từng chút như những người khác theo dòng xe mà không thể làm gì khác hơn.

Đi mua khẩu súng? Thằng bạn chó đẻ ấy, con vợ khốn nạn ấy có đáng lãnh mỗi đứa một viên kẹo đồng ngay chính giữa tim? Thoáng thấy một tiệm rượu bên đường, chàng vào xách một chai Johnny-Đi-Bộ ra xe nổ máy ngồi thở dài không biết đi đâu. Tìm bà chị Cúc mách tội? Ngồi đồng trước cửa nhà Đường, gặp hắn thì tính tội? Nhưng còn Kim Chi và hai đứa con nàng, nếu họ thấy thì sao? Tội nghiệp cho những kẻ vô can. Cuối cùng thì có mấy gia đình sẽ phải sống trong phiền muộn và tan hàng? Rồi chuyện tới tai người này người kia, mặt mũi nào còn nhìn ai thấy ai được nữa? Trốn đi đâu? Thuật lái xe tìm thuê một phòng khách sạn, mở nút chai rượu ngửa cổ tu ừng ực. Chất cay cháy cổ làm chàng ho sặc sụa, hết ho lại ngửa cổ tu tiếp. Ngụm rượu lớn đầy mồm chảy cả xuống ngực áo, rớt loang lổ trên khăn trải giường trắng. Ánh sáng từ ngọn đèn để bàn chiếu yếu ớt vào sự tĩnh lặng vô tình của căn phòng. Thuật nhìn chai rượu trong tay. Thứ nước cháy bỏng cổ họng mùi rệp này lâu nay chàng không đụng đến từ khi hết phận lính tráng. Vui có, buồn có nhưng chưa bao giờ chàng nghĩ mình phải uống rượu vì một chuyện chó đẻ của chính mình.

Thuật ngửa cổ làm một ngụm lớn. Hơi men đã

HOÀNG CHIỀU NHÂN

CHIỀU MỘT MÌNH LÊN CHÙA LÀNG

(Gửi các bạn tôi ở làng Cây Phong)

Người lững thững lên non
bâng khuâng ngày lắng đọng
êm êm bóng chiều buông.

Vẳng núi đồi u tịnh
xa nghe tiếng nói cười.

Đường lên quanh lối dốc
đầu núi mây giăng giăng
lắng nghe ngày xuống chậm
người chưa hết đa mang
bước chân trần trĩu nặng.

Một nửa đời phiêu bạt
quanh quẩn vòng áo cơm
thân hèn như cỏ dại.
Ôi trong cõi phù trầm
lòng nôn nao sóng dậy
một mảnh hồn rách bươm
bạc đầu chưa dứt nợ.

Đường lên mưa bụi bay
mưa ướt đẫm vai áo
mưa bay ướt lá phong
ướt cả hồn hiu quạnh.

Một mình leo dốc mỏi
buông thả hết cho vơi
mối ưu sầu bám mãi.
Bao giờ hết lo âu
đường lên chân bước nhẹ.

thấy rần rật trong người. Chàng tu một ngụm nhỏ, buông chai rượu xuống rồi thở ra nhè nhẹ. Tí Bông ơi. Tí Điệu ơi, Tí Te. Cu Hòa đâu, bố về kìa. Thường con Tí Bông nghe tiếng ông già là kêu lũ em rối rít. Thằng cu út đang nghịch phá cái gì cũng vất hết chạy ra vồ lấy bố để líu lo và vòi vĩnh. Bốn đứa con chàng đang nhảy múa hồn nhiên trên vỏ chai rượu. Chúng lôi cái máy radio đồ chơi gồm cả micro đứng trình diễn thật là náo nhiệt. Con Tí Bông tay cầm micro. Con Tí Điệu đòi giựt lấy từ tay chị. Con Tí Te áo bỏ trong quần giắt thêm thanh kiếm nhựa. Thằng cu út tay xách tai con gấu nhảy loi choi thiếu điều rớt cả tã. Em có nuôi một con chó. Nay nó kêu gâu gâu gâu. Mai nó kêu gầu gầu gầu. Chàng thỉnh thoảng dụ chúng nó trình diễn nhất là những khi có khách khứa trẻ con đến chơi. Mỗi người nói chọc một câu, khuyến khích một câu khiến cả nhà tưng bừng như một đám hát đình.

Thuật ngửa cổ. Những giọt rượu tràn ra khóe miệng hòa lẫn với những giọt nước mắt không biết lăn xuống từ lúc nào. Chàng nằm vật ra giường, nhắm mắt lại. Cái đầu bềnh bồng trôi trôi đi một nơi, hai cánh tay, hai cái chân trôi dật dờ đi một nơi khác rồi lại rập rềnh nhập lại với một cách miễn cưỡng vất vả. Thuật mê thiếp đi trong mệt mỏi.

Chàng tỉnh dậy với cái đầu nhức như búa bổ, không biết mình đã thiếp đi bao lâu và tay trái vẫn còn nắm cổ chai rượu. Giơ lên thấy còn một ít, chàng rót vào cổ họng chỗ còn thừa. Không có một chút khoái cảm nào qua những giọt rượu cay đắng này như những năm ở lính. Uống rượu đầu ghềnh. Rượu uống cuối bãi sông. Kẻ uống rượu ngửa cổ nhìn trời thấy cả nỗi bi tráng thời chiến trong từng giọt rượu.

Thiên hạ của cả cái siêu thị rộng lớn đổ dồn hai mắt lại nhìn hai người đàn ông hai người đàn bà túm lấy nhau, ôm chầm nhảy múa la hét bải hải.

"Há há há. Trái đất tròn. Tụi bay trốn đâu cho khỏi. Há há há há."

"Người ta nói cứ hai người đàn bà ngồi họp với một con vịt thì thành một cái chợ. Hai con mẹ này gặp nhau không cần con vịt cũng quá đủ cho một cái chợ. Há há há há há há."

"Tụi bay qua đây lâu mau rồi. Giờ ở đâu? Mấy đứa nhỏ đây hả?"

"Chào hai bác đi các con. Con Tí Bông đó. Hồi bảy lăm nó mới lẫm chẫm biết đi, mày nhớ không. Con này Tí Điệu, bố đi tù cải tạo vài tháng thì sanh nó. Cực khổ thiếu thốn muốn chết. Còn con này là con Tí Te, ông Thuật đi tù về tổ chức vượt biên thì có bầu nó. ôm bầu chạy luôn."

"Bọn tao qua đây mới bắt đầu sản xuất. Bảy lăm chạy qua đây đến giờ chỉ có mỗi nhóc tì này. Rồi chúng mày thấy, kiếm ăn xuôi ngược bận rộn mà có cả chục con như các cụ ta bên nhà, thác sớm. Một hai đứa con hầu thấy vỡ mặt rồi."

Thuật với Đường, hai bạn nối khố với nhau ở Sài Gòn, nhà cùng xóm, học cùng trường cùng lớp. Đường thi rớt Y khoa ghi tên gia nhập không quân, trở thành phi công trực thăng. Thuật thi rớt tú tài hai, chui đầu vào Thủ Đức. Xứ sở chiến tranh liên miên làm gì cũng khó, chỉ có đi lính là dễ. Phải chi lỗ trôn kim con lạc đà chui qua cũng lớn như cổng quân trường. Đường hối hả chạy hồi tháng Tư đen chỉ đem theo được cô vợ trẻ, trễ vài giây cũng đã bị đám bạn bỏ lại luôn. Thuật kẹt lại, gỡ hơn năm cuốn lịch trong các trại tù cải tạo. Chồng bạn thân của chồng, vợ bạn thân của vợ, tình nghĩa con chấy cắn làm tám.

Những ngụm rượu lớn trôi xuống cổ cho đã cơn cuồng nộ. Cơn nhức đầu dần dần biến đi giữa những đợt bọt biển theo nhau xô đẩy trên ghềnh đá, văng tung tóe rồi lại rút ra xa cho đợt khác xông vào. Thân thể Thuật trên đỉnh những ngọn

sóng phóng nhanh vào ghềnh đá vỡ tan tành thành những vụn nhỏ rớt xuống theo nước cuốn hút ra xa rồi nhập lại, nổi trên đầu đợt sóng sau quay lại ghềnh đá. Và cứ như thế...

Thuật tỉnh lại. Không thấy tiếng xe cộ qua lại rì rào mấy ngoài đường phố. Chàng nhìn đồng hồ tay thấy chỉ gần bốn giờ sáng. Có ai gõ trống lung bung nho nhỏ trong lỗ tai một cách đều hòa, thân thể mỏi nhừ. Chàng không biết làm gì trong căn phòng khách sạn quạnh quẽ này. Chẳng nằm nhắm mắt và cố gắng để cho đầu trống rỗng một lúc thật lâu. Nhớ tới mấy đứa con, chàng cầm chìa khóa cửa đem trả văn phòng quản lí khách sạn rồi đi lấy xe.

Trời còn tối. Đèn đường chiếu những quầng ánh sáng vàng vọt. Thỉnh thoảng mới có một vài chiếc xe chạy vụt qua. Thuật ngồi trên xe tần ngần, lái đi vô định từ đường này sang phố kia vòng vo một hồi thì về đến nhà như một thói quen. Mở cửa bước vào phòng khách, ngôi nhà vắng lặng như chùa bà đanh. Chàng bật đèn phòng khách, bật đèn hành lang dẫn vào các phòng ngủ, bật đèn phòng ngủ của các con. Giường ngủ của chúng đó nhưng không thấy bóng đứa nào. Cuối giường con Tí Bông vẫn có mấy con mèo con chó xù nhồi bông. Trên bàn học cạnh giường con Tí Điệu vẫn có con búp bê tóc dài lượt thượt nó luôn luôn để ở đó dù nó có ngồi học bài làm bài hay không. Cái con Tí Te tính nết lè phè không đòi giữ làm của riêng bất cứ một món đồ chơi hay một thứ gì khác, giường nó chỉ có tấm gối và chăn xếp ngăn nắp. Cái nôi thằng cu Hòa vất lung tung đầy những đồ chơi. Bước sang phòng ngủ của hai vợ chồng, gối chăn tung tóe dấu vết của một cuộc ngoại tình vẫn còn đó. Vết máu trên thảm đã khô quánh lại. Căn nhà hoàn toàn im lặng. Không biết sau vụ trưa hôm kia, con mẹ đã dắt mấy đứa nhỏ đi đâu mất tiêu. Chàng quay về phía phòng sinh hoạt gia đình. Dàn âm thanh vẫn mở, cuốn băng nhạc vẫn còn trong đó nhưng ai đã bấm nút ngừng. Thuật đi ra bếp mở tủ lạnh lấy chai nước uống. Chàng sối ít nước lên đầu, đổ nước vào vụm tay tạt lên mặt. Hơi nước lạnh làm chàng tỉnh táo, dễ chịu thêm được một chút. Chàng nằm dài người ra trên trường kỷ trong phòng sinh hoạt gia đình. Cảnh vật rõ dần ngoài vườn báo hiệu một ngày mới đang bắt đầu. Chàng bốc điện thoại gọi vào sở làm nói còn ốm chưa đi làm nổi.

Mấy con chim sẻ đã thấy sà xuống vườn trò chuyện ồn ào. Cúc lúc nào cũng để một bát nước, một bát có khi là cơm thừa có khi là đồ ăn cho chim mua ở tiệm. Chim chóc đến nhà này không bao giờ bị bỏ đói bỏ khát. Cơn gió sớm mơn man mấy luống hoa tương tư thảo. Những giọt sương đêm còn đọng trên những cánh hoa màu vàng màu tím long lanh phản chiếu ánh nắng. Cúc là người đàn bà yêu hoa và mê hoa. Vườn sau nhà chỉ là một khoảnh đất có giới hạn nhưng cứ một vài tuần nàng lại tha về một ít cây hoa hay củ giống cây hoa tìm chỗ cắm xuống, vun xới chăm sóc rồi nâng niu ngắm nghía. Nhiều lần con cái chòng chọe khóc rầm rĩ trong nhà mà nàng vẫn cứ khom lưng đào bới ngoài vườn, Thuật đi làm về thấy vậy đã gắt rầm lên rằng em tối ngày chỉ bông với hoa chẳng ngó ngàng gì tới con cái, chăm hoa hơn chăm con. Nàng toét mồm cười.

Nhìn những đóa hoa tươi thắm trong nắng sáng, Thuật thấy hiện ra ngày nào, một lần về phép chàng đã rủ Cúc đi Đà Lạt chơi. Hai đứa chưa lấy nhau, Cúc đã phải lấy Kim Chi làm bình phong để được phép đi chơi xa. Kim Chi có gia đình người bác ruột ở Đà Lạt, buôn bán vải ở chợ Hòa Bình, nên có Chi tới xin phép là ông bà cụ Cúc ít khi từ chối.

Nằm dài người trên đồi cù nhìn trời đất bao lao, Cúc hái đầy tay những bông hoa dại nhỏ bé. Nàng nói với người tình:

"Ước gì khi em chết, em được phủ hoa đầy người. Hồng vàng, hồng bạch, cúc vàng cúc trắng, hoa bưởi, hoa cam, hoa lan, hoa huệ, hoa sói, hoa ngâu..."

Thuật mỉm cười ngắt những cánh hoa dại vừa ném lên người lên mặt người yêu rồi cất tiếng hát ồ ề: "Nếu một mai em sẽ qua đời, hoa phủ đầy người..."

Cúc tủm tỉm nằm yên để Thuật rắc những cánh hoa dại lên người và đặt lên môi nàng một nụ hôn nồng nàn. Cúc nhắm mắt tận hưởng những đêm mê xúc giác.

Thuật thấy cồn cào. Gần hai ngày chưa ăn gì từ trưa hôm kia. Mở tủ lạnh thấy có nồi thịt kho, chàng lấy tô xúc ít cơm nguội, xúc thịt kho cho vào máy hâm. Chàng thở dài, bụng đói sôi réo nhưng cái miệng đắng chát. Nuốt mấy miếng cơm một cách khó khăn, chàng nhìn ánh nắng chiều nhạt dần ngoài khung cửa. Những cánh hoa tương tư thảo đong đưa theo làn gió nhẹ như muốn rướn lên đuổi theo chút nắng vàng còn rơi rớt lại.

Giờ này nếu Cúc ở nhà, những món xào nấu nghi ngút khói và thơm điếc mũi đã được chuẩn bị đợi chàng về thưởng thức. Cả nhà đoàn tụ quây quần chung quanh bữa ăn chiều. Hai con gái lớn, Tí Bông, Tí Điệu đưa bố kiểm soát bài vở nhà trường. Con Tí Bông 11 tuổi chẳng mấy chốc mà lên trung học, nó siêng học và thấy lớn nhanh. Tí Điệu quay đi quay lại đã chín tuổi, làm biếng ăn nên gầy như tre miễu. Không mấy ngày bố đi làm về không thấy nó mách hai đứa em tội này tội khác. Con Tí Te vượt biên khi còn trong bụng mẹ, đoảng vị lè phè, chỉ có nết ăn là giỏi. Thằng cu Hòa ngày nào cũng bị đám chị gái kể không biết bao nhiêu là tội. Thuật đi làm về tới nhà, không khí gia đình tưng bừng hẳn lên như phiên chợ. Ngày nào cũng phải xử kiện cáo đến phát mệt. Tuy nhiên, chàng yêu con, thương con nên chẳng mấy khi rời nhà đi đâu sau giờ làm việc nếu không phải chuyện cần thiết.

Thuật nhai mãi không hết tô cơm, ngồi bất động nhìn lên trần nhà. Nhà vắng tiếng trẻ con có khác. Đìu hiu quạnh quẽ. Ngôi nhà lại nằm ở cuối một con đường cụt trên đồi. Các căn nhà trong xóm nhỏ lẩn khuất quanh co giữa những hàng cây

phong, cây thông xum xuê xa hẳn tiếng ồn ào của các khu phố thị sầm uất.

Nằm mãi trên giường không ngủ nổi cho tới gần sáng, chàng thay quần áo đi làm dù không muốn. Ở nhà giữa sự trống vắng cô đơn như thế này để làm gì. Rồi một ngày làm việc cũng qua đi trong sự cố gắng tối đa dần nén ý định ném hết cái đống thư từ sách báo vào thùng rác. Sinh thú làm việc không còn nữa, chàng phấn đấu với chính mình để hoàn tất công việc mỗi ngày. Thuật mở cửa, bật đèn bước chân vào nhà. Không gian cô đơn trống vắng đến lạnh lùng. Chàng mở nút chai rượu vừa mua ngửa cổ đánh một ngụm. Không còn chịu nổi nữa, chàng quay điện thoại sang nhà bà chị Cúc hỏi thăm xem lũ nhỏ có đó không. Tiếng chị Nghi ở đầu dây bên kia:

"A lô. Ai đó!"

"Em Thuật đây chị."

"A chú. Thiệt tôi mừng chú kêu qua. Lũ nhỏ kêu khóc đòi về với ba riết. Mà tui hổng rõ vợ chồng chú đánh lộn cãi lộn gì lớn dữ thần mà tui biểu con Cúc dắt con về xin lỗi chồng đặng cho sấp nhỏ sống đàng hoàng mà nó nhứt định không chịu. Tôi biểu nó khai thiệt cho biết chuyện gì xảy ra đặng tui giúp ý kiến mà nó nhứt định hổng chịu nói. Nó chỉ khóc, mặt mày bầm dập."

"Chị cho em nói chuyện với mấy đứa con em."

"Chú đợi chút. Tụi nó trông chú lắm." Tiếng chị Nghi la lớn: "Nè con Tí Bông, Tí Te. Nói chuyện với ba nè." Tiếng trẻ con la bố bố rồi chạy lại giành điện thoại.

"Bố ơi, con Tí Bông nè!"

"Con khỏe không? Các em con khỏe không?"

"Dạ khỏe. Bố ơi tụi con muốn về nhà mà mẹ nói về nhà bố giết chết nên mẹ không cho về."

"Con cứ nói mẹ đưa các con về nhà. Bố thương các con. Bố yêu các con lắm. Bố nhớ các con lắm. Con có nhớ bố không?"

"Dạ nhớ."

Tiếng con Tí Điệu, Tí Te đòi chị nhường điện thoại để được nói chuyện với bố. Chàng nói với con gái lớn:

"Con cho các em nói chuyện với bố một chút." Tiếng con Tí Điệu:

"Bố ơi, chừng nào bố đón mấy đứa con về nhà mình?"

Thuật thấy đau quặn trong lòng.

"Con để bố nói chuyện với mẹ xong rồi bố qua đón các con về."

Thằng cu Hòa dành cho bằng được cái điện thoại trong tay chị để nói chuyện với bố. Nó ôm điện thoại mà không biết nói gì nên đứng ì ra. Tiếng Thuật:

"A lô. Cu Hòa hả? Con nghe bố không? Con ăn cơm chưa?" Hỏi thì nghe nhưng không biết trả lời ra sao nhưng nó nhất định không cho ai lấy lại điện thoại. Khi chị Nghi gỡ điện thoại từ tay nó ra thì nó khóc òa lên. Thuật thở dài.

"Chị cho em nói chuyện với Cúc."

"Tui vừa biểu nó nhưng nó nói nó không biết phải nói gì với chú."

"Vậy chị nói lại với Cúc giùm em. Cúc đem mấy đứa nhỏ về nhà này để em nuôi rồi Cúc tự do làm gì với phần còn lại của đời Cúc thì tùy."

"Sao chú nói chuyện gì ghê quá vậy. Vợ chồng gây nhau một hồi rồi thôi. Có với nhau một bầy con chớ có phải cặp kè năm ba bữa đâu mà tính chuyện bỏ nhau."

Thuật kể vắn tắt chuyện đã xảy ra rồi nói với chị Nghi:

"Điều duy nhất em xin Cúc là cho mấy đứa nhỏ về nhà. Em sẽ mướn người trông coi chúng nó khi em đi làm, còn Cúc hoàn toàn tự do. Em đã nói với vợ em nhiều lần. Em dành hết cuộc đời còn lại để lo cho lũ con nên người. Ngoài ra, em không nghĩ tới bất cứ chuyện gì khác."

Thuật gác điện thoại, ngồi vật ra trường kỷ. Chàng với chai rượu ngửa cổ đổ xuống. Hơi rượu cay nồng xông lên mũi. Nếu chàng đi bắt các con về nhưng Cúc lại lôi chúng đi thì sao. Chàng thấy đơn vị gia đình nhà mình đã rơi vào một thảm kịch khó lòng trở lại sinh hoạt bình thường. Biên giới ngăn chia hạnh phúc và thảm cảnh chỉ là một bức vách vô hình thật mong manh. Thuật mê thiếp đi trong nỗi vật vờ của những ngụm rượu cháy cổ. Chiều hôm sau, chàng lái xe đến thẳng nhà chị Nghi từ chỗ làm. Mấy đứa con ôm chầm lấy bố như đã phải xa cách một thời gian dài quá sức tưởng tượng, trong khi mẹ chúng núp trong phòng bà chị nhất định không thò mặt ra. Chàng ôm theo hai cái bánh pizza lớn, thứ mà chúng rất mê. Mấy đứa con chàng cùng ba đứa con chị Nghi xúm nhau ăn ào ào như rồng cuốn. Chàng nhìn đám trẻ con ăn, cười gượng gạo cho chúng vui. Chị Nghi nói:

"Tui mắng nó một trận thiệt dữ. Tui thiệt không biết phải nói sao với chú."

"Cuối tuần này, em tới đón mấy đứa nhỏ về nhà chơi. Sau đó em sẽ cố gắng tìm người coi sóc chúng nó ở nhà. Em không đành lòng để chúng nó nằm vạ nằm vật ở nhà chị. Chúng nó có nhà riêng, phòng riêng với đầy đủ tiện nghi sung sướng sao chúng lại không được hưởng."

"Tui biểu nó mày phải đem con về đẳng nhưng nó khóc nó nói nó không thể về đó ở với chú nữa. Tui nghĩ nó cũng biết lỗi nhưng sợ về đó có ngày chú giận chú giết nó."

Thuật nói với các con là cuối tuần sẽ đón về nhưng chúng đòi về ngay. Chàng phải nói ngày mai bố đi làm sớm không thể ở nhà lo cho các con được. Thằng cu Hòa ôm chặt lấy bố, nhất định không cho đi. Chị Nghi phải gỡ tay nó làm nó khóc ầm lên và mấy con chị nó khóc theo. Thuật quay đi để các con không nhìn thấy bố chúng chảy nước mắt.

Chiều thứ Bảy, Thuật đến đón các con về nhà. Lũ nhỏ lăng xăng sung sướng phóng rầm rầm về phòng của chúng. Chàng bồi hồi xúc động trước nỗi vui mừng của các con. Chàng cho chúng đi ăn tiệm, chàng dắt chúng đi chơi. Mấy bố con cố vớt vát lại tí hạnh phúc đã vỡ.

(còn tiếp)

BỐI CẢNH SINH HOẠT VĂN HỌC CỘNG SẢN TỪ NĂM 1975

LÊ ĐẠI LÃNG

(tiếp theo)

Giai đoạn 1986-1990

Từ ngày 15 đến ngày 18 tháng 12 năm 1986, tại Hà Nội, 1129 đảng viên đại diện cho gần hai triệu đảng viên toàn quốc, nhất trí bầu Ban Chấp hành Trung ương, và Ban Chấp hành Trung ương nhất trí bầu ông Nguyễn Văn Linh làm Tổng bí thư Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Thủ tục bầu bán theo đúng truyền thống Đảng. Khác trong Đại hội Đảng khóa VI này là đại hội nhất trí đưa ra quốc sách *đổi mới*.

Ngược thời gian từ Đại hội lên vài tháng, ta thấy là vào tháng 3 năm 1986, tại Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ 27, Tổng bí thư Gorbachev kêu gọi: *Chúng ta không thể tiến lên một bước nào nếu không học tập làm việc theo cách mới, nếu mất lòng dũng cảm đánh giá tình hình một cách tỉnh táo, nó thế nào thì thấy nó đúng như thế.... phải học thói quen nói trắng ra, phân tích thẳng thừng mọi điều* (17).

Sau khi ông Gorbachev nói những lời trên, tháng 6 năm 1986, Hội Nhà Văn Liên Xô họp đại hội (lần thứ 8). Tại đại hội, các nhà văn Liên Xô khởi cuộc phê phán mạnh mẽ phong cách làm việc của Hội, tình trạng quan liêu của Hội, vân vân và vân vân (18). Nói tóm tắt, các nhà văn Liên Xô đã thể hiện tinh thần làm chủ: Đảng cho nói thật, thì nói thật!

Tình trạng ở Việt Nam cũng như thế. Trước "lời ngỏ" của Gorbachev, và bắt mạch cuộc vận hành của thời cuộc (tất yếu) sẽ diễn ra ở Việt Nam, tại Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Hội Nhà Văn khóa III, những người cầm bút sôi nổi báo cáo thành quả sáng tác, phấn khởi thảo luận việc đẩy mạnh các phong trào sáng tác. Một không khí hồ hởi, có khi gay gắt, bao trùm Hội nghị (19).

Mầm mống khởi động trong sinh hoạt văn học Việt Nam, như thế, bắt nguồn từ những chuyển biến (chính trị) hợp hiến. Tất nhiên, giai đoạn này là một khởi động hầu như là đồng loạt, có vẻ qui mô, chứ những hạt mầm văn học riêng lẻ không phải đợi đến quốc sách đổi mới mới bắt đầu xuất hiện. Có thể ví quốc sách đổi mới ở Liên Xô và rồi Việt Nam như ngón tay của người nhạc trưởng, khi vung lên thì cả giàn nhạc đồng loạt hòa theo, hoặc cụ thể hơn mỗi nhà văn là mỗi cơ phận trong bộ máy im ngủ, khi nhà cầm quyền tra chìa khóa vào thì mới đồng bộ vận hành theo một nhịp điệu xưa nay chưa thấy trong nền văn học xã hội chủ nghĩa. Có lập luận cho rằng không phải đợi đến khi Đảng ban hành chính sách đổi mới thì nhà văn mới tranh đấu cho văn học. Đúng. Đã có những nỗ lực âm thầm để làm mới văn chương trước thời điểm Đại hội VI, nhưng những cố gắng ấy rời rạc, và bị nhận chìm trước áp lực của đám đông, tức là những tư tưởng hợp hiến. Phải đến khi chỉ thị, nghị quyết được ban ra, thuận lợi cho những nỗ lực âm thầm ấy, thì cả bộ mặt văn học biến hình dù chỉ trong một thời gian ngắn. Chẳng hạn tháng 7 năm 86, Trường Chinh nói: *Mọi chủ trương chính sách đều phải lấy dân làm gốc*. Nhưng phải hai năm sau, trên *Văn Nghệ* ngày 26-11-88, mới có bài "Ý kiến ngắn" của giáo sư Văn Như Cương, viết: *Dân = gốc, vậy lấy dân làm gốc = lấy gốc làm gốc; do đó lấy dân làm gốc là vô nghĩa*. Cái anh Cương lý luận "quá đà" này bố bảo cũng không dám lấy *"gân* làm gốc" để giỡn mặt lãnh tụ như thế trước thời kỳ đổi mới.

Cá nhân nhà văn như mầm chờ mưa trời ơn Đảng, trung thực hay cơ hội, đã hiện diện lấp lú đâu đấy và khởi dậy trong nội dung xã hội chủ nghĩa. Bản thân văn học không tự đứng lên vì văn học.

Nếu hiểu như thế thì những cái mầm ấy ít cũng *đã là* từ năm 1976 khi Nguyễn Minh Châu viết *Trang giấy trước đèn*, như đã nói ở đoạn trên. Rồi cũng Nguyễn Minh Châu, qua bài *Viết về chiến tranh* được nhiều người nhắc đến, đăng trên tờ *Quân Đội Nhân Dân* tháng 11 năm 1978, khai triển suy nghĩ của ông về hiện thực người cầm bút: *... chẳng lẽ chúng ta có thể làm yên tâm mọi người bằng cách mô tả cái hiện thực ước mơ*. Một ý tưởng như thế tất là có ý nghĩa **đối với** luồng văn chương xã hội chủ nghĩa.

Thoạt trông như đồng quan điểm với Nguyễn Minh Châu, Hoàng Ngọc Hiến - nhà lý luận văn học tốt nghiệp phó tiến sĩ ở Liên Xô - viết bài đăng trên *Văn Nghệ* số 23 năm 1979, cũng được nhiều người trích dẫn như một cứ liệu về mầm mống phản kháng trong văn học Việt Nam. Có điều lạ là trong bài *Về một đặc điểm của văn học và nghệ thuật ở ta trong giai đoạn vừa qua*, Hoàng Ngọc Hiến **không** có vẻ gì là hoàn toàn đồng ý với Nguyễn Minh Châu. Quen lối biện chứng của những người tốt nghiệp ở Liên Xô, bằng một lối hành văn tối nghĩa với một chùm danh-tính-từ trừu tượng xích lại mà nói theo khuôn chữ quen thuộc của các nhà phê bình hiện đại là "có sức khái quát

cao", ông nhận xét đặc trưng của văn học trong giai đoạn vừa qua là "mang dấu ấn của cái cao cả". *Cao cả*, theo Hoàng Ngọc Hiến, là đặc điểm của nền văn học lấy lý tính làm chủ đề, lấy cái *sắp và phải* lấn lướt *cái đang* xảy ra, cái riêng bị cái chung lấn át, là bởi nhà văn viết theo sự vận động của xã hội chứ không phải theo tiếng gọi của người nghệ sĩ, và ông gọi những người viết đó tiêu biểu cho "chủ nghĩa phải đạo". Tuy nhiên, theo ông, đấy cũng là sự kiện tất nhiên của một nền văn học đang trong giai đoạn "hình thành". Đấy là nội dung chủ đạo bài viết dài chừng 5000 chữ của Hoàng Ngọc Hiến. Kết, Hoàng Ngọc Hiến cho rằng đặc điểm (lý tính lấn cảm tính) ấy sẽ có lúc bão hòa, nghĩa là nền văn học đó sẽ trưởng thành, và do thế sẽ tồn tại. Ông phản bác lập luận cứ để cho cảm tính "buông lỏng" để lấn át lý trí trong văn học nghệ thuật. Với cái sườn như thế, tôi không thấy có lý do gì để cho rằng bài viết của Hoàng Ngọc Hiến là ... *soi rọi tận gốc rễ tất cả sự giả tạo của nền văn học nghệ thuật gọi là cách mạng dưới chế độ cộng sản Việt Nam bao nhiêu năm qua, đảo ngược mọi thành kiến và nọa lực để bắt nạt người nghệ sĩ chân chính phải xét lại mình, xét lại tác phẩm mình. Ảnh hưởng của bài báo sâu rộng là vì vậy...* (20) như nhà văn Nguyễn Mộng Giác ở Hoa Kỳ nhận xét. Nếu đồng tình, thì nhiều lắm chỉ nên coi bài viết của Hoàng Ngọc Hiến là một bài viết lành mạnh, đặt vấn đề đàng hoàng không theo kiểu "bắt nạt" của lãnh đạo văn nghệ. Thế thôi. Bởi chỉ một bài viết mà "đảo ngược mọi thành kiến" và thức tỉnh cả giới cầm bút (chân chính) ở Việt Nam, e rằng nói như thế thì khinh thường họ quá.

Nhưng cũng nhìn nhận những bài viết như của Nguyễn Minh Châu và Hoàng Ngọc Hiến tiêu biểu cho những mầm mống *chờ* thời cuộc để bộc phát như ta thấy sau này. Nói "chờ thời cuộc" có lẽ không được nhã nhặn lắm, nhất là nói tuột như thế thì không theo đúng nền văn học có một đặc điểm rất nổi bật là hoặc bóng gió hoặc lập lờ ám chỉ. Tuy nhiên, sự thật là mãi sau Đại hội Đảng khóa VI những bài viết thuộc "dạng" như thế mới được công bố rộng rãi. Thí dụ: tháng 6 năm 1979, Đảng Đoàn Hội Nhà Văn Việt Nam tổ chức một hội nghị nội bộ một số đảng viên trong Hội để thảo luận về tình hình sáng tác văn học. Tại hội nghị, nhà văn Nguyên Ngọc, Bí thư Đảng Đoàn, trình bầy bản Đề cương để dẫn để gợi ý thảo luận. Bài viết của Nguyên Ngọc có tựa là *Đề cương để dẫn thảo luận ở hội nghị đảng viên bàn về sáng tác văn học*, một thời gian sau, bị nhiều bài báo tấn công và *Đề dẫn* này - như ta có thể đoán - đành..., chìm xuồng, vì thời cuộc chưa tới. Mãi đến năm 1988, trên tạp chí *Langbian* số 3 (tháng 5 năm 1988) (21), bản *Đề dẫn* mới được công bố phần đầu. Sau khi giới thiệu bối cảnh ra đời của bản *Đề dẫn*, tòa soạn *Langbian* viết: ... *Một thời gian sau đó, có những bài đăng trên các báo phê phán gay gắt bản Đề dẫn. Tuy nhiên công chúng rộng rãi chưa hề được tiếp xúc trực tiếp với bản Đề dẫn, chỉ được nghe một phía các ý kiến phê phán, chưa được nghe ý kiến trả lời của Đảng đoàn Hội Nhà Văn - tác giả Đề dẫn. Thực hiện dân chủ, công khai trong học thuật, tạp chí Langbian* xin đăng toàn văn bản Đề dẫn để bạn đọc xa gần xem xét.

Đề dẫn gồm hai phần:

1. Nhìn lại một thời kỳ văn học đã qua (đăng trên *Langbian* số cuối cùng, tháng 5-1988).

2. Về phương hướng nhiệm vụ của văn học trong tình hình mới (*Langbian* hẹn đăng số tới nhưng bị đóng cửa nên không biết nội dung phần này ra sao). Xuất phát từ 1979, Nguyên Ngọc cho rằng văn học trong giai đoạn vừa qua bị lịch sử chi phối và, ở một mức nào đó, đã chi phối lịch sử. Đây là một ý tưởng mới trên dòng văn học xã hội chủ nghĩa. Ông đặt vấn đề chức năng (tích cực) của văn học, không cho văn học chỉ là một công cụ hay một yếu tố hoàn toàn thụ động và để lịch sử tác động một chiều. Tuy nhiên, khi đặt vấn đề như vậy, Nguyên Ngọc vẫn luận rằng nếu văn học được tích cực như thế là nhờ đường lối chủ trương dẫn đạo của Đảng, chứ không cho văn học ở vị thế hoàn toàn độc lập với mọi vận động lịch sử nói chung. Ảnh hưởng của văn học đối với lịch sử (cách mạng), theo Nguyên Ngọc là: ... *thời kỳ văn học sau năm 1954, trong đó đấu tranh thắng lợi chống ảnh hưởng của những quan điểm văn học nghệ thuật tư sản phản động, khẳng định những quan điểm văn học nghệ thuật đúng đắn của Đảng, chúng ta đã thu được những vụ mùa nở rộ vào khoảng nửa cuối những năm 50... Văn học ta - vốn đã được chuẩn bị đến một mức nhất định như vừa nói ở trên - đã sớm chủ động tự đặt mình vào trung tâm cơn lốc của cuộc chuyển động cách mạng lớn lao, sâu sắc chưa từng có đó, sớm tự giác và dứt khoát, nhận lấy vị trí và trách nhiệm của mình trong cuộc vận động vận động lịch sử ấy...* (*Langbian*, số 3, trang 59). Vai trò "mở đường" của văn học, như thế, chỉ nên hiểu trong nội dung xã hội chủ nghĩa, chứ không là vai trò độc lập của tự thân văn học theo nghĩa, tạm gọi là truyền thống. "Mở đường" là phát huy và khai triển nhiệm vụ chung của cách mạng theo một cách thức riêng. "Mở đường" không phải là khai phá một lối đi riêng trên đại lộ

Hãy để cho độc giả góp phần vào tác phẩm.
Fyodor Dostoyevsky

Thời gian tốt nhất để dàn dựng một cuốn sách là khi rửa chén.
Agatha Christie

Sau khi nhìn một cái gì thì bạn có thể mô tả tường tận và chính xác. Đó là một việc tập luyện rất tốt, nhưng không phải là sáng tác.
Ernest Hemingway

cách mạng, mà chỉ phát quang đại lộ đó, hoặc nếu vạch một lối đi riêng thì lối ấy phải đồng chiều, cùng hướng. "*Và khi văn học đã đạt được đến sự nhập cuộc thật cao, khi văn học đã tự quên được mình đi là văn học, thì cũng chính lúc đó nó lại càng đúng thực sự là văn học hơn cả, càng có sức mạnh lớn hơn cả.*" (*Langbian* cùng số, trang 60). Cái tích cực của văn học, như thế, là cái tích cực của người lính xông ra chiến trường vì chính nghĩa, chiến đấu quên mình, như bất cứ một bộ phận nào trong cả guồng máy vận động và hỗ tương lẫn nhau để cho toàn bộ máy chạy. Nguyên Ngọc đánh giá nền văn học thời gian qua (trước năm 1979) là "nền văn học có ích", nếu nó chưa lớn là bởi nó "chưa tương xứng với tầm cỡ cuộc chiến đấu vĩ đại của dân tộc mấy chục năm qua", và bởi "trong văn học... số phận riêng của từng người, từng thành viên trong đội ngũ lớn đó thì còn khá sơ lược, giản đơn." Cái câu tôi vừa trích trong *Đề dẫn* được nhiều người chú ý, khai thác, cho rằng đấy là lời phê phán và chỉ-trích nền văn học bị chỉ đạo. Đúng. Nhưng sự chỉ trích ấy là để cho nền văn học mà Nguyên Ngọc đang nói tới được "mạnh" lên, bắt kịp và phản ảnh đầy đủ thành quả cách mạng trong cuộc chiến đấu chống Mỹ, không phải chỉ-trích để cái "tôi" trong văn chương - lại hiểu theo nghĩa truyền thống - có chỗ đứng, hay chỉ-trích phê phán để phủ nhận toàn bộ "nền văn học chiến đấu", như chính Nguyên Ngọc viết những chữ trong ngoặc kép này trong *Đề dẫn*. Phê phán của Nguyên Ngọc là phê phán trong tinh thần xã hội chủ nghĩa, trong nội dung xã hội chủ nghĩa. Đọc toàn bộ phần 1 bản *Đề dẫn*, và phải trích theo thứ tự văn mạch, trong văn cảnh của bài viết, thì mới thấy cái ý, cái sườn của *Đề dẫn*. Trích ngang, trích đảo, hoặc trích để xây dựng lập luận là có mầm mống "phản kháng" từ thời Nguyên Ngọc viết *Đề dẫn* năm 1979, là một cách làm dường như không thuyết phục mấy.

*

Qui luật sáng tác của văn nghệ sĩ lúc nào cũng tiến theo tỉ lệ thuận với chính sách, với sự chỉ đạo ân cần, sát sao của Đảng như có thể thấy trên *bề mặt* văn chương. Những nung nấu âm thầm của nhà văn chân thực, những trở trăn thầm lặng của bản thân văn nghệ sĩ nếu bộc phát thì cũng chỉ ở mức độ nhỏ khi thời cuộc chưa thuận tiện, vì số đông còn lại lấn át những tiếng nói lẻ tẻ ấy. Do thế vai trò của văn học chưa bao giờ ở vị trí xung kích, và nếu có, nó chỉ xung kích vào mục tiêu đã được phép. Nên khi Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh ban hành chính sách đổi mới, văn nghệ sĩ ào ạt hưởng ứng, cũng như từng ào ạt hưởng ứng những chính sách giai đoạn trong quá khứ. Cũng phải nhìn nhận là sự hưởng ứng phát từ hai động lực: những kẻ cơ hội, là một; hai là những văn nghệ sĩ muốn nói lên tiếng nói của lương tri, muốn xác định chỗ đứng của văn học so với vai trò (chiến đấu) của nó trong quá khứ. Lớp người sau đã tạo cho văn học Việt Nam một bộ mặt khởi sắc dù trong một giai đoạn thật ngắn, song song với sự xuất hiện của văn tài.

Sự thuận lợi cho những ẩn ức văn chương được dịp công diễn không dừng ở đấy. Sau Đại hội VI, Nguyễn Văn Linh tiếp xúc với hơn 100 văn nghệ sĩ, trí thức trong hai ngày 6 và 7 năm 1987 (22). Ở bài nói chuyện tổng kết sau hai ngày hội thảo, Nguyễn Văn Linh tóm tắt ý kiến văn nghệ sĩ qua ba điểm: Một, Đảng coi nhẹ vai trò văn hoá văn nghệ và vị trí người cầm bút; hai, thiếu dân chủ trong sự lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa văn nghệ; ba, bất công trong cơ chế tổ chức và quản lý văn hóa văn nghệ. Sau khi kêu gọi... *dù thế nào, các đồng chí cũng không nên uốn cong ngòi bút của mình*, ông Tổng bí thư nhận xét:

"*... trong sáng tác thường thiên về hướng ca ngợi một chiều, 'tô hồng'. Người ta dễ chấp nhận lối viết 'tô hồng'. Ai viết về người không tốt, việc*

TRẦN MỘNG TÚ

ĐÊM RA BIỂN VỚI ANH

Anh dắt em ra biển
Mặt trời đang tắt thở
Sóng chạy xô vào bờ
Mang theo những chùm lửa

Em như con cá hồng
Quẫy đuôi tìm lên bãi
Anh là những sợi rong
Vướng giữa hàng vẩy cá

Em như con hào nhỏ
Ôm anh viên ngọc trai
Tình yêu nhả bọt nước
Rửa viên ngọc sáng ngời

Em như con tôm bạc
Co trong đại dương anh
Tóc em là tay sứa
Tung chiếc lưới chỉ hồng

Anh là con hải mã
Em mượn hình nhân ngư
Trườn mình qua ngọn sóng
Theo vó anh lên bờ

Anh đứng che hướng gió
Sao hồn em vẫn rung
Ngực anh là bãi muối
Cho em thở mặn nồng

6/96

không tốt thường bị mang tiếng là 'bôi đen'. Theo tôi, trong lĩnh vực của các đồng chí, ngoài việc thể hiện những cái tốt, việc tốt thì cũng phải nêu lên, phải vẽ ra những con người xấu, việc xấu...

"... Sáng tác tác phẩm đụng chạm đến 'nhà' quan liêu mệnh lệnh nào đó đương chức, đương quyền là điều khó nhưng phải dũng cảm bằng cách này, cách khác mà viết. Có khi phải mượn chuyện đời xưa để nói, làm cho ai có tật phải giật mình, phải thấy nhột. Trước đây đã có những tác phẩm vì thế mà bị sổ toẹt, tác giả phải hứng chịu nhiều sự phiền toái, thậm chí lao đao. Nhưng có phải vì thế mà ta phải uốn ngòi bút cho 'hợp khẩu vị' những con người xấu ấy không?

... Qua phát biểu của các đồng chí, tôi thấy các đồng chí đã có đầy đủ các quan điểm tôi vừa nói trên rồi. Nhưng các đồng chí còn sợ những 'bóng ma'. Với sự đổi mới từ Đại hội VI, Nghị quyết của Đại hội đã mở cửa cho các đồng chí.

"... Cuối cùng, tôi xin nhắc lại: cửa Đại hội VI đã mở ra cho các đồng chí".

Bài phát biểu của ông Linh ngoài tính cách là lời trấn an, phủ dụ của một lãnh tụ đối với đội ngũ viết văn, còn có nội dung một buổi lên lớp về đề tài "nghệ thuật làm nhà văn". Đó là một sự thật làm đau lòng nghề văn, như thể người bố trấn an con: "Ăn đi, ăn đi, bố không đánh đâu, nhưng coi chừng rơi vào áo bẩn đấy."

Cũng trong tinh thần nâng cao trình độ lãnh đạo của Đảng đối với văn hóa văn nghệ, một nghị quyết được ban hành vào tháng 12-1987 cũng mở đường cho văn nghệ sĩ nói nhiều hơn bình thường về những điều xưa nay hiếm: Nghị quyết 05 của Bộ chính trị. Chức năng của văn nghệ, qua Nghị quyết, được xác định: *Tự do sáng tác là điều kiện sống còn để tạo nên giá trị đích thực trong văn hóa, văn nghệ, để phát triển tài năng... Tác phẩm văn nghệ không vi phạm pháp luật, không phản động (chống lại dân tộc, chống lại xã hội chủ nghĩa, phá hoại hòa bình), và không đồi trụy (truyền bá tội ác, sự sa đọa, phá hoại nhân phẩm) đều có quyền được lưu hành và đặt dưới sự đánh giá, phán xét của công luận và sự phê bình. Đảng và Nhà nước khuyến khích thảo luận, tranh luận công khai để tìm ra chân lý. Cần tạo một không khí hồ hởi trong sáng tác, khiêu gợi nhiều cảm hứng sáng tạo cao đẹp trong các văn nghệ sĩ.* (23).

Những người cầm bút có tư tưởng làm mới văn học liền thừa Nghị quyết xông lên (dù chưa biết có thắng không). Một số tác phẩm ra đời trong thời mở cửa gây tranh luận, như *Thời xa vắng* của Lê Lựu và *Bên kia bờ ảo vọng* của Dương Thu Hương cùng ra mắt công chúng liên tiếp trong hai năm 1986 và 1987. Tất nhiên tác giả đã ấp ủ nó trước thời mở cửa, nhưng phải đến khi thuận tiện mới gây được không khí khá sôi nổi như thế. Theo nhà phê bình Hồng Diệu trong *Văn nghệ quân đội* số 4-1988, đã có trên hai mươi bài phê bình đăng báo và hơn mười hội thảo nói chuyện về cuốn *Thời xa vắng*. Không khí tranh luận mà nhiều người cầm bút Việt Nam ở nước ngoài gọi là "phản kháng" biểu hiện rõ nét nhất trên những tờ báo văn học. Tờ *Sông Hương* xuất bản ở Huế, chẳng hạn, trong hai năm 1986-87 còn rụt rè, bước qua năm 1988-89 thì dòng sông nổi giận, với những bài viết phê phán nền văn học "cung đình" gay gắt của Lữ Phương, Nguyễn Đăng Mạnh, Lại Nguyên Ân vân vân. Truyện ngắn, thơ, tranh luận nổ ra gay gắt trên khắp những tờ báo lớn: *Văn nghệ, Văn học, Tác phẩm văn học, Tạp chí cộng sản*, phụ họa thêm với sự ra đời của những tạp chí mới như *Cánh én ở Phú Khánh, Đất quảng* ở Đà Nẵng, các tờ *Văn nghệ* ở Nghĩa Bình, Thuận Hải, Đắc Lắc, *Núi Nhạn, Trầm hương*...

Độc đáo nhất phải kể là tờ *Langbian* ở Đà Lạt do Bùi Minh Quốc làm Tổng biên tập gây tiếng vang đáng kể trong văn giới, và tất nhiên là rất đáng nể đối với chính quyền.

Lính Mỹ tham chiến ở Việt Nam định nghĩa *Langbian* như sau: "tên một vùng núi rất lý tưởng cho nghệ thuật làm tình" (trong "Từ ngữ chiến tranh Việt Nam" - *Words of the Vietnam War* - của Gregory R. Clark, xuất bản tại California năm 1990). Nhưng với những nhà văn khởi xướng tờ *Langbian* ngay từ số ra mắt, thì *"Langbian cũng là biểu tượng của đỉnh cao nghệ thuật, đỉnh cao nhân phẩm mà những người hoạt động văn học trên đất Lâm Đồng khát khao vươn tới không ngừng"*.

Cái tôn chỉ ấy đã khiến *Langbian* gian nan và nổi tiếng. Nổi chưa phải bởi tính chất văn học của tờ báo, mà chính là tư cách của những người lên đường đòi lại chỗ đứng cho văn học nghệ thuật thấy rõ qua những bài viết thao thức. Sau khi phát hành được ba số, *Langbian* bị Sở Văn hóa Thông tin Lâm Đồng rút giấy phép xuất bản. Bùi Minh Quốc và Bảo Cự (Phó tổng biên tập) xuống núi đi bảy tỉnh miền Trung vận động chữ ký của (100) văn nghệ sĩ cho một kiến nghị, và thẳng tiến ra Hà Nội đập cửa quyền (tức Ban Văn hóa Tư tưởng Trung ương). Báo vẫn bị đóng cửa. Những người chủ trương khốn đốn.

Nhưng *Langbian* vẫn tiêu biểu nhất cho nền văn học đòi lại văn học trong một giai đoạn đất nước. Đấy là sự chuyển mình của ý thức, văn học "thuần túy" (sau này) có được hay không đều phải ghi công những cuộc lên đường như vậy.

(còn tiếp)

Chú thích

(17). Trích theo *Quân đội Nhân dân*, số tháng 11-1986: Hà Nội.

(18). *Quân đội Nhân dân*, sđd.

(19). *Văn Nghệ*, số 11, ngày 15-3-1986: Hà Nội.

(20). Nguyễn Mộng Giác (1990). "Nguyễn Minh Châu và Hoàng Ngọc Hiến, những người cầm bút trung thực", *Trăm hoa vẫn nở trên quê hương: cao trào văn nghệ phản kháng tại Việt Nam 1986-1989*. California: nxb Lê Trần, tr. 80-95.

(21). *Langbian*, số 3, tháng 5 năm 1988: Đà Lạt.

(22). Nhật báo *Nhân Dân*, ngày 14-10-1987: Hà Nội.

(23). *Langbian, số 2, tháng 2-1988: Đà Lạt.*

CAMP PENDLETON, HAI MƯƠI NĂM SAU

PHẠM XUÂN ĐÀI

Tại trại Pendleton, 24 tháng Sáu 1995, người "hành hương" đang lũ lượt lên thăm chiếc trực thăng cuối cùng của Thủy quân Lục chiến rời khỏi Việt Nam năm 1975.

Tôi không phải là người có mặt tại trại lính Pendleton hai mươi năm trước, nhưng có mặt hai mươi năm sau, khi người tị nạn Việt Nam hành hương về thăm nơi cư trú đầu tiên trên đất Mỹ sau cơn tan tác chạy ra khỏi nước năm 1975.

Vải lều của quân đội Mỹ có một mùi đặc biệt đã hằn sâu trong ký ức của tôi. Mùi, vị, âm thanh đều có khả năng nhắc ta về một kỷ niệm, về một thời đã qua, dù qua đã rất lâu. Năm 1954, tôi đang học trung học ở Hội An, bỗng một hôm thấy người ta đem những lều trại khổng lồ dựng lên trên bãi đất trống trước trường tôi. Hồi đó tôi đã đủ lớn để cảm thấy nỗi đau đớn mất đi một nửa đất nước cho thế giới cộng sản, và nhất là mất đi Hà Nội, một thành phố xiết bao mến yêu đối với tụi trẻ chúng tôi, qua văn chương sách vở. Với tâm trạng ấy, chúng tôi lang thang giữa những dãy lều chuẩn bị đón đồng bào ngoài Bắc sắp di cư vào, hít cái mùi đặc biệt của vải lều như là cái tượng trưng cho biến cố lớn lao của đất nước năm ấy.

Buổi sáng ngày 24 tháng Sáu năm nay, bốn mươi mốt năm sau, tôi lại bước vào những căn lều to lớn tương tự do những người lính Thủy quân lục chiến Mỹ dựng lên ở trại Pendleton để gợi nhớ lại hình ảnh tị nạn hai mươi năm trước của đồng bào Việt Nam tại đây. Tôi giật mình vì bắt gặp quá khứ, đúng là mùi ấy, cuộc di cư của đồng bào miền Bắc, bầu trời mùa thu của thành phố cổ Hội An, tâm hồn đa cảm của tuổi thiếu niên với những câu hát gợi hình ảnh xa vời của một thành phố đang mất "...*mắt huyền ngây ngất đê mê, tóc thề thả gió lê thê...*" Tôi không có kinh nghiệm nào về cuộc ra đi năm 75, mùi lều trại mang tôi về năm 54 xa lắc.

Tôi nói với bạn tôi khi chúng tôi đứng trên bãi đất chuẩn bị làm lễ "về thăm chốn cũ" trong trại Pendleton: "Người Mỹ luôn luôn gắn liền với mọi thứ 'tị nạn' của người Việt Nam. Cuộc di cư năm 1954, các chương trình giúp đỡ nạn nhân chiến cuộc suốt cuộc chiến tranh, cuộc di tản năm 1975 và những đợt tị nạn dài dài sau đó... Và luôn luôn mùi lều vải theo dính với những đợt tị nạn ào ạt.

Đến nỗi nó có thể trở thành một mùi... 'hương xưa' có khả năng đánh thức ký ức về các biến cố đó."

Bạn tôi nói: "Không cứ người Việt Nam, nước Mỹ lo việc tị nạn cho cả thế giới. Loại lều trại khổng lồ này đã được dựng lên ở nhiều nơi trên quả đất có thiên tai và địch họa, và có lẽ mùi của nó cũng đã trở thành ký ức của nhiều dân tộc khác nhau. Thủy quân lục chiến là binh chủng chuyên làm công tác này. Nếu một mai binh chủng này không còn nữa thì không biết ai sẽ đi dựng lều cho người tị nạn?"

Vài ngàn người đã trở về thăm chốn cũ. Thường đi thành từng gia đình, có khi hai hoặc ba thế hệ cùng đi. Tôi không chia xẻ cảm xúc của họ, tôi chỉ đứng gần họ để lắng nghe họ kể với nhau những kỷ niệm xưa trên mảnh đất này. Nhiều người đã nói về cái "mùi gợi nhớ" bay ra từ vải lều. Chung quanh là đồi cỏ trải rộng, trời cao, gió biển thổi vào mát lạnh. Có lẽ đất đai đồi núi không thay đổi gì trong hai mươi năm qua, ngọn gió biển cũng thế. Thời gian vài chục năm không ăn thua gì đối với thiên nhiên, nhưng với cuộc sống của con người thì "hai mươi năm sau" ắt có rất nhiều đổi thay. Thứ nhất là tuổi tác. Nhìn bất cứ người "hành hương" nào tôi cũng trừ đi hai mươi tuổi để hình dung họ lúc đến đây lần đầu tiên. Những người già cho tôi một cảm giác buồn buồn, nhưng người trẻ khiến tôi cảm thấy thú vị. Những lũ trẻ con tung tăng chơi đùa trên bãi cỏ lại gây thắc mắc: những ngày ấy chúng ở đâu? Quả thật thỉnh thoảng nếu có một vài cái mốc để nhìn lại thì chúng ta sẽ thấy rằng đời người thật ra cũng chẳng là bao. Chính cha mẹ lũ trẻ này năm 1975 đến đây cũng chỉ là những đứa trẻ đùa chơi như chúng nó bây giờ. Đồi núi của trại Pendleton có cảm thấy điều thay đổi nơi đám người về thăm này không, so với ngày đầu họ đến đây?

Dĩ nhiên ngoài chuyện lớn lên và già đi, còn nhiều thay đổi khác. Hai mươi năm trước khi ra khỏi trại này, tất cả đều đã đi vào một xã hội hoàn toàn mới mà họ phải thích ứng để tồn tại. Họ phải tập nói một ngôn ngữ khác, phải đi học, đi làm để dần dần xây dựng cuộc sống mới theo tiêu chuẩn của người bản xứ. Đối với hầu hết những người ra đi từ "thành phố lều" này, công việc thích ứng ấy đã xong từ lâu, họ đã mang quốc tịch Mỹ, đã có sự sản, tâm lý ổn định. Nhưng họ không tan biến vào cái nồi súp khổng lồ luôn luôn sôi sùng sục là cái xứ hợp chúng quốc này, mà tập họp lại thành khối, biến thành những mảng màu riêng trên một bức tranh đa sắc.

Sự việc chính tổng hội sinh viên Việt Nam đứng ra tổ chức ngày về thăm Pendleton năm nay là một điều đầy ý nghĩa. Họ là thế hệ thứ hai, năm 1975 họ còn rất nhỏ, thậm chí chưa sinh. Nhưng họ ý thức rất rõ vai trò tiếp nối của họ đối với cộng đồng Việt Nam, và bắt đầu cán đáng công việc mà mười năm trước đây, cũng trong dịp tổ chức về thăm Pendleton, chính cha anh họ đã làm. Hồi đó họ chỉ mới là những cô cậu bé học tiểu học hoặc những năm đầu của trung học. Chính sự tập họp thành cộng đồng của người Việt Nam đã hun đúc tinh thần trách nhiệm đó nơi họ. Gốc gác, truyền thống quả thật là những gì rất khó rứt ra.

Số người về thăm nơi cũ không đông đảo như dự trù (không tới một phần mười) cũng nói lên một sự đổi thay. Thời gian trôi qua, tâm tình phai nhạt... Mười năm trước lòng người di dân còn đầy ắp những xúc động về chuyến ra đi tức tưởi, với những ấn tượng còn tươi roi rói về cái *thành phố lều*, nơi cư trú đầu tiên để từ đó tỏa đi sinh sống làm ăn trên đất Mỹ. Họ náo nức muốn quay về thăm, muốn gặp gỡ, muốn kể lể...; họ chưa thoát ra khỏi nỗi đơn độc của kẻ tha hương. Bây giờ thì sự thể đã khác nhiều. Cộng đồng đã tập họp đầy đủ, bao nhiêu vấn đề mới đã xuất hiện, bao nhiêu chuyến về thăm Việt Nam đã xảy ra, bao nhiêu lớp người mới từ Việt Nam đã tới... Chút lòng nhớ thương về một mảng đồi núi xưa đã phai nhạt đi nhiều. Cuộc đời là thế, mọi việc cứ mở ra và tiến tới. *Pendleton, ờ trước kia mình đã cư trú tại đó một thời gian ngắn, nó vẫn còn đó, một vùng đồi cỏ của nước Mỹ. Đi thăm lại à? Cũng chẳng cần thiết lắm, nó vẫn còn đó mà, có gấp gáp gì đâu...* Những *vacation* bây giờ là dành cho Las Vegas, Yosemite, Grand Canyon, Trung Quốc, Âu Châu, Việt Nam..., cũng chẳng nên quá đa cảm để cứ mãi phải quay về với quá khứ nơi những đồi cỏ hoang...

Buổi chiều khi từ giã Camp Pendleton trở về Sài Gòn (dĩ nhiên phải nhớ thêm chữ *nhỏ*), ông bạn cùng xe của tôi nói: "Chắc đây là chuyến hành hương cuối cùng của người Việt tị nạn về trại Pendleton. Thử tưởng tượng mười năm nữa, *bất tri tam thập dư niên hậu*..., ai là kẻ sẽ quay về thăm Pendleton? Lúc bấy giờ đã là năm thứ ba mươi sau 1975 và là năm thứ năm của thế kỷ hai mươi mốt, trại lính Thủy quân lục chiến lúc ấy có khi đã giải tán, một số không nhỏ những người lớn tuổi khi đến trại này chắc đã qua đời, sự lãng quên rộng lớn sẽ đẩy mọi chuyện lùi xa vào quá khứ. Anh với tôi đã ở tại trại suốt ngày hôm nay, đã chứng kiến tất cả sinh hoạt kỷ niệm, chúng ta đã là chứng nhân của một trang lịch sử đang đóng lại đấy. Mười năm sau chúng ta sẽ kể lại những chuyện này. Chúng ta sẽ kể rằng: *Thế kỷ trước, có một nơi gọi là Camp Pendleton...*"■

TỰ DO ĐẠI HỌC

Năm 1991 tỷ phú Lee Bass tặng đại học Yale 20 triệu đô la để nghiên cứu văn minh Tây Phương. Bass lại muốn có quyền góp ý kiến về việc bổ nhiệm giáo sư. Đại học bác bỏ và năm ngoái đã trả lại tiền cho ông ta. Đây là món tiền lớn nhất một đại học đã trả lại người cho. (US News 27-03-95)

TẠI ANH HAY TẠI Ả?

Cơ quan Kaiser Foundation ở California nghiên cứu dư luận, phỏng vấn 2,000 người Mỹ lớn tuổi. 70% đàn ông nói họ không thấy có trách nhiệm về chuyện ngừa thai, để phụ nữ lo. Đa số phụ nữ cũng nghĩ vậy, cùng một tỷ số 70%.

THỦ CẤP HỒI HƯƠNG

TÂN ANH

Dạo năm 1946 tôi dạy ở một trường Tiểu học tại Quảng Ngãi, một xứ lắm đường: đường thẻ, đường bát, đường chõ, đường cát, đường phèn. Đường ở đây thì quá ê hề, dù ngay trong thời kỳ chiến tranh Nhật với Đồng minh diễn ra một năm trước đó.

Một hôm tôi được phụ huynh học sinh biếu một kí đường tây trắng tinh. Tôi rất lấy làm thích vì đường trắng uống với cà phê đen mới thơm, chứ uống với đường thẻ hay với đường cát ngà thì thật là "chửi cha cái cà phê" theo lời các tay sành điệu bình phẩm.

Bữa sáng nọ tôi bị cảm, đang lấy đường trắng ra ăn với cháo trắng nấu bằng gạo thơm thì anh Sâm, người cai gác trường đến mời tôi đi họp sớm. Nhân tiện tôi múc một tô cháo, xúc một muỗng đường trắng bỏ vào, bưng mời anh. Sợ anh giữ kẽ nên tôi nói:

"Chú ăn với tôi một chén, tôi nghĩ là còn quá sớm chú cũng chưa kịp ăn gì, rồi chúng ta cùng đi đến trường."

Bỗng nhiên mặt anh Sâm xanh rờn. Anh xây xẩm loạng choạng, ôm lấy bụng nôn thốc nôn tháo. Tưởng anh bị trúng gió, tôi liền hỏi anh làm sao. Anh chỉ vào tô cháo nói:

"Thầy tha lỗi, tôi ói mửa ra vì hơi thơm của tô cháo bỏ đường tây trắng của thầy đó!"

Tôi nghĩ là anh "dị ứng" với đường. Lát sau, khi đã bớt mệt, anh Sâm bảo:

"Đường thẻ đen thì tôi vẫn thích và "hẩu" ăn, còn cái đường trắng tinh này làm tôi kinh hoàng, nguyên do là... để tôi xin kể đầu đuôi cho thầy nghe."

... Quân Nhật Bản đảo chính Pháp vào ngày 6 tháng Ba năm 45, đã dùng đất mình làm bàn đạp chống chọi lại với quân đồng minh và làm nơi tập trung đồ ăn cướp từ các nước Đông Nam Á để chuyển về xứ. Tuy Nhật càng ngày càng thua nhưng dân mình vẫn thấy quân Nhật chở từ Phi, Mã Lai, Miến Điện, Thái Lan về càng ngày càng nhiều các thùng hàng đóng bằng kẽm sơn màu xanh lá mạ.

Tôi lúc đó, sau khi thi rớt Trung học không xin vào công sở, phải làm khu khuân vác ở cảng Đà Nẵng. Tôi đã từng bốc dỡ nhiều kiện hàng như vậy của quân Nhật. Một hôm tôi bị hiến binh Nhật bắt ngờ tới bắt sau khi khuân hàng chất hết vào kho.

Trên xe hơi bịt bùng đưa tôi đến chỗ quân Nhật đồn trú, tôi nghĩ chắc là hàng hóa của quân Nhật bị mất cắp hay bị moi móc thất thoát sao đó nên chúng tình nghi bắt tôi tra xét. Hồi đó quân Nhật nổi tiếng là tàn bạo. Một nhà thầu cung cấp thức ăn cho ngựa của chúng, có vài con ngựa thình lình quỵ chết. Quân Nhật mổ bụng ngựa ra thấy có rất nhiều mạt cưa trong thóc ăn của ngựa, nhà thầu đã gian tham trộn thêm vào để được lời nhiều, chúng tức giận liền bắt ngay người chủ thầu bỏ nghiến vào bụng ngựa khâu sống lại.

Nhớ chuyện đó tôi bủn rủn tay chân, lo cho tính mạng mình. Chờ một lát, một người Việt Nam mặc thường phục đeo kiếng đen cùng với một tên hiến binh Nhật to lớn kéo lê một thanh trường kiếm "lệt sệt" vào phòng chỗ tôi ngồi chờ. Người Việt Nam là một thông ngôn, cất tiếng trịnh trọng:

"Quân đội Hoàng gia Nhật Bổn mời anh đến đây với tinh thần hợp tác vì khối thịnh vượng chung Đại Đông Á..."

Tôi chỉ là dân lao động, mà lời nói đó lại có tính cách chính trị khiến tôi càng hoang mang.

Tên hiến binh Nhật nói gì với tên thông ngôn một hồi lâu với nét mặt khá căng thẳng. Tên thông ngôn quay mặt lại phía tôi:

"Trước khi giao phó công việc cho anh, anh phải tuyệt đối giữ bí mật không được tiết lộ những gì anh nghe, anh thấy, anh làm, nếu không anh sẽ bị xử bắn!"

Ngay lúc đó bỗng có tiếng còi báo động máy bay đồng minh đến. Tên thông ngôn lôi tuột tôi theo tên hiến binh Nhật, chạy xuống hầm trú ẩn. Trong lúc chờ hết báo động, tôi hồi hộp hoang mang không hiểu chúng sẽ giao tôi công việc gì, rất có thể là bắt tôi làm điếm chỉ viên, chỉ chọt những người mình chống đối chúng chăng. Tôi nghĩ bụng, nếu thế thì phải dứt khoát từ chối chứ tôi không thể làm Việt gian hại đồng bào hại tổ quốc mình được. Và nếu trả lời như vậy thì có nghĩa là tôi sẽ chết, vì chúng sẽ giết ngay.

Khi dứt hồi còi báo hết báo động, tôi trở lại chỗ ngồi với nỗi lo lắng sợ hãi. Tên thông ngôn lại tiếp tục:

"Thế nào? Anh có hứa là không hở cho ai biết những điều chúng tôi sẽ nói với anh tại đây?"

Sợ quá tôi không thể mở miệng. Tên hiến binh lập tức đứng ngay dậy, tay xốc cây kiếm, đi đến bên tôi, giơ cao cánh tay... vỗ mạnh vai tôi:

"A na ta óa dộ tô ma sư nế!"

Tên thông ngôn đỡ lời và giải thích thêm:

"Ông đội trưởng nói: 'Anh hãy gắng cho tốt nhé, cứ ngoan ngoãn nghe lời chúng tôi thì không có gì xảy ra cả!'"

Tôi lấy hết can đảm bảo:

"Xin cứ nói rõ ra là công việc gì để tôi liệu làm được không, thì tôi mới dám trả lời."

Tên thông ngôn đứng phắt lên, phác một cử

HOÀNG CHÍNH

HƯƠNG

quẩn quanh trí nhớ mỏng teo
chút hương ngai ngái
leo trèo dốc thơ
ngạt ngào sợi gió đong đưa
dấu xe thổ mộ cuối bờ cheo leo
mùi quen lá mục
trăm chiều
thương ai,
tôi ngủ giấc liều trăm năm

chỉ lấy cạnh bàn tay chặt ngược dứ vào cổ hắn:

"Chặt đầu!"

Tôi bủn rủn, nghĩ rằng quân Nhật muốn dùng tôi làm đao phủ chém đầu người. Những người sắp bị chặt đầu này đấu tranh chống đối chúng mà ở ngay trên đất nước mình thì phải là đồng bào mình. Tôi hốt hoảng la lên:

"Không! Không!"

Tên thông ngôn hiểu ngay sự ngộ nhận của tôi.

"Không phải chặt đầu người mình đâu mà chặt đầu... quân Nhật (gằn tiếng). Nếu như anh căm ghét bọn Nhật (hắn cười mỉa mai) thì đây là một dịp để anh trả thù đấy!"

Tôi ngẩn người thật không hiểu nổi tại sao tụi Nhật lại thuê người ta chặt đầu ngay quân chúng. Có tội sao không xử bắn? Tôi nghĩ hay là những tên lính Nhật đào ngũ bỏ mặt trận trốn về hậu phương và chúng không đủ can đảm mổ bụng tự tử kiểu Hari-kiri nên phải mướn người làm Đội Có. Tụi Nhật không đành lòng chém đồng ngũ của chúng, vì "ghê tay" nên muốn người bản xứ "khác máu tanh lòng" làm thay?! Tôi vẫn giữ im lặng nhìn chằm chằm vào tên thông ngôn đợi sự giải thích. Hắn trầm tĩnh thủng thẳng nói:

"Tôi xin nói ngay là quân đội Nhật đây thuê anh chặt lấy đầu các quân Nhật chết trận. Xác thiêu hủy tại đây, còn đầu thì đóng thùng gởi về Nhật để hành lễ truy điệu tại Đền Chiêu Liệt theo truyền thống Thần Đạo trước khi hỏa táng hoặc chôn cất tùy ý nguyện thân nhân của họ.

"Anh làm họ trả tiền công, cứ chặt một thủ cấp thì được $50 Đông dương ở khâu thứ nhất. Khâu thứ hai là rửa thủ cấp tiền công một cái là 25 đồng. Khâu thứ ba là ướp thủ cấp một cái là 10 đồng. Anh có sức làm nhiều thì ăn công nhiều, nhưng công việc chánh là "chặt thủ cấp", phải chặt cho "khéo" để thủ cấp khi bày ra tế lễ được tươm tất, khi mệt anh có xin thể xin đổi qua một trong hai khâu sau.

"Mỗi khâu phải làm hai ngày, mỗi ngày tám tiếng. Mỗi khâu sẽ có một căn nhà riêng, ở đấy có một hiến binh Nhật trông coi và hướng dẫn.

"Chúng tôi mướn người làm sáu ngày một tuần, ăn ngủ ở nơi chúng tôi chỉ định. Tới Chủ Nhật là hết một vòng. Anh được trả công vào cuối ngày thứ Sáu. Muốn làm nữa thì tới thứ Hai tuần tới anh trở lại tiếp tục. Công việc ở đây được trả công rất cao, một ngày có thể chặt đến 50 thủ cấp, mỗi thủ cấp được $50 vị chi là $2500 ngày. Anh được đặc biệt chọn mời vì anh là một công nhân khuân vác giỏi và bền sức, chúng tôi đã quan sát. Vậy khuyên anh nên làm đi, có gì nặng nhọc đâu! Cơm nước, thuốc hút bao luôn không kể vào tiền công. Anh tính thế nào?"

Nghe tiền công cao, công việc kể ra chả có gì, bất quá như chặt thịt heo thịt bò. Có lẽ lúc đầu cũng hơi sợ, nhưng quen rồi cũng dễ như chặt chuối giỡn chơi. Tôi nghĩ vậy, nên gật đầu ưng chịu.

Tên thông ngôn ghi lại căn cước và địa chỉ tôi rồi hẹn ngày mai đến đón đi. Lúc ra về, bọn Nhật vẫn cẩn thận bịt kín mắt tôi, cho tôi lên xe bịt bùng đưa tôi về chỗ cũ hồi sáng.

Ngày hôm sau, tôi đợi ở chỗ hẹn. Xe hơi Nhật đến đón tôi, vẫn lại bịt mắt dìu tôi lên xe. Nghe xe chạy trên đường, xóc nhiều xóc ít, nghiêng bao nhiêu ngả quẹo, tôi ước đoán nơi đến là bãi Tiên Sa cách cầu sông Hàn độ mươi cây số. Lúc xe dừng, chúng mở khăn bịt mắt, tôi thấy tôi đã vào một khu Kho trại có che chắn ván kín và rào kẽm gai xung quanh. Tại trạm kiểm soát đầu Khu, chúng phát cho tôi một bộ đồ đao phủ kaki quần liền áo, chỉ chừa có hai con mắt, lỗ mũi và cái miệng, khiến tôi mặc vào vừa để "bảo mật" và giữ vệ sinh. Xong tôi được đưa vào một căn nhà đầu dãy. Ở đấy đã chất sẵn những chồng thùng kẽm lớn màu xanh lá mạ mà bấy lâu nay tôi hằng bốc xuống tại bến cảng và cho rằng đó là những thùng chiến lợi phẩm.

Tên Nhật trông coi tôi nói tiếng Việt khá sõi. Hắn bảo tôi dùng kìm bấm cắt mở một loạt các thùng kẽm. Hóa ra đó là những quan tài kẽm chứa tử thi lính Nhật thâu gom từ các mặt trận Đông Á đem về. Tên Nhật khiến tôi kéo xác một lính Nhật ra để trên một cái thớt gỗ lớn. Rồi chính hắn vác cây mã tấu đặt bên, giơ cao chặt mạnh vào cần cổ xác chết. Tiếng "phụp" gọn! Cái đầu lăn lông lốc qua một bên.

Tên Nhật biểu diễn một lúc ba tử thi, xong rồi bảo tôi cứ làm y theo nó. Tôi nắm chặt cán cây mã tấu nhắm mắt, nghiến răng chặt mạnh xuống cổ tử thi. Tưởng rằng cái đầu văng ra ngon lành, ngờ đâu nghe quá nặng, tôi không thể nhấc lưỡi mã tấu lên được. Thì ra tôi đã chém không đúng cổ xác chết, nên lưỡi mã tấu kẹt vào xương mang tai, kéo lên không được.

Phải tới bảy cái xác, thao tác chém của tôi mới "sạch nước cản" nghĩa là làm cho đầu lìa khỏi xác gọn gàng không nhầy nhụa. Mồ hôi tôi vã ra như tắm. Khi ấy tôi và tên Nhật đã làm việc được gần hai tiếng đồng hồ. Thoạt đầu tôi thấy tên Nhật chặt

cái đầu quá nhanh, tôi tưởng một ngày tám tiếng tôi có thể làm ngon xơi trên 50 cái. Cuối ngày hôm ấy mệt bở hơi tai, hai mắt thấy ba mươi sáu ông sao, tôi chỉ chặt có 30 cái đầu thôi!

Ngày thứ hai công việc khá hơn, tôi phải tự động viên bằng sự gợi hứng thú nghĩ mình là tướng Tàu hồi xưa chém đầu như "Quan Công qua năm ải chém sáu hổ tướng của Tào Tháo". Nhưng chỉ được vài cái đầu "vô tri vô giác" hứng thú đó trở nên "lãng xẹt" rồi lịm tắt, vì tôi chẳng thấy hãnh diện vinh quang gì ở việc làm này. Song để tăng năng suất trong công việc, cánh tay phải giáng xuống chém mạnh và nhanh hơn, tôi cầu đến lòng căm thù quân Nhật đã gây ra nạn đói làm chết hai triệu đồng bào ta ở ngoài Bắc làm động cơ thúc đẩy hăng say. Nhờ đó ngày thứ hai tôi chém được 50 cái đầu theo chỉ tiêu.

Ngày thứ ba, tôi chuyển qua khâu "Rửa thủ cấp". Hai ngày đầu chặt những cái thủ cấp be bét máu và lấm đầy đất bụi đen kịt, tôi không có thì giờ nhìn vì phải lo chém cho chính xác. Nay cầm từng cái đầu gội rửa sạch tóc tai mặt mũi, ngắm rõ mới thấy kinh khủng. Mỗi cái đầu là mỗi nỗi tang thương thê thảm. Có cái hai mắt trợn trừng trừng như oan ức bị xô vào chỗ chết. Cái thì miệng méo xệch răng nghiến hờn căm không chống lại được sự cuồng tín của kẻ ra lệnh đi xâm lăng. Cái thì dường như hồn vía đã bay trước khi bị viện đạn đốn gục. Tôi cảm thấy đó là những tác phẩm rùng rợn đã ghi lại được bao nhiêu nét điêu linh tang tóc của chiến tranh mà Thần Chết đã điêu khắc nên bằng giá đau thương người tử trận.

Ngày thứ năm tôi chuyển qua công việc "ướp thủ cấp". Mỗi cái đầu được bỏ vào một hộp gỗ vuông, sau đó đổ ngập đường tây trắng lên, đậy kín lại để giữ cho đầu không hư thối trong thời gian chuyên chở. Làm khâu này trong hai ngày tôi đóng được 200 "thủ cấp ướp đường". Thoạt đầu những hạt đường tây trắng tinh làm tôi thèm nhỏ giãi, tôi bốc ăn, và còn lấy pha nước chanh giải khát. Nhưng về sau mỗi khi xúc đường vùi lấp thủ cấp, cứ thấy hạt đường trắng toát là tôi thấy choáng váng chóng mặt, nổi da gà ớn lạnh như thấy giải khăn sô quấn quanh đầu nạn nhân bạc phước "bất đắc kỳ tử" chít tang trước tạ với cha mẹ còn chờ đợi mong mỏi ở quê nhà. Cho đến nay tôi vẫn rùng mình ói mửa mỗi khi nghe thấy hơi đường trắng.

Sau tuần lễ sửa soạn "thủ cấp hồi hương" cho quân Nhật từ cảng Đà Nẵng, tôi được trả công chu đáo và về nghỉ ngày Chủ Nhật để tuần sau tiếp tục. Ngán sợ công việc kỳ quái này, kinh tởm những hạt đường trắng buốt và nhất là khiếp hãi bọn Nhật có thể thủ tiêu mình nhằm diệt khẩu để tôi không tiết lộ cho dân ngoài biết chúng có quá nhiều lính tử vong và đồng minh khởi khai thác tấn công, tôi bỏ trốn ngay một mạch vào Quảng Ngãi này cho đến hôm nay...

Câu chuyện anh Sâm kể là sự thật vì chỉ cách vài tháng sau dân chài suốt bờ biển từ Quảng Trị vào đến Phan Rí đã vớt được vô số thùng lềnh bềnh từ các tàu thủy Nhật bị ngư lôi đồng minh đánh đắm, trôi giạt vào. Dân chài mở ra lấy đường đem bán, còn những cái đầu bỏ lại sợ người ta ghê tởm không dám dùng đường, họ dấu bặt tăm, không ai nói tới.

Chuyện "thủ cấp hồi hương" còn ám ảnh ký ức tôi chưa phai thì đến năm 1973 Mỹ ký thỏa ước đình chiến với Cộng sản Bắc Việt, lần này chính mắt tôi được chứng kiến các "tàn dư kinh dị" của chiến tranh. Hôm đó tôi là Sĩ quan trực của Quân Trấn Biên Hòa. Đội tuần tra báo là chận bắt được hai xe lô chở hàng của bọn ăn cắp kho Long Bình bỏ lại. Tôi lái xe đến lập biên bản đồ bị mất cắp. Trên mỗi xe lô có 20 két đồ, ước lượng 60 kg một két. Dạo đó người ta thường nói một số M.P. tức quân cảnh Mỹ chính hiệu con nai vàng đã bán kho hàng họ canh gác, mỗi chuyến ăn hàng từ 500 đến 1000 Đô đỏ mặc cho bọn cắp xung phong vào trong 15 đến 20 phút tối đa muốn lấy gì thì lấy. Dân ăn hàng lúc đầu hay lựa các thùng két to nặng hí hửng tưởng là đồ xịn và chê các thùng bé nhẹ. Sau đó mới biết càng thùng lớn đồ càng rẻ tiền như bù long, đinh vít, tủ ngăn kéo giữ hồ sơ, đồ assemblage máy móc. Còn thùng bé và nhẹ mới là "bộn tiền" vì đựng đá lửa, hộp quẹt Johnson, các bougie trực thăng, chíp máy điện tử vô giá.

Thấy cái thùng to tôi ra lệnh khui bẫy ra xem. Thùng vừa bật nắp, một mùi thơm ngát rất lạ thoảng như nước hoa Salomé ngọt ngào, thoảng lại như mùi dầu chuối Acétone? Anh em quân trấn đều chào xáo có lẽ là bánh kẹo cho quân nhân Mỹ ăn trong lễ Thanksgiving hay Christmas. Họ kéo ra từ mỗi két một cái bao nylon xanh lơ nước biển không rõ thứ gì trong đó. Sau hai phút sột soạt gỡ bao, một cái xác người Mỹ được "làm rửa" sạch sẽ ngon lành trắng tươi như các con cầy tơ treo bán ở ngã ba Ông Tạ. Thì ra các xác quân nhân Mỹ được moi tim gan lòng ruột bỏ đi thanh trùng xong ướp hóa chất để xác lâu không hư rồi đóng kiện để hồi hương. Nghe thiên hạ đồn sắp sau này các bệnh viện Dã chiến Mỹ thuê người mổ xác lính chết trận công làm "sạch bộ đồ lòng" một xác là $25,000 Việt Nam bằng một tháng lương của một công chức cao cấp. Nhưng không có mấy ai làm nổi hai cái xác vì lính Mỹ cao to, ăn đồ béo bở, thây chết mau sình rất thối tha, làm một lần tởm đến già, chỉ lạm hơi một cái xác là sau không thể ăn uống gì nổi nữa. Mỹ có trả giá cao bao nhiêu và năn nỉ gẫy lưỡi họ cũng từ chối rồi tìm cách trốn luôn như truyện "Thủ cấp hồi hương" quân Nhật nói trên.

*

Xem truyện ký các quân nhân Nhật và Mỹ chết trận cũng còn toại được ý nguyện hồi hương, huống chi chúng ta những người Việt Nam tị nạn Cộng sản lưu vong nơi quê người, ai là không muốn trở lại quê hương? Vậy chúng ta cần làm mọi cách đấu tranh dành lại Tự do Dân chủ cho Đất nước, và khi quê nhà không còn bóng dáng một chế độ bạo quyền độc tài đảng trị bức hại dân chúng, chúng ta sẽ hát "khúc ca hồi hương."■

HIMEJI

ĐỖ QUYÊN

(Úc Châu)

Anh ơi! Hôm nay em viết cho anh nghe về khu vườn Nhật Bản Himeji tại Adelaide. Em ở đây hơn mười năm rồi mà chỉ mới năm ngoái thôi em mới đi thăm vườn Himeji nhân dịp cháu Francois từ Pháp sang thăm em. Đúng là "bụt nhà không thiêng" phải không anh? Mấy năm gần đây, em bắt đầu thưởng thức những cái thiêng của bụt nhà. Hôm trước, trong bữa cơm gia đình, em lắng nghe Huy nói chuyện về trò chơi Lacrosse. Em lắng nghe Tâm nói về miếng sắt trong mũi giày hiệu Doctor Martin mà thanh niên ở đây rất ưa chuộng. Giọng Tâm trong sáng, dịu dàng như tiếng chim líu lo. Giọng Huy ồ và khàn của con trai lớn đang vỡ giọng. Em ngồi yên, lắng nghe và thưởng thức những giây phút huyền diệu này. Có cái gì ấm áp lắm khi mọi người ngồi chung với nhau, chia sẻ với nhau miếng ăn và chia sẻ với nhau những mẩu chuyện vụn vặt của đời sống hàng ngày.

Từ sau lần dẫn Francois đi thăm khu vườn Himeji là em yêu ngay khu vườn này. Em có nhiều dịp trở lại đây, một mình hoặc dẫn chị Mỹ, chị Phượng, anh Như và anh Quang đến thăm. Khu vườn giờ đây mang một ý nghĩa đặc biệt đối với em. Nó còn giữ lại dấu ấn vô hình của những người bạn thân thiết của em. Giọt nước này, chị Phượng đã lắng nghe và thổn thức. Nhánh thông kia, chị Mỹ đã hái và dạy cho em về cái dáng mềm mại của thông ba lá và dáng cứng hơn của thông hai lá. Hòn đá này, dưới gốc cây rủ, anh Như đã ngồi xuống, vọc nước và nhớ bé Phương. Giọt nước làm mất thế quân bình của ống tre mà anh Quang thích. (Anh ơi, hôm nay nghĩ về giọt nước ấy, em chợt mỉm cười liên tưởng đến những giọt nước nho nhỏ, tế vi - một cử chỉ chăm sóc, một lời nói dịu dàng - đã đảo lộn cuộc đời em). Ngày hôm nay, mỗi lần trở lại đây, em vẫn còn cảm thấy bước chân, ánh mắt và sự hiện diện của bạn bên cạnh em. Mỗi lần nhìn lại cây, hoa, đá, và nước ở đây, em như gặp lại được bạn.

Em bước vào khu vườn. Cổng vào được kiến trúc giống như cổng các ngôi chùa xưa ở Nhật Bản. Em hiểu ngay lời ngụ ý: Vườn là một nơi thiêng liêng để ta thưởng thức với tất cả sự tôn kính. Gỗ và tre làm em cảm ngay cái vẻ đẹp đơn sơ, mộc mạc của thôn dã. Góc bên trái cổng, có trồng vài bụi cây nhỏ trong đó có cây Sacred bamboo nở những hột đỏ cam xinh xắn và tươi vui, hòa với sắc cam đỏ trên đầu các ngọn lá. Cạnh đó có một phiến đá được khoét lỗ thành một cái bát lớn, đón nhận một giọt nước nhỏ xuống từ một ống tre. Em quỳ xuống phiến đá đặt ở trước đó và vốc nước rửa tay, rửa mặt. Em rửa mình và dọn mình trước khi bước vào vườn. Em lắng nghe tiếng động của giọt nước giống như em lắng nghe "tiếng động của một bàn tay" trong công án Thiền. Phải lắng tâm lắm em mới nghe được thông điệp của giọt nước. Bắt đầu là sự im lặng của sự lắng nghe. Cái tôi đã biến đi mất, em trải chỗ trống để đón nhận giọt nước như một người bạn, một người thầy. Em nghe thấy âm thanh của sự trong sáng, tẩy trần những bụi bặm. Em nghe thấy sự liên hoan của giọt nước rơi xuống để trở về với nước. Khi quỳ xuống, em hiểu ý nghĩa của sự khiêm nhường. Em cảm thấy mình nhỏ bé trước vẻ đẹp nhiệm mầu của thiên nhiên. Em hiểu rằng người kiến trúc khu vườn Himeji đã có thiện ý đặt hòn đá ở đây cho em quỳ xuống để nhắc nhở em: hãy tẩy trần để dọn mình, hãy khiêm nhường để học hỏi và hãy lắng nghe giọt nước để chuẩn bị yên lặng lắng nghe khu vườn.

Bước vào trong, ngay giữa khu vườn là một hồ nước hình chữ Tâm. Tâm của khu vườn là một hồ nước mà hồ nước ấy cũng hình chữ Tâm! Em thắc mắc tự hỏi: Tâm ấy như thế nào? Mặt nước bằng phẳng lặng yên không gợn sóng là biểu tượng của cái tâm an tịnh và trong lành. Những đóa hoa súng nở rộ dưới nắng là cái tâm nở hoa thánh thiện. Những chú cá vàng tung tăng trong hồ là những sự sống được nuôi dưỡng bằng cái tâm trong lành ấy.

Nước hồ phát xuất từ một giòng thác chảy từ khe đá cao phía trên. Những tảng đá lớn và cao xếp cạnh nhau tượng trưng cho núi và rặng cây cao trồng um tùm chung quanh đó tượng trưng cho rừng. Sông hồ, núi cao và rừng thẳm đều được gợi nhớ ở đây. Em còn nhớ em buột miệng nói với anh Quang: "Nước tượng trưng cho tình cảm con người. Núi là ý chí và rừng là chiều sâu của tư tưởng. Nước là mẹ, là tình thương nuôi dưỡng. Núi là cha, là sức mạnh và ý chí dẫn đường." Và cũng hôm ấy, không hiểu tại sao, trong đầu em chợt nảy ra một tư tưởng lạ lùng khác: "Nước là tụ điểm, là trung gian tạo sự hòa đồng, đoàn kết. Con người đến với nhau và đoàn kết, hòa hợp với nhau qua

tình cảm, không qua tư tưởng. Đó là lý do tại sao trước giờ chúng ta kêu gọi đoàn kết mà không thành công. Chúng ta kêu gọi đoàn kết trên căn bản cùng chia sẻ một đường hướng suy nghĩ, một đường lối tư tưởng mà quên rằng chất keo gắn bó nhất vẫn là tình cảm và tình thương. Bản chất của tư tưởng, của cây cối, của rừng rậm vẫn là trăm hoa đua nở, trăm loài khác biệt, là đa diện, đa nguyên. Mà đã khác biệt thì khó cảm thông, khó tụ hợp. Bản chất của tình cảm, của nước, sông hồ và biển cả vẫn đơn thuần là một: nước ở đâu cũng là nước, giống nhau. Nước ở đâu rồi cũng chảy về nguồn là biển, là tụ hợp, là hòa đồng. Giống như tình cảm, nước có khả năng thích ứng. Đổ nước vào ly hay vật chứa nào thì nó uốn mình theo hình dạng đó. Đó là đặc tính nhường nhịn, mềm dẻo và thích ứng với người khác của tình cảm. Sự nhường nhịn đó giúp cho sự hòa đồng. Đoàn kết bắt đầu bằng sự tạo tình thân trước, câu chuyện tư tưởng sẽ tiếp nối theo sau. Do đó mà miếng trầu thiện cảm luôn là đầu câu chuyện."

Ở đây, ba chiều kích của vũ trụ được nhắc nhở đến đầy đủ: Mặt bằng phẳng của hồ nước tương phản với chiều cao của núi đá và chiều sâu của rừng cây. Khu vườn này là một tiểu vũ trụ. Em chợt mỉm cười tự nói với mình. Đây là một khu vườn thật là dân chủ, đa diện, đa nguyên, không thiếu một sắc thái nào. Có kim thạch, thảo mộc, thú cầm (chim, cá). Có đất, trời, hồ, "biển", núi và đá. Có loài cây xanh mãi và loài cây thay lá theo mùa màng. Có cây to, cây nhỏ, có lá hoa đủ màu sắc. Có khu vườn "ướt" bên ngoài và khu vườn "sỏi khô" bên trong. Có sự biểu lộ ồn ào trăm cây tươi thắm của sức sống tràn ra bên ngoài của khu vườn ngoài tương phản với sự trống không, bao la, yên lặng của khu vườn trở về nội tâm bên trong - khu vườn sỏi để thiền định trong trà thất. Hình như người kiến trúc khu vườn muốn nhắc nhở cho em về những lực tương phản trong vũ trụ, về hai nguyên lý Âm Dương.

Em lắng nghe những cây thông đen (Black Pine hay Pinus thunbergii) một trong những cây quan trọng nhất trong văn hóa Nhật Bản. Giữa mùa đông lạnh buốt, chúng vẫn kiên gan không rụng lá, không đổi thay. Chúng nói cho em nghe về đức tính can đảm trong nghịch cảnh, về tấm lòng kiên trì sắt son, về sự vĩnh cửu và sự Bất Biến. Em lắng nghe cây phong với những cành trụi lá rủ xuống thướt tha. Chúng nói cho em nghe về mùa màng đổi thay, về lẽ Biến Dịch Vô Thường của mọi vật và sự thích ứng của đời sống với ngoại cảnh.

Chung quanh hồ nước, rừng cây và bãi cỏ đều có lót những viên đá dẫn bước chân em. Không lúc nào em nhìn được toàn thể khu vườn trong một tầm nhìn. Những bụi cây cao thấp, những tấm phên che, núi đá đã khéo léo che đi cảnh vật đằng sau. Em để những viên đá dẫn bước em thư thả, vòng vèo. Và mỗi lần quẹo bước, em lại trầm trồ trước một khám phá mới, một cảnh vật và một sắc thái mới. Ôi những con đường vòng vèo của thiên nhiên. Giống như cuộc đời em với những bước ngoặt nhiệm màu, phải không anh? Đường thẳng

MAI TRUNG TĨNH

NGƯỜI RỪNG

Kỷ niệm một ngày vào rừng lấy cây giang

Chúng đưa ta khỏi ruộng đồng
Lên non tìm mãi vào từng bụi sâu
Em xa rồi, chẳng thấy đâu
Có gần, chẳng nhận ra nhau lúc này
Nhìn anh ghê gớm mặt mày
Tay cầm dao, cúi, luồn cây: Người rừng
Ở đây không vợ, không chồng
Không hơi thở ấm tình thương con người
Chỉ còn xao xác lá rơi
Và âm u bóng núi đồi bủa vây
Chợt nghe chim lạ bên tai
Hoang vu tiền sử là đây khác nào!

Yên Báy 1977

HOÀNG XUÂN SƠN

ĐƯỜNG LẠ NĂM CĂN

Tặng Phán

Đường lạ về Năm Căn
sao tắp hàng thẳng lối
quân ngang bám ruộng cằn
cỏ mê chùm ngọn tối

Lập lòe ánh lửa trơi
thuở lùng con săn sắt
bước lạc xuống đầm dơi
cá trồi lên móng sặc

Đại binh như hùm dữ
than ôi đám muỗi mòng
một trời đi bỉ thử
núi họa hoằn kê lưng.

chỉ có trong trí óc nhà toán học và cuộc đời nào có bao giờ thẳng tắp cho ta đâu. Có những phiến đá to mời gọi em dừng bước và lắng nhìn. Người Nhật gọi chúng là Yaku-ishi hay Stupa. Yaku-ishi được đặt ở những nơi có cảnh nhìn đẹp và stupa được đặt ở những nơi có tầm nhìn bao quát. Em thích phiến đá stupa dưới cây phong bên hồ nước nơi anh Như đã ngồi nhớ đến bé Phương vọc nước. Em ngồi đó, cảm thấy cái yên lành, an tịnh của hồ nước, cái ngọt ngào của tình mẹ dưỡng nuôi. Nước bao giờ cũng gợi nơi em những tình cảm trong mát, xoa dịu và êm đềm. Em thích nhất phiến đá stupa ở biên giới của rừng cây, núi đá và hồ nước. Đứng ở đó, em vừa cảm được cái u thâm mát rượi của rừng cây, cái bền bỉ vững chắc của núi đá và tình thương bao la của nước. Có những lúc trong tuần qua và trước đó, em chơi vơi giữa ranh giới của hạnh phúc và khổ đau. Em luống cuống đi tìm một phiến đá stupa nào đó giữa biên giới của biển động và núi lặng để ngồi xuống và an trú con tim mệt mỏi của em trên đó.

Anh còn nhớ không, cuối vườn, phía bên trái, có một giọt nước làm chuyển động được cả một ống tre dài mà anh Quang rất thích. Nếu giọt nước ở ngoài cổng vườn dạy cho em bài học về sự lắng nghe thì giọt nước này dạy cho em bài học về sự Ảnh hưởng Tế vi. Một giọt nước li ti rơi vào đúng thời điểm nào đó, hoàn cảnh nào đó, đã làm mất thế quân bằng và làm chuyển động ống tre dài. Cái gì trong cuộc sống con người là giọt nước tế vi chuyển động lòng người anh nhỉ? Phải chăng là những hành vi nho nhỏ của Tình Người? Nhân vật tù, Jean Valjean trong chuyện Les Misérables của Victor Hugo chỉ đón nhận lòng nhân ái một lần, đúng vào lúc ông cần nhất, mà đã thay đổi cả con người và cuộc đời của ông thành một người luôn đi hành thiện. Một hành động thương người nho nhỏ, làm đúng lúc, có thể là tia sáng phá tan cả một bầu trời u ám. Anh biết không, giọt nước làm chuyển động ống tre đó, người nông dân Nhật chế ra và gọi là shishi-odoshi để xua đuổi loài hươu và lợn rừng. Giọt nước chảy xuống ống tre cho tới khi ống tre ở vị thế ngang bằng phẳng. Ngay lúc đó, giọt nước kế tiếp sẽ làm mất thế quân bằng này. Ống tre đập xuống phiến đá ở dưới, tạo một âm thanh chát chúa làm giật mình các chú hươu và lợn rừng khiến các chú vụt bỏ chạy. Thế mà em cứ nhất định lý giải nó theo óc thiền ẩn dụ của em. Anh có quyền cười em rồi đấy. Viết đến đây thì em chợt nhớ đến một hình ảnh đẹp tương tự. Ẩn dụ về Cánh bướm từ ngành vật lý. Trên lý thuyết, một cánh bướm nhẹ nghiêng có thể thay đổi thời tiết nơi vòng bên kia của trái đất nếu nó thay đổi áp lực không khí đúng lúc và đúng chỗ. Vài lời nói chọn lựa, nói đúng lúc cũng có thể thay đổi cả một đời người. Trong một hệ thống phức tạp và liên đới, chỉ cần đủn nhẹ đúng hướng là có thể tạo ra những sự thay đổi sâu xa. Vấn đề là biết đủn ở đâu và lúc nào phải không anh?

Sau khi đã lắng tâm an tịnh như mặt phẳng của hồ nước, giữ ý chí vững mạnh như núi và đào sâu rừng thẳm của tư tưởng, em đã được chuẩn bị để bước vào thánh thất của Himeji: trà thất và khu vườn sỏi. Thánh thất được che giấu rất kỹ. Đứng ở vườn ngoài không thấy được nó. Phải tiến sâu vào trong, đi quá rừng cây cao và núi đá mới khám phá thấy nó. Ở đây cảnh tượng tương phản rõ rệt với khu vườn ngoài. Trong khi khu vườn ngoài um tùm, sống động thì ở đây trống trải, đơn sơ vô cùng. Em gọi nó là vườn Vô Vi, nơi để thiền về Vô Vi. Ngồi trong tư thế thiền trong trà thất, em nhìn ra vườn sỏi trắng. Cả một bãi sỏi mênh mông, màu trắng chiếu lấp lánh phản chiếu lại ánh nắng. Những đường cào đều đặn đi theo vòng tròn tượng trưng cho những gợn sóng giữa mặt biển sỏi bao la. Vài tụm đá có rêu gợi nhớ những hòn đảo hoang giữa biển cả. Nhưng em lại liên tưởng đến cái trống không, im lặng của sa mạc trong câu chuyện Hoàng tử Bé của Saint Exupéry. Và em không khỏi dõi tìm giếng nước ngọt ngào ẩn nấp đâu đó dưới những lớp cát nóng bỏng của sa mạc. Cuộc sống là một hành trình phải không anh? Trong cuộc hành trình đó, có những lúc em cần trở về nguồn, trở về với bản ngã chân thật của mình, trở về với giòng suối ngầm giữa sa mạc của im lặng vô vi. Để rồi lúc trở ra, em lại nhập cuộc rất bình thường giữa giòng đời và giòng người. Giống như Trần Mạnh Hảo đã viết trong *Ly Thân*: "Sau này lớn lên, khi có tình yêu, tôi mới hay rằng trong hành trình trần thế, con người ta luôn luôn được đi bằng đôi chân của người nào đó như là mẹ ta, bạn bè ta hay người con gái ta yêu." Em thì xin thêm vào đôi chân của cha em, Hoàng tử Bé và hình bóng em yêu.

Himeji là tên một thành phố cổ bên Nhật, 650 cây số phía Tây của Tokyo và cách Adelaide 8050 cây. Ngày 19 tháng Tư 1982, thành phố Himeji kết nghĩa chị em với thành phố Adelaide. Hiện nay Himeji có hơn 450,000 dân cư và là một hải cảng quan trọng, một trung tâm kỹ nghệ và đại bản doanh của hãng sản xuất sắt Nissan.

Vườn Himeji là món quà kết nghĩa của thành phố này tặng Adelaide. Himeji đã tặng Adelaide một phần của di sản văn hóa Nhật. Đây là một món quà tuyệt vời, sâu sắc, mang nhiều ý nghĩa. Bóc lớp này ra lại khám phá ý nghĩa của lớp khác và cứ như thế đi tới vô cùng vô tận trong khu vườn sỏi Vô Vi. Giống như bộ búp bê Nhật Bản bằng gỗ mà em có hồi nhỏ. Mở búp bê ra thì thấy một con búp bê khác ở trong. Mở con búp bê thứ nhì ra thì thấy một con nhỏ khác nữa ở trong. Và cứ thế cho tới khi có đủ năm con. Em cũng muốn tặng anh một khu vườn Himeji. Mong rằng tình bạn chúng ta sâu xa, nhiều lớp, mở cho anh một chân trời tâm thức mới và xoa dịu hành trình trần thế của anh với những giọt nước tế vi của tình thương trong lành.

*

Ghi chú của Tòa soạn: Hiện nay có hai văn hữu cộng tác với *Thế Kỷ 21* có tên Đỗ Quyên, một ở Đức, một ở Úc. Để phân biệt, từ nay Tòa soạn xin mạn phép ghi thêm tên nước cư ngụ sau tên tác giả.

cái đầu quá nhanh, tôi tưởng một ngày tám tiếng tôi có thể làm ngon xơi trên 50 cái. Cuối ngày hôm ấy mệt bở hơi tai, hai mắt thấy ba mươi sáu ông sao, tôi chỉ chặt có 30 cái đầu thôi!

Ngày thứ hai công việc khá hơn, tôi phải tự động viên bằng sự gợi hứng thú nghĩ mình là tướng Tàu hồi xưa chém đầu như "Quan Công qua năm ải chém sáu hổ tướng của Tào Tháo". Nhưng chỉ được vài cái đầu "vô tri vô giác" hứng thú đó trở nên "lãng xẹt" rồi lịm tắt, vì tôi chẳng thấy hãnh diện vinh quang gì ở việc làm này. Song để tăng năng suất trong công việc, cánh tay phải giáng xuống chém mạnh và nhanh hơn, tôi cầu đến lòng căm thù quân Nhật đã gây ra nạn đói làm chết hai triệu đồng bào ta ở ngoài Bắc làm động cơ thúc đẩy hăng say. Nhờ đó ngày thứ hai tôi chém được 50 cái đầu theo chỉ tiêu.

Ngày thứ ba, tôi chuyển qua khâu "Rửa thủ cấp". Hai ngày đầu chặt những cái thủ cấp be bét máu và lấm đầy đất bụi đen kịt, tôi không có thì giờ nhìn vì phải lo chém cho chính xác. Nay cầm từng cái đầu gội rửa sạch tóc tai mặt mũi, ngắm rõ mới thấy kinh khủng. Mỗi cái đầu là mỗi nỗi tang thương thê thảm. Có cái hai mắt trợn trừng trừng như oan ức bị xô vào chỗ chết. Cái thì miệng méo xệch răng nghiến hờn căm không chống lại được sự cuồng tín của kẻ ra lệnh đi xâm lăng. Cái thì dường như hồn vía đã bay trước khi bị viên đạn đốn gục. Tôi cảm thấy đó là những tác phẩm rùng rợn đã ghi lại được bao nhiêu nét điêu linh tang tóc của chiến tranh mà Thần Chết đã điêu khắc nên bằng giá đau thương người tử trận.

Ngày thứ năm tôi chuyển qua công việc "ướp thủ cấp". Mỗi cái đầu được bỏ vào một hộp gỗ vuông, sau đó đổ ngập đường tây trắng lên, đậy kín lại để giữ cho đầu không hư thối trong thời gian chuyên chở. Làm khâu này trong hai ngày tôi đóng được 200 "thủ cấp ướp đường". Thoạt đầu những hạt đường tây trắng tinh làm tôi thèm nhỏ giãi, tôi bốc ăn, và còn lấy pha nước chanh giải khát. Nhưng về sau mỗi khi xúc đường vùi lấp thủ cấp, cứ thấy hạt đường trắng toát là tôi thấy choáng váng chóng mặt, nổi da gà ớn lạnh như thấy giải khăn sô quấn quanh đầu nạn nhân bạc phước "bất đắc kỳ tử" chít tang trước tạ với cha mẹ còn chờ đợi mong mỏi ở quê nhà. Cho đến nay tôi vẫn rùng mình ói mửa mỗi khi nghe thấy hơi đường trắng.

Sau tuần lễ sửa soạn "thủ cấp hồi hương" cho quân Nhật từ cảng Đà Nẵng, tôi được trả công chu đáo và về nghỉ ngày Chủ Nhật để tuần sau tiếp tục. Ngán sợ công việc kỳ quái này, kinh tởm những hạt đường trắng buốt và nhất là khiếp hãi bọn Nhật có thể thủ tiêu mình nhằm diệt khẩu để tôi không tiết lộ cho dân ngoài biết chúng có quá nhiều lính tử vong và đồng minh khởi khai thác tấn công, tôi bỏ trốn ngay một mạch vào Quảng Ngãi này cho đến hôm nay...

Câu chuyện anh Sâm kể là sự thật vì chỉ cách vài tháng sau dân chài suốt bờ biển từ Quảng Trị vào đến Phan Rí đã vớt được vô số thùng lềnh bềnh từ các tàu thủy Nhật bị ngư lôi đồng minh đánh đắm, trôi giạt vào. Dân chài mở ra lấy đường đem bán, còn những cái đầu bỏ lại sợ người ta ghê tởm không dám dùng đường, họ dấu bặt tăm, không ai nói tới.

Chuyện "thủ cấp hồi hương" còn ám ảnh ký ức tôi chưa phai thì đến năm 1973 Mỹ ký thỏa ước đình chiến với Cộng sản Bắc Việt, lần này chính mắt tôi được chứng kiến các "tàn dư kinh dị" của chiến tranh. Hôm đó tôi là Sĩ quan trực của Quân Trấn Biên Hòa. Đội tuần tra báo là chận bắt được hai xe lô chở hàng của bọn ăn cắp kho Long Bình bỏ lại. Tôi lái xe đến lập biên bản đồ bị mất cắp. Trên mỗi xe lô có 20 két đồ, ước lượng 60 kg một két. Dạo đó người ta thường nói một số M.P. tức quân cảnh Mỹ chính hiệu con nai vàng đã bán kho hàng họ canh gác, mỗi chuyến ăn hàng từ 500 đến 1000 Đô đỏ mặc cho bọn cắp xung phong vào trong 15 đến 20 phút tối đa muốn lấy gì thì lấy. Dân ăn hàng lúc đầu hay lựa các thùng két to nặng hí hửng tưởng là đồ xịn và chê các thùng bé nhẹ. Sau đó mới biết càng thùng lớn đồ càng rẻ tiền như bù long, đinh vít, tủ ngăn kéo giữ hồ sơ, đồ assemblage máy móc. Còn thùng bé và nhẹ mới là "bộn tiền" vì đựng đá lửa, hộp quẹt Johnson, các bougie trực thăng, chíp máy điện tử vô giá.

Thấy cái thùng to tôi ra lệnh khui bẫy ra xem. Thùng vừa bật nắp, một mùi thơm ngát rất lạ thoảng như nước hoa Salomé ngọt ngào, thoảng lại như mùi dầu chuối Acétone? Anh em quân trấn đều chào xáo có lẽ là bánh kẹo cho quân nhân Mỹ ăn trong lễ Thanksgiving hay Christmas. Họ kéo ra từ mỗi két một cái bao nylon xanh lơ nước biển không rõ thứ gì trong đó. Sau hai phút sột soạt gỡ bao, một cái xác người Mỹ được "làm rửa" sạch sẽ ngon lành trắng tươi như các con cầy tơ treo bán ở ngã ba Ông Tạ. Thì ra các xác quân nhân Mỹ được moi tim gan lòng ruột bỏ đi thanh trùng xong ướp hóa chất để xác lâu không hư rồi đóng kiện để hồi hương. Nghe thiên hạ đồn sắp sau này các bệnh viện Dã chiến Mỹ thuê người mổ xác lính chết trận công làm "sạch bộ đồ lòng" một xác là $25,000 Việt Nam bằng một tháng lương của một công chức cao cấp. Nhưng không có mấy ai làm nổi hai cái xác vì lính Mỹ cao to, ăn đồ béo bở, thây chết mau sình rất thối tha, làm một lần tởm đến già, chỉ lạm hơi một cái xác là sau không thể ăn uống gì nổi nữa. Mỹ có trả giá cao bao nhiêu và năn nỉ gẫy lưỡi họ cũng từ chối rồi tìm cách trốn luôn như truyện "Thủ cấp hồi hương" quân Nhật nói trên.

*

Xem truyện ký các quân nhân Nhật và Mỹ chết trận cũng còn toại được ý nguyện hồi hương, huống chi chúng ta những người Việt Nam tị nạn Cộng sản lưu vong nơi quê người, ai là không muốn trở lại quê hương? Vậy chúng ta cần làm mọi cách đấu tranh dành lại Tự do Dân chủ cho Đất nước, và khi quê nhà không còn bóng dáng một chế độ bạo quyền độc tài đảng trị bức hại dân chúng, chúng ta sẽ hát "khúc ca hồi hương."■

HIMEJI

ĐỖ QUYÊN

(Úc Châu)

Anh ơi! Hôm nay em viết cho anh nghe về khu vườn Nhật Bản Himeji tại Adelaide. Em ở đây hơn mười năm rồi mà chỉ mới năm ngoái thôi em mới đi thăm vườn Himeji nhân dịp cháu Francois từ Pháp sang thăm em. Đúng là "bụt nhà không thiêng" phải không anh? Mấy năm gần đây, em bắt đầu thưởng thức những cái thiêng của bụt nhà. Hôm trước, trong bữa cơm gia đình, em lắng nghe Huy nói chuyện về trò chơi Lacrosse. Em lắng nghe Tâm nói về miếng sắt trong mũi giày hiệu Doctor Martin mà thanh niên ở đây rất ưa chuộng. Giọng Tâm trong sáng, dịu dàng như tiếng chim líu lo. Giọng Huy ồ và khàn của con trai lớn đang vỡ giọng. Em ngồi yên, lắng nghe và thưởng thức những giây phút huyền diệu này. Có cái gì ấm áp lắm khi mọi người ngồi chung với nhau, chia sẻ với nhau miếng ăn và chia sẻ với nhau những mẩu chuyện vụn vặt của đời sống hàng ngày.

Từ sau lần dẫn Francois đi thăm khu vườn Himeji là em yêu ngay khu vườn này. Em có nhiều dịp trở lại đây, một mình hoặc dẫn chị Mỹ, chị Phượng, anh Như và anh Quang đến thăm. Khu vườn giờ đây mang một ý nghĩa đặc biệt đối với em. Nó còn giữ lại dấu ấn vô hình của những người bạn thân thiết của em. Giọt nước này, chị Phượng đã lắng nghe và thổn thức. Nhánh thông kia, chị Mỹ đã hái và dạy cho em về cái dáng mềm mại của thông ba lá và dáng cứng hơn của thông hai lá. Hòn đá này, dưới gốc cây rủ, anh Như đã ngồi xuống, vọc nước và nhớ bé Phương. Giọt nước làm mất thế quân bình của ống tre mà anh Quang thích. (Anh ơi, hôm nay nghĩ về giọt nước ấy, em chợt mỉm cười liên tưởng đến những giọt nước nho nhỏ, tế vi - một cử chỉ chăm sóc, một lời nói dịu dàng - đã đảo lộn cuộc đời em). Ngày hôm nay, mỗi lần trở lại đây, em vẫn còn cảm thấy bước chân, ánh mắt và sự hiện diện của bạn bên cạnh em. Mỗi lần nhìn lại cây, hoa, đá, và nước ở đây, em như gặp lại được bạn.

Em bước vào khu vườn. Cổng vào được kiến trúc giống như cổng các ngôi chùa xưa ở Nhật Bản. Em hiểu ngay lời ngụ ý: Vườn là một nơi thiêng liêng để ta thưởng thức với tất cả sự tôn kính. Gỗ và tre làm em cảm ngay cái vẻ đẹp đơn sơ, mộc mạc của thôn dã. Góc bên trái cổng, có trồng vài bụi cây nhỏ trong đó có cây Sacred bamboo nở những hột đỏ cam xinh xắn và tươi vui, hòa với sắc cam đỏ trên đầu các ngọn lá. Cạnh đó có một phiến đá được khoét lỗ thành một cái bát lớn, đón nhận một giọt nước nhỏ xuống từ một ống tre. Em quỳ xuống phiến đá đặt ở trước đó và vốc nước rửa tay, rửa mặt. Em rửa mình và dọn mình trước khi bước vào vườn. Em lắng nghe tiếng động của giọt nước giống như em lắng nghe "tiếng động của một bàn tay" trong công án Thiền. Phải lắng tâm lắm em mới nghe được thông điệp của giọt nước. Bắt đầu là sự im lặng của sự lắng nghe. Cái tôi đã biến đi mất, em trải chỗ trống để đón nhận giọt nước như một người bạn, một người thầy. Em nghe thấy âm thanh của sự trong sáng, tẩy trần những bụi bặm. Em nghe thấy sự liên hoan của giọt nước rơi xuống để trở về với nước. Khi quỳ xuống, em hiểu ý nghĩa của sự khiêm nhường. Em cảm thấy mình nhỏ bé trước vẻ đẹp nhiệm mầu của thiên nhiên. Em hiểu rằng người kiến trúc khu vườn Himeji đã có thiện ý đặt hòn đá ở đây cho em quỳ xuống để nhắc nhở em: hãy tẩy trần để dọn mình, hãy khiêm nhường để học hỏi và hãy lắng nghe giọt nước để chuẩn bị yên lặng lắng nghe khu vườn.

Bước vào trong, ngay giữa khu vườn là một hồ nước hình chữ Tâm. Tâm của khu vườn là một hồ nước mà hồ nước ấy cũng hình chữ Tâm! Em thắc mắc tự hỏi: Tâm ấy như thế nào? Mặt nước bằng phẳng lặng yên không gợn sóng là biểu tượng của cái tâm an tịnh và trong lành. Những đóa hoa súng nở rộ dưới nắng là cái tâm nở hoa thánh thiện. Những chú cá vàng tung tăng trong hồ là những sự sống được nuôi dưỡng bằng cái tâm trong lành ấy.

Nước hồ phát xuất từ một giòng thác chảy từ khe đá cao phía trên. Những tảng đá lớn và cao xếp cạnh nhau tượng trưng cho núi và rặng cây cao trồng um tùm chung quanh đó tượng trưng cho rừng. Sông hồ, núi cao và rừng thẳm đều được gợi nhớ ở đây. Em còn nhớ em buột miệng nói với anh Quang: "Nước tượng trưng cho tình cảm con người. Núi là ý chí và rừng là chiều sâu của tư tưởng. Nước là mẹ, là tình thương nuôi dưỡng. Núi là cha, là sức mạnh và ý chí dẫn đường." Và cũng hôm ấy, không hiểu tại sao, trong đầu em chợt nảy ra một tư tưởng lạ lùng khác: "Nước là tụ điểm, là trung gian tạo sự hòa đồng, đoàn kết. Con người đến với nhau và đoàn kết, hòa hợp với nhau qua

tình cảm, không qua tư tưởng. Đó là lý do tại sao trước giờ chúng ta kêu gọi đoàn kết mà không thành công. Chúng ta kêu gọi đoàn kết trên căn bản cùng chia sẻ một đường hướng suy nghĩ, một đường lối tư tưởng mà quên rằng chất keo gắn bó nhất vẫn là tình cảm và tình thương. Bản chất của tư tưởng, của cây cối, của rừng rậm vẫn là trăm hoa đua nở, trăm loài khác biệt, là đa diện, đa nguyên. Mà đã khác biệt thì khó cảm thông, khó tụ hợp. Bản chất của tình cảm, của nước, sông hồ và biển cả vẫn đơn thuần là một: nước ở đâu cũng là nước, giống nhau. Nước ở đâu rồi cũng chảy về nguồn là biển, là tụ hợp, là hòa đồng. Giống như tình cảm, nước có khả năng thích ứng. Đổ nước vào ly hay vật chứa nào thì nó uốn mình theo hình dạng đó. Đó là đặc tính nhường nhịn, mềm dẻo và thích ứng với người khác của tình cảm. Sự nhường nhịn đó giúp cho sự hòa đồng. Đoàn kết bắt đầu bằng sự tạo tình thân trước, câu chuyện tư tưởng sẽ tiếp nối theo sau. Do đó mà miếng trầu thiện cảm luôn là đầu câu chuyện."

Ở đây, ba chiều kích của vũ trụ được nhắc nhở đến đầy đủ: Mặt bằng phẳng của hồ nước tương phản với chiều cao của núi đá và chiều sâu của rừng cây. Khu vườn này là một tiểu vũ trụ. Em chợt mỉm cười tự nói với mình. Đây là một khu vườn thật là dân chủ, đa diện, đa nguyên, không thiếu một sắc thái nào. Có kim thạch, thảo mộc, thú cầm (chim, cá). Có đất, trời, hồ, "biển", núi và đá. Có loài cây xanh mãi và loài cây thay lá theo mùa màng. Có cây to, cây nhỏ, có lá hoa đủ màu sắc. Có khu vườn "ướt" bên ngoài và khu vườn "sỏi khô" bên trong. Có sự biểu lộ ồn ào trăm cây tươi thắm của sức sống tràn ra bên ngoài của khu vườn ngoài tương phản với sự trống không, bao la, yên lặng của khu vườn trở về nội tâm bên trong - khu vườn sỏi để thiền định trong trà thất. Hình như người kiến trúc khu vườn muốn nhắc nhở cho em về những lực tương phản trong vũ trụ, về hai nguyên lý Âm Dương.

Em lắng nghe những cây thông đen (Black Pine hay Pinus thunbergii) một trong những cây quan trọng nhất trong văn hóa Nhật Bản. Giữa mùa đông lạnh buốt, chúng vẫn kiên gan không rụng lá, không đổi thay. Chúng nói cho em nghe về đức tính can đảm trong nghịch cảnh, về tấm lòng kiên trì sắt son, về sự vĩnh cửu và sự Bất Biến. Em lắng nghe cây phong với những cành trụi lá rủ xuống thướt tha. Chúng nói cho em nghe về mùa màng đổi thay, về lẽ Biến Dịch Vô Thường của mọi vật và sự thích ứng của đời sống với ngoại cảnh.

Chung quanh hồ nước, rừng cây và bãi cỏ đều có lót những viên đá dẫn bước chân em. Không lúc nào em nhìn được toàn thể khu vườn trong một tầm nhìn. Những bụi cây cao thấp, những tấm phên che, núi đá đã khéo léo che đi cảnh vật đằng sau. Em để những viên đá dẫn bước em thư thả, vòng vèo. Và mỗi lần quẹo bước, em lại trầm trồ trước một khám phá mới, một cảnh vật và một sắc thái mới. Ôi những con đường vòng vèo của thiên nhiên. Giống như cuộc đời em với những bước ngoặt nhiệm màu, phải không anh? Đường thẳng

MAI TRUNG TĨNH

NGƯỜI RỪNG

Kỷ niệm một ngày vào rừng lấy cây giang

Chúng đưa ta khỏi ruộng đồng
Lên non tìm mãi vào từng bụi sâu
Em xa rồi, chẳng thấy đâu
Có gần, chẳng nhận ra nhau lúc này
Nhìn anh ghê gớm mặt mày
Tay cầm dao, cúi, luồn cây: Người rừng
Ở đây không vợ, không chồng
Không hơi thở ấm tình thương con người
Chỉ còn xao xác lá rơi
Và âm u bóng núi đồi bủa vây
Chợt nghe chim lạ bên tai
Hoang vu tiền sử là đây khác nào!

Yên Báy 1977

HOÀNG XUÂN SƠN

ĐƯỜNG LẠ NĂM CĂN

Tặng Phán

Đường lạ về Năm Căn
sao tắp hàng thẳng lối
quân ngang bám ruộng cằn
cỏ mê chùm ngọn tối

Lập lòe ánh lửa trơi
thuở lùng con săn sắt
bước lạc xuống đầm dơi
cá trồi lên móng sặc

Đại binh như hùm dữ
than ôi đám muỗi mòng
một trời đi bỉ thử
núi họa hoằn kê lưng.

chỉ có trong trí óc nhà toán học và cuộc đời nào có bao giờ thẳng tắp cho ta đâu. Có những phiến đá to mời gọi em dừng bước và lắng nhìn. Người Nhật gọi chúng là Yaku-ishi hay Stupa. Yaku-ishi được đặt ở những nơi có cảnh nhìn đẹp và stupa được đặt ở những nơi có tầm nhìn bao quát. Em thích phiến đá stupa dưới cây phong bên hồ nước nơi anh Như đã ngồi nhớ đến bé Phương vọc nước. Em ngồi đó, cảm thấy cái yên lành, an tịnh của hồ nước, cái ngọt ngào của tình mẹ dưỡng nuôi. Nước bao giờ cũng gợi nơi em những tình cảm trong mát, xoa dịu và êm đềm. Em thích nhất phiến đá stupa ở biên giới của rừng cây, núi đá và hồ nước. Đứng ở đó, em vừa cảm được cái u thâm mát rượi của rừng cây, cái bền bỉ vững chắc của núi đá và tình thương bao la của nước. Có những lúc trong tuần qua và trước đó, em chơi vơi giữa ranh giới của hạnh phúc và khổ đau. Em luống cuống đi tìm một phiến đá stupa nào đó giữa biên giới của biển động và núi lặng để ngồi xuống và an trú con tim mệt mỏi của em trên đó.

Anh còn nhớ không, cuối vườn, phía bên trái, có một giọt nước làm chuyển động được cả một ống tre dài mà anh Quang rất thích. Nếu giọt nước ở ngoài cổng vườn dạy cho em bài học về sự lắng nghe thì giọt nước này dạy cho em bài học về sự Ảnh hưởng Tế vi. Một giọt nước li ti rơi vào đúng thời điểm nào đó, hoàn cảnh nào đó, đã làm mất thế quân bằng và làm chuyển động ống tre dài. Cái gì trong cuộc sống con người là giọt nước tế vi chuyển động lòng người anh nhỉ? Phải chăng là những hành vi nho nhỏ của Tình Người? Nhân vật tù, Jean Valjean trong chuyện Les Misérables của Victor Hugo chỉ đón nhận lòng nhân ái một lần, đúng vào lúc ông cần nhất, mà đã thay đổi cả con người và cuộc đời của ông thành một người luôn đi hành thiện. Một hành động thương người nho nhỏ, làm đúng lúc, có thể là tia sáng phá tan cả một bầu trời u ám. Anh biết không, giọt nước làm chuyển động ống tre đó, người nông dân Nhật chế ra và gọi là shishi-odoshi để xua đuổi loài hươu và lợn rừng. Giọt nước chảy xuống ống tre cho tới khi ống tre ở vị thế ngang bằng phẳng. Ngay lúc đó, giọt nước kế tiếp sẽ làm mất thế quân bằng này. Ống tre đập xuống phiến đá ở dưới, tạo một âm thanh chát chúa làm giật mình các chú hươu và lợn rừng khiến các chú vụt bỏ chạy. Thế mà em cứ nhất định lý giải nó theo óc thiền ẩn dụ của em. Anh có quyền cười em rồi đấy. Viết đến đây thì em chợt nhớ đến một hình ảnh đẹp tương tự. Ẩn dụ về Cánh bướm từ ngành vật lý. Trên lý thuyết, một cánh bướm nhẹ nghiêng có thể thay đổi thời tiết nơi vòng bên kia của trái đất nếu nó thay đổi áp lực không khí đúng lúc và đúng chỗ. Vài lời nói chọn lựa, nói đúng lúc cũng có thể thay đổi cả một đời người. Trong một hệ thống phức tạp và liên đới, chỉ cần đủn nhẹ đúng hướng là có thể tạo ra những sự thay đổi sâu xa. Vấn đề là biết đủn ở đâu và lúc nào phải không anh?

Sau khi đã lắng tâm an tịnh như mặt phẳng của hồ nước, giữ ý chí vững mạnh như núi và đào sâu rừng thẳm của tư tưởng, em đã được chuẩn bị để bước vào thánh thất của Himeji: trà thất và khu vườn sỏi. Thánh thất được che giấu rất kỹ. Đứng ở vườn ngoài không thấy được nó. Phải tiến sâu vào trong, đi quá rừng cây cao và núi đá mới khám phá thấy nó. Ở đây cảnh tượng tương phản rõ rệt với khu vườn ngoài. Trong khi khu vườn ngoài um tùm, sống động thì ở đây trống trải, đơn sơ vô cùng. Em gọi nó là vườn Vô Vi, nơi để thiền về Vô Vi. Ngồi trong tư thế thiền trong trà thất, em nhìn ra vườn sỏi trắng. Cả một bãi sỏi mênh mông, màu trắng chiếu lấp lánh phản chiếu lại ánh nắng. Những đường cào đều đặn đi theo vòng tròn tượng trưng cho những gợn sóng giữa mặt biển sỏi bao la. Vài tụm đá có rêu gợi nhớ những hòn đảo hoang giữa biển cả. Nhưng em lại liên tưởng đến cái trống không, im lặng của sa mạc trong câu chuyện Hoàng tử Bé của Saint Exupéry. Và em không khỏi dõi tìm giếng nước ngọt ngào ẩn nấp đâu đó dưới những lớp cát nóng bỏng của sa mạc. Cuộc sống là một hành trình phải không anh? Trong cuộc hành trình đó, có những lúc em cần trở về nguồn, trở về với bản ngã chân thật của mình, trở về với giòng suối ngầm giữa sa mạc của im lặng vô vi. Để rồi lúc trở ra, em lại nhập cuộc rất bình thường giữa giòng đời và giòng người. Giống như Trần Mạnh Hảo đã viết trong *Ly Thân*: "Sau này lớn lên, khi có tình yêu, tôi mới hay rằng trong hành trình trần thế, con người ta luôn luôn được đi bằng đôi chân của người nào đó như là mẹ ta, bạn bè ta hay người con gái ta yêu." Em thì xin thêm vào đôi chân của cha em, Hoàng tử Bé và hình bóng em yêu.

Himeji là tên một thành phố cổ bên Nhật, 650 cây số phía Tây của Tokyo và cách Adelaide 8050 cây. Ngày 19 tháng Tư 1982, thành phố Himeji kết nghĩa chị em với thành phố Adelaide. Hiện nay Himeji có hơn 450,000 dân cư và là một hải cảng quan trọng, một trung tâm kỹ nghệ và đại bản doanh của hãng sản xuất sắt Nissan.

Vườn Himeji là món quà kết nghĩa của thành phố này tặng Adelaide. Himeji đã tặng Adelaide một phần của di sản văn hóa Nhật. Đây là một món quà tuyệt vời, sâu sắc, mang nhiều ý nghĩa. Bóc lớp này ra lại khám phá ý nghĩa của lớp khác và cứ như thế đi tới vô cùng vô tận trong khu vườn sỏi Vô Vi. Giống như bộ búp bê Nhật Bản bằng gỗ mà em có hồi nhỏ. Mở búp bê ra thì thấy một con búp bê khác ở trong. Mở con búp bê thứ nhì ra thì thấy một con nhỏ khác nữa ở trong. Và cứ thế cho tới khi có đủ năm con. Em cũng muốn tặng anh một khu vườn Himeji. Mong rằng tình bạn chúng ta sâu xa, nhiều lớp, mở cho anh một chân trời tâm thức mới và xoa dịu hành trình trần thế của anh với những giọt nước tế vi của tình thương trong lành.

*

Ghi chú của Tòa soạn: Hiện nay có hai văn hữu cộng tác với *Thế Kỷ 21* có tên Đỗ Quyên, một ở Đức, một ở Úc. Để phân biệt, từ nay Tòa soạn xin mạn phép ghi thêm tên nước cư ngụ sau tên tác giả.

30 NĂM CÓ LẠI MỘT LẦN...

Bài và hình LÊ TAM CA

Trong cuộc họp mặt thân mật vào buổi tối Chủ Nhật 9 tháng Bẩy, tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt, ít nhất ba thế hệ đã ngồi bên nhau. Hình trên, từ trái qua: Phạm Duy, Đinh Thạch Bích, Nguyễn Văn Thái, Trần Ngọc Ninh, Nguyễn Gia Quỳnh, Phương Lan, và Trần Đình Quân. Đứng sau Phạm Duy, áo hoa, là Nguyễn Quyết Thắng đến từ Hòa Lan (cùng vợ là Nguyễn Thị Chiến, một du ca viên, và con gái Cung Mi, cũng thích hát cộng đồng như bố mẹ).

Cách đây 30 năm, Nguyễn Đức Quang đã viết một bài hát trong đó có câu "*Ta ngồi quanh đây, trán in vết nhăn...*" Lúc đó, anh mới 20 tuổi. Anh, và tuổi trẻ Việt Nam cùng trang lứa, đã "trầm tư," đã "nhận thức" thực trạng đất nước, và đặt "những vấn đề..."

Nguyễn Đức Quang, 1965, là Trưởng Xưởng Du Ca — nói theo ngôn ngữ hôm nay, anh là *production manager*, giám đốc sản xuất — của một tổ chức thanh niên dùng bài ca và tiếng hát để diễn tả tâm trạng con người sống trong một khí hậu chiến tranh, để kích thích tuổi trẻ suy nghĩ về thân phận con người và đất nước Việt Nam trong "mắt bão" của những tranh chấp quốc tế.

Tổ chức đó là Phong Trào Du Ca Việt Nam, do một nhóm người trẻ hoạt động trong các môi trường thanh niên, giáo dục và xã hội — như Hoàng Ngọc Tuệ, Trần Văn Ngô, Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Thanh (tức Thanh Hùng)... — lập ra, bên cạnh một số tổ chức khác như Phong Trào Học Đường Phục Vụ Xã Hội, Đoàn Thanh Niên Tương Trợ Học Sinh Nạn Nhân Chiến Tranh, Tổng Hội Sinh Viên, v.v...

Phong Trào Du Ca lan rộng khắp nơi trong nước, với những toán Du Ca ở các tỉnh: Trần Đình Quân ở Đà Nẵng, Nguyễn Quyết Thắng ở Ban Mê Thuột, Nguyễn Thiện Cơ ở An Giang...

Những ca khúc do các nhạc sĩ trong Phong Trào Du Ca sáng tác, trong đó nhiều bài đã trở thành "cổ điển," vẫn còn được hát ở khắp nơi cho đến hôm nay, không những được tuổi trẻ chấp nhận — vì nói lên được tâm tư, tình cảm và ước vọng của đám đông —, mà còn chinh phục được một số những người trong hàng ngũ lãnh đạo văn hóa của miền Nam, điển hình là bác sĩ Trần Ngọc Ninh. Lúc đó, bác sĩ Ninh làm Tổng Ủy Viên (tức Tổng Trưởng) Giáo Dục, và ông cho thực hiện chương trình *Học Đường Mới*, với năm thí điểm ở Saigon.

Tuy *Học Đường Mới* chỉ tồn tại đúng một niên học, nhưng ảnh hưởng của cuộc "đổi mới" sinh hoạt thanh niên và học đường này rất mạnh, khiến các chính quyền nối tiếp sau đó chấp nhận một định chế mới là *Chương Trình Phát Triển Sinh Hoạt Thanh Niên Học Đường* gọi tắt là CPS.

Các bài *Tâm Ca* của Phạm Duy, các sáng tác của Phong Trào Du Ca (với Nguyễn Đức Quang, Ngô Mạnh Thu, Trầm Tử Thiêng, Nguyễn Hữu Nghĩa, Trần Đình Quân, Bùi Công Thuấn, v.v...),

Đinh Quang Anh Thái đang giới thiệu chương trình cho buổi sinh hoạt "Hát Để Nhớ Đời" tại Garden Grove Community Center, chiều Chủ Nhật 9 tháng Bẩy.

các kỹ thuật sinh hoạt tập thể của Thanh Niên Thiện Chí, Chương Trình Công Tác Hè, đã tạo dáng cho một mẫu sinh hoạt thanh niên, đồng thời gắn bó một số rất đông những người trẻ cùng hoạt động thanh niên trong những năm 1965-66.

Bây giờ là mùa hè 1995. Đúng 30 năm sau, đám "bạn cũ" của một thời sôi nổi đó có dịp gặp lại nhau.

Lần này thì "trán in vết nhăn" thực sự rồi. Và tóc đã hoa râm, nếu chưa rụng hết (như Hoàng Ngọc Tuệ hay Nguyễn Thượng Hiệp!)

Chiều Chủ Nhật mùng 9 tháng Bẩy, hơn 300 người họp mặt ở Garden Grove Community Center, miền Nam California, và cùng hát với nhau suốt ba tiếng đồng hồ, những bài hát cũ và mới.

Có những người hoặc nhóm người cầm đàn lên bục, nhưng hầu như tất cả hơn 300 người đã cùng hát, để cho đúng với danh xưng "hát cộng đồng." Cùng hát, không phải để qua thì giờ hay để thương tiếc vàng son một thuở, mà hát để "nhớ đời."

"Hát Để Nhớ Đời" chính là tên một bài hát của người du ca Trần Đình Quân — người tuy ở xa trung tâm của Phong Trào, nhưng đã gắn bó với và làm khởi sắc các sinh hoạt du ca ở Đà Nẵng suốt một thập niên trước ngày Saigon thất thủ.

Người du ca họ Trần hiện nay không còn viết, không còn hát được nữa, vì chẳng may anh mắc chứng mất trí nhớ. Nhưng cả một thế hệ đã nhớ, và nhiều người nữa sẽ nhớ anh qua những ca khúc trong sáng như bài "Hát Để Nhớ Đời" mà ban Tổ chức đã chọn làm tên của ngày họp mặt, và hơn 300 người đã cùng hát vang với nhau.

Một sáng tác mới của Trần Đình Quân (vào cuối thập niên 80, khi anh vượt biên tới đảo Galang, Nam Dương) đã được Hải Lý (một cựu du ca viên, hiện là ca sĩ nổi tiếng) hát lên, khiến mọi người không nén được ngậm ngùi.

Hơn 300 người có mặt trong buổi chiều "hát để nhớ đời" không phải tất cả đều là "du ca viên," vì có những người rất trẻ, có những người lần đầu tiên nghe nói đến "du ca," có những người chưa từng tham gia các sinh hoạt cộng đồng. Nhưng tất cả đã hát với nhau, và đã biểu lộ sự thích thú trong hình thái sinh hoạt tập thể này.

Vào buổi tối cùng ngày, khoảng 100 người đã họp lại, sống với nhau thêm những giờ phút của tình bạn, của dư vang tuổi trẻ một thời trầm tư, và của ước vọng nối dài "con đường Việt Nam" đi vào tương lai...

Đó là buổi họp mặt, ăn tối và ca hát tại Phòng Sinh Hoạt Người Việt, trên đường Moran, thị xã Westminster. Ở đó, lại xuất hiện những Nguyễn Đức Quang, Trần Đại Lộc linh hoạt, những Bích Ngọc, Trần Lãng Minh, Nga My, Tiếu Diện tươi vui, cùng Thanh Hùng sang sảng ngâm thơ, và Hà Thúc Sinh, Đỗ Anh Tài, Nguyễn Quyết Thắng, Đinh Quang Anh Thái... Lại có cả Phạm Duy, Trần Ngọc Ninh, Nguyễn Văn Thái, Đinh Thạch Bích, Nguyễn Gia Quýnh và Phương Lan...

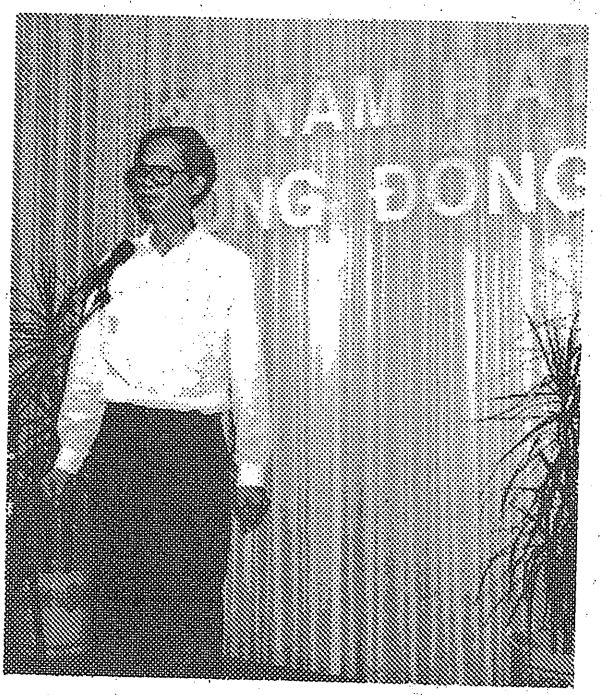

Nguyễn Đức Quang, sau nhiều năm vùi đầu vào... báo bổ, đêm nay lấy lại phong độ của "trưởng xưởng du ca" ngày nào (cách đây mới 30 năm thôi!)

Đó là buổi sinh hoạt mà người "du ca già" Hoàng Ngọc Tuệ được vinh danh sau nửa thế kỷ phục vụ các tổ chức thanh niên và xã hội. Đó cũng là dịp để những khuôn mặt trẻ hôm nay như Hoàng Quốc Khánh (Tổng Hội Sinh Viên Nam Cali), Lê Nguyên Phương (Câu Lạc Bộ Bách Việt), "tiếp cận" với những người... giống mình hôm nay, mà cái thời của họ đã thuộc về ba thập niên trước.■

Vòng chân trời văn học nghệ thuật

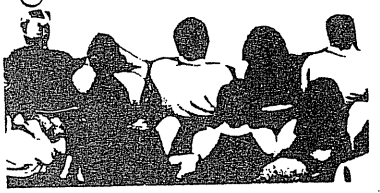

Phạm Xuân Tích ra mắt "Hoa Vàng Cũ" tại quận Cam

Nhà thơ Phạm Xuân Tích, từ Paris sang quận Cam, ra mắt cuốn sách đầu tay của ông, là tuyển tập kịch thơ *Hoa Vàng Cũ*, do nhà xuất bản Thế Kỷ ấn hành.

Buổi ra mắt sách diễn ra tại Phòng Sinh hoạt Người Việt trên đường Moran thị xã Westminster, vào hồi 2 giờ chiều thứ Bảy 17 tháng Sáu 1995.

Tác giả Phạm Xuân Tích ngỏ lời với cử tọa, cho biết ông rất cảm động vì được gặp lại đông đảo thầy xưa, bạn cũ.

Hai vị trong số các thầy xưa của nhà thơ Phạm Xuân Tích đã phát biểu cảm tưởng về tác giả và tác phẩm.

Mở đầu, giáo sư Lưu Trung Khảo, hiện là Chủ tịch Hội Ái hữu cựu Giáo chức Việt Nam tại hải ngoại, nhắc lại một vài kỷ niệm giữa ông và một số học trò thuộc loại đặc biệt của ông ở trường Chu Văn An Sàigòn, trong đó có Phạm Xuân Tích.

Giáo sư Nguyễn Sỹ Tế vốn cũng là một nhà văn và một nhà thơ. Ông phân tích và nhận thấy trong đó chứa đựng một thông điệp. Thông điệp đó là cái thiện, là sự phản tỉnh trong nội tâm con người.

Không khí thân mật của buổi ra mắt sách còn được tô đậm bởi một số màn trình diễn văn nghệ như ngâm thơ, đọc thơ, và hát.

Ông Nguyễn Đình Cường, người điều khiển chương trình, đã cùng hiền thê của ông diễn đọc một đoạn kịch thơ trong cuốn *Hoa Vàng Cũ*.

Ông Cường cũng ngâm một bài thơ ngắn của Phạm Xuân Tích, với tiếng sáo phụ họa của Cao Tôn Khánh.

Buổi ra mắt sách kết thúc bằng một tiệc trà, trong lúc tác giả ký lưu niệm trên sách.

Đây hẳn là một lưu niệm đáng yêu để nhà thơ Phạm Xuân Tích về tới Paris vẫn sẽ còn nhớ mãi Cali...

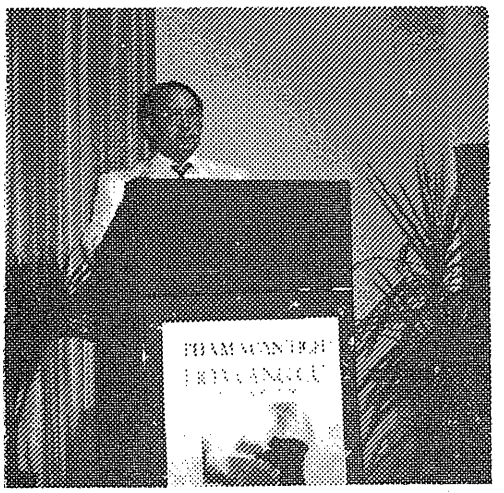

Nhà thơ Phạm Xuân Tích đến từ Paris cám ơn bằng hữu ở quận Cam, trong buổi ra mắt sách "Hoa Vàng Cũ" của ông.

Huỳnh Văn Phú ra mắt sách "Ở Một Nơi Dễ Tìm Thấy Thiên Đường"

Chủ Nhật 25 tháng Sáu, vào lúc 2 giờ chiều, tại Hội Việt Nam Tương Tế, nhà văn Huỳnh Văn Phú ra mắt cuốn sách của ông mang tựa đề *Ở Một Nơi Dễ Tìm Thấy Thiên Đường*.

Hàng trăm khách đã ngồi kín hội trường để theo dõi buổi ra mắt sách. Nhà văn Huỳnh Văn Phú hiện cư ngụ tại miền Đông Hoa Kỳ, và đây là tác phẩm đầu tiên của ông in ở hải ngoại. Ông vốn xuất thân khóa 19 Võ Bị Đà Lạt, và phục vụ binh chủng Thủy quân Lục chiến với cấp bậc thiếu tá, nên trong buổi ra mắt sách của ông có rất đông thân hữu thuộc thành phần cựu quân nhân.

Cựu Trung tướng Lê Nguyên Khang đã nói lời mở đầu cho buổi sinh hoạt văn học đầy thân tình này.

Trong một bài giới thiệu sách, Phạm Xuân Đài đã nhận xét về cuốn sách của Huỳnh Văn Phú như sau:

"Mười hai truyện ngắn, khoảng hơn một nửa là chuyện tình, số còn lại là chuyện trong trại tù cải tạo. Chuyện tình thì mang đủ vẻ muôn thuở của tình, sắc độ từ nhạt đến đậm, nhẹ nhàng phơn phớt, dằn vặt, trớ trêu, ghen tuông, khắc khoải... Nhưng các truyện trong trại cải tạo của Huỳnh Văn Phú thì rất độc đáo. Thì vẫn là cái đói, nỗi tuyệt vọng, những hành vi khác thường của con người trong cảnh sống gần với bản năng v.v... nhưng tác giả đã nâng những cái đó qua khỏi trình độ tự thuật hoặc hồi ký. Đó là điều mong mỏi của người đọc, mong các điều khổ nhục ấy của con người hóa thân thành văn chương để có thể tồn tại một cách chắc chắn và xứng đáng trong lòng người đời. Huỳnh Văn Phú đã đáp ứng được một cách đáng kể điều ước mong ấy."

Ra mắt sách của Nguyễn Thị Ngọc Dung

Tối thứ Sáu, lúc 8 giờ thứ Sáu mùng 7 tháng Bảy, ra mắt sách *Phượng Vẫn Nở Bên Trời Hà Nội* của Nguyễn Thị Ngọc Dung, đồng thời tưởng nhớ cố văn hào Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, tại Hội quán Thùy Dương.

Sau lời chào mừng của nhà văn Viên Linh và nhà báo Vũ Bội Quang Khôi thuộc ban Tổ chức, các tham dự viên được nghe nhạc sĩ Nguyễn Hiền nói về Hà Nội và cuốn sách của Nguyễn Thị Ngọc Dung. Tác giả viết hồi ký về chuyện đời mình, sinh ra và lớn lên ở Hà Nội, di cư vào Nam năm 1954, yêu đương, dang dở, rồi lập gia đình...

Buổi ra mắt sách quy tụ một số cử tọa đông đảo ít thấy ở quận Cam, chứng tỏ tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung đến từ miền Đông đã chinh phục được cảm tình của người miền Tây.

Ra mắt sách "Việt Nam — một số góp ý cho tương lai"

Chiều thứ Bảy mùng 8 tháng Bảy, vào lúc 1 giờ, ra mắt tuyển tập tham luận *Việt Nam — một số góp ý cho tương lai*, do Tổng hội Cựu Sinh viên Quốc gia Hành chánh tổ chức, tại trụ sở Cộng đồng Việt Nam Nam California, số 15361 Brookhurst St., thị xã Westminster.

Nhiếp ảnh gia Ngô Thanh Tùng (bên trái) tiếp các thân hữu và tân khách đến dự khai mạc phòng triển lãm ảnh. Trong ảnh còn có bà Nguyễn Duy Cung và nhiếp ảnh gia Lê Văn Khoa.

Triển lãm ảnh nghệ thuật

Tại Phòng Sinh hoạt Người Việt, số 14901 đường Moran, thị xã Westminster, nhiếp ảnh gia Ngô Thanh Tùng trưng bày loạt ảnh nghệ thuật mang chủ đề *Phụ nữ Việt Nam*.

Sau buổi khai mạc ngày Chủ Nhật 25 tháng Sáu, cuộc triển lãm còn tiếp tục đến hết ngày 9 tháng Bảy 1995.

Cuộc triển lãm ảnh của Ngô Thanh Tùng do Dự Án 20 tổ chức trong khuôn khổ các chương trình sinh hoạt văn hóa kỷ niệm 20 năm người Việt định cư tại Mỹ.

Nhiếp ảnh gia Lê Văn Khoa đã nhận xét về ảnh của Ngô Thanh Tùng như sau:

"Phần lớn ảnh Phụ Nữ Việt Nam của Ngô Thanh Tùng rất tĩnh, nhưng có ảnh của ông thoạt trông rất tĩnh, lại rất động. Đó là thứ động ngầm. Tôi muốn nói đến tác phẩm *Ngóng Ai*. Một cô gái đứng quay lưng lại người xem ảnh bên cạnh một cây khô trong bóng đêm, những điểm này cho ta thấy sự việc đã qua, đã mất, chết chóc và đen tối. Cùng lúc đó những đợt sương mù thành mây trong thế biến hình thật động, gợi ý cho tâm tư động mãnh liệt của người mẫu — cái mà ta không thấy được, nhưng cảm được. Cái động ngầm, kín đáo lan ra và đập vào người xem tạo sự chấn động mạnh, mạnh hơn cái động bắt gặp ngay."

Triển lãm tranh của năm họa sĩ trẻ gốc Việt ở Los Angeles

Vào lúc 12 giờ trưa thứ Bảy mùng 8 tháng Bảy 1995, cuộc triển lãm tranh và tượng của năm họa sĩ trẻ gốc Việt đã khai mạc.

Hàng trăm khách thưởng ngoạn Việt và Mỹ đã đến xem, dự cuộc tiếp tân, và chuyện trò cùng với các họa sĩ.

Phòng tranh tọa lạc tại số 650 A South đường 21, thành phố Los Angeles, ngay góc xa lộ 5 và xa lộ 10, có tên là La Artcore. Vốn là một nhà kho của một hãng rượu, được sửa sang lại một cách khéo léo, phòng triển lãm mang vẻ phong trần đầy nghệ sĩ tính, nhưng cũng tạo không khí thân mật và thoải mái.

Với những bức tranh sơn dầu hoặc acrylic khổ lớn, nữ họa sĩ Ann Phong thể hiện sự giằng xé nội tâm của một người đứng giữa hai sức hút văn hóa.

Nữ họa sĩ Darlene Nguyễn Ely chiếm một phòng nhỏ trong tận cùng phòng triển lãm. Cô trưng bày những tác phẩm điêu khắc thuộc trường phái ấn tượng, thực hiện bằng nhiều chất liệu độc đáo.

Hoàng Vũ, vừa tốt nghiệp Cao học về mỹ thuật ở đại học Fullerton (CSUF), đang hào hứng với đề tài "rọ trong rọ" — dùng dây kẽm và những phế liệu để tạo thành những tác phẩm mà theo anh, có những nét đẹp độc đáo.

Thy Nguyễn có lẽ là người trẻ nhất trong số năm người trong cuộc triển lãm này. Cô sinh năm 1969 và sang Mỹ từ năm 1975. Cô nói tiếng Anh dễ dàng hơn tiếng Việt, và không có vấn đề trong việc hội nhập nền văn hóa bản địa. Vấn đề của cô chính là những trăn trở của người nghệ sĩ đi tìm

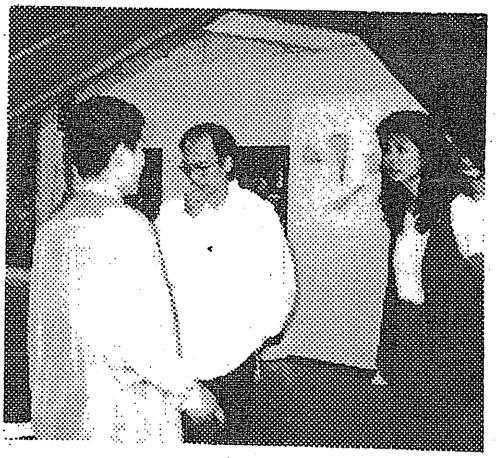

Ba trong số năm họa sĩ có tranh trưng bày tại La Artcore: Thy Nguyễn, Hoàng Vũ và Ann Phong.

Nhạc trưởng Vũ Tôn Bình và Dàn nhạc Thiếu niên Việt Nam tại thính đường đại học Chapman.

cảm hứng để sáng tạo tác phẩm.

Nguyễn Thy cho biết cô có ba tác phẩm điêu khắc, tất cả làm bằng sáp, và đề tài chung là sự kết tinh và hạ sinh, sự giằng co nội tâm giữa ước muốn tái tạo và nhu cầu tự do không bị ràng buộc bởi con cái, cũng là sự đối chọi của yêu và ghét trong đời sống.

Cô không nghĩ rằng phải gọi cô là một họa sĩ người Mỹ, hay một họa sĩ người Việt. Cô là một họa sĩ.

Cuộc triển lãm còn có tranh của Nguyễn Long, với những bức sơn dầu lớn mô tả những bộ phận bên trong thân thể con người, dường như muốn thể hiện ý nghĩa của thành ngữ phơi gan trải ruột. Tranh Nguyễn Long nhiều màu vàng, và chính anh dẫn giải trong tập danh mục rằng anh muốn ghi nhớ nguồn gốc da vàng của anh. Nguyễn Long hiện cư ngụ tại miền Bắc Cali.

Thiếu niên trình tấu nhạc

Tối thứ Bảy mùng 8 tháng Bảy, trình tấu nhạc do Dàn nhạc Hòa tấu Thiếu niên Việt Nam, tại Chapman University, thị xã Orange.

Hai nhạc trưởng Vũ Tôn Bình và Nguyễn Khánh Hồng đã điều khiển dàn nhạc 27 nhạc sĩ trẻ (tuổi từ 13 tới 17) qua một chương trình phong phú, chứng tỏ công phu tập luyện và lòng yêu âm nhạc của cả ban Tổ chức lẫn các em trong dàn nhạc.

Nhiều khách tham dự đã nhận xét rằng buổi trình tấu này thể hiện một bước tiến dài kể từ buổi diễn thử ở Phòng Sinh hoạt Người Việt hồi năm ngoái.

Họp mặt những người hát cộng đồng 30 năm qua

Chiều Chủ Nhật, mùng 9 tháng Bảy, vào lúc 3 giờ, chương trình họp mặt và ca hát mang tên *Hát Để Nhớ Đời*, tại Garden Grove Community Center, thị xã Garden Grove.

Hơn 300 tham dự viên, từ rất nhiều nơi, kể cả những nơi xa như San Jose, Dallas, Virginia, Hòa Lan, vân vân, đã cùng vỗ tay hoặc hát theo với hàng chục nhóm hát cộng đồng, gợi lại không khí sinh hoạt văn nghệ sinh viên từ thập niên 1960 ở Việt Nam.

Buổi tối cùng ngày, khoảng 100 người họp mặt thêm một buổi tại Phòng Sinh hoạt Người Việt trên đường Moran để hát tiếp.

Trong buổi họp tối này, người ta cảm thấy rõ hơn cái không khí cộng đồng trong các bài hát cũng như phong cách trình diễn của

Thi viết kịch truyền thanh

Đài phát thanh Việt Nam California Radio (VNCR) tổ chức cuộc **thi viết kịch bản truyền thanh,** với các chi tiết tổ chức và chấm thi sau đây:

1. **Thời gian:** nhận bài từ ngày ra thông báo này tới hết ngày 30 tháng Chín 1995.

2. **Đề tài:** đời sống gia đình và xã hội người Việt hải ngoại (không đề cao cộng sản và không phạm thuần phong mỹ tục).

3. **Hình thức:** Chỉ cần đối thoại và một vài chỉ dẫn về cảnh trí. Không cần phân cảnh. Kịch ngắn đủ diễn tối thiểu 15 phút, tối đa 60 phút.

4. **Bài dự thi:** mỗi người có thể gửi dự thi một hoặc nhiều kịch bản. Mỗi kịch bản xin gửi ba bản sao (3 copies). Trên kịch bản không ghi tên hoặc bút hiệu. Tên họ, bút hiệu, địa chỉ, điện thoại, xin ghi trên một phiếu rời, gửi kèm bài dự thi.

5. **Giải thưởng:** giải nhất $300.00 và tặng phẩm. Giải nhì $200.00 và tặng phẩm. Giải ba $100.00 và tặng phẩm. Mười hai giải khuyến khích, mỗi giải $20.00 và tặng phẩm.

6. Các **kịch bản trúng giải** sẽ được Ban Kịch Đài VNCR trình diễn trên đài, và in thành tuyển tập. Tác quyền lần đầu thuộc VNCR.

7. **Bảo trợ:** Ban Tổ chức hân hạnh đón nhận sự bảo trợ của các cá nhân và cơ sở. Quý vị bảo trợ có thể gửi cho chúng tôi tiền thưởng hoặc tặng phẩm. Đài VNCR sẽ đọc tên các bảo trợ viên trên đài.

Liên lạc:
VNCR
11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove, CA 92640
Đ.T: (714) 534-9430

Ngày 30 tháng Sáu 1995

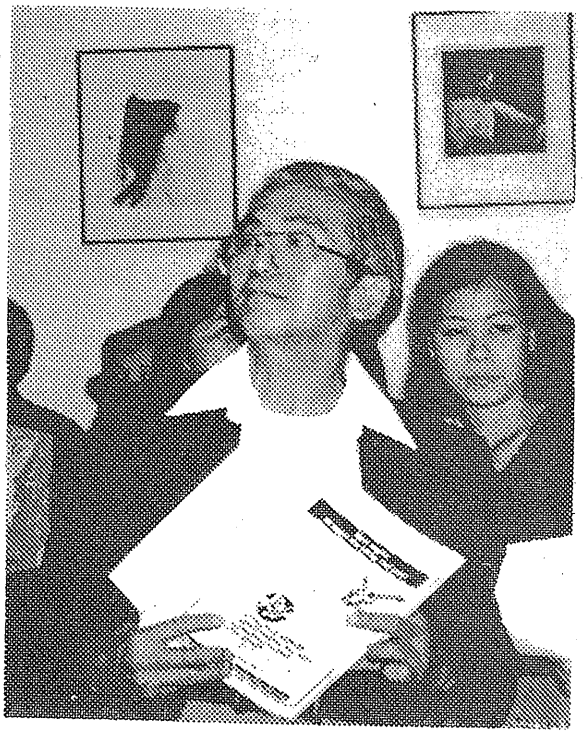

Nguyễn Thanh, tức Thanh Hùng, một "kho tàng" ca ngâm dân nhạc Việt Nam, từ Texas về Cali dự cuộc hội ngộ "30 năm hát cộng đồng."

những người từng là huynh trưởng thanh niên như Nguyễn Đức Quang, Thanh Hùng, Trần Đại Lộc, Hà Thúc Sinh, Trần Lãnh Minh, Nguyễn Quyết Thắng, vân vân... (Đọc thêm ký sự của Lê Tam Ca trong số này).

Ra mắt tuyển tập "Trong Hạnh Phúc Riêng"

Trong Hạnh Phúc Riêng là một tuyển tập truyện ngắn của Mặc Bích và Nguyễn Đình Phùng, đôi uyên ương đến từ Houston, Texas. Chiều ngày 18 tháng Sáu 1995, Nhóm Duyên Văn đã tổ chức ra mắt tuyển tập này tại nhà hàng Việt Nam Palace, Philadelphia.

Hai tác giả Mặc Bích và Nguyễn Đình Phùng từ Texas đến ra mắt sách tại Philadelphia.

Gần 100 thân hữu đã đến dự, trong đó có vị đến từ tận Virginia, New York. Anh Huỳnh Văn Phú của nhóm Duyên Văn, cũng là người có tác phẩm mới in, đã mở đầu buổi ra mắt sách bằng câu thơ vui:

Người ta ra mắt có đôi,
Tôi ra mắt sách mồ côi một mình.

"Đôi" đây là hai đồng tác giả của *Trong Hạnh Phúc Riêng*. Theo Trần Quán Niệm trong phần giới thiệu tác giả, Nguyễn Đình Phùng, người chồng, là một bác sĩ y khoa, một nhạc sĩ, và bây giờ, một nhà văn. Mặc Bích, nội tướng, nhưng không chăm lo các phòng mạch của đức lang quân mà làm chủ bút một lúc hai bán nguyệt san là tờ *Tự Do* và *Đời Sống* tại Texas. Và hẳn là hai người cảm thấy đang ở *trong hạnh phúc riêng* của họ khi cùng nhau xuất bản tuyển tập này.

Sau phần nhận xét về tác phẩm do Hà Kỳ Lam trình bày và phần phỏng vấn các tác giả do bác sĩ Lê Văn Lân thực hiện là chương trình văn nghệ do các thân hữu tại địa phương đảm trách.

"Cái Đình" giới thiệu tập thơ "Trao Tặng Đất Trời"

Ngày 18 tháng Sáu, nhà xuất bản Cái Đình đã giới thiệu đến các bạn yêu thơ tại Hòa Lan tập thơ *Trao Tặng Đất Trời* của thi sĩ Nguyễn Hoàn Nguyên qua buổi ra mắt tổ chức trong vòng thân mật tại Nieuwegein, một thị xã nhỏ tại trung tâm Hòa Lan. Đây là ấn phẩm thứ hai của Cái Đình, sau tuyển tập truyện ngắn *Dòng Sông Sữa Mẹ* của nhà văn Nguyễn Lê Hồng Hưng, ra mắt hồi tháng Chín 1994.

Nguyễn Hoàn Nguyên là một cây bút quen thuộc trong sinh hoạt văn học tại Hòa Lan. Những sáng tác của anh về văn và thơ đã xuất hiện không những trên các tạp chí Việt ngữ tại Hòa Lan, mà còn trên các báo tại Pháp, Đức, Hoa Kỳ và Canada. Tập thơ *Trao Tặng Đất Trời* là một tuyển tập gồm hơn 60 bài thơ đắc ý anh đã viết trong khoảng thời gian 20 năm qua, từ những ngày lao đao trong một quê hương vừa đổi chủ, qua thời gian lưu lạc tại Hòa Lan, để từ đó kết thành những suy tư cho cuộc đời và thân phận con người.

Hơn 50 người đã tham dự buổi ra mắt tập thơ, trong một chương trình văn nghệ bỏ túi có chủ đề "thơ và nhạc." Đặc biệt nhạc sĩ Võ Đức Tiến và thi sĩ Cao Xuân Tứ đã trình bày một số sáng tác mới của hai anh.

Mai Trung Tĩnh đến đất tự do và được tặng giải Free Expression 1995

Thi sĩ Mai Trung Tĩnh cùng vợ và hai con trai đã từ Việt Nam đến Baltimore ngày 7 tháng Sáu 1995. Ông và gia đình sẽ định cư tại thành phố Annapolis, tiểu bang Maryland.

Mai Trung Tĩnh được tặng giải thưởng Tự Do Phát Biểu 1995 (*Free Expression Award*) của tổ chức Human Rights Watch, trụ sở tại New York, theo bản đề nghị của nhà văn Duy Lam vào cuối năm 1994.

Mai Trung Tĩnh tên thật là Nguyễn Thiệu Hùng, sinh năm 1937 tại Hà Nội. Trước năm 1975 ông đã xuất bản hai tập thơ *Vườn Địa Đàng* và *Tập*

Thơ Chọn Lọc cùng thi sĩ Vương Đức Lệ. Ông là một đại úy ngành Tâm lý chiến, phục vụ trong đài Phát thanh Quân đội. Ông đã bị đi cải tạo từ 1975 đến 1982. Ra khỏi tù, đã hợp tác với giáo sư Đoàn Viết Hoạt cùng một số trí thức văn nghệ sĩ thực hiện tờ *Diễn Đàn Tự Do*. Ông lại bị bắt và bị xử bốn năm tù. Được thả lần thứ hai vào tháng Tám 1994, ông đã bị bệnh đau tim, sưng gan và mất một bên mắt.

Hiện nay có thể liên lạc với thi sĩ Mai Trung Tĩnh qua địa chỉ:

Nguyễn Thiệu Hùng, c/o Hiền Văn Nguyễn, 450 Captains Cir, Apt 204 Annapolis, MD 21401, USA. Tel: (410) 267-7861.

Sau hai tuần "cất tiếng," đài phát thanh VNCR (Vietnam California Radio) mở tiếp tân khai trương tại trụ sở của đài ở Garden Grove.

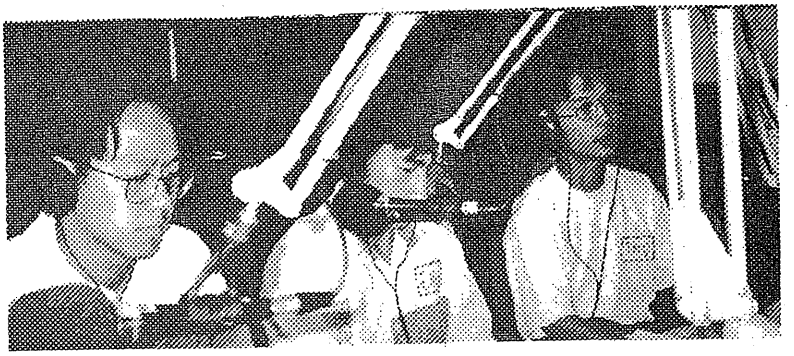

Các bạn trẻ trong nhóm sinh viên Golden West College hội thoại trên làn sóng đài VNCR 106.3 FM.

Tiếp tân khai trương đài phát thanh VNCR

Ngày 21 tháng Sáu, đài phát thanh Việt ngữ VNCR (Vietnam California Radio) mở tiếp tân chính thức khai trương, sau khi đã phát thanh hai tuần.

Mặc dầu trong vùng quận Cam đã có một số đài phát thanh Việt ngữ, nhưng với số dân gốc Việt lên đến gần 200 ngàn, vùng này vẫn có nhu cầu được đọc báo và nghe đài. Đài VNCR do Vũ Ánh (cựu biên tập viên đài phát thanh Saigon) làm giám đốc chương trình, và Lê Đình Điểu (cựu phóng viên Việt tấn Xã) làm giám đốc điều hành, có sự cộng tác của nhiều biên tập viên và xướng ngôn viên như Hồng Đào, Hồng Nga, Quỳnh Giao, Trần Đại Lộc, Đinh Quang Anh Thái, Hoàng Trọng Thụy, v.v...

Ngay trong những ngày đầu, đài VNCR đã mở những cuộc phỏng vấn với rất nhiều văn hữu và thân hữu ở khắp nơi trên thế giới, để cung ứng cho thính giả miền Nam Cali những tin tức và nhận định "sốt dẻo" nhất. Từ Pháp có Từ Nguyên, Trần Thanh Hiệp, Vương Văn Bắc; từ Úc có Trần Như Hùng, từ Canada có Tôn Thất Thiện, Nguyễn Hữu Chung; từ miền Đông có Trương Anh Thụy, Nguyễn Mạnh Hùng, Ngô Vương Toại, Nguyễn Ngọc Bích, Nguyễn Quốc Quân; từ Chicago có Nguyễn Hà; từ Boston có Nguyễn Trọng Khôi; từ Bắc Cali có Nguyễn Diên; từ Seattle có Trần Mộng Tú, v.v...

Triển lãm tranh "20 năm lưu vong"

Tại Boca Raton, tiểu bang Florida, đầu tháng năm vừa qua, có cuộc triển lãm tranh của tám họa sĩ Việt Nam thuộc nhiều lớp tuổi và nhiều trường phái khác nhau.

Các họa sĩ Hương, Nguyên Khai, Hồ Thành Đức, Bé Ký, Đinh Cường, Nguyễn Lê Hà, Dương Phước Luyến và Darlene Nguyễn Ely đã bày tranh trong gallery của Glenn Ryals.

Cuộc triển lãm được đông đảo khách thưởng ngoạn tới xem, nhất là đúng vào dịp 20 năm người Việt lưu vong khắp mặt địa cầu sau khi Cộng sản Việt Nam lấn chiếm miền Nam.

Ngoài việc một số tranh được người yêu tranh mua với giá cao, sự thành công của cuộc triển lãm còn được ghi dấu qua các bản tin và bài bình luận của rất nhiều báo Việt và Mỹ, các đài phát thanh và truyền hình.

Các buổi đọc thơ song ngữ Anh Việt của Trần Thiện Hiệp tại vùng Tây Bắc

Nhằm đưa tiếng thơ mang tâm thức lưu vong của mình đến với người Mỹ yêu thi ca, nhà thơ Trần Thiện Hiệp trong mấy tháng qua đã liên tiếp tổ chức các buổi đọc thơ song ngữ Anh Việt: tại Lake Hills Library, thành phố Bellevue ngày 19/4/95; The Winglude Asian Museum và Seattle Public Library tại Northwest Asian American Theatre ngày 1/5/95; và mới đây, đêm 1/7/95, do The Elliot Bay Company tổ chức. Chương trình các buổi diễn ngâm có chủ đề "Trần Thiện Hiệp: 20 năm thơ lưu vong" (Tran Thien Hiep: 20 years of Poetry in Exile).

Phần đọc những bài thơ chuyển sang Anh ngữ

do chính tác giả trình bày cùng ái nữ Trần Thiện Xuân Trang và cô Stacey Whitis, một người bạn Mỹ. Phần thơ Việt do tác giả đọc cùng Lệ Hiền diễn ngâm. Các bài hát phổ thơ Trần Thiện Hiệp được Hoàng Trọng Minh trình bày.

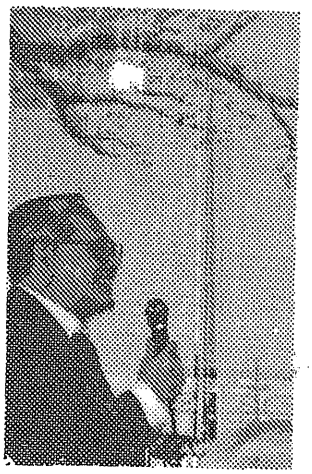

BS Lê Văn Lân

Chương trình đọc thơ được cử tọa người Mỹ cũng như Việt, đặc biệt những người trẻ Việt Nam trưởng thành trên đất Mỹ, nhiệt liệt ca ngợi. Công tác văn hóa này là một đóng góp của nhà thơ Trần Thiện Hiệp và bạn hữu ông vào sinh hoạt chung của cộng đồng Việt Nam khắp nơi trong năm 1995, nhằm trình bày với người bản xứ về những nỗ lực đóng góp của chúng ta trên mọi mặt trong 20 năm qua trên đất nước này.

Triển Lãm họa phẩm của Minh Hằng và Phạm Cơ tại Philadelphia

Lúc hai giờ chiều ngày 8 tháng Bảy 1995, triển lãm tranh của hai họa sĩ Minh Hằng và Phạm Cơ đã khai mạc tại Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Hạnh Mẫn, chùa Bồ Đề, Philadelphia.

Minh Hằng là một họa sĩ trẻ tuổi, thường xuyên sinh hoạt trong cộng đồng Philadelphia. Anh tốt nghiệp bốn năm ngành họa tại Philadelphia College of Art năm 1987. Anh đã có tranh triển lãm tại Hồng Kông năm 15 tuổi. Hiện nay, ngoài tranh sơn dầu và điêu khắc, anh chuyên vẽ chân dung bằng chì than. Tranh của anh thường xuyên được trưng bày tại Wayne Art Center cùng nhiều họa sĩ tên tuổi.

Tranh của Minh Hằng

Phạm Cơ, một họa sĩ lão thành, từng triển lãm tranh và đoạt nhiều giải thưởng ở trong nước trước năm 1975. Ông đảm trách nhiều lớp dạy hội họa tại hội Việt Mỹ ngày trước. Sang Hoa Kỳ, ông sinh hoạt cùng nhóm Duyên Văn tại Philadelphia, và đã tham dự hai cuộc triển lãm tranh.

Sáu mươi bức tranh thuộc đủ thể loại của hai họa sĩ vẽ cảnh đẹp quê hương Việt Nam, chân dung và các đề tài cảm hứng từ sinh hoạt thường nhật trong đời sống tị nạn.

Triển lãm này được hội Phật Giáo Á Mỹ (*Asian American Buddhist Association*) và nhóm Duyên Văn hỗ trợ tổ chức.

Bác sĩ Lê Văn Lân nói chuyện tại Montréal

Lúc 8 giờ tối ngày 2 tháng Bảy 1995, Hội Việt Nam Học và Hội Y sĩ Việt Nam ở Canada đã tổ chức một buổi nói chuyện về một đề tài đặc biệt: **Có ba ngôi làng hoàn toàn có dân Việt Nam ở nhưng nằm trong lãnh thổ Trung Quốc.** Diễn giả là bác sĩ Lê Văn Lân.

Bác sĩ Lân cho biết ông đã "nhận diện" được những người đồng bào này nhờ vào tài liệu chính xác bằng Hoa Văn trong thư viện Đông Phương Gest của Đại Học Princeton. Trong khi tìm tài liệu để biên khảo về tập tục của các nhóm dân thiểu số vùng Hoa Nam gần biên giới Việt Trung, ông đã đọc được những dòng này trong quyển Dân Tộc Tự Điển bằng Hán văn của Thượng Hải xuất bản năm 1987, mà ông dịch như sau:

Kinh tộc — xưa xưng là Việt tộc — là một trong những dân thiểu số của Trung Quốc... chủ yếu nằm rải ra ở các địa khu của những dân tộc tự trị ở vùng duyên hải thuộc Phòng Thành đất Quảng Tây. Theo thống kê 1982, có 11,995 nhân khẩu... Hồi trước là một bộ phận của nòi Lạc Việt... Vào thế kỷ 16 thì họ từ vùng Đồ Sơn của Việt Nam hiện giờ, lục tục di cư đến ở đây.

Nghiên cứu thêm nhiều sách khác, được biết nhóm dân này cư ngụ trên ba đảo nhỏ là Ô Vĩ, Ô Đầu và Sơn Tâm gần Mông Cái, nay đất bồi dính vào đất liền thành bán đảo. Họ vẫn nói tiếng Kinh (hay Việt), có văn tự gốc là *chữ nôm*, nhưng từ lâu họ cũng nói tiếng địa phương Quảng Châu và dùng Hán văn.

Về phong tục và sinh hoạt, họ ăn trầu và nhuộm răng, đội nón lá, khi có lễ lạc thì mặc áo dài có hai vạt trước sau đối nhau. Thức ăn thì cơm là chính, họ dùng nước mắm, bánh tráng (bánh đa)... Trai gái cùng họ và anh em cô cậu cấm lấy nhau...

Thật là một khám phá thú vị. Bất cứ người Việt Nam nào cũng dễ dàng nhận ra đây là "người mình." Chính vì thế mà bác sĩ Lê Văn Lân gọi họ là "một khúc ruột Việt Nam bị cắt lìa."■

SÁCH BÁO TRONG THÁNG

PHẠM XUÂN ĐÀI
HOÀNG KHỞI PHONG
LÊ TAM CA

Vực Sâu Không Đáy hay là *Im Lặng Hố Thẳm Trên Những Chặng Đường Đời*, triết luận của **Thiện Hỷ**, do Viện Triết Lý Việt Nam và Triết Học Thế Giới xuất bản 1995, bìa do Đinh Cường trình bày. Sách dày 300 trang, giá bán 15 US$. Liên lạc: 424 S. Ramona Av. Monterey Park, CA 91754 - USA.

Có những cuốn sách được viết vì tác giả cảm hứng từ một cuốn sách khác. Đó là một điều ít khi xảy ra, nhưng đã xảy ra với cuốn Vực **Sâu Không Đáy**, một cuốn sách viết về cuốn *Im Lặng Hố Thẳm* của Phạm Công Thiện. *Im Lặng Hố Thẳm* đã xuất hiện ở Việt Nam cách đây gần ba mươi năm nhưng đã cứ theo đuổi, vấn vương trong ý thức của tác giả Thiện Hỷ vì một khía cạnh chứa đựng trong đó: vấn đề chiến tranh Việt Nam.

Thiện Hỷ viết **Vực Sâu Không Đáy** không theo lối triết luận của nhà trường. Ông viết linh động thành từng chương ngắn những cảm nghiệm bản thân về nguyên nhân sâu xa có tính cách triết học về cuộc chiến Việt Nam, với cái ám ảnh không rời là sự *im lặng hố thẳm* của Phạm Công Thiện. Tất cả nói lên một tâm hồn không an nghỉ vì những "bi đát" sờ mó được của chính đất nước mình, dân tộc mình, bản thân mình, kéo dài từ lúc cuộc chiến đang xảy ra cho đến bước đường trôi giạt sau khi cuộc chiến chấm dứt.

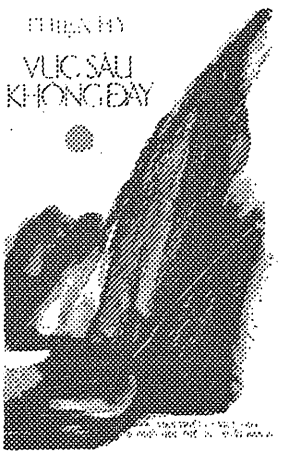

Vực Sâu Không Đáy và Im Lặng Hố Thẳm là chỗ gặp nhau của những con người ưu tư, mang ước vọng lý giải những bất hạnh lớn lao của Việt Nam bằng và trên bình diện tư tưởng. (PXĐ)

Trong Hạnh Phúc Riêng, tuyển tập truyện ngắn, tùy bút và thơ, của hai tác giả **Mặc Bích và Nguyễn Đình Phùng**, Nguồn Ý xuất bản, bìa và phụ bản do họa sĩ Phạm Thông, dày 221 trang, giá 12 mỹ kim. Liên lạc: Nguồn Ý, 2905 Milam Street, Houston, TX 77006, USA. Tel: (713) 524-5652.

Truyện của Mặc Bích là những chuyện kể thiên về phân tích tâm lý, và tất cả gút mắc của các câu chuyện luôn là một "khám phá" pha tính triết lý một cách nhẹ nhàng. Một người đang bị dằn vặt đau khổ mong mỏi sự bình thản của tâm hồn, bỗng *trong tích tắc như một chớp mắt đó, ông chợt hiểu ra. Tất cả những điều đó đến từ trong tâm hồn mình mà thôi. Ông như người vừa tìm lại được một vật quý giá đã bị lạc mất từ lâu.* (Chốn An Bình). Một cô y tá dối bệnh nhân của mình bằng cách vẫn mang cho ông ta những bông hồng vàng nói là của người yêu ông ta gửi tặng (mặc dù người yêu ấy đã bỏ đi xa và đã lấy chồng), với ý thức rằng *hoa hồng vàng giờ đây thuộc về ông Hữu và chỉ riêng ông mà thôi, trong hạnh phúc của ông.* (Trong Hạnh Phúc Riêng). Truyện của Mặc Bích là những cỗ xe để tác giả chuyên chở một số những ý tưởng chủ đề, tuy không có gì mới mẻ hay cao xa, nhưng bắt nguồn từ từng tình huống của cuộc sống đã được tác giả quan sát một cách khá tinh tường, nên rất gần gũi với chúng ta, và có thể cho chúng ta cảm tưởng rằng, những minh triết của cuộc đời thật ra cũng không ở đâu xa xôi, mà nằm ngay trong sự sống hàng ngày.

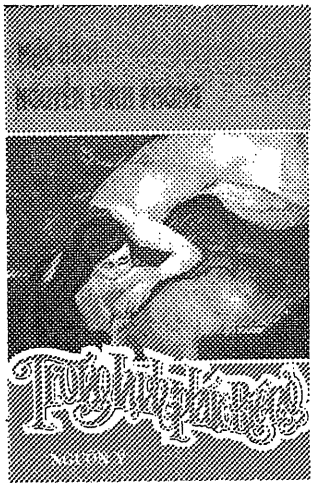

Truyện của Nguyễn Đình Phùng mang một sắc thái khác. Đó là những chuyện ly kỳ, có thể gọi là kinh dị. Thể loại kinh dị hình như đã từ lâu không thấy xuất hiện trong văn học Việt Nam, kể từ thời Thế Lữ, Tchya... Nhưng những cái lạ lùng Nguyễn Đình Phùng mang lại cho người đọc hoàn toàn bắt nguồn từ cuộc sống *ngày hôm nay* của chúng ta chứ không phải tưởng tượng từ nơi hoàn toàn hư ảo. Dĩ nhiên đó là những hư cấu của một trí tưởng tượng phong phú, nhưng mỗi cái quái đản đều có lý do từ cuộc sống thực của người Việt Nam trong mấy chục năm qua: chiến tranh khốc liệt, chết chóc, chia lìa... Nếu Nỗi Buồn Chiến Tranh của Bảo Ninh có kể một số chuyện ma quái có vẻ là chuyện có thực trên dãy Trường Sơn do chết chóc của chiến tranh mang lại, thì truyện của Nguyễn Đình Phùng là một dạng ma quái khác vẫn do cuộc chiến tranh ấy và những phó sản của nó kết tụ nên. Đó là những loại tâm lý bất thường,

những hành động quái gở hầu hết là do sự nghiệt ngã của tình yêu bị phá vỡ một cách tức tưởi gây ra. Phải chăng cực điểm những khổ đau - mà ở đây tình yêu luôn luôn là nạn nhân chính - có khả năng sản sinh ra những loại tâm lý và hành động tương ứng với nó, mà chúng ta xem là khác thường? Phải chăng tác giả đang gắng phanh phui những chuyện tất yếu phải có với một hoàn cảnh bi đát đến thế, nhưng vì nhu cầu sống an lành, hầu hết chúng ta cố gắng làm ra vẻ bình thường và cố ý lờ đi? Nếu thật thế thì những khác thường mà Nguyễn Đình Phùng viết thật ra chỉ là những gì vẫn có nhưng chôn sâu trong tâm khảm mỗi chúng ta, những nạn nhân không ít thì nhiều của thời đại bi đát chúng ta đang sống. Nó chỉ trở thành ly kỳ kinh dị khi được tác giả lôi ra và cho diễn thành kịch trên sân khấu của cuộc đời và của ý thức mà thôi. (PXĐ)

Những con chuột thời thơ ấu, tập truyện của **Hoàng Khởi Phong**, Người Việt xuất bản, Đỗ Quý Toàn đề tựa, Khánh Trường vẽ bìa. Sách gồm sáu truyện và một bài tác giả trả lời phỏng vấn, dày 171 trang, giá $10.00. Liên lạc: Nxb Người Việt, 14891 Moran St. Westminster, CA 92683. Tel: (714) 892-9316. Fax: (714) 894-1381.

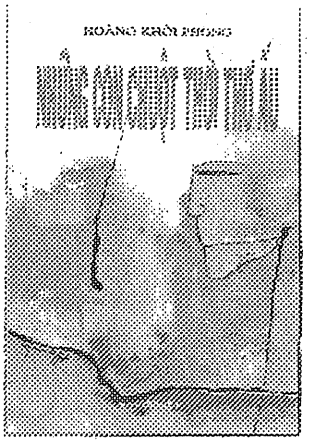

Hoàng Khởi Phong tên thật là Nguyễn Vinh Hiển, là cựu sĩ quan Quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Ông bắt đầu viết từ 1963. Đến Mỹ năm 1975 ông sống bằng nhiều nghề, nhưng luôn luôn tham gia sinh hoạt văn học: làm nhà xuất bản (1977), cùng bạn bè chủ trương tạp chí *Văn Học* (1985), cộng tác với tạp chí *Thế Kỷ 21*, phụ trách trang Văn học Nghệ thuật của nhật báo *Người Việt*...

Đọc truyện của Hoàng Khởi Phong chúng ta dễ đồng ý ngay với Đỗ Quý Toàn trong lời tựa: *"Có lẽ Hoàng Khởi Phong, cũng như tất cả chúng ta, đã được đào luyện trong nền giáo dục và nếp sống thuần hậu của người Việt Nam, từ các lớp Tiểu học. ... Chúng ta đều được tắm gội trong dòng sông phong hóa Việt Nam, nhờ cha mẹ nhờ thầy cô, nhờ các bài luân lý giáo khoa thư, nhờ tiếng hát câu hò, nhờ cả văn chương của những nhóm Nam Phong, nhóm Tự Lực văn Đoàn v.v...Tấm lòng nhân hậu của nhà văn là kết quả của các dòng biến sinh văn hóa thấm nhuần từ tấm bé đó."*

Truyện Cuống Rún chẳng hạn, cho chúng ta thấy giá trị của tình cảm huyết thống gia đình quan trọng như thế nào, nhờ gìn giữ nó mà chúng ta còn có được các phẩm chất tốt đẹp, giống như cậu bé sống trong sự chăm sóc thương yêu của bố cậu, đã lớn lên thành người mà tác giả kể trong truyện. Hoặc lòng thiết tha nhân hậu của một sĩ quan miền Nam đối với người tù binh từ Bắc xâm nhập vào khi nhận ra anh ta là người bạn học tiểu học của mình ngày xưa ở ngoài Bắc (truyện Người Bạn Cũ). Hoàng Khởi Phong khơi dậy hơi ấm của tình người nhưng không hề cường điệu lên gân giảng đạo đức, ông kể lể và phơi mở cái tốt đẹp của lòng người một cách tự nhiên, và người đọc đón nhận những cái tốt lành ấy cũng rất dung dị, như hít thở trở lại bầu không khí thuần phác ngày xưa của dân tộc.

Đặc tính ấy của Hoàng Khởi Phong có lẽ sẽ phù hợp với ước vọng của ông ở phần cuối sách, trong bài phỏng vấn của Nguyễn Mạnh Trinh về cuốn Cây Tùng Trước Bão của ông. Ông ước rằng: *"Nếu có thể được tôi sẽ viết một quyển sách cho tuổi thơ. Hiện giờ tôi thấy ngay tại đây, con trẻ của chúng ta không được chú ý đúng mức. Tôi mong mỏi các nhà giáo cùng ngồi lại với nhau, soạn những quyển sách giáo khoa đặc biệt có thể dùng cho cho các em sinh trưởng bên ngoài đất nước."* (PXĐ)

Ngọn Cỏ Bồng Toàn Tập của Nguyễn Bá Trạc, do tác giả tự xuất bản, 500 trang, giá bán 16 mỹ kim, ngoài Hoa Kỳ thêm 3 mỹ kim cước phí. Địa chỉ liên lạc: Nguyễn Bá Trạc, 1796 Cheney Drive, San Jose, CA 95128. Tel: (408) 275-9787.

Ngọn Cỏ Bồng tập I đã xuất hiện cách đây mười năm. Đó là năm 1985, Nguyễn Bá Trạc đánh dấu mười năm xa nhà bằng một cuốn sách thật lạ lùng. Nó không phải là thơ hay văn thuần túy. Nói chung đó là những bài viết thuộc mọi thể: văn, thơ, thư viết cho bạn, tùy bút, phiếm luận... Mười năm tích lũy tâm tình với bằng hữu, cùng những thao thức, những vấn đề của mỗi cá nhân, đặc biệt là những người thân với ông. Ông viết như giỡn chơi, như thở, như hát, ăn, uống, hút thuốc...

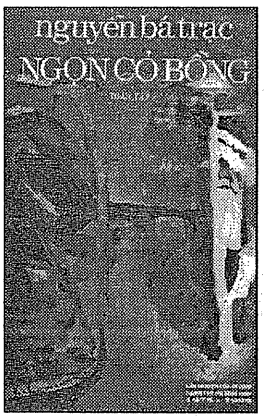

Ngọn Cỏ Bồng Toàn Tập nay có thêm phần hai, nghĩa là mười năm sau, những con người đã sinh động trong Ngọn Cỏ Bồng đó sẽ như thế nào? Trong cuốn sách này độc giả có thể bắt gặp được rất nhiều các văn nhân nho nhã, cũng như các kỳ nhân dị sĩ trong đời sống tỵ nạn.

Cuốn sách ngoài giá trị văn chương, còn có hiện thực của đời sống. Ông là một nhà văn, nhà thơ có tài. Ông đã vẽ lại cho những người sang sau, và những người sau ông, một xã hội kỳ dị, lạ lùng, nhưng đáng yêu. Ông đã đi đến tận nhiều nơi, đã có mặt tại hầu hết những nơi có cộng đồng Việt

Nam, dù chỉ vài trăm người, cho đến những trại tị nạn vài chục ngàn người. Và bây giờ là lúc ngồi xuống viết. Ngọn Cỏ Bồng Toàn Tập chính là những suy nghĩ đích thực nghiêm chỉnh của một nhà văn có một đời sống như đùa. Đây là một cuốn sách hay, trong một số không nhiều những cuốn sách hay của văn học Việt Nam tại hải ngoại. (HKP)

Nhớ Đất Thương Trời, thơ của **Trần Hồng Châu**, Thế Kỷ xuất bản, bìa và phụ bản do Nguyên Khai, 160 trang, giá $10.00. Liên lạc: Thế Kỷ, 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove, CA 92640, USA. Tel (714) 638-9510.

Trần Hồng Châu là bút hiệu của giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu Khoa trưởng Đại học Văn Khoa Sài Gòn. Tác giả là một người thuộc thế giới trí thức và văn nghệ của Hà Nội thời 1945, 46; của Paris thập niên 50; của miền Nam Việt Nam thập niên 60; của Đại học S. Illinois, Mỹ, từ 1970 đến 74; của Sài Gòn sau 1975, và cuối cùng, của Quận Cam California từ đầu thập niên 90.

Nếu trong môi trường Đại học giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch là một con người khoa bảng và mô phạm, thì trong lãnh vực văn nghệ, Trần Hồng Châu hoàn toàn là người nghệ sĩ. Thơ của ông đầy chất trữ tình, phóng khoáng và mới lạ với một ngôn ngữ phong phú chứa đựng nhiều bất ngờ. Đó là một thế giới sáng tạo không ngừng, trong đó không bao giờ người ta có thể tìm thấy sự sáo mòn. Bản thân tác giả là tổng hợp của khả năng nghệ sĩ sáng tạo với kiến thức uyên thâm về các nền văn nghệ đông tây kim cổ.

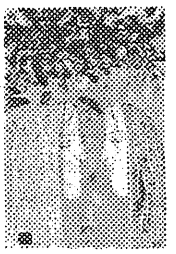

Tập thơ **Nhớ Đất Thương Trời** gồm hai phần: Phần một, *Hạt Cát Biển Đông*, gồm những bài thơ được sáng tác sau 1985; phần hai, *Hành Trình*, gồm những bài được sáng tác trước 1985. Sự phân chia mốc thời gian ấy có ý nghĩa gì? Ý riêng của tác giả ra sao, chúng ta khó biết được. Chỉ có được một nhận xét: phần trước 85 nhiều mầu sắc cổ điển, phần sau nhiều vẻ tân kỳ. Cổ điển về cảm hứng, những đề tài gần gũi như *Saigon: Xe Buýt Nội Ngoại Thành, Chiều Đô Thành, Chiều Giác Lâm Chiều Giác Viên, Hương Cảng Tân Thu Tức Sự...*; cổ điển cả về hình thức, chen lẫn với thơ tự do có nhiều lục bát và cả Đường luật bằng chữ Hán. Nhưng thời kỳ sau 85 mang nhiều ý tưởng và ngôn ngữ lạ, hình như tác giả có khuynh hướng đi vào cõi trừu tượng nhiều hơn thời kỳ trước.

Đó chỉ là một nhận xét nhỏ nhất thời, không quan trọng. Điều quan trọng là thơ Trần Hồng Châu luôn luôn làm vang trong lòng người những âm thanh và những rung động mới lạ, có khả năng chữa căn bệnh cằn cỗi và nhàm chán của tâm hồn, căn bệnh mà ngày nay người ta rất dễ mắc phải.(PXĐ)

Em Tháng Chạp, tập truyện ngắn của **Ngọc Thủy**, do Cơ sở Văn hóa Đông Phương xuất bản 1995, 176 trang, giá $10.00. Liên lạc: Dong Phuong Foundation, PO Box 46596 Seatle, Wa 98146, USA.

Ngọc Thủy là cây bút nữ mà theo nhà xuất bản, mới xuất hiện cách đây vài năm, bắt đầu thành công với những truyện ngắn tình cảm của mình. Em Tháng Chạp là tác phẩm thứ nhì của bà được xuất bản trong vòng hai năm nay.

Truyện của Ngọc Thủy hầu hết là chuyện tình, dù là tình của người vợ chung thủy vật lộn với cuộc sống để nuôi con và thăm nuôi chồng trong trại cải tạo (Tình Lỡ), hay của hai kẻ yêu nhau trên đất Mỹ phải qua những pha éo le suýt tan vỡ (Em Tháng Chạp), hay chỉ mới là một thoáng nhẹ rung động của một cô gái vừa mới lớn (Mơ Xuân). Chuyện tình của Ngọc Thủy thiết tha trong sáng, thường dẫn đến một kết cục đẹp, được kể với một giọng văn trôi chảy, lắm khi có âm điệu lãng mạn hơi xưa cũ.

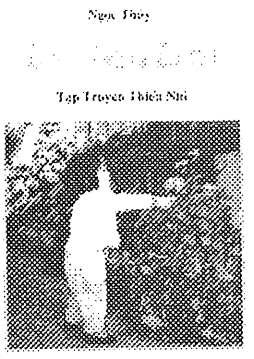

Một cuốn truyện tình mềm mại rất phụ nữ của một cây bút phụ nữ. (PXĐ)

Bé Yêu Đời, tập truyện thiếu nhi của **Ngọc Thủy**, Cơ Sở Văn Hóa Đông Phương xuất bản, 90 trang, giá $5.00. Liên lạc: như cuốn trên.

Về hình thức, tập truyện dành cho thiếu nhi này không khác gì sách dành cho người lớn, nghĩa là thiếu những chăm sóc đặc biệt phù hợp với tuổi thơ, như in chữ lớn cho dễ đọc, vẽ minh họa cho hấp dẫn v.v... Năm trang cuối sách là năm trang

quảng cáo truyện tình cảm, sách chính trị, băng video... Mở đầu sách là một lời nói đầu dành cho... người lớn: "Nghĩ về thế hệ mai sau, viết cho tuổi thơ Việt Nam", một bài nằm trong cuốn sách *của các em*, mà chắc chắn các em không cần đọc. Trong bài ấy, khi nhìn lại phần văn học Việt Nam viết cho trẻ em thời trước 1945, người viết đã tỏ ra rất thiếu sót, vừa hiểu biết không đầy đủ về thời kỳ ấy, vừa tỏ ra thiếu thận trọng. Hãy đọc:

"Ngược dòng lịch sử Việt Nam từ thập niên 30 cho tới bây giờ, các năm chót của thế kỷ 20. Những nhà văn viết về Tuổi Thơ và viết cho Tuổi Thơ, không có bao nhiêu!! So với nhu cầu khổng lồ của tập thể măng non, thế hệ này qua thế hệ khác.

Thời tiền chiến, nhắc đến, vẫn chỉ là Tô Hoài, Thanh Tịnh... viết cho Tuổi Thơ có: "O Chuột", "Dế Mèn Phiêu Lưu Ký", "Quê Mẹ", những tác phẩm để đời trong văn học sử."

Trong đoạn văn chấm câu lung tung ấy, ta được biết rằng thời ấy chỉ có Tô Hoài và Thanh Tịnh viết cho tuổi thơ, và sách cho các em chỉ có ba cuốn được kể ra. Thật ra chỉ có cuốn "Dế Mèn..." là sách nhi đồng thôi, hai cuốn kia không phải. Và số tác giả viết cho tuổi thơ trong thời kỳ này đông đảo hơn nhiều. Sách Hồng và sách Truyền Bá là hai tủ sách trẻ em rất giá trị trước 1945, trong đó có những kiệt tác như Ông Đồ Bể, Cây Tre Trăm Đốt của Khái Hưng, Hạt Ngọc của Thạch Lam, Anh Em Thằng Việt của Lê Văn Trương v.v...

Thiện chí của nhà xuất bản muốn đem lại món ăn tinh thần cho các em rất đáng hoan nghinh, nhưng làm sách cho các em thiết tưởng phải rất thận trọng. Những khinh xuất về cả nội dung lẫn hình thức có thể chỉ đem lại kết quả tiêu cực cho các em.

Về nội dung, tác giả Ngọc Thủy đã viết những truyện ngắn ngắn đề cao tình thương yêu trong gia đình, tình yêu thiên nhiên, yêu thú vật, yêu quê hương và lịch sử Việt Nam..., với một lối văn linh động và trong sáng. Tác giả không kể chuyện cổ tích hay ngụ ngôn cho các em, mà là những chuyện bình thường xảy ra hàng ngày của các em bé, *những chuyện không có chuyện*, thế mà đọc vẫn lôi cuốn. Hãy đọc đoạn tả con voi: *"Chú voi thiệt là cao lớn, đang đi đủng đà đủng đỉnh trong sân bằng bốn cái chân to... ơi là to. Hai cái tai chú giống như hai cái quạt phe phẩy ngộ ghê. Nhưng hay nhất là cái vòi của chú. Bé không biết đó là cái mũi hay cái tay của voi mà thấy voi muốn lấy gì, nó đưa cái vòi dài ra, cuốn lấy thức ăn rồi cong vòi lại bỏ ngay vào mồm, làm Bé cứ đứng mải mê nhìn chú voi xử dụng cái vòi hay quá là hay."* Các em đọc chắc là thích lắm!

Giá được săn sóc kỹ hơn về hình thức, **Bé Yêu Đời** sẽ là món quà tốt cho các em. (PXĐ)

Viên Đạn Cho Người Yêu Dấu và **Rượu Hồng Đã Rót**, hai tập thơ cũ mới tái bản của **Luân Hoán**. Tập đầu ghi xuất bản từ 1970, tái bản 1995; tập sau xuất bản năm 1974, tái bản 1995. Không ghi giá bán, cơ sở xuất bản và địa chỉ liên lạc.

Luân Hoán tên thật là Lê Ngọc Châu, sinh năm 1941 tại Quảng Nam, sĩ quan QLVNCH, bị thương mất bàn chân trái vào năm 1969, hiện cư ngụ tại Montreal, Canada.

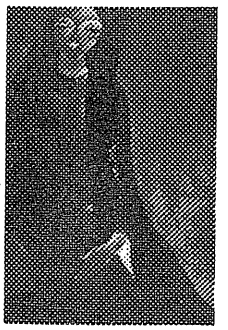
Luân Hoán
Rượu Hồng Đã Rót

Xuất xứ của hai tập thơ này cho chúng ta biết Luân Hoán làm thơ đã lâu trước 1975. **Viên Đạn Cho Người Yêu Dấu** 84 trang, là tập thơ về chiến tranh Việt Nam, làm trước năm 1970. Có thể coi đây là chứng tích tinh thần của một người đã tham dự trực tiếp vào cuộc chiến, từ khi mới nhận giấy gọi nhập ngũ, vào quân trường, cho đến khi dạn dày chiến trận... Mỗi câu thơ như một lá gai sắc cứa vào tâm hồn người đọc. Ngày nay, 25 năm sau khi tập thơ xuất hiện lần đầu, và 20 năm sau khi cuộc chiến chấm dứt, đọc lại càng thấy rõ nỗi đau thương của cuộc chiến, không như một hoài niệm của thời xưa, mà là một nỗi đau còn rất mới.

Rượu Hồng Đã Rót, 140 trang, là thơ tình, thơ về bạn bè, về các thành phố. Không nói về chiến tranh, nhưng tất cả trong tâm cảnh của cuộc chiến. Đôi khi giọng thơ có cái khẩu khí ngang ngang, nhưng vừa phải và thân tình.

Tái bản hai tập thơ này sau mấy chục năm, có lẽ vì tác giả thấy chúng chưa dứt hẳn liên lạc với hơi thở của cuộc sống ngày hôm nay. Người đọc có thể chia sẻ ý nghĩ ấy của tác giả. (PXĐ)

Tự Điển Danh Từ Điện Toán Anh Việt của **Lê Duy Tâm**, do soạn giả tự xuất bản, dày 600 trang, giá US$ 37.00. Sách in ở Canada 1995, không ghi địa chỉ liên lạc.

Lê Duy Tâm là một kỹ sư điện tử hiện sống ở Canada. Trong "Lời Ngỏ" ở đầu sách, ông tâm sự: *"Xung quanh tôi, nhu cầu cần hiểu biết điện toán của người Việt ngày càng bức trách; ngành điện toán thì tiến nhanh như vũ bão với các ứng dụng trên mọi mặt của đời sống, đi đâu cũng thấy, chỗ nào cũng nghe ... Làm sao giới thiệu cho kịp những tiến bộ rầm rộ ở đây đến mọi giới đồng bào trong và ngoài nước..."* Với ước vọng như thế, ông đã miệt mài làm việc trong ba năm để hoàn thành cuốn tự điển này.

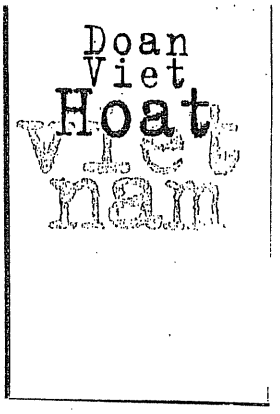

Ông Hoài Tâm Lê Tang Hồ, M.Sc., đã viết về công trình của tác giả trong phần giới thiệu: *"Kết quả sự gắng công của anh là một tác phẩm đã hoàn thành, một cuốn tự điển chuyên ngành điện toán với nội dung phong phú hơn những cuốn đồng loại trên thị trường, đặc biệt là hàng trăm hình vẽ giúp người đọc có ấn tượng cụ thể về các thuật ngữ mới."* (PXĐ)

Trao tặng Đất Trời, thơ của **Nguyễn Hoàn Nguyên**, Cái Đình (Hòa Lan) xuất bản, bìa và phụ bản của Võ Đình, 87 trang, giá bán tại Hoa Kỳ là 12 Mỹ kim kể cả cước phí. Liên lạc: Cái Đình, Den Uylstraat 36, 8015 DZ Zwolle, The Netherlands. Tel: +31 (0)38-4600989.

Nguyễn Hoàn Nguyên tên thật là Nguyễn Thanh Quan, sinh năm 1956, quê tỉnh Bến tre, vượt biên định cư tại Hòa Lan năm 1979. Ông từng là chủ bút tờ Việt Nam Nguyệt San của Cộng Đồng Việt Nam Tị Nạn tại Hòa Lan.

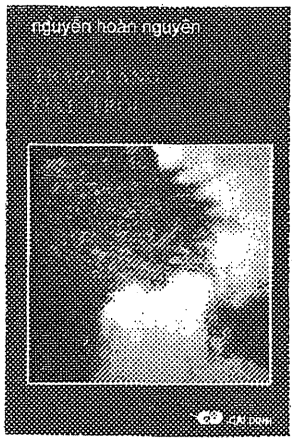

Tập thơ được trình bày trang nhã, bìa rất mỹ thuật, chia làm bốn phần: Chiều Việt Nam, Nắng Hòa Lan, Ông Trời Yêu Dấu, và Trao Tặng Đất Trời. Đọc một số bài, bỗng thấy có một vẻ quen quen bàng bạc đâu đó mà không nhận ra là cái gì, mãi đến trang 86 thấy bài "Làm thơ kính tặng ông Bùi Giáng" thì bỗng nhớ ra, cái quen đó là một chút hơi hướng Bùi Giáng. Không nhiều, thoang thoảng thôi:

Gót em da trắng nên hồng
Lòng tôi bỗng hóa đất chông chênh và
Hóa trời rung khẽ thật thà
Nên hoa tulipe rụng mưa hòa nhã bay

Và rải rác đó đây, những *nước vỗ nên cồn, mưa nguồn, sử lịch...* dễ tạo nên một liên tưởng. Nhưng điều đó không sao, một chút ảnh hưởng của người này trên người khác nếu có thật, có khi lại góp phần tạo nên một bản sắc riêng. Nguyễn Hoàn Nguyên có một bản lãnh thi phú riêng biệt, không tài hoa lắm, nhưng tiếng thơ trầm lắng, nhiều khi khiến người đọc suy nghĩ như vừa bắt gặp một ý tưởng triết học. (PXĐ)

Đoan Viet Hoat Việt Nam: Nhà xuất bản Reporters sans Frontières (Phóng viên không biên cương) tại Pháp, vào cuối tháng Sáu 1995 đã xuất bản một tập sách mỏng bằng tiếng Pháp nhan đề **Đoan Viet Hoat Viet Nam.**

Trong 40 trang sách, nhà xuất bản trình bày bản dịch tiếng Pháp của một số bài viết và thơ của ông Đoàn Viết Hoạt, mở đầu bằng một chứng từ của bà Trần Thị Thức, vợ của ông Hoạt.

Trong lời mở đầu, nhà xuất bản viết:

Trừ phi nhà cầm quyền VNCS thay đổi quyết định, thì mãi đến năm 2005 ông Đoàn Viết Hoạt mới ra khỏi tù, và tiếp tục bị quản chế tại gia thêm năm năm sau đó.

Như vậy, ở tuổi 63 vào lúc đó, ông đã trải qua gần nửa cuộc đời trong các nhà tù cộng sản.

Đó là cái giá ông phải trả cho niềm tin của ông. Ông tin vào những giá trị dân chủ và muốn đưa niềm tin đó vào đời sống dân tộc Việt Nam.

Cũng cần nhắc lại, nhiều bài báo của Đoàn Viết Hoạt đã được dịch sang tiếng Anh và xuất bản thành sách ở Mỹ.

Các bản in tiếng Việt, tiếng Anh và tiếng Pháp các bài viết của ông Hoạt xuất hiện ở hải ngoại, như vậy, đã thể hiện phần nào ước nguyện của người tù lương tâm Đoàn Viết Hoạt, là một "diễn đàn tự do".

Cộng sản muốn ngăn chặn tiếng nói của "Diễn đàn tự do" ở trong nước. Nhưng cả thế giới đã được nghe diễn đàn này của Đoàn Viết Hoạt, và âm vang của diễn đàn chắc chắn sẽ vọng về Việt Nam để hòa cùng tiếng nói của 70 triệu người, thúc đẩy cho đất nước được sống trong tự do, dân chủ thực sự. *(LTC)*

*

Tòa soạn xin cám ơn các tác giả và nhà xuất bản đã gửi tặng những tác phẩm sau đây, mà chúng tôi không giới thiệu, vì không phải là sách mới xuất bản:

- **Phía bên kia biển lớn**, tiểu thuyết của Vũ Thị Dạ Thảo, Cơ sở Văn hóa Đông Phương xuất bản năm 1993.
- **Thung lũng hoa vàng**, truyện dài tình cảm của Thương Hoài Thương, CSVHĐP xuất bản 1994.
- **Như giấc mộng hoa vàng**, tập truyện ngắn của Ngọc Thủy, CSVHĐP xuất bản 1993.
- **Trên lưng tình buồn**, tập truyện của Phượng Khánh, CSVHĐP xuất bản 1993.■

ĐẤT NƯỚC HAI MIỀN CÙNG RƯỚC MỸ

Cậu Tám Bolsa

Tạp chí *Thế Kỷ 21* "lên lưới", cậu Tám Bolsa cũng được động viên lên lưới bằng những chuyện tươi vui cho bà con đỡ ngủ gật trong khi đang lo cứu nước giữa cơn dầu sôi lửa bỏng này. Tiếng nước ta gọi là bồi dưỡng thêm chất tươi.

Có độc giả nhận xét báo *Thế Kỷ 21* "cao quá". Tám Bolsa đã được chỉ thị phải nâng cao tiêu chuẩn trí thức của mình lên cho hợp với trình độ độc giả ưu tú của tờ báo, đồng thời vẫn phải tự hạ thấp chính mình xuống cho vừa tầm của... Mợ Tám Bolsa. Đây là một nhiệm vụ lịch sử giữ vững lập trường giai cấp, khó khăn không kém gì nhiệm vụ đón Mỹ cứu nước (sau khi đã đánh Mỹ cứu nước) của đảng ta. Khó khăn thì khó khăn nhưng cậu Tám không sờn lòng. Đâu cần Tám Bolsa có, đâu khó có Tám Bolsa, sông có thể cạn núi có thể mòn nhưng.. (đại khái quý vị đã thuộc cả.)

Nhiệm vụ đầu tiên của cậu Tám là nhuận sắc và chú giải toàn bộ thơ văn của Bác. Nếu vì Mỹ nó bang giao gần một tháng rồi mà quý độc giả quên không biết chữ Bác để chỉ về ai thì xin nói rõ hơn, Bác đây chính là Người. (Nhà thơ Trần Dần đã bị đầy đọa khốn khổ một đời chỉ vì quên chữ "Người-viết-hoa" đã giành riêng cho Bác đời đời kính yêu. Vì quên mất nên đem hạ Người xuống để nói về người, không biết rằng Người không còn là người nữa.)

Tại sao có nhiệm vụ lịch sử là hiệu đính và chú giải các tác phẩm của Bác? Bởi vì thơ văn của Bác là thơ văn "tiền bang giao". Đến thời "hậu bang giao" chúng ta phải thay đổi cho phù hợp với bánh xe tiến hóa của lịch sử nhân loại, nếu không sẽ bị bánh xe lịch sử đè chết như thường lệ, dù Hà Nội mới có luật lệ giao thông trở lại.

Vậy chúng ta cần phải hiệu đính thơ văn Bác. Thí dụ câu thơ Bác hô hào: "Tiến lên chiến sĩ đồng bào!" ngày nay phải sửa làm sao? Theo đồng chí Bùi Tín thì bây giờ ông Đỗ Mười sẽ phải hô to:"Tiến lên đón Mỹ! Đồng bào!"

Riêng Cậu Tám Bolsa, người chuyên môn về văn bản học với 30 năm kinh nghiệm nghiên cứu thơ Bác thì việc nhuận sắc chỉ nên thêm bớt chứ không nên thay đổi văn bản. Thí dụ như câu trên chúng ta nên giữ nguyên câu thơ của Bác, rồi ghi thêm một câu nữa, cho nó thành:

"Tiến lên chiến sĩ, đồng bào,
Hai tay đón Mỹ tay nào vui hơn!"

(Tất nhiên tay phải vui hơn, vì tay phải cầm tiền đút túi.) Ngày xưa Bác viết đủ hai câu lục và bát, nhưng vì nhà in cẩu thả nên chỉ in có câu lục, không đủ nghĩa. Khi Bác nói "Tiến lên chiến sĩ đồng bào" chắc chắn Bác muốn nói tiến đi đâu, để làm gì, chứ có bao giờ Bác lại nói trống không? Cho nên chúng ta phải tôn trọng di chúc của Bác, là tiến lên rước Mỹ.

Có những câu thơ của Bác khó hiểu vì Bác dùng tiếng nói của các dân tộc ít người. Thí dụ năm Mậu Thân 1968 có bài thơ chúc tết của Bác:

"Đất nước hai miền cùng
'diệt' Mỹ,
Tiến lên toàn thắng tất về ta."

Câu thơ trên Bác dùng chữ "Riệt" là ngôn ngữ của đồng bào miền núi Tây Nguyên, dân tộc Khờ Ho. Riệt trong tiếng Khờ Ho có nghĩa là "Đón, Rước, một cách long trọng." Ngày nay tra cứu văn bản một cách hoàn chỉnh chúng ta mới hiểu ý Bác là "Đất nước hai miền cùng rước Mỹ."

Trước khi chui ra khỏi lưới cũng xin hỏi thêm ý kiến quý vị ở trong nước về một câu đối còn một chữ chưa chỉnh. Nguyên đồng bào miền Nam đã ra câu đối rằng:

"Gái Củ Chi chỉ cu hỏi củ chi?"

Câu đối trên ra đời sau khi có bản tin của một tờ báo Pháp phản động cho hay các nữ phục vụ viên hướng dẫn du lịch ở địa đạo Củ Chi đã cho giá 100 đô mỗi lần phục vụ riêng từng du khách. Đây rõ ràng là một hành động phá hoại nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa, vì ngay các nữ phục vụ viên ở Câu Lạc Bộ Kim Bình cũng không lạm phát tới độ lên lưới với giá cao như vậy.

Dù sao câu này cũng được nhân dân miền Bắc đối lại:

"Trai Giải phóng phỏng giải
đòi giải phóng!"

Đứng trên lập trường văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa thì vế đối thứ hai chưa hoàn chỉnh. Khi đã bị phỏng rất khó mà đem nó sử dụng trong việc giải phóng. Bị người ta đòi cũng phải chào thua chứ còn dám đòi ai? Điểm này cũng xin để tồn nghi và mong các vị cao minh chỉ bảo.■

Central Valley Medical Clinic

7225-7227 Reseda Blvd., Reseda, California 91335

(818) 708-7227

Bác sĩ NGUYỄN VĂN HƯNG, M.D.

CHUYÊN TRỊ

NỘI THƯƠNG - NGOẠI THƯƠNG

PHỤ NỮ - THAI SẢN

TRẺ EM - NGOÀI DA

QUANG TUYẾN - SIÊU ÂM

NHẬN

MEDI-CAL - MEDICARE
&BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 7PM
Thứ Bảy: 9AM - 3PM
Chủ Nhật: Đóng cửa

SOCIAL ASSISTANCE PROGRAM FOR VIETNAM

SAP-VN

A Helping Hand for Needy People in Vietnam

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM **1995**

- khám bệnh, nhổ răng, phát thuốc miễn phí.
- bảo trợ chi phí phẫu thuật chỉnh hình cho trẻ khuyết tật chi và môi.
- bảo trợ học bổng cho giáo sinh Sư phạm.
- bảo trợ một số lớp tình thương và phổ cập.
- trợ cấp cho một số trẻ mồ côi, khuyết tật.
- tổ chức ủy lạo nạn nhân bão lụt (khi cần thiết).

Kinh phí trợ giúp dự trù: 30.000 - 50.000 USD

XIN CÙNG NHAU GÓP MỘT BÀN TAY NHÂN ÁI!

Muốn nhận bản tin GREEN CROSS hoặc đóng góp, xin quí vị vui lòng liên lạc:

TOGETHER
WE CAN MAKE A DIFFERENCE!

10608 Garden Grove Blvd., Garden Grove, Ca 92643
Phone (714) 537-4877 Fax (714) 379-1216
California Non-profit Corp. #1838385 Federal Tax Exemption #952344006

Phở Cali

* Ngon mà lại rẻ
* Không bột ngọt
* Ngò gai rau quế bốn mùa

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GOC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

Viễn đông
RESTAURANT

Do LÂM QUANG điều hành
Được nổi tiếng trong cộng đồng Việt Nam khắp năm châu với các món ăn thuần tuy miền Bắc:

1. Bún chả "Chợ Đồng Xuân"
2. Chả cá Thăng Long
3. Bún vịt xáo măng
4. Bánh Tôm "Cổ Ngư"
5. Bún Bung
6. Bún Riêu
7. Bún Giả Cầy
8. Bún Thang
9. Bún Mộc
10. Bánh cuốn "Thanh Trì"
11. Bún Ốc
12. Bánh Đúc Đậu Rán
13. Đu đủ Bò khô "Viễn Đông"
14. Miến Gà
15. Miến Lươn
16. Chả Giò

ĐẶC BIỆT:
* CHẢ CÁ THĂNG LONG
* BÚN CHẢ ĐỒNG XUÂN
* BÁNH TÔM CỔ NGƯ

VIỄN ĐÔNG I
9684 Westminster,
Garden Grove, CA 92644
(714) 539-4614
8:30 AM - 8:30 PM

VIỄN ĐÔNG II
1911 E. Garvey # C-D,
Rosemead, CA 91770
(818) 571-6807
9:00 AM - 9:00 PM

NHẬN ĐẶT TIỆC TRÀ - NGHỈ NGÀY THỨ BA

TAXCALI

HÀ DƯƠNG DỰC
Master of Business Administration

HÀ DƯƠNG NGA
Enrolled Agent

- INCOME TAX
- BOOKKEEPING
- BUSINESS CONSULTANT

2619 W. EDINGER, SUITE A2
SANTA ANA, CA 92704
Tel: (714) 662-3149

KC TRAVEL & TOURS

ARC

(KIM CONTINENTAL TRAVEL)

CHUYÊN

- *Bán vé máy bay Quốc nội & Quốc ngoại*
- *Làm Công Hàm Ngoại Giao (chứng chỉ độc thân)*
- *Lo các thủ tục xuất nhập cảnh*

ĐẶC BIỆT ĐƯỜNG BAY
TAM GIÁC VÀNG PHÁP, ÚC và VN

9842 Bolsa Ave., # 200A
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 839-9468
Fax: (714) 839-4283

tìm đọc tạp chí

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ
PHÁT HÀNH MỖI ĐẦU THÁNG

- ☑ phát hành liên tục từ 1985 đến nay
- ☑ *nơi quy tụ nhiều sáng tác và biên khảo giá trị của những nhà văn, nhà thơ và biên khảo hằng được bạn đọc mến mộ*
- ☑ đọc VănHọc để theo sát tình hình sinh hoạt văn học trong nước, hải ngoại và thế giới

Giá mỗi số US$4.00. Dài hạn 1 năm US$42.00 (Hoa Kỳ). Từ tháng 3 cho đến hết tháng 6, 1995, mua dài hạn được ba nhà xuất bản Văn Nghệ, An Tiêm và Thanh Văn tặng sách và bán sách với giá hạ (bớt 30%).

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC
VĂN HỌC, P.O. BOX 1359, GARDEN GROVE
CA 92642-1359 — PHONE (714) 894-8535

ADVANCE BUSINESS COPIERS

COPY FAX
LASER PRINTERS
TONER CATRIDGES
FREE IN-SHOP ESTIMATE

BÁN & SỬA CHỮA
THUÊ & LEASE
HỢP ĐỒNG BẢO TRÌ
NHẬN ĐẾN MỌI NƠI
ORANGE-LOS ANGELES-RIVERSIDE-SOUTH BAY
ĐẶC BIỆT : $39.95 & UP
REMANUFACTURED CATRIDGES WITH EXCHANGE

NHÂN VIÊN VIỆT NAM * NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM
LÀM VIỆC KỸ LƯỠNG & CÓ BẢO ĐẢM TRÊN GIẤY TỜ
15107 MORAN STREET. WESTMINSTER, CA 92683 714-894-2655

1-800-513-COPY

GENERAL DENTISTRY

DR. TO NGOC BUI

Tel. 408-286-8103

640 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95112

Thuh

BEAUTY INSTITUTE

8181 Bolsa Ave., Midway City CA 92655
Tel & Fax (714) 894-9904
BẠCH THU HÀ,
RN, BSN . Cosmetician. Esthetician

DONGNAI PHARMACY

HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products).
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor).

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

Bánh Mì Cali

$1.35/1 Ổ
MUA 2 TẶNG 1

- Bánh mì thịt nguội
- Bánh mì bì
- Bánh mì chả lụa
- Bánh mì thịt nướng
- Bánh mì nem chua
- Bánh mì xíu mại
- Bánh mì gà rô-ti
- Bánh mì cá mòi

Chè Cali
MUA 2 TẶNG 1
Nước cốt dừa khô được nạo và vắt ngay tại chỗ

120 S. HARBOR, SANTA ANA (GÓC HARBOR & FIRST ST., KHU PHỐ CALI)
(714) 531-4556

LISE DIEU TRANG VO
Agent

New York Life Insurance Company
2677 N. Main Street, Suite 700
Santa Ana, CA 92701
Bus: (714) 560-7850 Direct
(714) 560-7800
Fax: (714) 560-7892
Pager Toll Free: 1 (800) 918-1172

NEW YORK LIFE
The Company You Keep

(714) 531-0341

Lê's Florist Boutique

Fresh & Silk Flowers - Gifts - Toys - Wedding
Funeral - Church Decorations - All Occasions

14336 Brookhurst Street - Garden Grove, CA 92643

Hãy tìm đọc cho bằng được

Tạp chí ra mỗi đầu tháng

CUỘC ĐỜI

* TỔNG KẾT THỜI SỰ
* KÝ SỰ * PHIẾM LUẬN
* KIẾN THỨC PHỔ THÔNG

☛ Tờ báo phản ảnh mọi mặt của Cuộc Đời: Vui buồn, mỉa mai, chua xót đau thương, phấn khởi, hạnh phúc, phẫn nộ... của con người trong đời sống

☛ Tờ báo do Khải Sơn chủ trương với sự cộng tác của rất nhiều ký giả và nhà văn chuyên nghiệp.

☛ Đã phát hành đều đặn từ đầu tháng 7 năm 1993

CUỘC ĐỜI

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Bắt đầu từ số: ----------

Tên: ----------

Địa chỉ:----------

Điện thoại: ----------

HOA KỲ
*** 6 tháng : $18.00**
*** 1 năm: $32**

CANADA:
*** 6 tháng: $24.00**
*** 1 năm: $48.00**

Á, Âu, Úc & Phi Châu:
*** 6 tháng: $36.00**
*** 1 năm: $72.00**

Xin gởi chi phiếu hoặc Money Order trong nước Mỹ. Ngoài nước Mỹ (Canada, Úc, Âu, Á, Phi Châu) xin gởi International Money Order, US $ về:

DIỄM LAM LE

10512 Bolsa Avenue # 205, Westminster, CA 92683, USA

Tel: (714) 554- 8064

KHI QUÝ VỊ VÀ GIA ĐÌNH CẦN ĐẾN DỊCH VỤ

NHA KHOA

Xin Nhớ Tới

Bác Sĩ Nha Khoa **PHẠM NGỌC PHƯƠNG LAN, D.D.S.**

Bác Sĩ Nha Khoa **DANIEL TÙNG LÊ, D.D.S.**

Tài liệu Nha Khoa do Bác Sĩ Phương Lan biên soạn mến tặng quý vị ghé thăm văn phòng.

CHUYÊN VỀ:

NHA KHOA TỔNG QUÁT:

- Chữa bệnh nướu răng, răng bị chảy máu, đánh răng trắng, lấy gân máu, nhổ răng, làm răng giả các loại.

NHA KHOA THẨM MỸ:

- Vá răng sứt mẻ, làm khít răng thưa, tẩy trắng răng, làm răng đổi màu thành trắng đẹp, niềng răng.

NHA KHOA NHI ĐỒNG:

- Phòng ngừa sâu răng, chữa răng mọc lệch, săn sóc răng cho trẻ em từ 2 tuổi trở lên.

WESTMINSTER
và các khu lân cận
(714) 893-6768
14044 Magnolia St., # 125
Westminster, CA 92683
(Góc Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Quý vị ở Long Beach xin mời đến
ANAHEIM DENTISTRY
(310) 491-5529
906 E. Anaheim St.,
Long Beach, CA 90813
(Đối diện Phở 79, cạnh Food To Go Sáu Voi)

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy quí khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME VISA MasterCard ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

NGÀN NGƯỜI VUI, VẠN NGƯỜI ĐẾN

VANCO FOODS
SUPERMARKET

MUA TẬN GỐC, BÁN TẬN NGỌN

RẤT NHIỀU QUÀ GIÁ TRỊ DÀNH TẶNG QUÝ KHÁCH HÀNG

ĐỦ MẶT HÀNG TRUNG - NAM - BẮC
CÓ QUẦY BÁN CÁC LOẠI
THỰC PHẨM CHAY

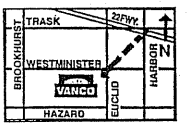

ĐẦY ĐỦ MẶT HÀNG BÁCH HÓA
VÀ GIA DỤNG NHƯ CÁC SIÊU THỊ MỸ
VỚI GIÁ ĐẶC BIỆT.

• CÓ CHIÊN CÁ VÀ HẤP CUA, TÔM NGAY TẠI CHỖ • NHẬN FOOD STAMPS, ĐỔI CHECH WELFARE, SSI MIỄN PHÍ

10932 WESTMINSTER AVE., GARDEN GROVE, CA 92643 - TEL: (714) 530-2999

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 8:30 AM ĐẾN 8:30 PM

BULK RATE
US POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Những dịch vụ thuộc Phòng Thí Nghiệm

CEDARS-SINAI
LABORATORY SERVICES

A Partnership affiliated with
THE DYNACARE HEALTH GROUP INC.

Trung Tâm Y Khoa Cedars-Sinai,
với phòng thí nghiệm tọa lạc trên một khu đất rộng 63,000 sq.ft., với máy móc điện tử tối tân, với các bác sĩ và khoa học gia tên tuổi lừng lẫy thế giới, là nơi quý vị phải tìm đến!

Liên lạc:
Dr. Tin Nguyen,
Canada & US Physician Services, *Coordinator*
115 Midair Court, Brampton, Ontario L6T 5M3, CANADA
Tel 1(800) 668-2714 - (905) 790-3000 - Fax (905) 790-2990

MARKETING REPRESENTATIVES:

Sharon Webb, MT (ASCP)
West San Fernando Valley

Deborah Brandt
Santa Monica, Culver City, Torrance, Inglewood

Saul Stankus
East San Fernando Valley, Orange County

Pete Hayes
Beverly Hills, West Los Angeles, Downtown Los Angeles

Cedars-Sinai Laboratory Services
8711 W. Third Street
Los Angeles, CA 90048
Phone: **(310) 724-6200** □ Fax **(310) 273-3296**